

PHẬT NÓI LUẬN A-TÌ-ĐÀM VỀ SỰ THỂ GIỚI THÀNH LẬP QUYỂN THỨ NHẤT

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh quyển thứ 32, luận tập bộ toàn, kinh văn số 1644
Đời Trần, Tây Ấn-Độ, Tam Tạng Chân Đế: Dịch Phạn- Hán
Sa-môn Thích Như Điển, Phương trượng chùa Viên Giác, Hannover, Đức Quốc: Việt dịch
Hiệu đính xong lần thứ nhất vào ngày 2 tháng 2 năm 2016.

PHẨM THỨ NHẤT: ĐỊA ĐỘNG

Như Phật Bà-Già-Bà và A-la-hán nói.

Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật Thế Tôn ở thành lớn Xá-Vệ, tinh xá Lộc Tử Mẫu của Ưu-bà-di Tì-Xá-Khư, lầu gác Hoa Sen, cùng chúng đại Tì-khuru, tất cả là A-la-hán các lậu đã sạch, đã được lợi mình, sạch các kiết sử hữu, tâm được tự tại, việc làm đã xong, đã bỏ gánh nặng, trí huệ chân chính giải thoát, chỉ trừ A-Nan.

Lúc ấy đại địa chấn động, thời Phú-Lâu-Na Đa-La-Di-Tử ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trệch vai áo phải, gối phải quỳ trên đất, chấp tay cung kính, đảnh lễ chân Phật mà thưa với Phật rằng:

-Thế Tôn! Nhân gì duyên gì mà đại địa chấn động?

Phật bảo Tì-khuru Phú-Lâu-Na:

-Ông nay một tâm lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì ông, phân tích giải thích.

Có hai nhân duyên khiến đại địa động, thế nào là hai? Tì-khuru, địa giới này ở trên thủy giới, thủy giới này ở trên phong giới, phong giới này ở trong hư không.

-Tì-khuru! Có lúc gió lớn thổi động thủy giới, khi thủy giới động liền động địa giới. Vì một nhân duyên này, nên đại địa động.

-Tì-khuru! Lại có chư Thiên thần thông, uy đức lớn, nếu muốn chấn động đại địa liền có thể khiến động. Nếu các Tì-khuru có thần thông lớn và oai đức lớn, quán tướng đất khiến cho nhỏ, tướng của nước khiến cho lớn; muốn khiến cho đất động thì cũng khiến chấn động- gọi là nhân duyên thứ hai nên khiến địa động.

Lúc ấy Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

Thủy giới bị gió động,
Địa động do thủy động,
Là một nhân duyên động
Được nói bởi Thật Danh.
Chư thiên và Tì-khuru
Uy thần lớn động được
Hai nhân duyên động này
Điều Phục Kẻ Ác nói.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn lại bảo Phú-Lâu-Na Đa-La-Ni-Tử: Có gió tên là Tì-Lam-Bà, gió này thường thổi, luôn động không ngừng, lực gió hướng lên cao, có gió thổi xuống, có gió động bên; gió này bình đẳng chuyển vòng tròn giữ nhau, rộng mười hai ức ba nghìn bốn trăm năm mươi do-tuần, chu vi ba mươi sáu ức một vạn ba trăm năm mươi do-tuần. Biên giới phía trên của gió này tức là thủy giới; thủy giới này trên, dưới tròn đều bình đẳng dùng nghỉ an trụ, không có đầy tràn; dày bốn ức tám vạn do-tuần, rộng mười hai ức ba nghìn bốn trăm năm mươi do-tuần, chu vi ba mươi sáu ức một vạn ba trăm năm mươi do-tuần.

Như vậy, Phật Thế Tôn nói: Tì-khuru! Có địa ngục lớn tên là Hắc Âm, bên ngoài mỗi một thế giới đều có, đều không che trùm, trong đó, chúng sinh tự giơ tay lên, mắt không thể thấy. Tuy còn có mặt trời, mặt trăng đủ uy thần lớn, có ánh sáng mà không chiếu sắc của họ.

Phật nói: Địa ngục Hắc Âm như thế trụ ở chỗ nào? Bên ngoài núi Thiết Vi của một cặp thế giới gọi là Giới Ngoại- là địa ngục lạnh: Một tên là Át-Phù-Đà, hai tên là Niết-Phù-Đà, ba tên là A-Ba-Ba, bốn tên là A-Tra-Tra, năm tên A-Ngật-Ngật, sáu tên là Ưu-Khổng-Khổng, sáu tên là Trước-Ba-Lũ, bảy tên là Câu-Vật-Đầu, tám tên là Tô-Kiên-Đà-Cổ, chín tên là Phân-Đà-Lợi, mười tên là Ba-Đầu-Ma.

Phật bảo Phú-Lâu-Na và các Tì-khuru: Như nước Ma-Già-Đà, đo mười bà-ha-ma, một bà-ha là hai mươi khur-lợi, lượng cây gai như thế tụ lại một chỗ. Giả sử có người, tròn một trăm năm, đến trừ đi một cây gai. Tì-khuru! Tụ cây gai như thế còn để hết sạch mà Ta chưa nói cùng tận thọ mạng ở địa ngục Át-Phù-Đà. Tì-khuru! Mười lần địa ngục Át-Phù-Đà là thọ lượng ở địa ngục Niết-Phù-Đà, mười lần ở địa ngục Niết-Phù-Đà là thọ lượng ở địa ngục A-Ba-Ba, cho đến địa ngục Ba-Đầu-Ma cũng lại như vậy.

Tì-khuru! Tì-khuru Cù-Già-Li này đối với Xá-Lợi-Phất, Mục-Kiền-Liên sinh tâm không tin, tâm ác, do tâm này nên rơi vào địa ngục Ba-Đầu-Ma.

Lúc ấy Thế Tôn nói kệ rằng:

Phàm người trong thế gian
Búa từ trong miệng sinh,
Ấy do nói lời ác
Do đó tự chém thân.
Đáng mắng mà tán thán,
Đáng tán thán mà mắng,
Miệng lỗi nên bị suy,
Suy nên không thọ vui.
Nếu tự bỏ mất tài,
Hết vật và tự thân
Người này tội còn nhẹ;
Nếu với Tu-già-đà
Sinh ác, không tâm tin
Tội này nặng hơn kia,
Trăm nghìn Niết-phù-đà,
Án-phù-đà ba ức
Sáu vạn và năm nghìn.
Nếu bài báng thánh nhân
Nói lời ác, tâm ác
Như lượng đọa địa ngục.
Tì-khuru Cù-Già-La
Đọa ngục Ba-đầu-ma,
Vì báng đại Thanh Văn
Xá-Lợi và Mục-Liên.

Ở trong ấy chúng sanh qua lại suy nghĩ giống như ở trong cung(điện)mà bên ngoài bao bọc bằng sắt, chỉ có qua lại. Lượng của thân lớn như át-đà. Nhân chạm xúc gió lạnh, thân ấy nứt phá, ví như thực y, như rừng trúc bị lửa lớn đốt, phát ra âm thanh “tra, tra”. Như thế, chúng sinh bị gió lạnh thấm, xương vỡ bọc phát ra âm thanh “tra tra”, tận xa. Nhân âm thanh này nên biết được nhau.

Có các chúng sinh thọ sinh trong đó, hoặc có lúc lui tới lại gặp sự xúc chạm, nhân vì chạm xúc này nên biết được nhau.

Có những chúng sinh thọ sinh trong đó; lúc bấy giờ chư Phật Thế Tôn xuất hiện nơi đời, lúc ấy ánh sáng lớn vượt quá thần lực lớn của Chư thiên, chiếu khắp trong đó, nhân vì ánh sáng này mới thấy được nhau, họ bèn nghĩ như thế này: “Có các chúng sinh thọ sinh trong đây”.

Nếu có chúng sinh chết ở trong đó, phần nhiều sinh đến địa ngục Hàn Băng ở bên ngoài thiết luân. Nếu thế giới khác có chúng sinh chết mà đến sinh ở địa ngục Hàn Băng, thì phần nhiều sinh ở bên ngoài thiết luân của thế giới ấy. Khoảng giữa hai thế giới, chỗ hẹp nhất là tám vạn do-tuần, phía dưới không có đáy, phía trên không che; chỗ rộng nhất là mười sáu vạn do-tuần.

Lúc bấy giờ, ngài Tịnh Mạng A-Nan, từ trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trệch vai áo phải, gối phải quỳ đất, cung kính chấp tay, đánh lễ chân Phật mà thưa với Phật rằng:

-Thế Tôn! Con từ Thế Tôn nghe lời pháp này, con từ miệng Thế Tôn, nhận giữ nghĩa chân chính này: Quá khứ có Phật tên là Thi-Khí; lúc ấy có đệ tử thần thông lớn thứ nhất, tên là A-Tì-Hống. Tì-khuru này ngồi ở chỗ Phạm Thiên của đệ tứ thiên, dùng ánh sáng một ngón tay chiếu một nghìn thế giới, một âm thanh nói pháp thì một nghìn thế giới đều hiểu nghĩa chân chính.

Thế tôn! Đệ tử của chư Phật, oai thần còn như thế, chư Phật Như Lai thì lượng thế nào?

A-Nan hỏi rồi, thời Phật đáp rằng:

A-Nan! Tì-khuru A-Tì-Hống là địa vị đệ tử, chư Phật Thế Tôn so với chỗ như đây thì không thể suy lường.

Lần thứ hai, Tịnh Mạng A-Nan lại thưa với Phật rằng:

Thế Tôn! Con từ miệng Phật, nghe lời pháp này, con từ Thế Tôn, nhận giữ nghĩa chân chính như vậy: quá khứ có Phật tên là Thi-Khí; lúc ấy có đệ tử thần thông bậc nhất, tên là A-Tì-Hống. Tì-khuru này ngồi ở chỗ Phạm Thiên của đệ tứ thiên, dùng ánh sáng một ngón tay chiếu nghìn thế giới, một âm thanh nói pháp, một nghìn thế giới đều hiểu nghĩa chân chính. Thế Tôn! Đệ tử của chư Phật, oai thần còn thế, chư Phật Như Lai thì lượng lại thế nào?

A-Nan hỏi rồi, thời Phật đáp rằng:

A-Nan! Tì-khuru A-Tì-Hống là địa vị đệ tử, chư Phật Thế Tôn so với chỗ đây thì không thể suy lường.

Cho đến lần thứ ba, cũng đáp như vậy. Lần thứ tư hỏi xong, Phật bảo A-Nan:

Nếu chỗ được một mặt trời, một mặt trăng đi vòng quanh, gọi là một thế giới; từ một đến một nghìn, trong đó có một nghìn mặt trời, một nghìn mặt trăng, một nghìn núi chúa Tu-Di, một nghìn Tứ Đại Thiên Vương, một nghìn Đao-Lợi thiên, một nghìn Dạ-Ma thiên, một nghìn Đâu-Suất thiên, một nghìn Hóa Lạc thiên, một nghìn Tha Hoá Tự Tại thiên, một nghìn Phạm Phụ thiên, một nghìn Phạm Chúng thiên.

Chỗ này, Đại Phạm Vương là chủ một nghìn thế giới, vua thống lĩnh tự tại, không phụ thuộc người khác, biết sự thành tựu của vua, vì được phẩm thượng thượng của Sơ thiên, nên được tự tại. Đại Phạm Thiên Vương trụ ở chỗ này, được gọi là đệ nhất.

A-Nan! Chỗ thống lĩnh của Đại Phạm này có bốn nghìn châu lớn, bốn nghìn cây lớn, bốn nghìn cung rồng lớn, bốn nghìn chỗ ở của vua kim sùý điểu, bảy nghìn sông lớn, chín nghìn núi lớn, tám nghìn rừng lớn, tám nghìn địa ngục lớn, một nghìn địa ngục vua Diêm La, hai nghìn biển lớn, mười sáu nghìn vườn địa ngục – gọi là Tiểu Thiên thế giới. Lại gấp hơn một nghìn lần- gọi là Trung thiên thế giới. Lại gấp hơn một nghìn lần- gọi là Đại thiên thế giới.

A-Nan! Nếu Như Lai muốn chiếu, muốn nói thì Đại Thiên thế giới này, ánh sáng chiếu đầy khắp, lời pháp được nói ra, tất cả đều hiểu.

Nếu lại muốn quá Đại thiên thể giới, thì tùy ý của Như Lai, chúng sinh trong đó, không ai chẳng thấy, chẳng nghe sự phóng ánh sáng, nói pháp.

A-Nan! Nếu Như Lai muốn phóng ánh sáng, nói pháp, ngồi ở chỗ Phạm Thiên cõi trời A-Ca-Ni-Tra, hoặc Đại Thiên, hoặc quá Đại Thiên, ánh sáng chiếu đầy khắp; dùng tám phần âm thanh Phạm, nói cú nghĩa pháp, khắp đều được nhận hiểu.

A-Nan! Ánh sáng và âm thanh nói pháp này của Như Lai, không có chúng sinh nào chẳng thấy, chẳng nghe, lúc ấy, chẳng có chúng sinh nào không đủ căn.

A-Nan! Như Lai trên cõi trời A-Ca-Ni-Tra nói âm thanh này, tuyên danh cú này:

Các người nhận Phật giáo
Khởi cung kính, chính cần,
Quán tu trụ ở giữa,
Ra khỏi nạn ba hữu;
Trừ diệt quân Vua Chết
Như voi phá nhà cỏ.
Nếu trong luật Phật pháp
Trụ nơi không phóng dật,
Người này bỏ sinh tử
Cho đến sạch biển khổ.

Lúc ấy, A-Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trệch vai áo phải, gối phải quỳ đất, chắp tay cung kính, đánh lễ chân Phật mà thưa Phật rằng:

Thế Tôn! Con nay được lợi dưỡng hiếm có, con nay lành được lợi ích hiếm có. Con được Đại Sư đầy đủ thần thông, oai đức rộng lớn.

Lúc ấy, Tịnh Mạng Ưu-Đà-Di ở trong đại chúng, cách Phật không xa, thời Ưu-Đà-Di nói với A-Nan:

- Nếu là Đại Sư của ông thì đủ các thần thông, oai đức, ông thì được gì?

Lúc ấy, Thế Tôn bảo Tì-khuru Ưu-Đà-Di:

- Ông chớ tác ý ngược với tâm của A-Nan. Nếu Ta trước không thọ ký cho A-Nan đời này được quả A-la-hán, thì nhân tín tâm này, quả báo được sinh ra, sẽ quá ba mươi sáu lần, làm vua trời Tha Hóa Tự Tại, cho đến quá ba mươi sáu lần làm chủ cõi trời Đao-Lợi; hưởng gì loại Chuyển Luân Thánh Vương, Sát-Lợi Vương thọ chức quán đánh, cho đến làm vua bốn thiên hạ. Ưu-Đà-Di! Tì-khuru A-Nan, Ta ở quá khứ đã vì thọ ký.

Ta nói, trong cõi Dục, chúng sinh nhiều nhất; sinh trong nước nhiều, sinh trên đất ít. Sinh trên đất thì đường súc sinh nhiều, cõi người lại ít. Trong cõi người thì pháp giới là nhiều, trì giới ít. Trong trì giới, phạm phu nhiều, thánh đệ tử ít. Trong thánh đệ tử, hữu học nhiều, vô học ít. Trong vô học, thời giải thoát nhiều, phi thời giải thoát ít. A-la-hán phi thời giải thoát như vậy, thế gian khó được. Ta thọ ký cho A-Nan ưng được như vậy.

Có các ngoại đạo nói như thế này: “Địa giới lớn này hằng đi không ngừng”. Câu này nên đáp rằng: Sự này không đúng. Nếu thật như vậy thì như người ném trước, vật phải rơi ở sau.

Lại, các ngoại đạo nói như thế này: “Địa giới lớn này hằng đi hướng xuống dưới”. Lời này nên đáp rằng: Sự này không đúng, nếu như vậy thì, như ném hướng lên trên, phải không đến đất.

Lại, các ngoại đạo nói như thế này: “Mặt trời, mặt trăng, sao hằng trụ không di chuyển, đại địa tự chuyển, nghi là trời xoay”. Câu này nên đáp: Sự này không đúng, nếu như vậy thì như bắn không đến nơi.

Lại, các ngoại đạo nói như thế này: “Đại địa hằng trôi nổi, theo gió đến đi”. Nên đáp như vậy: Sự này không đúng; nếu thật như thế thì đại địa đều luôn động, nếu không như thế thì đại địa có tướng nào? Địa trụ bất động.

Nghĩa như vậy, chư Phật Thế Tôn đã nói, tôi nghe như vậy.

PHẨM THỨ HAI: NAM DIÊM-PHÙ-ĐỀ

Phật bảo Tì-khuru: Có cây tên là Diêm-Phù, nhân cây mà lập tên, gọi địa châu này là Diêm-Phù-Đề. Cây này sinh ở biên giới phía Bắc của đất Diêm-Phù-Đề, tại bờ phía Nam của sông Nê-Dân-Đà-La. Gốc rễ của cây này ở chính giữa châu, từ gốc rễ chính giữa, lấy gốc Đông và Nam đều một nghìn do-tuần. Cây này sinh trưởng, đầy đủ hình dung đáng yêu, cành lá chen nhau, lá nhiều che rợp, trụ lâu không rụng rụng, tất cả gió, mưa không thể vào lọt.

Tì-khuru! Ví như người thợ trang sức hoa trên tóc, trang điểm hoa trên tóc, và trang nghiêm trên tai, hình tướng của cây ấy đáng yêu như thế. Ở trên như lọng hoa, thứ lớp phủ nhau, cao trăm do-tuần, thân gốc lớn thẳng đều không có gân đốt. Năm mươi do-tuần mới có cành nhánh. Thân cây thẳng tắp, rộng năm do-tuần, vòng thân mười lăm do-tuần. mỗi một cành mọc ngang ra năm mươi do-tuần, trong khoảng tán xòe một trăm do-tuần, chu vi ba trăm do-tuần. Khi quả chín, thơm ngon không gì sánh, như mật ong tinh tế, vị ngọt không cùng. Vị của quả như thế, quả lớn như cái bồn, hạt lớn nhỏ cũng như hạt Diêm-Phù của thế gian.

Phía trên có hình chim giống như hình đại diện. Hình của mi hầu giống như voi lớn sáu mươi năm tuổi. Hai loại chim và thú này thường ăn quả cây.

Quả phía Đông phần nhiều rơi trên đất Diêm-Phù-Đề, phần ít rụng xuống nước. Quả ở cành phía Tây phần nhiều rụng trên đất Diêm-Phù, phần ít rụng xuống nước; quả ở cành phía Nam đều rụng trên đất Diêm-Phù; quả cành phía Bắc đều rụng xuống sông, bị cá ăn.

Gốc cây trợn được phủ bằng cát vàng, khi đang mưa Xuân mà ở dưới không ẩm thấp, mùa Hạ không nóng, mùa Đông không có gió lạnh. Có Càn-thát-bà và thần Dược-xoa nương ở dưới cây.

Sự như thế làm sao biết?

Xưa ở thành Vương-Xá có hai Tì-khuru đủ lực thần thông, cùng làm bằng hữu; từ miệng Phật, nghe tướng của cây Diêm-Phù như thế, hai Tì-khuru này cùng nhau nói rằng: Chúng tôi sẽ đến xem cây Diêm-Phù, mỗi người đều nói: Tôi đi.

Đi đến chỗ cây, thấy quả cây chín, rơi xuống đất, tự vỡ. Một Tì-khuru từ lỗ núm thọc tay cho đến cánh tay mà ngón tay dài nhất còn chưa đến hạt, bèn rút tay ra. Bị quả nhiễm nên tay và cánh tay đều màu đỏ, giống như bị nhiễm bởi nhựa chiêm-đàn đỏ quý của thế gian.

Mùi hương của quả ấy có thể nhiễm tâm người. Lúc ấy, mũi của Tì-khuru ngửi mùi hương của quả. Tì-khuru thứ hai hỏi rằng: “ Ông muốn ăn không, Trưởng lão?” – “Tôi không muốn ăn”.

Sự này hiếm có, không thể nghĩ bàn, sự lìa kiết sử dục này là rộng lớn nhất, tại sao thế? Nếu ai chưa lìa dục, ngửi mùi hương như thế liền sinh tâm khí, bèn phát điên cuồng. Có người ngoài chưa lìa dục, nếu ngửi hương này sẽ thối thất khỏi địa vị lìa dục. Hai Tì-khuru này trở lại thành Vương Xá nói sự việc như trên.

Thời có một người tên là Trường Hinh, vốn là dòng vua, họ là Câu-lợi-Thị, do quả báo của nghiệp xưa mà được thần thông. Người này có oai thần tướng mạo như vậy, nếu đi trong nước, chân trước chưa chìm, chân sau đã chuyển; nếu đi trên cỏ, cỏ tuy chưa uốn liền chuyển được bước; nếu đi trên lá cây, lá cây chưa trĩu, chân sau đã qua, chỗ giày dép bước đến chẳng bị khó khăn.

Vị Trường Hinh này, nghe được từ Phật, cây Diêm-Phù này như thế, như thế, liền thưa với Phật rằng: Thế Tôn! Con nay nếu đi, đến được cây Diêm-Phù chăng? Đáp rằng: Đến được.

Người này đánh lễ chân Phật, nhiễu phải ba vòng, mặt hướng chính Bắc, bắt đầu đi. Đi qua các núi: Núi thứ nhất tên Tiểu Hắc, núi thứ hai tên Đại Hắc, núi thứ ba tên là Mao Ngưu, núi thứ tư tên Nhật Quang, thứ năm tên Ngân Sơn, thứ sáu tên Hương Thủy, núi thứ bảy tên Kim Biên.

Người này lên đỉnh núi Kim Biên, quay mặt hướng Bắc, rướn thân xa trông, chỉ thấy đen tối, sợ hãi mà quay về.

Phật hỏi: Ông đến cây Diêm-Phù chẳng? Đáp rằng: Không đến. Phật hỏi: Ông thấy được gì? Người ấy đáp rằng: Chỉ thấy đen tối. Phật nói: Sắc đen tối ấy tức là cây Diêm-Phù. Người ấy lại lễ chân Phật, nhiễu phải ba vòng, lại đi về hướng Bắc.

Lại đi qua bảy núi: Thứ nhất tên Châu-La-Ca-La, thứ hai tên Ma-Ha-Ca-La, thứ ba tên Cù Hán, thứ tư tên Thủ-La, thứ năm tên Khê-La, thứ sáu tên Càn-Đà, thứ bảy tên Tu-Bạt-Cơ.

Lại đi qua sáu cõi nước lớn: Nước thứ nhất tên Cựu-Lưu, nước thứ hai tên Cao-Lạp-Bi, nước thứ ba tên Tì-Đề-Ha, nước thứ tư tên Ma-Ha-Tì-Đề-Ha, nước thứ năm tên Tước-Đa-La-Mạn-Đà, nước thứ sáu tên Sa-Cơ-Ma-La-Giả, gọi là sáu cõi nước lớn.

Lại đi qua bảy rừng cây lớn, trong rừng có sông, đi qua bảy sông. Lại đi qua rừng A-Ma-La và rừng Ma-Lê-Lặc cho đến cảnh phía Nam của cây Diêm-Phù. Từ trên cảnh phía Nam đi đến cảnh cây phía Bắc.

Người này cúi xuống thấy tướng nước ở dưới khác với nước thường, cực trong, cực lắng, trong suốt đến đáy, đều không có che chướng.

Người này nhìn rồi, nghĩ như thế này: Thần thông của ta, nay ở chỗ này được thành tựu chẳng? Nhân dẫm chân trên nước, tay vịn cành cây; chân ấy đến nước liền chìm như đá. Ở đây thần thông không thành tựu được.

Làm sao như thế? Nước này cực nhẹ, cực vi tế, nếu dùng nước chỗ khác đổ vào nước này thì nước này nổi trên nước kia như tô như dầu.

Người ấy từ cây Diêm-Phù lấy một quả, trở lại thành Vương-Xá dâng lên Thế Tôn.

Phật nhận quả ấy, chia làm nhiều miếng, đưa cho đại chúng. Nhựa của quả nhiễm nơi tay Phật, lúc ấy Phật dùng tay ấy vỗ vào đá núi, đến nay sắc vẫn đỏ như xưa không khác, độ ẩm cũng không khô đi, dấu tay phân minh. Nhân xưa chia quả làm từng mảnh nên do đó mà gọi đá này là Phiến Phiến Nham.

Lúc ấy, Phật dạy Ưu-Lâu-Tần-Loa Ca-Diếp lấy quả Diêm-Phù-Đề này biếu cho Ca-Diếp: “Ông hãy ăn quả này”.

Ngài Ca-Diếp hỏi Phật: “Sa-Môn Đại Cù-Đàm từ đâu được quả này?”

Phật nói với ngài Ca-Diếp: “Cây ấy gọi là Diêm-Phù, quả này từ cây ấy mà được”.

Ngài Ca-Diếp nói: Con không thể ăn quả này. Sa-môn chỉ lấy thức ăn của mình.

Lúc ấy các thiên thần lại dâng quả Diêm-Phù cúng dường lên Phật, hoặc tại Xá-Vệ, hoặc tại thành Vương-Xá, hoặc tại nước Ca-Tì-La-Vệ, Phật nhận được rồi chia cho đại chúng.

Lại, có Tì-khuru khác ở chỗ Diêm-Phù trở lại cõi này, nói rằng, Tì-khuru Ca-Diếp cũng đã từng đến đó và trở lại đây, lần lượt vì các Tì-khuru mà nói. Do nhân duyên này nên sự việc được biết.

PHẨM THỨ BA: SÁU NƯỚC LỚN

Phía ngoài của cây Diêm-Phù có hai rừng cây, hình như bán nguyệt, bao quanh cây này. Rừng trong tên là Ha-Lê-Lặc, ngoài là A-Ma-Lặc. A-Ma-Lặc có quả, khi quả này chín vị cực ngon, không cay chẳng đắng như mật ong tinh khiết. Hình quả lớn như hai cái đấu, hạt thì như tự tính của hạt A-ma-lặc.

Quả Ha-Lê-Lặc, khi quả này chín, vị cực ngon, không cay, không đắng như mật ong tinh tế. Hình quả lớn nhỏ gấp đôi quả trước, hạt cũng như vậy.

Phía Nam của rừng A-Ma-Lặc lại có bảy rừng, bảy sông xen nhau: Rừng gần phía Bắc nhất tên là Am-La, tiếp đến tên Diêm-Phù, thứ ba tên Bà-La, thứ tư tên Đa-La, thứ năm tên Nhân Lâm, thứ sáu tên Thạch Lựu, thứ bảy tên là Kiếp-Tất-Tha. Quả của các rừng như thế, khi chín, không cay, không đắng như mật ong.

Trong rừng Nhân Lâm này, hình quả giống người; như chủng tộc vua hơn người của cõi Diêm-Phù-Đề, họ Câu-Lê, nếu con trai mười sáu tuổi, con gái mười lăm thì trang nghiêm đầy đủ, hình trạng như làm hôn lễ, quả Nhân Lâm này đáng yêu như thế. Núm của quả ấy mang hình như búi tóc trên đầu người, người chưa lìa đục thấy quả này bèn sinh tâm ái. Các ngoại đạo có người lìa đục, nếu thấy quả này thì thối thất thiên định, tâm đục lại sinh. Khi quả này chín, chỉ có chim tranh nhau ăn; phần chim ăn dư rơi xuống đất, như Thi-Đà lâm, cực đáng chán ghét; những người thối thất tâm thiên định thấy tướng ấy rồi, sinh tâm yếm ly sâu xa, lại được định vốn có.

Hai rừng này rộng năm mươi do-tuần, phía Đông và Tây giáp biển. Mỗi một sông rộng năm mươi do-tuần, hai phía Đông, Tây giáp biển. Rừng và sông lần lượt xen nhau. Sông và rừng chiếm bảy trăm do-tuần của đất Diêm-Phù-Đề.

Trong kiếp Tất-Địa kia, phía Nam của rừng có sáu nước lớn: Nước gần phía Nam nhất tên là Cao-Lưu, tiếp đến tên Câu-Lạp-Bà, thứ ba tên Tỳ-Đề-Ha, thứ tư tên Ma-Ha Tỳ-Đề-Ha, thứ năm tên Tước-Đa-La-Mạn-Đà, nước phía cực Bắc tên là Xả-Hỉ-Ma-La-Da.

Trong sáu nước này, người đều trình lương, giữ mười pháp thiện. Tự không sát sinh, không bảo người khác giết. Cầm thú sắp chết, tự đến chỗ người, đã tự chết rồi, mới dám lấy thịt chúng.

Xứ ấy số mao ngưu (trâu đuôi dài) nhiều nhất, lông và đuôi chúng dùng lợp phòng nhà. Lúa sinh trên đất không cần cày cấy, lúa này thành gạo không có vỏ trấu. Người nước này mài gạo làm cơm, nhưng khí vị của cơm lúa này ngon ngọt như mật ong tinh tế.

Làm sao biết thế?

Quá khứ lâu xa, có Vua xuất gia, Phu nhân cũng được xuất gia, Quốc sư Bà-la-môn cũng theo xuất gia. Xuất gia rồi, mỗi người lìa nhau, vào núi học đạo.

Phu nhân của Vua này có lúc có thủy nguyệt. Khi sạch thủy nguyệt rồi, đi đến chỗ Vua cùng nhau gặp mặt, liền thưa vua rằng: Tôi nay không có thủy nguyệt. Người xưa tôn trọng con nối dõi.

Vua muốn dứt bỏ, không theo ý của Phi, nhưng suy nghĩ sự quan trọng thì lại sợ không thể, bèn cùng hòa hợp để có con đại phúc đức. Hai người đều cùng tạo thai, rồi vua bỏ đi.

Trái qua thời tiết, sau đó bụng lớn dần. Đến thôn lạc nào, các quận huyện cho đến các châu, ai ai cũng mừng đuổi người nữ này: Không có đạo tâm, xuất gia phá giới. Phi nghe lời ấy, sinh tâm hối hận sâu xa.

Lúc bấy giờ Quốc sư đại Bà-la-môn đã thành Tiên nhân, được năm thần thông, tùy một núi mà y chỉ. Lúc ấy Vương phi nghe Bà-la-môn ở núi đó bèn đến tìm. Đã gặp Sư rồi, Sư hỏi Phi rằng: Thai này ai làm? Đáp: Là của Vua.

Lúc ấy Tiên nhân nhớ ân trước của Vua, bèn ở một chỗ khác mà làm một nhà lá, bảo Vương phi rằng: Ngài ở trong đây, tôi nay sẽ hái rễ cây, hoa quả để cung dưỡng. Vương phi y lời, ở trong đó. Như vậy Tiên nhân như pháp hái hoa quả rễ cây cung dưỡng Vương phi. Phi mang thai đủ tháng, sinh hai con: Một trai, một gái. Đến khi dứt sữa, Tiên nhân mới mời Vương phi ra đi: Ngài nay nên đi xa, tôi sẽ tùy được rễ cây, hoa quả mà nuôi hai trẻ. Phi bỏ hai con, y lời mà đi.

Tiên nhân tùy được rễ cây, hoa quả nuôi dưỡng bọn trẻ. Khi hai trẻ lớn lên một chút, đã đến chỗ có ý thức, Tiên nhân mới lấy quả xanh và chín mà thử hai trẻ. Hai trẻ tự có thể phân biệt, chín thì ăn, xanh bèn bỏ. Tiên nhân nghĩ thế này: Trẻ này đã lớn, tâm đã đến chỗ có ý thức, có thể phân biệt quả xanh, quả chín khác nhau. Ta nay sẽ ở nơi quốc độ nào giàu vui an ổn mà cho trẻ ở. Vì có năm thần thông nên thấy nơi đất lúa này, bèn dùng thần lực mang hai trẻ bay trên không mà đến, để ở đất ấy, dạy trẻ rằng: Cỏ này gọi

là lúa. Lúc ấy Tiên nhân tự lấy tay mài để ăn. Giáo hóa đủ loại: Các con từ nay sẽ nương pháp này để làm đồ ăn. Các con ở trong đây, chớ sinh sầu não. Ta sẽ thường lại xem xét.

Hai trẻ theo năm tháng mà hai căn nam, nữ đều thành tựu, bèn làm vợ chồng, con cháu sinh trưởng phân làm sáu nước.

Lúc bấy giờ Vua đã giác đạo, bỏ thân người sinh lên trời, bỏ thân trời lại thọ thân người. Thọ thân người rồi, nương theo vô thượng chính quán được Phật nói, xuất gia học đạo, cho đến đắc được sáu loại thần thông vô ngại. Vì có sáu thần thông nên quán túc mạng của mình, thấy sáu nước lớn, bèn nghĩ thế này: Sáu nước này đều là con cháu của ta.

Vì thương xót người của sáu nước này nên đến đó khát thực. Được cơm rồi trở về, không hỏi các Tì-khuru mà một mình ăn trước. Lúc ấy các Tì-khuru gọi Tì-khuru này mà trách mắng lớn: Ông là trưởng lão mà xan tham, tật đố. Ông là người ác, được cơm gạo, không hỏi các Tì-khuru mà ăn một mình.

Tì-khuru đáp rằng: Tôi nay không phải vì tật đố mà không bố thí các vị. Tại sao vậy? Những thức uống ăn như thế này, người chưa lìa dục ắt chẳng thể ăn được. Lúc ấy, Tì-khuru này qua ba lần rửa bát, lại qua ba lần bỏ đi, mới lấy một phần ít nước rửa cuối cùng, phân ra mà bố thí các Tì-khuru. Diêm-Phù-Đề này không có một vị ngon nào sánh được với vị ngon này.

Lúc ấy Tì-khuru vì các Tì-khuru mà lần lượt nói nhân duyên của vị thức ăn này: Sáu nước kia vốn là con cháu của tôi, nên vì lợi ích cho họ mới đến đó khát thực.

Có các Tì-khuru đến đó khát thực. Đại Mục-Kiền Liên cũng đến đó khát thực.

Phật Thế Tôn vì các Tì-khuru mà nói nhân duyên lần lượt của sáu nước, cho nên biết được sự việc của sáu nước lớn.

PHẨM THỨ TƯ: THẦN DẠ-XOA

Lúc bấy giờ trong Diêm-Phù-Đề có hai dãy núi: Phía Nam sông Hằng gọi là Bà-Đa-Kỳ-Lợi, phía Bắc sông Hằng gọi là Ê-Ma-Phạt-Đa. Trong dãy Bà-Đa-Kỳ-Lợi, núi lớn nhất gọi là Tát-Xà, thứ hai tên là Tần-Hà, thứ ba tên Mạt-Xa, thứ tư tên là Huệ-Xa, thứ năm gọi là Gian-Hà-Kỳ-Lợi, thứ sáu tên là Ba-Lê-Da-Đa. Trong dãy Ê-Ma-Phạt-Đa, núi này lớn nhất: Thứ nhất gọi là Chu-La-Ca-La, thứ hai tên Ma-Hà-Ca-La, thứ ba tên Cù-Hà-Na, thứ tư tên Tu-La-Bà-Hà, thứ năm tên Kê-La, thứ sáu tên Càn-Đà-Ma-Đà, thứ bảy tên Tu-Bàn-Na-Bàn-Sa.

Tất cả thần nếu ở núi phía Nam sông thì đều gọi là thần Bà-Đa-Kỳ-Lợi, nếu ở núi phía Bắc thì đều gọi là thần Ê-Ma-Bạt-Đa. Thần Bà-Đa-Kỳ-Lợi này lãnh đạo tất cả các thần phía Nam sông nên gọi là vua. Thần Ê-Ma-Bạt-Đa này lãnh đạo tất cả các thần phía Bắc sông, nên gọi là vua.

Vì sao biết như vậy?

Có một vua thần tên là Ê-Ma-Bàn ở núi Ê-Ma-Bạt-Đa. Vua thần này là trưởng lão cao nhất, tuổi cao nhất, địa vị cao nhất, bị bệnh nặng khốn khổ, vị thần này sắp lâm chung. Vị ấy có thái tử tên là Ê-Ma-Bạt-Đa, bèn gọi lại dạy con rằng: Cha đã được nghe từ xưa vị trưởng lão cao nhất của thần Dạ-Xoa đã gặp Phật quá khứ, từng gặp Phật Ca-Điếp, nghe nói Phật Thích-Ca Mâu-Ni sẽ ra đời. Như tướng mà ta thấy và nhân duyên mà ta thấy, thì Phật Thích-Ca Mâu-Ni không lâu sẽ xuống. Nếu trong khoảng giữa mà ta bỏ mạng, không kịp gặp Phật, thì con quyết phải đến, khiến được gặp Phật. Nếu con gặp Phật quyết sẽ lợi ích lớn.

Thái tử hỏi rằng: Làm sao khiến con biết Phật ra đời?

Cha đáp con rằng: Trong phòng nhà chưa từng có báu mà nếu xuất hiện thì phải biết lúc đó Như Lai ra đời. Lại có vua thần tên là Bà-Đa-Kỳ-Lợi ở trong cõi nước Ma-Già-Đà,

con phải cùng người ấy làm bạn, cùng lập thệ nguyện: Chỗ ở của tôi và ông, nếu thấy có báu kỳ lạ hiếm có xuất hiện thì chớ không báo cho nhau. Khi ấy vua cha dạy thái tử rồi liền bỏ mạng.

Lúc ấy thái tử cúng dường thi hài của cha, nhớ nghĩ tôn trọng lời dạy của cha, nhân đó mới qua sông tìm vua thần Bà-Đa-Kỳ-Lợi. Đến chỗ thần rồi, đối diện nói năng cùng nhau hòa kính, cùng ngồi một chỗ. Thần Ê-Ma-Bạt-Đa nói với vua Bà-Đa-Kỳ-Lợi rằng: Phủ Quân! Cha tôi khi sắp mất, đã nói như trên, nhân thế mà qua đời. Cho nên hôm nay tôi nói với Ngài việc này, nếu trong nhà có báu phi thường xuất hiện thì nhất định cần báo cho nhau. Bà-Đa-Kỳ-Lợi đáp: Như thế, như thế! Như vậy hai người đã lập thệ rồi, mỗi người trở về chỗ ở.

Sau đó, trong nhà của vua Ê-Ma-Bạt-Đa có báu kỳ lạ, hiện ra hoa sen nghìn cánh lớn như bánh xe, vàng ròng làm cánh, các báu làm cọng. Lúc ấy có một thần thấy hoa sen ấy liền chạy đến thưa vua: Vua nay chưa biết rằng báu vật thế gian chưa từng có, nay đã xuất hiện, hoa sen nghìn cánh lớn như bánh xe, vàng ròng làm cánh, các báu làm cọng, đây là vật của trời, nguyện vua đến xem.

Lúc ấy vua thần nghe lời ấy rồi liền đến bên ao. Hoa sen ấy đầy đủ nghìn cánh, lớn như bánh xe, được làm thành bởi các báu, trang nghiêm kỳ đặc. Thấy sự ấy rồi, tâm sinh kinh sợ, lông trên thân đều dựng đứng, tụt vào trong ao, cung kính chắp tay, đánh lễ ba lần, nhiễu quanh ba vòng, suy nghĩ thế này: Ta xưa từng gặp bạn lành dạy ta thế này: “Nơi ở của ông nếu có báu lạ thì sẽ báo cho tôi”. Bèn sai sứ giả báo cho vua thần Bà-Đa-Kỳ-Lợi rằng: Phủ Quân! Trong chỗ ở của tôi, báu hiếm có nay đã xuất hiện, nói đủ các tướng của vật báu, Ngài nay phải đến cùng tôi quan sát.

Lúc ấy Thế Tôn đã xuất hiện nơi đời, chính pháp đã được nói một hướng tịch tĩnh, nay đến Niết-bàn, hướng đến Bồ-đề được dạy bởi Tu-Già-Đà.

Lúc ấy vua Bà-Đa-Kỳ-Lợi nhớ biết việc ấy, suy nghĩ như thế này: Ta xưa từng có bạn lành đến báo ta rằng: Chỗ ở của ông, chư Phật Thế Tôn đắc đạo trong đó, nếu Phật đã xuất hiện, ông nên báo cho tôi. Đó là ý muốn của bạn, ta nên báo.

Vua Bà-Đa-Kỳ-Lợi liền sai sứ đến vì vua mà rằng: Phủ quân, nếu là một hoa sen thì làm lợi ích gì? Nếu một trăm, một nghìn thì cũng lợi ích gì? Trong cõi nước tôi, báu chưa từng có nay đã xuất hiện. Thế nào gọi là báu? Nghĩa là Đa-Đà-A-Già-Độ A-La-Ha Tam-Miêu Tam Phật Đà nay đã xuất hiện. Ông nay nên lại cùng phụng sự báu này.

Ở Ê-Ma-Bạt-Đa, ngày mười lăm tháng chín là lúc Bồ-tát. Có năm trăm thần cùng nhau nhiễu quanh, cầm các hoa sen, mặt hướng phía Nam mà đi, bụng để trống mà đi, đến chỗ vua Bà-Đa-Kỳ-Lợi.

Vua ấy lại đem năm trăm chúng thần cùng nhau nhiễu vòng, lại đón vua này ở ven phía Nam sông Hằng, cùng nhau tụ hội.

Đã gặp nhau rồi, vua Ê-Ma-Bạt-Đa nói kệ hỏi vua thần kia rằng:

Nay mười lăm, ngày tịnh
Lúc bốn vua lai tập
Chúng ta thờ Thầy nào,
Ông tin A-La-Ha.

Lúc ấy vua Bà-Đa-Kỳ-Lợi nói kệ đáp rằng:

Lúc này Phật Thế Tôn
Ở thành Ma-Dà-Đà,
Vì diệt tất cả khổ
Nói pháp nhất thiết trí.
Các khổ và nhân khổ,
Khổ diệt chẳng lại sinh,
Tám phần đạo diệt khổ
Không nào, hướng Niết-bàn,

Cho nên ông và ta
Sẽ đến thờ người này,
Tất cả không thể sánh
Tin của tôi: La-Ha.

Lúc bấy giờ Ế-Ma-Bạt-Đa nghe kệ này rồi, tâm rất kinh sợ, lông trên thân dựng đứng, hoài nghi chưa tin. Ba lần bàn định: Phủ quân! ông nói rằng Thế Tôn ra đời? Đáp: Phủ quân! Ta nói Phật Bảo ra đời. Lần thứ hai, lần thứ ba, hỏi đáp cũng như thế.

Lúc ấy vua thần núi phía Bắc, suy nghĩ đo lường bốn pháp: Hành, trụ, oai nghi, cảnh giới của chư Phật, nói kệ hỏi vua thần núi phía Nam rằng:

Tâm Phật nơi chúng sinh
Khéo được an lập chăng?
Yêu, ghét hai tư duy
Đã được diệt sạch chăng?

Lúc ấy vua thần núi phía Nam dùng kệ đáp rằng:

Tâm Phật nơi chúng sinh
Chân thật được an lập,
Yêu, ghét – hai tư duy
Diệt sạch vĩnh vô dư.

Vua thần núi phía Bắc lại nói kệ hỏi rằng:
Phật có vọng ngữ chăng?
Nói, không nào người chẳng?
Lời không ly gián chăng?
Có nói vô nghĩa chăng?

Vua thần núi phía Nam dùng kệ đáp rằng:
Phật không nói vọng ngữ,
Cũng không khổ nói suông
Không nói lời ly gián,
Nói lời nghĩa như lượng.

Vua thần núi phía Bắc lại nói kệ hỏi rằng:
Phật trộm của người không?
Không hại mạng người chẳng?
Xa lìa phóng dật chăng?
Không hại thiên định chăng?

Vua thần núi phía Nam nói kệ đáp rằng:
Phật không trộm của người,
Cho nên hộ mạng người,
Xa lìa các phóng dật,
Không hại thiên định sâu.

Vua thần núi phía Bắc lại nói kệ hỏi rằng:
Phật không mắc ái dục,
Tâm tịnh không trước chăng?
Đã qua dòng vô minh,
Được tịnh pháp nhãn chăng?

Vua thần núi phía Nam đáp:
Không mắc nơi dục trần,
Tâm địa cực thanh tịnh,
Đã qua khỏi vô minh,
Nơi pháp được tịnh nhãn.

Vua thần núi phía Bắc lại hỏi:

Minh của Phật đủ không?
Pháp tức thanh tịnh không?
Bốn dòng đã sạch chẳng?
Sinh sau đã sạch chẳng?

Vua thần núi phía Nam lại đáp:

Minh của Phật đầy đủ,
Pháp tức tịnh đã lâu,
Đã đoạn dứt bốn dòng,
Cho nên không sinh nữa.

Lúc bấy giờ vua thần núi phía Bắc nghe rồi, tâm sinh hoan hỷ, nói kệ ca ngợi:

Trí giả ý thành tựu
Tất cả sự đã xong,
Vớ thân, miệng thanh tịnh
Ca ngợi Cụ Minh Túc.

Thần núi phía Nam, tâm và khẩu hoan hỷ, nói kệ ngợi ca rằng:

Tâm Phật tịch, thanh tịnh,
Thân, khẩu hay lợi người,
Mười phương không ai sánh;
Tùy hỉ tán thán ông.
Trí giả tâm thành tựu
Cùng với nghiệp thân, khẩu,
Đầy đủ minh, pháp tức.
Tức cùng ông đến xem,
Nay mười lăm Bồ-tát
Lúc bốn Vua du hành?
Tâm giải thoát vô trước,
Ta cùng ông lễ bái.

Lúc ấy Thế Tôn ở thành Vương -Xá, ẩn dưới cây Cù-đề. Hai Vua thần này và một nghìn thần nhiều quanh, đi đến chỗ Phật. Đến chỗ Phật rồi, trệch vai áo phải, gối phải quỳ đất, chấp tay cung kính, đánh lễ chân Phật, liền ngồi một bên. Lúc đó, vua núi Bắc dùng kệ hỏi rằng:

Có thể nói và làm
Qua dòng, vĩnh vô lậu,
Một mình như sự tử,
Phật không nhiễm thế pháp,
Qua tất cả bờ pháp
Ân cần nên đến hỏi
Chúng sinh sinh nơi nào
Đủ loại nhân hữu xứ,
Chấp trì là vật gì
Sáu nơi chịu khổ não.

Lúc ấy Thế Tôn dùng kệ đáp Vua thần Ê-Ma-Bạt-Đa:

Chúng sinh sinh sáu chỗ
Số số tập lục xứ,
Chấp trì sáu loại pháp
Sáu chỗ thọ khổ não.

Vua thần núi Bắc lại kệ hỏi rằng:

Thủ này gọi thủ gì

Mà khiến chúng sinh khổ,
Nguyện đáp hỏi xuất ly
Làm sao giải thoát khổ?
Lúc ấy Thế Tôn dùng kệ đáp Vua thần Ē-Ma-bạt-Đa:
Thế gian có năm trần,
Ta nói tâm Thứ Sáu
Trong đó lừa dục trước
Giải thoát khổ như vậy.
Chúng sinh được xuất ly,
Đã nói lượng như lý,
Ông nay đã có hỏi,
Cho nên đáp xuất ly.

Lúc ấy thần núi phía Bắc lại nói kệ hỏi Phật:
Ai qua được dòng sử
Ngày đêm không mệt mỏi
Không đày cũng không vịn
Chỗ sâu ai không chìm?

Lúc ấy Thế Tôn dùng kệ đáp Vua Ē-Ma-Bạt-Đa:
Thường trì giới thanh tịnh,
Tinh tiến không tán tâm,
Tư trách nhiệm nội chí,
Do trí độ khó độ
Dục tưởng vô hữu dục
Phục diệt sắc trói buộc,
Cầu diệt yêu thích hữu
Người này rất chẳng chìm.

Lúc ấy hai vua núi Nam, Bắc cùng lúc nói kệ tán thán Phật rằng:
Chúng con nay được gặp
Lành đến nay được rõ
Chúng con thấy Chính Giác
Diễn nói đạo cam lộ.

Gọi chẳng mất, chẳng thấy thật nghĩa,
Thường vui vẫn nạn không chỗ chấp,
Cùng tận trí tuệ, trọn giải thoát,
Đi trên đường Thánh, bậc Đại Tiên.
Nghìn chúng Dạ-Xoa khác
Lùng danh có oai thần
Tất cả quy y Phật
Vô Thượng Sư của con.

Ba Dạ-Xoa này ngồi ở ba góc, cho nên đến nay con đường tên là Lăng Giác. Lúc bấy giờ Thế Tôn ở dưới gốc cây, cho nên cây này gọi là Cù-Nặc-Đàm-Cù-Đề. Nhân sự việc của hai Dạ-Xoa này cho nên biết hai núi Nam, Bắc.

HẾT QUYỂN THỨ NHẤT

PHẬT THUYẾT LẬP THẾ A-TÌ-ĐÀM LUẬN

QUYỂN THỨ HAI

Đời Trần, Nam Ấn-Độ, Tam Tạng Chân Đế dịch

PHẨM THỨ NĂM: VOI CHÚA LẬU-XÀ-KỠ-LỢI

Núi Châu-La-Ca-La cao một già-phù-đa rươi, rộng cũng như thế, khoảng giữa cũng như vậy. Núi Ha-Ca-La cao ba già-phù-đa, rộng cũng như thế, khoảng giữa cũng như vậy. Núi Cù-Ha-Na cao một do-tuần rươi, chiều rộng và khoảng giữa cũng lại như thế. Núi Tu-La Bà-Ha cao ba do-tuần, chiều rộng và khoảng giữa cũng lại như vậy. Núi Kê-La-Bà cao sáu do-tuần, chiều rộng và khoảng giữa cũng lại như thế. Núi Càn-Đà-Ma-Đà cao mười hai do-tuần, chiều rộng và khoảng giữa cũng lại như vậy. Núi Tu-Bàn-Na-Bàn-Bà cao hai mươi tư do-tuần, chiều rộng và khoảng giữa cũng lại như thế.

Núi Tu-Bàn-Na-Bàn-Bà vào lúc trăng Thu, trời trong không mưa, phóng ánh sáng mạnh nhất. Lại có những người ở gần núi tuyết, vào tháng Tư khi trăng lên ngang trời, mở địa hội, gọi nhau đến xem trên trời. Đến đỉnh núi Ma-Ha-Ca-La, ngược xem mặt Bắc, xa thấy núi kia ánh sáng chiếu rục rờ. Nhân đó nói với nhau rằng: núi Tu-Di này, nay tôi đã thấy trên trời.

Bên phía Bắc của núi Tu-Bàn-Na-Bàn-Bà này có một chỗ hơn hết, lại có ao lớn tên là Mạn-Đà-Cơ-Ni, dài năm mươi do-tuần, rộng mười do-tuần, nước lạnh tinh khiết, ngọt và nhẹ mềm, trong đó đầy đủ cọng và rễ sen. Đáy và bờ ao đều dùng bốn báu: Bạch ngân, hoàng kim, thủy tinh, lưu ly làm gạch; tạo lũy quanh ao, ngoài cùng là ngân, lần lượt nhiều vòng, chỗ nước trong nhất cùng sắc với báu.

Bốn bên ao này có bốn thềm đường thông đến đáy nước, đều bằng bốn báu làm thành. Góc phía Đông, Nam thẳng đến núi. Núi ấy có hang tên là Nan-Đà, dài năm mươi do-tuần, rộng mười do-tuần. Hang ấy đều bằng lưu ly láng phẳng đáng yêu, có đủ loại tướng mạo không giống nhau tự nhiên chạm vẽ, màu sắc các báu như trong cung điện, như thảm thêu phương Bắc, người, thú, cỏ cây chẳng có gì không trọn đủ, sắc thái của hang này cũng lại như thế. Như khuyên châu báu trang nghiêm trên tai người, nơi đây cũng lại như vậy. Tất cả lưu ly láng phẳng đáng yêu, đủ loại sắc báu, nếu dẫm chân lên tức liền ngập lún, nếu khi nhắc chân lại hoàn như cũ. Như tụ gấm vi diệu và đầu-la-miên, đất ấy mềm mại cũng lại như thế. Hang Nan-Đà này, khi dẫm thì lún, khi nhắc chân lên bèn nổi; trong đó các điện, đường không phải là một, hoặc có nhà bằng vàng, hoặc có nhà bằng bạc, lưu ly, pha lê cũng lại như thế; hoặc bốn báu hợp thành. Các điện đường này đều là nơi ở của tượng vương.

Khoảng giữa của hang và ao có một chỗ hơn hết, có ẩn một cây chúa Cù-Đề tên là Thiện Lập, gốc rễ, thân, cành đều đầy đủ, hình tướng đáng yêu, lá dày che kín lâu ngày không rụng, mưa gió không xâm nhập được. Như vòng hoa trang sức tinh xảo của thế gian và khuyên tai bằng các báu, cũng như tán lọng trên dưới trùm nhau, hình tướng của cây cũng lại như vậy, cao một do-tuần, hoa cành như cây trụ số đến tám nghìn, phía dưới đều vào lòng đất, nên gọi là Thiện Lập.

Góc Tây-Nam của ao có chỗ tối thẳng, có cây chúa Bà-La, tên là Thiện Kiến. Rễ, cành, tán nhánh đều đầy đủ, hình tướng đáng yêu, lá dày che kín lâu ngày không rụng, mưa gió không xâm nhập được. Như thế gian trang sức vòng hoa tinh xảo và khuyên tai bằng các báu, cũng như tán lọng trên dưới phủ nhau, hình tướng cây ấy cũng lại như thế. Cao một do-tuần, thân dưới lớn thẳng, một nửa do-tuần mới có cành lá. Lượng thân cây này: đường kính năm tầm, chu vi mười lăm tầm, cành tỏa bốn phía, mỗi cành nửa do-tuần. Lại, bên ngoài cây này có rừng cây Bà-La cao thấp lần lượt nhiều quanh bảy vòng, cành lá

che nhau, bên ngoài nhìn như một. Lớp trong cùng chu vi mười ba tầm, lần lượt như thế mà giảm mỗi vòng một tầm, vòng ngoài cùng bảy tầm; vòng cây trong cao nhất, tiếp theo ra phía ngoài thấp. Hình tượng cây ấy đầy đủ rễ, thân, cành nhánh. Hình trạng đáng yêu, lá dày che kín, lâu ngày không rụng, gió mưa không lọt vào. Như vòng hoa trang sức tinh xảo và khuyên tai bằng các báu của thế gian, cũng như tàn lọng cao thấp phủ nhau; hình tượng cây này cũng lại như thế.

Lá héo cành khô nếu khi rơi rụng, cây đã được che kín nên theo dòng mà rụng ra ngoài rừng. Phía bên ngoài rừng ấy bốn mặt mở ra tựa như cửa nhà. Đất dưới cây được phủ bằng cát vàng, nước thơm rưới vẩy, đốt các danh hương, rải các tạp hoa, treo các y báu. Ở dưới cây là hoa Bà-la và các tạp hoa che phủ trên đất. Cực đáng yêu thích.

Đây là nơi voi chúa Lôu-Xà-Kỳ-Lợi ở, thân voi trắng sạch, bảy chi trụ trên đất, đầy đủ sáu ngà, tùy ý biến hóa, có thần thông lớn, có oai đức lớn. Mỗi một loại có tám nghìn voi: Loại thứ nhất là Bạch trì tượng, loại tiếp theo là Bạch tự tượng, thứ ba Hoàng trì tượng, thứ tư Hoàng tự tượng, thứ năm Xích trì tượng, thứ sáu Xích tự tượng, thứ bảy Thanh trì tượng, thứ tám Thanh tự tượng. Ngoài ra Hắc trì và Hắc tự tượng không ở trong tròn số.

Như thế, khi voi chúa muốn đến ao Mạn-Đà-Cơ-Ni để tự tắm rửa thì Hắc tượng bên ngoài bèn cùng tề tựu đến để phòng giữ đường đến bãi tắm. Khi đã phòng hộ rồi, lúc ấy voi chúa với đàn voi vây quanh đi đến ao. Bạch tự tượng vây quanh voi chúa, vào ao tắm rửa, lấy nước ao mà cọ rửa thân vua, hoặc lại rửa mặt, hoặc lại rửa tai, khắp các phần thân trọn đều như thế.

Khi voi chúa tắm, các voi này hái các tạp hoa để làm vòng hoa dâng lên cho vua, hoặc làm vòng khuyên tai, hoặc làm anh lạc, đủ loại trang sức khác nhau mà trang nghiêm thân vua.

Tắm rửa xong, từ ao lên bờ, đến dưới cây Nặc-Cù-Đề phơi thân cho khô. Nơi đây quá khứ, có một thợ săn đã bắn chết voi chúa, nhân thế mà trong đây sẽ nói rộng về kinh Bồ-Tát Bản Sinh.

Lúc ấy đàn voi, tùy theo thứ tự màu sắc, đều vào ao tắm. Đã tắm xong rồi, đến dưới cây nhiều quanh voi chúa. Hắc tượng thì vào ao tắm sau cùng, chọn lấy ngó sen, cạo rửa cho sạch, trở lại đến dưới cây; Hắc tượng đưa cho Hắc tự tượng, Hắc tự tượng đưa cho Thanh trì tượng, Thanh trì tượng đưa cho Thanh tồn tượng, Thanh tồn tượng đưa cho Xích trì tượng, Xích trì tượng đưa cho Xích tự tượng, Xích tự tượng đưa cho Hoàng trì tượng, Hoàng trì tượng đưa cho Hoàng tự tượng, Hoàng tự tượng đưa cho Bạch trì tượng, Bạch trì tượng đưa cho Bạch tự tượng, Bạch tự tượng đưa cho Đại tượng vương, khiến tượng vương ăn. Tượng vương ăn rồi, lấy ngó sen dư, trở lại theo thứ tự chia cho đàn voi, chỉ trừ Hắc tượng; nếu ăn không đủ, lại sai Hắc tượng đến ao hái thêm, khiến cho đầy đủ; Hắc tượng này chỉ ăn ở trong ao.

Các loại voi này, ăn ngó sen này rồi, thành bảy phần thân; nếu ăn cỏ cây, các loài lá cây thì ắt thành phân tiểu; các loại voi này nếu thải phân tiểu thì trọn đều như Hắc tượng trừ khi đã loại bỏ thức ăn đi rồi.

Bạch tượng vương này vào tháng Tư thì ở hang Nan-Đà, tám tháng mùa Đông và Xuân thì ở dưới cây Bà-La vương Thiện Kiến. Lại nữa, Tượng vương cũng thường ở hang Nan-Đà, ngày thì chuyển mà trụ ở dưới cây Bà-La chúa Thiện kiến, khi đã tắm và ăn xong thì đều ở dưới cây Nặc-Cù-Đề. Làm sao biết thế?

Thời xưa, Tịnh Mạng Đại Trí Xá-Lợi-Phất thân mang bệnh phong, thầy thuốc nói rằng: Đại Đức, ngó sen có thể trị bệnh này. Lúc ấy có Tịnh Mạng thần thông Mục-Liên, khi trước đã thấy ngó sen ấy, vị Đại Đức này bèn nói như vậy: Tôi đến lấy ngó sen ấy mang lại. Như thế, Mục-Liên liền dùng thần thông đến ven núi Kim, nghĩ như thế này: Voi chúa này có thần thông lớn, có oai đức lớn, có tâm kiêu mạn, cho nên quyết định khiến voi chúa kinh sợ. Bèn biến thành voi, thân cao vót dài. Mục-Liên hóa thân làm voi lớn gấp hai

lần so với voi chúa kia, lại còn hóa làm các voi quyến thuộc, thân hình, số đầu cũng lớn gấp hai, đầy đủ vây quanh, ngay trước voi chúa kia, từ trên không bay xuống.

Lúc ấy voi chúa thấy sự ấy rồi, tâm kính sợ, lông trên thân dựng đứng, nghĩ như thế này: Có voi chúa khác từ nơi khác lại, thần thông, oai đức, thân hình, số đầu tròn đều hơn ta, nay sẽ tranh ta mà cướp chỗ ở này.

Lúc ấy, Tịnh Mạng Đại Mục-Kiền-Liên biết voi chúa kính sợ khi thấy tướng lạ, bèn bỏ sự việc biến hóa được hiện bởi thần thông, ở chỗ khác kiết-già mà ngồi. Bạch tượng vương ấy thấy sự này rồi, nghĩ thế này: Không phải Tượng vương khác, là đại Tì-khuru .

Lúc ấy, Tượng vương tự hoá thân làm đồng tử cõi trời, dùng vàng, bạc trời trang nghiêm tay và cánh tay, khuyên tai cõi trời, các báu, lưu ly trang nghiêm thân mình.

Lúc bấy giờ, khi Mục-Kiền-Liên nghiêm thân ngồi niệm, đồng tử cõi trời mặc niệm, chắp tay, nắm vóc sát đất kính lễ Đại đức.

Khi ấy Mục-Kiền-Liên nói với Tượng vương rằng: Tượng vương trưởng lão, thần thông của ông oai đức khó sánh. Tượng vương đáp rằng: Đại đức, tôi là súc sinh, có thần lực gì, có oai đức gì! Thánh Sư lại đây muốn như thế nào?

Mục-Kiền-Liên đáp: Ta muốn được ngó sen này.

Lúc ấy tượng vương liền sai Hắc tượng: Người đi lấy ngó sen Như ý cho Đại đức. Khi ấy, Hắc tượng bèn vào trong ao, lấy ngó sen, rửa sạch, khiến một voi vác mang trên lưng, theo Đại Mục-Kiền-Liên bay lên hư không mà đi.

Mục-Kiền-Liên đến rồi, thời các Tì-khuru bèn thọ ngó sen này. Từ xưa đến nay nơi này gọi là Tượng Hạ Chi Đề, lại còn gọi là Tống Ngó Chi đề, cũng còn gọi là Thọ Ngó Chi Đề.

Đại đức Xá-Lợi-Phất ăn ngó sen này rồi, bệnh liền tiêu trừ. Khi Xá-Lợi-Phất qua khỏi bệnh rồi, cho đến khi nhập niết-bàn, thân không có bệnh khổ. Các Tì-khuru đều ăn ngó sen này. Ngó sen như thế, hình dung đáng yêu, vị nhựa đậm đà ngọt ngào, không cay, không đắng, như mật ong tinh tế; vuông, tròn, dài, ngắn cao rộng một xích, mỗi mỗi đều như vậy. Ở mỗi loại như thế đều đầy đủ cả. Có Tì-khuru khác, dùng thần thông đến bên kim sơn kia, thấy việc như thế, trở lại đây mà nói lại.

Lúc ấy Thế Tôn, vì các Tì-khuru nói nhân duyên này, cho nên được biết những sự như vậy.

PHẨM THỨ SÁU: BỐN THIÊN HẠ

Lúc bấy giờ Phật nói rằng, thiên hạ có bốn: Một là Diêm-Phù-Đề, hai là Tây Cù-Da-Ni, ba là Đông Phất-Vu-Đãi, bốn là Bắc Uất-Đan-Việt. Lúc ấy, Tì-khuru bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Đất của Diêm-Phù-Đề bao lớn?

Phật bảo Tì-khuru: Diêm-Phù-Đề lớn, biên phía Đông hai nghìn do-tuần, hai biên Tây và Bắc, mỗi biên cũng hai nghìn do-tuần, biên phía Nam chỉ ba do-tuần, chu vi sáu nghìn lẻ ba do-tuần, hình giống như xe. Tất cả chúng sinh mà sinh ở đất này thì mặt cũng tựa như hình đất. Diêm-Phù-Đề có sông, núi, trong khoảng giữa của sông và núi có các nước.

Khi ấy, Tì-khuru thưa với Phật rằng: Hình thế của Tây Cù-Dà-Ni bao lớn?

Phật bảo Tì-khuru: Tây Cù-Dà-Ni lớn, rộng hai nghìn ba trăm ba mươi ba do-tuần, lại thêm một phần ba do-tuần. Chu vi bảy nghìn do-tuần, hình thế tròn đầy, không có núi mà có sông, trong khoảng sông ấy lập các quốc gia. Người dân giàu có vui vẻ, không có trộm cướp, tròn đều hiền thiện khắp đầy trong nước.

Lúc ấy Tì-khuru lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Địa hình của Đông Phất-Tì-Đề bao lớn?

Phật bảo Tì-khuru: Đông Phất-Tì-Đề lớn, rộng hai nghìn ba trăm ba mươi ba do-tuần, lại thêm một phần ba do-tuần; chu vi bảy nghìn do-tuần, hình đất tròn đầy giống như trăng tròn, có nhiều núi, chỉ có một sông, trong khoảng sông này an lập các quốc gia. Người dân giàu có, vui vẻ không có trộm cướp, phần nhiều đều hiền thiện sống đầy trong nước. Tất cả các núi đều là vàng và các báu, dụng cụ làm ruộng và các vật đều là vàng

thật. Một sông kia tên là Tát-Xà, bờ bên của sông đều đáng yêu. Tịnh Mạng Tân-Đầu-Lô ở bên bờ sông mà lập Tăng-già-lam. Làm sao biết được các sự như thế?

Thời xưa, nước Ba-La-Nại có một Tì-khuru và một Sa-di đều đủ thần thông, từ Ba-La-Nại đến Đông Tì-Đề. Khi xuống, Sa-di này lấy một hòn đá để mài kim, bèn lấy hòn đá ấy trở lại Ba-La-Nại, để ở trong chùa, ngay trong đêm ấy phóng ánh sáng lớn.

Lúc ấy, Tì-khuru hỏi Sa-di rằng: Ông lấy vật ấy đem về đây chằng? – Bạch Đại đức, con đem hòn đá ấy trở lại trong đây, muốn dùng để mài dao, kim ...

Tì-khuru liền bảo Sa-di rằng: Ông lấy hòn đá ấy đưa trở về nước kia.

Lúc đó, Sa-di theo lời Tì-khuru, liền nâng hòn đá mà ném vào trong nước sông của nước Ba-La-Nại. Khi ấy sông này phóng ánh sáng lớn, tất cả rùa, cá các loài sống trong nước khắp đều hiện ra. Người dân trong nước tranh nhau đến xem, đầy cả các ngã đường, bến sông, vô phục môn hộ, đều cho rằng là rồng hiện thần thông lớn.

Lúc ấy, Tì-khuru và Sa-di này vào buổi sớm, ôm bát vào thành khát thực. Thấy dân chúng này vô lượng vô số tụ tập bên sông, cửa thành ách tắc, đi lại khó thông, mới hỏi Sa-di rằng: Lúc trước ông để hòn đá ấy ở đâu?

Sa-di đáp rằng: Bạch Đại đức, con lấy hòn đá ấy, thả xuống chỗ sông sâu.

Tì-khuru nói với Sa-di: Ông lấy hòn đá này, đưa trở lại chỗ cũ.

Sa-di liền theo lời ấy, ở trước những người xem, vào chỗ nước sông sâu, thân và áo không ướt, vọt lên không trung bay như chim mà đi, đưa lại chỗ cũ. Lúc ấy các Tì-khuru đi lại trong nước ấy, số nhiều vô lượng, đều nói như thế. Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tì-khuru mà nói nhân duyên này, cho nên được biết.

Lúc bấy giờ Tì-khuru bạch Phật rằng: Thế Tôn! Bắc Uất-Đan-Việt cõi nước lớn chằng?

Phật bảo Tì-khuru: Bắc Uất-Đan-Việt lớn, biên giới phía Đông dài hai nghìn do-tuần, phía Tây hai nghìn do-tuần, phía Nam và Bắc cũng như thế, chu vi bốn mặt là tám nghìn do-tuần. Thành được vây quanh bởi Kim Sơn, vàng ròng làm đất, ngày đêm thường sáng.

Đất của Uất-Đan-Việt có bốn loại đức: Một là bằng phẳng, hai là tịch tĩnh, ba là tinh khiết, bốn là không có gai góc.

Nói bình đẳng là: Trong cõi nước ấy không có hầm hố cũng không có sống trong hang, lại không có cao thấp, cũng không bùn trơn, cho nên gọi là bình đẳng.

Tịch tĩnh là: Trong cõi nước ấy không có sư tử, hổ, báo, gấu, rắn độc, ong, bọ cạp có thể hại người, cho nên gọi là tịch tĩnh.

Tinh khiết là: Trong cõi nước ấy không có xác người, xác rắn, xác chó...các vật bất tịnh. Nếu người dân đại tiểu tiện thì đất nứt ra mà nhận lấy, nhận rồi khép lại, cho nên gọi là tinh khiết.

Không có gai góc là: Trong cõi nước ấy không có cây gai nhọn, không có cây có mùi hôi thối, cho nên gọi là không có gai góc.

Trong cõi ấy có loại cỏ tên là Xa-Tì, màu cám thanh, hình rất đáng yêu như màu cổ chim khổng tước, chạm vào mềm mại như áo Ca-chân-lân. Áo Ca-chân-lân không thể bị ố nhiễm, mùa Hè thì mát, mùa Đông thì ấm. Lại như áo A-thời-na, đốt mà không cháy, chạm vào cỏ này cũng lại như thế. Cỏ Xa-Tì này che khắp mặt đất, bốn mùa không rụng rụng, chỉ dài bốn thốn tay.

Các sông cõi ấy, nước có tám công đức, bến bờ và đáy sông đều trải cát vàng, nước sông thường chảy không có tăng giảm, đê vàng vững chắc không có sụt lở. Phật nói như vậy.

Lúc ấy, Phật bảo Tì-khuru: Chim Ca-lâu-la ở cả bốn châu. Khoảng giữa hai châu Đông Phất-Bà-Đề và Diêm-Phù-Đề có châu Ca-Lâu-La; khoảng giữa hai châu Nam Diêm-Phù-Đề và Tây Cù-Da-Ni có châu Ca-Lâu-La; khoảng giữa hai châu Tây Cù-Da-Ni và Uất-Đan-Việt có châu Ca-Lâu-La; khoảng giữa hai châu Bắc Uất-Đan-Việt và Đông Phất-Tì-Đề có châu Ca-Lâu-La. Điều châu này tròn một nghìn do-tuần, hình tròn trịa; tất cả đều là sâu dày cây cối, chim Ca-Lâu-La ở trong rừng.

Bên ngoài châu, dưới nước đều là chỗ ở của rồng; rồng ở chỗ này cũng giống như chỗ để dành đồ uống ăn của chim kia, nếu đói liền bắt. Chim Ca-Lâu-La có bốn loại: Một là hóa sinh, hai là thấp sinh, ba là noãn sinh, bốn là thai sinh. Tất cả rồng cũng bốn loại sinh. Ca-Lâu-La hóa sinh có thể ăn cả bốn loại rồng; Ca-Lâu-La thấp sinh thì trừ loài rồng hóa sinh ra, có thể ăn ba loại; Ca-Lâu-La noãn sinh ăn hai loại rồng sau; Ca-Lâu-La thai sinh ăn một loại sau.

Khi chim ấy ăn, hai cánh quạt nước, nước rẽ ra năm mươi do-tuần, nhân đó bắt lấy rồng, trở lại trên cây mà ăn. Chim ăn sót lại giống như xương ngỗng ngang trên đất, cho nên bốn châu thường có mùi hôi thối.

Khoảng giữa hai châu Đông Phất-Tì-Đề và Nam Diêm-Phù-Đề, trong châu chỗ ở của chim Ca-Lâu-La tên là Khúc Thâm Phù lưu, gốc rễ cành nhánh đều đầy đủ, hình tướng đáng yêu, lá dày che kín lâu ngày không rụng trống, gió mưa không lọt vào. Như vòng hoa trang sức và khuyên tai bằng các báu tinh xảo của thế gian, cũng như tàn lọng lần lượt che phủ, hình tướng của cây này cũng đáng yêu như thế. Cao một trăm do-tuần, thân lớn thẳng, năm mươi do tuần mới có tán cây; tán cây bốn phía, đường kính một trăm do-tuần. Dưới gốc cây này, đường kính năm do-tuần, chu vi năm mươi do-tuần. Ca-Lâu-La chúa tên là Bì-Na-Đế-Da ở trên cây này.

Đại Long vương tên là Ma-Na-Tur, khi muốn đùa cùng chim chúa thì nổi lên hiện ra. Lúc ấy chim chúa bắt lấy rồng này để trên cành cây. Nhưng rồng chúa ấy tự tính vốn lớn, bèn lại biến hóa có thể khiến thân dài ra. Như thế, chim chúa bắt rồng trở lại cây, thân của rồng cứ tùy theo đó mà dài ra. Vì rồng nặng nên cây bị bẻ cong.

Kúc ấy, chim chúa biết sự ấy rồi, bèn thả rồng ra, nghĩ như thế này: Rồng Ma-Na-Tur này phá hoại chỗ ở của ta. Khi ấy chim chúa Bì-Na-Đế-Da khởi tâm hối hận, lùi về một chỗ, ưu não nghĩ thầm: Ma-Na-tur này còn có thể mạnh hơn ta.

Lúc đó, rồng Ma-Na-Tur lại biến làm đồng tử cõi trời, dùng vàng và báu trời trang nghiêm tay và cánh tay, khuyên tai cõi trời, anh lạc bằng các báu để trang sức thân, đến chỗ chim chúa mà nói thế này: Bạn lành! Bạn có sự gì ưu não khổ não, ở một mình im lặng, khởi tâm bất an? Chim chúa đáp rằng: Tôi nay bị chướng vì rồng Ma-Na-Tur phá hoại chỗ ở của tôi. Đồng tử đáp rằng: Bạn lành! Bạn còn bắt rồng làm thức ăn chẳng? Tổn hại chỗ ở của bạn mà còn ưu não, rồng mất quyền thuộc thì khổ thế nào? Nếu bạn lại còn bắt rồng thì chỗ ở quyết sẽ chẳng tồn tại.

Như thế, hai chúa rồng và chim, cùng lập thệ nguyện, vĩnh viễn làm bạn.

Vì nhân duyên này nên gọi cây ấy là Khúc Thâm Phù lưu.

Bốn thiên hạ này và bốn điệu châu thì đất rất lớn nhất, cho nên nay nói rằng, mỗi một châu kia, có tám châu vây quanh : Ngưu châu, Dương châu, Tử châu, Thần châu, Hầu châu, Tượng châu, Nữ châu. Bảy châu còn lại cũng lại như vậy.

Nghĩa này Phật Thế Tôn đã nói; tôi nghe như vậy.

PHẨM THỨ BẢY: SỐ LƯỢNG

Lúc ấy Phật bảo Tì-khuru Phú-Lâu-Na: Đất của thế giới này hình tướng tròn trịa như cái mâm đuốc bằng đồng, như bánh xe của nhà làm gốm, đất của thế giới này cũng lại như vậy.

Giống như vành của mâm đuốc đồng duyên cạnh góc mà khởi, núi Thiết Vi kia cũng lại như thế. Ví như chính giữa của mâm đuốc đồng nhô lên cao, trong thế giới này có núi chúa Tu-Di cũng lại như thế. Núi Tu-Di này được làm thành bằng bảy báu, hình sắc đáng yêu. Bốn góc ngay thẳng ví như thợ khéo dùng thước mà làm thành bản trụ hình vuông ngay ngắn, núi Tu-Di này cũng lại như thế. Một nửa ngập trong nước tám vạn do-tuần, một nửa trên mặt nước cũng tám vạn do-tuần. Bốn phía núi, mỗi cạnh tám vạn do-tuần,

chu vi ba mươi hai vạn do-tuần. Biển lớn trong cùng tên là biển Tu-Dị, sâu tám vạn do-tuần, rộng bốn vạn do-tuần, một bên dài mười sáu vạn do-tuần, chu vi sáu mươi bốn vạn do-tuần.

Ngoài biển có núi tên là Do-Càn-Đà, núi này vào nước bốn vạn Do-tuần, cao trên mặt nước cũng thế, rộng cũng như vậy. Núi này một bên dài hai mươi hai vạn Do-tuần, chu vi chín mươi sáu vạn Do-tuần.

Biển bên ngoài núi này cũng tên là Do-Càn-Đà, sâu bốn vạn Do-tuần, rộng cũng như vậy. Một bên dài ba mươi hai vạn Do-tuần, chu vi một trăm hai mươi tám vạn Do-tuần.

Ngoài biển lại có núi tên là Y-Sa-Đà, sâu hai vạn Do-tuần, cao cũng như thế, rộng cũng như vậy, một bên dài ba mươi sáu vạn Do-tuần, chu vi một trăm bốn mươi tư vạn Do-tuần.

Ngoài núi lại có biển cũng tên là Y-Sa-Đà, sâu hai vạn Do-tuần, rộng cũng thế, một bên dài bốn mươi vạn Do-tuần, chu vi một trăm sáu mươi tư vạn Do-tuần.

Ngoài biển lại có núi tên là Ha-La-Trí, sâu một vạn Do-tuần, cao cũng thế, rộng cũng vậy, một bên dài bốn mươi tư vạn Do-tuần, chu vi một trăm bảy mươi sáu vạn Do-tuần.

Ngoài núi có biển, cũng tên là Ha-La-trí, sâu một vạn Do-tuần, rộng cũng như thế, một bên dài bốn mươi sáu vạn Do-tuần, chu vi một trăm tám mươi tư vạn Do-tuần.

Ngoài biển lại có núi, tên là Tu-Đẳng-Bà, sâu năm nghìn Do-tuần, cao cũng như thế, rộng cũng vậy; một bên dài bốn mươi bảy vạn Do-tuần, chu vi một trăm tám mươi tám vạn Do-tuần.

Ngoài núi lại có biển, cũng tên là Tu-Đẳng-Bà, sâu trong nước năm nghìn Do-tuần, rộng cũng như thế, một bên dài bốn mươi tám vạn Do-tuần, chu vi một trăm chín mươi hai vạn do-tuần.

Ngoài biển lại có núi tên là A-Sa-Thiên-Na, sâu trong nước hai nghìn năm trăm Do-tuần, cao cũng như thế, rộng cũng như vậy, một bên dài bốn mươi tám vạn năm nghìn Do-tuần, chu vi một trăm chín mươi tư vạn Do-tuần.

Ngoài núi lại có biển cũng tên là A-Sa-Thiên-Na, sâu hai nghìn năm trăm Do-tuần, rộng cũng như thế; một bên dài bốn mươi chín vạn Do-tuần, chu vi một trăm chín mươi sáu vạn Do-tuần.

Ngoài biển lại có núi tên là Tì-Na-Đa, sâu trong nước một nghìn hai trăm năm mươi Do-tuần, cao cũng như vậy, rộng cũng như thế; một bên dài bốn mươi chín vạn hai nghìn năm trăm Do-tuần, chu vi một trăm chín mươi bảy vạn Do-tuần.

Ngoài núi lại có biển, cũng tên là Tì-Na-Đa, sâu một nghìn hai trăm năm mươi Do-tuần, rộng cũng như thế; một bên dài bốn mươi chín vạn năm nghìn Do-tuần, chu vi một trăm chín mươi tám vạn Do-tuần.

Ngoài biển lại có núi tên là Ni-Dân-Đà, sâu trong nước sáu trăm hai mươi lăm nghìn Do-tuần, cao cũng như vậy, rộng cũng như thế; một bên dài bốn mươi chín vạn sáu nghìn hai trăm năm mươi Do-tuần, chu vi một trăm chín mươi tám vạn năm nghìn Do-tuần.

Ngoài núi lại có biển cũng tên là Ni-Dân-Đà, sâu sáu trăm hai mươi lăm Do-tuần, rộng cũng như thế; một bên dài bốn mươi chín vạn bảy nghìn năm trăm Do-tuần, chu vi một trăm chín mươi chín vạn do-tuần.

Ngoài biển mặt có núi tên là Thiết-Vi, sâu trong nước ba trăm mười hai Do-tuần, một nửa nhô trên mặt nước cũng như vậy, rộng cũng như thế, chu vi ba mươi sáu ức một vạn ba trăm năm mươi Do-tuần.

Từ biên giới của núi Ni-Dân-Đà đến núi Thiết-Vi là ba ức sáu vạn ba nghìn hai trăm tám mươi tám Do-tuần.

Từ biên giới biển Ni-dân-Đà đến biên giới núi Thiết-Vi là ba ức sáu vạn hai nghìn sáu trăm sáu mươi ba Do-tuần.

Từ biên giới phía Nam của Diêm-Phù-Đề đến núi Thiết-Vi là ba ức sáu vạn sáu trăm sáu mươi ba Do-tuần.

Từ chính giữa Diêm-Phù-Đề đến chính giữa của Tây Cù-Da-Ni là ba ức sáu vạn sáu nghìn Do-tuần.

Từ biên giới phía Bắc của Nam Diêm-Phù-Đề đến biên giới phía Bắc của Uất-Đan-Việt là bốn ức bảy vạn bảy nghìn năm trăm Do-tuần.

Từ biên giới nước của núi Thiết-Vi đến biên giới nước phía cực Tây của núi Thiết-Vi, đo thẳng là mười hai ức hai nghìn tám trăm hai mươi lăm Do-tuần.

Chu vi biên giới nước của núi Thiết-Vi là bốn mươi sáu ức tám nghìn bốn trăm bảy mươi lăm Do-tuần.

Từ biên của đỉnh núi Tu-Di đến biên kia của đỉnh Tu-Di là mười hai ức ba nghìn bốn trăm năm mươi Do-tuần.

Từ chính giữa núi Tu-Di này đến chính giữa của núi Tu-Di kia là mười hai ức tám vạn ba nghìn bốn trăm năm mươi do-tuần.

Từ chân núi Tu-Di này đến chân núi Tu-Di kia là mười hai ức ba nghìn mười lăm Do-tuần.

Nghĩa như thế, Phật Thế Tôn nói. Tôi nghe như vậy.

PHẨM THỨ TÁM: CHỖ Ở CỦA CHƯ THIÊN

Phật bảo Tì-khưu: Núi chúa Tu-Di này Đông, Tây, Nam, Bắc có bốn biên. Biên phía Đông được thành bởi chân kim, biên phía Tây được thành bởi bạch ngân, biên phía Bắc bởi lưu ly, biên phía Nam bởi pha lê. Tất cả các biên được thành bởi các báu.

Núi Tu-Di này có đầy đủ bảy tính nhất. Chính giữa đỉnh cao nhất của núi bằng phẳng, chỗ hơn hết là thành lớn Thiện Kiến của trời Đao-Lợi, chu vi bốn phương mười nghìn Do-tuần, thuần vàng ròng vây quanh thành, cao một Do-tuần, tường phụ trên thành cao một nửa Do-tuần, cửa cao hai Do-tuần. Cửa lớp bên ngoài cao một Do-tuần rưỡi, mỗi một Do-tuần có mỗi một cửa. Bốn mặt cửa thành là lầu Thiên môn. Các cửa thành này do các báu làm thành, được trang nghiêm bởi đủ loại ma-ni tô. Ví như thảm thêu diệp hảo của đất Bắc: Người, phi nhân, rồng, thú, cỏ cây và các tạp hoa không gì chẳng đủ, cũng như khuyên tai được trang nghiêm bằng các báu viên mãn cụ túc, các cửa thành này cũng lại như thế.

Hoặc có tất cả các tướng chúng sinh, đủ loại tướng các cây cối và tạp hoa trang nghiêm.

Bên cửa phía ngoài thành được trang nghiêm bởi tượng binh, trang nghiêm bởi mã binh, trang nghiêm bởi xa binh.

Trụ ở cửa thành này là các Thiên tử được trang nghiêm bằng tích trượng vì để bảo vệ đất nước, vì muốn đi xem, vì trang nghiêm.

Bốn bên ngoài thành bảy lớp hàng rào bao quanh báu. Lớp trong cùng được làm thành bằng vàng ròng, tiếp đến là dùng bạc trắng, thứ ba là lưu ly, thứ tư là pha lê, ba lớp bên ngoài là được làm thành bằng tạp bảo.

Bên ngoài bảy lớp, lại bảy lớp cây đa-la bao quanh. Cây ở chính giữa vàng ròng làm gốc, tiếp là bạc trắng, thứ ba là lưu ly, thứ tư là pha lê. Ba loại bên ngoài thì các báu làm gốc. Cây Đa-la vàng thì bạc trắng, lưu ly, pha lê, các báu làm hoa lá, quả cũng như vậy. Cây đa-la bạc thì vàng kim, lưu ly, pha lê, các báu làm hoa lá, quả cũng như thế. Cây đa-la lưu ly thì vàng, bạc, pha lê làm hoa, lá, quả. Cây đa-la pha lê thì vàng, bạc, lưu ly làm lá, hoa, quả. Ba loại bên ngoài thì lá, hoa, quả đều là các báu làm thành.

Cây đa-la này, gió nhẹ thổi động phát ra âm thanh vi diệu, có thể khiến chúng sinh khởi năm trói buộc: Một là sinh thọ, hai là khởi sự trói buộc, ba là khởi mê loạn, bốn là sinh chấp trước, năm là chẳng chán lìa. Ví như năm phần âm nhạc, nếu nhạc sư tinh diệu tấu lên năm âm thời có thể khởi lên nơi chúng sinh năm loại dục tâm, âm thanh của cây này cũng lại như thế.

Trong khoảng bảy lớp hàng cây, nơi nơi đều có các ao báu, ngang dọc một trăm thiên cung, nước trời tràn đầy, bốn báu làm bờ lũy, đáy và bờ được làm thành bằng vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Bốn bên ao ấy cũng dùng bốn báu để làm thềm đường. Trong mỗi một ao có vô lượng hoa được làm thành bằng năm báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê và hoa báu.

Trong các ao này có thuyền bằng bốn báu bằng bành trong đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Lại có tám loại đồ chơi nước: Một là thủy lâu dẫn bước vào nước, đồ đựng nước bằng bảy báu rót nước trên thân, ba là dụng cụ đập nước để làm âm nhạc, bốn là vẩy nước để nô đùa, năm là bánh xe nước, sáu là nhà nổi, bảy là bánh xe báu làm nước thành tiếng, tám là có những ngôi nhà tự đóng tự mở để nước chảy. Trong đó, chư Thiên nam nữ ngồi thuyền du hí, khi ấy thuyền báu tùy tâm ý mà nhanh chậm. Chư Thiên nam nữ nếu phát ý nguyện muốn hưởng đến chỗ đó, thuyền liền đến đó. Chư Thiên phát ý niệm như thế này: Nguyện hái hoa kia đến chỗ tôi, hoa bèn tự đến. Trong đó, do quả báo tự nhiên, gió nổi lên, thổi các hoa quý rơi khắp trên chư Thiên. Lại có gió khác thổi các vòng hoa trang nghiêm trên đầu, trên thân, hoặc làm mũ báu, hoặc làm anh lạc, hoặc làm ấn trên tay cho đến làm dây lưng, hoặc làm vòng chân.

Bốn bên bờ ao có cây năm loại báu: Một là vàng, hai là bạc, ba là lưu ly, bốn là pha lê, năm là cây báu. Trong khoảng hàng cây báu có các điện đường được làm thành bằng năm loại báu, chư Thiên nam, nữ ở trong đó. Ở ngoài thành này có nhiều chư Thiên đầy khắp cõi nước. Phía ngoài cây Đa-la có ba loại hào, mỗi một hào rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần, phía dưới rộng hơn phía trên. Trong hào nước trời tràn đầy, cũng được làm thành bằng bốn báu: Vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Bốn bên của hào cũng bằng bốn báu để làm thềm đường.

Trong mỗi một hào lại có vô lượng các loại hoa bằng bốn báu, có thuyền bốn báu nổi ở trên, được làm thành bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê.

Lại có tám loại dụng cụ vui chơi với nước: Một là lầu nhỏ để bước vào nước, hai là hộp bằng bảy báu đựng nước rót trên thân, ba là dụng cụ đánh nước để làm âm nhạc, bốn là vẩy nước để vui đùa, năm là bánh xe nước, sáu là nhà nổi, bảy là bánh xe báu tạo nước thành tiếng, tám là có những ngôi nhà tự đóng tự mở để nước chảy.

Trong đó chư Thiên cưỡi thuyền vui chơi. Các thuyền báu này tùy tâm mà mau chậm. Nam nữ chư Thiên nếu muốn thế này: “Muốn thuyền đến kia”, liền đến đó. Chư Thiên nếu khởi ý muốn thế này: “Lấy hoa kia lại chỗ của tôi”, hoa liền tự đến. Trong đó, do quả báo tự nhiên nổi gió, thổi các hoa báu rải khắp chư Thiên. Lại có gió khác thổi các vòng hoa trang nghiêm trên đầu và thân; hoặc làm mũ báu, hoặc làm anh lạc, hoặc làm ấn trên tay, dây lưng, vòng chân cũng lại như thế.

Trong khoảng trung gian hào, các cung điện, nhà báu trời, là nơi ở của chư Thiên nữ. Trong điện đường bày các vạc báu, trong mỗi một vạc trồng các loài hoa cỏ có hình tướng lạ, năm sắc, mỗi mỗi thành hàng.

Phía ngoài của ba loại hào ấy, được bao quanh bởi các cây báu, là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chất báu sắc hoa sen, ốc đá, xa cừ. Trong rừng cây này, khắp nơi đều có ao hoa bảy báu, nước cõi trời tràn đầy, cho đến thuyền báu vui chơi và các điện đường- nơi dừng ở của chư Thiên nam nữ. Nhiều chư Thiên đầy khắp cõi nước cũng lại như trên đã nói.

Lúc ấy phía ngoài hào, các cây bảy báu nở hoa bảy báu: Vàng, bạc, lưu ly, pha lê cho đến hoa báu. Trong rừng ấy chư Thiên nữ tấu nhạc ca hát. Vô lượng Thiên tử từ thành lớn ra, vào rừng xem nghe. Trong thành kia, các Thiên tử tấu nhạc hát ca, chư Thiên nữ bên ngoài vào thành xem nghe. Nhân phương tiện này qua lại vui chơi.

Các phần của đại thành, chính giữa một trong bốn phần là thành vàng – nơi ở của Đệ-Thích. Cứ mười hai do-tuần có mỗi một cửa, bốn mặt có bốn trăm chín mươi chín cửa, lại có một cửa nhỏ- là năm trăm cửa. Hình tướng của thành này cũng trang nghiêm bằng bốn binh bảo vệ, rừng, cây, ao...cung điện, tấu nhạc ca xướng và các vui chơi bên ngoài đủ loại trang nghiêm đều như đã nói ở trước.

Chính giữa của thành này là chỗ ở của Thích-Đề-Hoàn-Nhân. Lầu báu điện các chập trùng tên là Bi-Thiên-Diên, dài năm trăm do-tuần, rộng hai trăm năm mươi do-tuần, chu vi một nghìn năm trăm do-tuần, trụ cao chín do-tuần, được làm thành bằng bốn báu: Một là vàng, hai là bạc, ba là lưu ly, bốn là pha lê ha, bốn loại báu để làm chân cột.

Bốn bên lầu này có bốn thềm đường. Tất cả tường vách đều bốn báu làm thành, vây quanh trì giữ ba tầng lầu: Tầng thứ nhất được làm thành bằng vàng ròng, thứ hai là bạc trắng, thứ ba là trùng linh báu, gió nhẹ thổi động phát ra âm thanh vi diệu, ví như năm phần âm nhạc như trước đã nói. Nghe âm thanh cây đa-la có thể khiến chúng sinh khởi tâm dục trối buộc.

Bốn bên lầu các là lầu báu ngăn địch: Bên Đông có hai mươi sáu, ba mặt kia mỗi mặt có hai mươi lăm, cộng là một trăm lẻ một. Mỗi một lầu ngăn địch vuông hai do-tuần, chu vi tám do-tuần. Trên lầu ngăn địch lại có lầu báu cao nửa do-tuần để nhìn xa.

Mỗi một lầu ngăn địch có bảy Thiên nữ, mỗi một Thiên nữ có bảy tì nữ. Trong lầu gác có bảy vạn bảy trăm phòng thất; trong mỗi một phòng có bảy Thiên nữ, mỗi một Thiên nữ cũng có bảy tì nữ. Các Thiên nữ ấy đều là chính phi của Đế-Thích. Số bên ngoài và trong các phòng có bốn ức chín vạn bốn nghìn chín trăm chính phi; ba mươi chín ức bốn nghìn ba trăm tì nữ; phi và tì nữ hợp lại có ba mươi chín ức năm vạn chín nghìn hai trăm.

Bi-Thiên-Diên nhiều trùng các, cao hơn hết là nhà tròn ở chính giữa, rộng ba mươi do-tuần, chu vi chín mươi do-tuần, cao bốn mươi do-tuần, là nơi ở của Thích-Đề-Hoàn-Nhân, đều được làm thành bằng lưu ly, đất đều mềm láng, các báu trang nghiêm. Ví như gấm thêu diệu hảo của đất Bắc: Ngươi, phi nhân, rồng, thú, cỏ cây và các tạp hoa cỏ, không gì chẳng đủ, cũng như khuyên tai được trang nghiêm đầy đủ các báu, chỗ ở của Đế-Thích cũng lại như thế, đều được làm thành bằng lưu ly, các báu trang nghiêm. Đất được chân dẫm lên liền lún ngập chân, nếu nhấc lên thì trở lại như cũ. Như tụ gấm vi tế và gấm chú- la , nơi ở của Đế-Thích cũng lại như vậy, dẫm chân lên liền chìm, nhấc chân liền nổi. Tưới rải tạp hoa, đốt các hương thơm, treo các y trời và vòng hoa báu. Chỗ như vậy, Thích-Đề-Hoàn-Nhân với A-tu-la nữ Xá-Chi cùng ở. Đế-Thích hóa thân cùng ở với các phi, tất cả các phi đều nghĩ thế này: "Đế-Thích ở cùng với ta", mà chân thân của Đế-Thích thì ở cùng với Xá-Chi.

Trong thành ấy, bốn bên chỗ ở các ngã tư đường, chợ búa đều điều hòa ngay thẳng. Thành của chư Thiên này, hoặc có nhà vuông bốn mặt tương ưng, hoặc có chỗ ở phòng ốc cao nhọn nhiều tầng, hoặc có chỗ ở lầu cao nhiều tầng, hoặc có chỗ ở đài quán vút mây, hoặc có chỗ ở bốn phía rất nhiều. Tùy theo phúc đức mà được làm thành bởi các báu, bằng phẳng ngay thẳng. Thành của chư Thiên này, số đường có năm trăm, bốn phía thông nhau, hàng lối phân minh, đều như đường bàn cờ. Bốn cửa thông nhau, Đông - Tây nhìn nhau, phố xá chợ búa của báu đầy khắp. Thứ nhất là chợ lúa gạo, hai là chợ y phục, ba là chợ các thứ hương, bốn là chợ uống ăn, thứ năm là chợ vòng hoa, thứ sáu là chợ các thứ thủ công, thứ bảy là chợ dâm nữ. Nơi nơi đều có chợ, trông coi các chợ này là chư Thiên tử, Thiên nữ lui tới, mua bán thương lượng, sang nghèo cầu tổ, tăng giảm xứng lượng, tính toán đầy đủ các pháp chợ búa. Tuy làm như thế nhưng để vui thích, không có tâm lấy, không cho, không của tôi, khỏi chỗ mong muốn, liền đủ bỏ đi. Nếu nghiệp tương ưng thì tùy ý mà lấy, nếu nghiệp không tương ưng liền nói thế này: "Vật này quý, không phải thứ tôi cần".

Bốn phía ngã tư đường được trang nghiêm với voi, ngựa, xe, binh lính và chư Thiên tử dừng ở; trong đó hoặc làm thủ hộ, hoặc vì vui chơi âm nhạc, hoặc để trang nghiêm. Đường trong chợ tất cả đều bằng lưu ly mềm láng đáng yêu, trang nghiêm các báu. Ví như thảm thêu diệu hảo của đất Bắc: Rồng, thú, hoa cỏ đều như đã nói ở trước, cho đến đốt hương rải hoa, treo các thiên y cũng lại như thế.

Lại, khắp nơi nơi dựng lập tràng phan, trong đại thành của chư Thiên các âm thanh như vậy hằng chẳng dứt tuyệt, nghĩa là: Tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng loa, tiếng

ba-na-bà, tiếng trống, tiếng mâu-trùng-già, tiếng âm nhạc; lại có âm thanh nói: “Lành thay hãy lại, hãy lại, ăn uống, tôi nay cúng dường”.

Đại thành Thiện kiến này là nơi ở của Đế-Thích, lại có thiên châu, thiên quận, thiên huyện, thiên thôn bao quanh khắp trên núi Tu-Di. Góc phía Tây của đại thành Thiện Kiến ngoài hai mươi do-tuần, chư Thiên Đao-Lợi có Thiện Pháp đường, đường kính ba mươi do-tuần, chu vi chín mươi do-tuần, cao bốn mươi lăm do-tuần đều được làm thành bằng lưu ly. Đất đều mềm láng, các báu trang nghiêm, ví như thảm thêu diêu hảo của đất Bắc: Người, phi nhân, rồng, thú, thảo mộc và các tạp hoa không gì chẳng đủ. Cũng như khuyên tai trang nghiêm đầy đủ các báu vi diêu, Thiện Pháp đường vi diêu cũng lại như thế, mềm láng đáng yêu, chân dẫm liền lún, chuyển chân lại nổi, đủ loại trang nghiêm như đã nói ở trước.

Có ba lớp bao bọc chung quanh: Một được làm thành bằng vàng ròng, hai là bạc trắng, ba là lưu ly. Mỗi một tầng có ba hàng linh báu, gió nhẹ thổi động phát ra âm thanh vi diêu. Ví như năm phần âm nhạc...như đã nói ở trước. Âm thanh của cây đa-la có thể khiến chúng sinh khởi năm dục trói buộc.

Trong đường này, đại trụ bằng các báu cao vút khỏi phía trên của điện đường; trên đỉnh cao nhất của trụ được phủ kim lộ bàn, đủ loại trang nghiêm trọn đều đầy đủ. Đại trụ ở chính giữa này cao một do-tuần, đường kính một phần ba. Mỗi chuyên giác (xà ngang) có mười sáu trụ, mỗi một trụ lại có mười sáu trụ vây quanh, mỗi một chuyên trụ được giữ bằng hai trăm bảy mươi hai trụ nhánh. Các chuyên trụ phân làm ba phần, mỗi phần có một nghìn năm mươi hai trụ vây quanh, ba phần là ba vạn hai nghìn một trăm năm mươi sáu chuyên trụ, đều có ba mươi ba ức sáu nghìn bốn trăm ba mươi hai trụ. Trụ này dưới xuống đến đất, trên thì không đến giác, như một búi tóc. Hoặc có một trụ trên thì đến giác mà dưới không đến đất, như một búi tóc.

Do nghĩa này nên Thiện Pháp đường trụ trong hư không, chẳng thể biết rõ. Bốn phương đều có cửa: một là chính Đông, hai là chính Tây, ba là chính Nam, bốn là chính Bắc.

Bên ngoài Thiện Pháp đường này nơi nơi có ao báu lớn, nước trời đầy tràn, bầu báu làm bờ lũy, đáy và bờ được làm thành bằng vàng, bạc, lưu ly và pha lê ha. Bốn bên của đất cũng dùng các báu để làm thêm đường.

Trong mỗi một ao có vô lượng hoa được làm thành bằng năm báu: Vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hoa báu. Trong các ao này có thuyền báu bằng bành. Trong đó lại có tám loại dụng cụ chơi nước: Một là lầu bước vào nước, hai là hộp bằng bảy báu rót nước trên thân, ba là dụng cụ đánh nước để làm âm nhạc, bốn là vẫy nước để vui chơi, năm là bánh xe nước, sáu là nhà nổi, bảy là bánh xe báu tạo nước thành tiếng, tám là có những ngôi nhà tự đóng tự mở để nước chảy. Trong đó, chư Thiên nam nữ cưỡi thuyền đi chơi, tùy tâm mà mau hay chậm; trong không trung các loài hoa tự nhiên tự lại trang nghiêm thân chư Thiên, cho đến có nhiều điện đường của chư Thiên đều trọn đầy khắp cũng lại như thế.

Bên ngoài Thiện Pháp đường này có đại viên lâm vây quanh thành vàng, chu vi một nghìn do-tuần. Thành cao một do-tuần, lại thêm nửa do-tuần. Cửa cao hai do-tuần, rộng mười hai do-tuần. Mỗi nơi đều có cửa, chín mươi chín cửa, lại có một cửa nhỏ. Các cửa này được làm thành bởi các báu, được trang nghiêm bằng báu ma-ni vi diêu, ví như thảm thêu vi diêu đất Bắc, đủ loại chạm khắc. Cửa này lại có bốn loại binh phòng vệ, đều như đã nói ở trước. Phía ngoài có bảy lớp cửa báu cũng lại như đã nói ở trên, bảy lớp rừng Đa-la vây quanh cũng như đã nói ở trên. trong khoảng hàng cây có các ao báu cách nhau một trăm cung, đủ loại trang nghiêm cũng như đã nói ở trên, năm hàng hoa báu cũng như đã nói ở trên và thuyền bốn báu cũng như trên nói. Bờ ao có hoa bằng năm loại báu cũng như trên nói. Cho đến điện đường bốn báu- chỗ ở của chư Thiên nam nữ. Bên ngoài thành ba lớp hào như trên đã nói. Mỗi một hào rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần, hình như miệng hồ, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy, đều như đã nói ở trước.

Trong khoảng đất của hào có các điện đường của các dâm nữ la liệt. Phía ngoài của ba lớp hào được vây quanh bởi rừng cây bảy báu cũng lại như trên đã nói.

Lúc ấy trong rừng ở phía ngoài ấy, tất cả các hoa khai mở tươi thắm. Khi các Thiên nữ tấu nhạc ca hát, các Thiên tử từ Pháp đường trong thành ra, vào trong vườn này xem nghe. Trong đó khi các Thiên tử cũng tấu âm nhạc, các Thiên nữ từ Thiện Pháp đường ra vườn xem nghe. Nhân sự như thế, chư Thiên nam nữ thường thọ đùa vui.

Từ góc Tây-Bắc của đại thành này đến cửa của Thiện Pháp đường hai mươi do-tuần, rộng mười do-tuần, đất bằng láng được làm thành bởi lưu ly, mềm mại đáng yêu, các báu trang nghiêm. Ví như thảm thêu vi diệu của đất Bắc: Người, phi nhân, voi, ngựa, hoa, cây các loại đầy đủ; lại như khay tai các báu hợp thành, con đường ấy dẫm chân lên liền chìm, nhấc chân lên liền nổi, như gấm đầu-la và mộc cấm, con đường mềm mại cũng lại như thế.

Ba vòng trang nghiêm quanh thành, mỗi lớp được làm thành bởi các báu, mỗi một lớp có ba tầng linh báu vây quanh; mỗi một linh báu được làm thành bởi các báu, gió nhẹ thổi động phát ra âm thanh vi diệu, có thể khiến Chư thiên khởi tâm dục trối buộc.

Hai bên đường này được kẹp bởi hai sông nước tên là Trường Hình, cũng dài hai mươi do-tuần, nước công đức tự nhiên tràn đầy. Hai bên sông đều được cấu thành bằng các báu như đã nói ở trước; bốn bên thềm đường cũng như đã được nói ở trước; trong nước sông này có hoa bằng năm báu cũng như đã được nói ở trước; thuyền bằng bốn báu bơi nổi trong đó, tám thứ dụng cụ để chơi nước, thuyền nhanh hay chậm tùy tâm cũng như đã nói ở trước.

Chư Thiên muốn hoa kia lại thì theo niệm liền đến. Vì quả báo thiện nên mưa các hoa báu rải khắp chư Thiên, lại có gió khác thổi các vòng hoa, tùy theo phần thân mà cần trang nghiêm, thân, cánh tay, tay, chân tự nhiên mà mang.

Ngoài bên bờ sông có ba lớp cây báu bày hàng đầy khắp cũng như đã được nói ở trước. Ao báu và điện đường báu của chư Thiên thì nam nữ chư Thiên số vô lượng đầy khắp trong đó.

Lúc đó chư Thiên Đao-Lợi muốn vào trong vườn hoa này, Thiện Pháp đường kia có gió tên là Hợp Tụ tụ tập nên thổi hoa khiến bay ra ngoài thành, tinh khiết vô phược; hoa héo tàn thì lại có gió khác tên là Chế Đao thổi ra ngoài rừng hoa và lấy trì chiếu mà tụ các hoa mới: Xanh, vàng, đỏ, trắng, tạp sắc; đã tụ lại rồi thì gió Hợp Tụ lại tụ tập hoa này vào trong Thiện Pháp đường, trải khắp mặt đất mà làm các hình tượng: Hoặc hiện hình tượng vàng, bạc; hoặc hiện hình hoa sen; hoặc hiện hình đê mê, hoặc hiện hình tượng voi, ngựa, xe, bộ binh; hoặc hiện hình hươu nai; hoặc hiện hình ca-lâu, rồng, chim... Nhân đây mà bày khắp mặt đất của Thiện Pháp đường, hoa dày đến gối, trang nghiêm đầy đủ. Lúc ấy chư Thiên nhiễu quanh Thích-Đề-Hoàn-Nhân, cung kính bậc tôn quý, vào trong vườn này.

Trong Thiện Pháp đường, bên cạnh trụ chính giữa có tòa sư tử, Thích-Đề-Hoàn-Nhân lên tòa mà ngồi. Hai bên phải, trái mỗi bên đều có mười sáu Thiên vương ngồi thành hàng; chư Thiên khác tùy theo thứ tự cao thấp mà ngồi.

Lúc ấy, Đế-Thích có hai thái tử, một tên là Chiên-Đàn, hai tên là Tu-Tì-La, là hai tướng quân của trời Đao-Lợi, tại Tam Thập Tam Thiên ngồi hai bên phải trái.

Lúc ấy Đề-Đầu-Lại-Tra, Thiên vương nương cửa Đông ngồi cùng các đại thần, cùng với chúng quân binh cung kính. Chư Thiên được vào ngồi ở trong.

Lúc ấy Tì-Lưu-Lặc, Thiên vương nương cửa Nam ngồi cùng các đại thần và chúng quân binh cung kính, chư Thiên được vào trong ngồi.

Lúc ấy Tì-Lâu-Bác-Xoa, Thiên vương nương cửa Tây ngồi cùng các đại thần và chúng quân binh cung kính, chư Thiên được vào trong ngồi.

Lúc ấy Tì-Sa-Môn, Thiên vương nương cửa Bắc ngồi cùng các đại thần và chúng quân binh cung kính, chư Thiên được vào trong ngồi.

Bốn Thiên vương này, nơi Thiện Pháp đường, tâu lên Đế-Thích và Đạo Lợi thiên nghe những thiện ác của thế gian.

Lúc ấy Phật Thế tôn nói sự như vậy: Tì-khuru ngày mồng tám của tháng, bốn đại thần của bốn Thiên vương này đi khắp thế gian, lần lượt quán sát; sẽ trong ngày này, hoặc ít hoặc nhiều, tất cả các người thọ trì tám giới, hoặc nhiều hoặc ít đều hành bố thí, hoặc nhiều hoặc ít tu hành phúc đức, hoặc nhiều hoặc ít cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và tôn trưởng trong nhà. Tì-khuru, ngày mười bốn của tháng này, thái tử của Thiên vương đi khắp thế gian, lần lượt quán sát, sẽ trong ngày ấy, hoặc nhiều hoặc ít tất cả những ai thọ trì tám giới, hoặc nhiều hoặc ít đều hành bố thí, hoặc nhiều hoặc ít tu hành phúc đức, hoặc nhiều hoặc ít cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, tôn trưởng trong nhà. Tì khuru, ngày mười lăm của tháng này, tứ Thiên Vương tự đi trong thế gian, lần lượt quán sát. Sẽ trong ngày này, hoặc nhiều hoặc ít, tất cả những ai thọ trì tám giới, hoặc nhiều hoặc ít đều hành bố thí, hoặc nhiều hoặc ít tu hành phúc đức, hoặc nhiều hoặc ít cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, tôn trưởng trong nhà. Nửa tháng đến sau cũng như vậy. Tì-khuru, nếu lúc ấy không có nhiều người thọ trì tám giới, nếu không có nhiều người tu hành bố thí, nếu không có nhiều người tu hành phúc đức, nếu không có nhiều người cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, tôn trưởng trong nhà. Tì-khuru, khi chư Thiên Đạo-Lợi trong Thiện Pháp Đường tập hợp ngồi rồi, thời tứ Thiên Vương đến Thiện Pháp đường, trả lời Đế-Thích mà nói thế gian sự, thưa rằng: Thiện Tôn! Không có nhiều người thọ trì tám giới, không có nhiều người tu hành bố thí, không có nhiều người tu hành phúc đức, không có nhiều người cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, tôn trưởng trong nhà. Lúc ấy chư Thiên Đạo-Lợi và Thích-Đề-Hoàn-Nhân sinh tâm ưu não, nói như thế này: "Việc này không lành, việc này không như pháp. Không có nhiều người thọ tám giới, không có nhiều người hành bố thí, không có nhiều người tu hành phúc đức, không có nhiều người cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và tôn trưởng trong nhà. Quyển thuộc của chư Thiên sẽ giảm ít, bạn lữ của A-tu-la sẽ tăng nhiều".

Tì-khuru, nếu nhiều người thọ tám giới, nhiều người hành bố thí, nhiều người tu hành phúc đức, nhiều người cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và tôn trưởng trong nhà thì lúc ấy, bốn Thiên vương đến Pháp Đường, thưa hỏi Đế-Thích và nói việc thế gian, rằng: "Thiện Tôn, có nhiều người thọ trì tám giới, nhiều người tu hành bố thí, nhiều người tu hành phúc đức, nhiều người cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và tôn trưởng trong nhà. Lúc ấy trời Đạo-Lợi nghe bốn Thiên vương nói, tâm sinh hoan hỷ, nói thế này: "Việc này rất vui, việc này như pháp. Nhiều người thọ trì tám giới, nhiều người tu hành bố thí, nhiều người tu hành phúc đức, nhiều người kính trọng cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và tôn trưởng trong nhà. Quyển thuộc của Chư thiên ngày một nhiều, bạn lữ của A-tu-la có chút giảm bớt.

Tì-khuru, lúc bấy giờ Thích-Đề-Hoàn-Nhân tự ngồi ở chỗ mình- là chỗ của trời chính tọa ở trong , từ thiên tâm khiến hoan hỷ mà nói kệ rằng:

Tháng này ngày mồng tám,
Ngày mười bốn, mười lăm,
Và ngày hai mươi ba,
Hai chín và ba mươi.

Ba thời mười lăm trai
Thọ trì tám phần giới,
Tịnh tâm và nhiếp trị;
Nếu thọ trì bố-tát,
Người này tu bảy pháp
Tương lai như ta nay.

Tì-khuru! Kệ này của Thích-Đề-Hoàn-Nhân là bài ca tà, không phải bài ca chính, đó là lời tà, không phải lời chính. Tại sao như thế?

Tì-khuru ! Thích-Đề-Hoàn-Nhân chưa giải thoát khỏi sinh, chưa giải thoát khỏi già, chưa giải thoát khỏi chết, chưa giải thoát khỏi ưu, chưa giải thoát khỏi bi, chưa giải thoát khỏi khổ, chưa giải thoát khỏi não, chưa giải thoát ngũ ấm.

Tì-khuru ! Nếu có Tì-khuru thành A-la-hán, sạch các lậu, tu đạo cứu cánh, chính trí giải thoát, sạch các kiết sử hữu; Tì-khuru như thế, nếu nói kệ này, mới đảm nhiệm được nói lời lành:

Tháng này ngày mồng tám,
Mười bốn và mười lăm,
Cùng tháng ngày hai ba,
Hai chín và ba mươi .
Ba thời mười lăm trai,
Thọ trì tám phần giới,
Tĩnh tâm và nhiếp trì.
Nếu thọ trì bố-tát
Người này tu bảy pháp
Tương lai như ta nay.

Tì-khuru! Kệ của Tì-khuru này chính là thiện ca, không phải tà ca, chính là lời thiện, không phải lời tà. Tại sao thế? Tì-khuru này đã giải thoát sinh, đã giải thoát già, đã giải thoát chết, đã giải thoát ưu, đã giải thoát bi, đã giải thoát khổ, đã giải thoát não, đã giải thoát năm ấm; bèn nói kỳ dạ ngôn:

Bốn Đại thần vương này
Mồng tám đi thiên hạ,
Thái tử bốn Thiên vương
Mười bốn xem thế gian,
Ngày mười lăm hơn cả
Bốn Vương hảo danh văn
Nên tự đi thế gian
Quán sát các thiện, ác.
Lúc đó bốn Thiên vương
Lên chỗ Thiện Pháp đường
Chư thiên tập hội lớn
Lắng nghe các thiện ác.
Ý người thế gian này
Tương ứng với đạo pháp.
Thiện Tôn, có nhiều người
Hành bố thí, bố tát;
Phục sần, hay tu đạo
Nam, nữ phúc tăng trưởng.
Lúc ấy trời Đạo-Lợi
Được tin rất hoan hỉ,
Sinh tùy hỉ rất nhiều:
Bốn Đại vương thiện thuyết
Chư thiên vui quyến thuộc
Chuyển chuyển được tăng nhiều.
Nguyện bạn của Tu-la
Mỗi ngày đều tổn giảm.
Tùy nhớ nghĩ chính giác
Pháp chính thuyết thánh chúng.

Chư Thiên ở an lạc
Tâm thường sinh hoan hỷ.
Quả thể, quả xuất thể
Đắc được trong cõi người
Nếu nương Phật Pháp Tăng
Trụ cảnh giới Tam Bảo.
Ta nay vì các ông
Nói đạo lành ba hiền,
Nếu ai cầu chân thật
Bỏ ác tu hành thiện
Không có của như vậy
Do ít hay được nhiều.
Như chư Thiên Đao-Lợi
Hành ít thiện sinh thiên
Các Đế-Thích, chư Thiên
Phúc đức lớn, nghe nhiều
Tụ tập Thiện Pháp đường
Và các trụ xứ khác
Hương thiện hành nam, nữ
Được phụng nghe bốn vương
Thanh tịnh được thiên ái
Huân tập khắp chư Thiên.

Các Thiên tử này hình sắc không giống nhau, y phục cũng khác, các báu trang nghiêm đủ loại khác nhau; trong Thiện Pháp đường hoa báu bốn sắc, người hoa đẹp dễ phát chiếu lẫn nhau. Ví như nhà báu đầy các chúng bảo, Thiện Pháp đường kia đáng yêu như thế.

Làm sao đường này gọi là Thiện Pháp? Chư Thiên này tụ tập trong đó, nhiều tán thán Phật, nhiều tán thán Pháp, nhiều tán thán Tăng; phân biệt sự tà, chính thế gian, tuyên thuyết đủ loại đạo xuất thế; vườn và các nơi không có sự như thế nên gọi nơi này là thiện Pháp đường.

Việc này Phật Thế tôn nói; tôi nghe như vậy.

LUẬN A-TÌ-ĐÀM VỀ THẾ GIỚI THÀNH LẬP QUYỂN THỨ BA

Đời Trần, nước Thiên Trúc, Tam Tạng Chân Đế dịch

PHẨM THỨ CHÍN: VƯỜN HOAN HỈ

Phía ngoài cửa Bắc của đại thành Thiện Kiến hai mươi do-tuần, chư thiên Đao-Lợi có vườn rừng lớn tên là Hoan Hỷ. Trong đó có ao cũng tên Hoan hỷ, vuông trăm do-tuần, sâu trũng như thế, nước trời tràn đầy. Bốn báu làm bờ lũy, đáy và bờ ao như đã nói ở trước, bốn bên thềm bậc cũng như đã nói ở trước, hoa năm loại báu cũng như đã nói ở trước, thuyề bốn loại báu, tám loại vui chơi, nhanh chậm tùy ý. Trong đó Chư thiên khi muốn

hoa kia thì ứng niệm mà đến. Vì quả báo thiện nên mưa các hoa báu rải khắp Chư thiên. Lại có gió khác thổi các vòng hoa, tùy theo muốn phần thân nào: Thân, đầu, tay, chân đều tự nhiên mà tùy mang. Bờ của ao ấy cây năm loại báu la liệt đầy khắp như đã nói ở trước. Trong khoảng giữa của các cây và các điện đường báu, Chư thiên nam nữ đứng ở đầy khắp, đều như trước đã nói.

Trong vườn có cây tên là Hoan Hỉ, hoa được sinh ra tên là Mạn-Đà-La, hình như bánh xe lớn, tướng mạo màu sắc như ánh sáng lửa, hoa nhẹ nặng như hoa trong loài người. Cây Hoan Hỉ chỉ có trong vườn này, nơi khác đều không có.

Chu vi của vườn này một nghìn do-tuần, đường kính ba mươi ba do-tuần thêm một phần ba do-tuần, bao bọc quanh thành vàng. Thành ấy cao một do-tuần, tường phụ thêm một nửa do-tuần. Cửa thành cao hai do-tuần, lầu cửa cao một do-tuần rưỡi. Cứ mười do-tuần lại có một cửa, chín mươi chín cửa lại có một cửa nhỏ là đủ một trăm cửa. Các cửa này được làm thành bởi các báu, được trang nghiêm bằng báu ma-ni vi diệu. Ví như thảm thêu diệu hảo đất Bắc, đủ loại chạm khắc. Cửa này lại có bốn binh phòng vệ, đều như đã được nói ở trước. Bảy lớp cửa báu bên ngoài cũng như trên đã nói. Được bao quanh bằng bảy lớp rừng cây đa-la cũng như đã được nói ở trên. Trong khoảng giữa cây có các ao báu, cách nhau trăm cung, đủ loại trang nghiêm cũng như đã nói trên. Hoa năm loại báu cũng như trên nói, và thuyền bốn báu cũng như nói trên. Bờ ao có cây năm loại báu cũng như nói ở trên, cho đến điện đường bốn báu, chỗ ở của Chư Thiên nam nữ. Bên ngoài thành này có ba lớp hào báu cũng như trên đã nói. Mỗi một hào ấy rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình như miệng hồ, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy đều như đã nói ở trên. Trong khoảng đất của hào này la liệt cung điện của các đấng nữ. Bên ngoài ba lớp hào có rừng cây bảy báu bao quanh cũng như đã nói ở trên.

Lúc ấy trong rừng bên ngoài, tất cả hoa đều nở tươi thắm. Các thiên nữ tấu nhạc hát ca, thời Chư Thiên tử từ vườn Hoan Hỉ ra vườn này xem nghe. Các Thiên tử trong rừng bên ngoài tấu nhạc ca hát thì trong vườn phía trong, Chư Thiên nữ cũng ra xem nghe. Thiên nữ vườn trong tấu nhạc thì Chư Thiên tử bên ngoài vào vườn xem nghe; Thiên tử vườn trong cũng tấu âm nhạc thì vườn ngoài Thiên nữ cũng vào xem nghe. Nhân duyên này mà thọ đùa vui.

Từ cửa Bắc đại thành Thiện Kiến đến cửa Nam của vườn Hoan hỉ, trong khoảng giữ đó đường hai mươi do-tuần, rộng mười do-tuần, đều dùng lưu ly làm đất, phẳng láng nằm mại, trang nghiêm các báu. Ví như thảm thêu diệu hảo của đất Bắc: Người, phi nhân, voi, ngựa, thú, hoa các loại đầy đủ; cũng như khuyên tai các báu hợp thành, hình tướng đường ấy cũng lại như thế. Dẫm chân liền lún, nhắc chân liền nổi, như gấm Đâu-la và gấm Dĩ mộc, đường ấy mềm mại cũng lại như vậy.

Được trang sức bởi ba lớp bọc ngoài, mỗi một lớp có ba tầng linh báu bao quanh, mỗi một linh báu được làm thành bởi bốn báu, gió nhẹ thổi động phát ra âm thanh vi diệu, khiến Chư Thiên khởi năm dục trói buộc. Hai bên đường này được kẹp bởi hai sông nước tên là Trường Hình, cũng dài hai mươi do-tuần, rộng mười do-tuần, nước tám công đức tự nhiên tràn đầy. Hai bên sông ấy lũy đều được cấu thành bằng bốn báu, còn lại cũng như đã nói ở trước.

Bốn bên sông ấy thềm đường đều như đã nói ở trước. Trong nước sông này có hoa năm loại báu cũng như trước nói; Thuyền bốn loại báu bơi nổi, tám loại dụng cụ chơi nước, cưỡi thuyền đi xem nhanh chậm tùy tâm cũng đều như trước đã nói.

Trong đó Chư Thiên muốn hoa kia lại thì tùy ý liền đến. Do quả báo thiện nên mưa các hoa báu rải khắp Chư Thiên, lại có gió khác thổi các vòng hoa trang nghiêm phần thân cần được trang nghiêm: Thân, đầu, tay, chân tự nhiên tùy mang.

Bên ngoài của hai bờ sông này cây năm loại báu la liệt đầy khắp, còn lại cũng như trước đã nói. Trong khoảng giữa của các cây này có các ao báu và điện đường báu; Chư Thiên nam nữ đều ở trong đó, vô lượng vô biên thiên chúng đầy khắp quốc độ.

Làm sao vườn này gọi là Hoan Hỉ? Vì trong vườn này có ao lớn tên là Hoan hỉ, vườn ấy có cây cũng tên là Hoan Hỉ, hoa của nó tên là Mạn-Đà-La, ba thứ này chỉ vườn này có, vườn khác không có. Lại nhân duyên gì gọi là Hoan hỉ?

Lúc ấy chư Thiên Đao-Lợi muốn vào vườn này, sinh đại hoan hỉ, thọ vui thích nhất, hết sức cùng nhau vui thích, cho nên gọi là Hoan Hỉ.

Nghĩa này Phật Thế Tôn nói; tôi nghe như vậy.

PHẨM THỨ MƯỜI: VƯỜN CHÚNG XA

Cửa Đông của đại thành Thiện Kiến, ngoài hai mươi do-tuần, chư Thiên Đao-Lợi có vườn tên là Chúng Xa. Trong vườn có ao lớn tên là Chấ-Đa-La, vuông một trăm do-tuần, sâu cũng như thế, nước trời tràn đầy tứ bảo làm lũy, đáy và bờ còn lại như đã được nói ở trên. Thềm đường bốn báu, hoa năm loại báu cũng như trên nói. Thuyền bốn loại báu và tám trò vui chơi nước, trong đó chư Thiên muốn hoa kia thời ứng niệm liền lại. Quả báo thiện nên mưa các hoa báu rưới rải khắp chư Thiên. Lại có gió khác thổi các vòng hoa tùy theo ý muốn trang nghiêm phần thân nào mà đều trang nghiêm: Thân, đầu, tay, chân tự nhiên mà mang theo. Bờ ao này cây năm loại báu la liệt đầy khắp, còn lại cũng như đã nói ở trước. Trong khoảng giữa các hàng cây và các điện đường báu, Chư thiên nam nữ đứng, ở đầy khắp trong đó cũng như đã nói ở trước. Vườn chu vi một nghìn do-tuần, đường kính một phần ba, vây quanh kim thành. Thành này cao một do-tuần, tường phụ cao một nửa do-tuần. Cửa thành cao hai do-tuần, lầu cửa cao một do-tuần rưỡi. Cứ mười do-tuần có mỗi một cửa, chín mươi chín cửa lại có một cửa nhỏ, đủ một trăm cửa.

Các cửa này được làm thành bằng các báu, được trang nghiêm bằng ma-ni báu vi diệu, ví như thảm thêu diệu hảo của đất Bắc đủ loại điêu chạm. cửa này lại có bốn bình phòng vệ, đều như trên đã nói. Bảy lớp rừng cây Đa-la bao quanh, cũng như đã nói ở trên. Trong khoảng rừng cây có các ao báu cách nhau trăm cung, đủ loại trang nghiêm cũng như trên nói, hoa năm loại báu cũng như trên nói và thuyền bốn loại báu cũng như trên nói. Bờ ao có cây năm loại báu cũng như trên nói và các điện đường báu- chỗ ở của chư Thiên nam, nữ.

Bên ngoài thành này, ba lớp hào báu, còn lại cũng như trên nói. Mỗi một hào rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình như miệng hồ, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy đều như trên nói.

Trong khoảng đất của hào có các cung điện của dân nữ la liệt. Ngoài ba lớp hào là rừng cây bảy báu vây quanh cũng như trước đã nói. Trong rừng phía ngoài này tất cả các hoa khai nở tươi thắm. Các Thiên nữ tấu nhạc hát ca, thời chư Thiên tử từ vườn Chúng Xa đi ra xem nghe; chư Thiên tử ở trong rừng phía ngoài tấu nhạc ca hát thì Thiên nữ vườn trong cũng ra xem nghe; Thiên nữ vườn trong lại tấu nhạc ca hát, chư Thiên tử bên ngoài vào vườn xem nghe; Thiên tử vườn trong tấu âm nhạc thời Thiên nữ vườn ngoài cũng vào vườn xem nghe; lấy nhân duyên thọ các vui chơi.

Đường khoảng giữa Từ cửa Đông đại thành Thiện Kiến đến cửa Tây vườn Chúng Xa dài hai mươi do-tuần, rộng mười do-tuần, đều dùng lưu ly làm đất, bằng láng mềm mịn, các báu trang nghiêm. Ví như thảm thêu diệu hảo của đất Bắc: Người, phi nhân, voi, ngựa, thú, hoa cỏ các loại đầy đủ; cũng như khuyên tai các báu hợp thành, hình tướng con đường ấy cũng lại như thế, dẫm chân thời lún, nhắc chân thời nổi, như gấm Đâu-la và gấm Dĩ-mộc, con đường ấy mềm mịn cũng lại như thế. Được trang nghiêm bằng ba loại bì trì; mỗi một bì trì được làm thành bằng bốn báu, mỗi một bì trì được bao quanh bởi ba tầng linh báu, mỗi một linh báu được làm thành bằng bốn báu, gió nhẹ thổi động phát ra âm thanh vi diệu, có thể khiến chư Thiên khởi tâm dục trói buộc.

Hai bên của con đường này được kẹp bởi hai sông nước tên là Trường Hình, cũng dài hai mươi do-tuần, rộng mười do-tuần, nước tám công đức tự nhiên tràn đầy. Hai bên sông ấy đều được cấu thành bởi gạch bốn báu, còn lại cũng như trước đã nói. Bốn bên thềm đường của sông ấy cũng như đã nói ở trước. Trong nước của sông có năm loại hoa báu cũng như đã nói ở trước. Thuyền bằng bốn báu bơi nổi trong đó. Tám loại dụng cụ vui chơi nước, cưỡi thuyền hoa đi xem nhanh chậm tùy tâm đều như đã nói ở trước. Trong đó chư Thiên muốn hoa kia lại thì tùy niệm liền đến. Do quả báo thiện, mưa các hoa báu rải khắp Chư Thiên; lại có gió khác thổi các vòng hoa tùy theo ý muốn phần thân nào mà trang nghiêm: Thân, đầu, tay, chân tự nhiên mang theo.

Bên ngoài hai bờ sông cây bằng năm loại báu la liệt đầy khắp, còn lại cũng như trước đã nói. Trong khoảng giữa các cây có các ao báu và các điện đường báu, chư Thiên nam nữ ở trong đó, vô lượng vô biên chư Thiên đầy khắp cõi nước.

Vì sao vườn này tên là Chúng Xa? Trong đó có ao lớn tên là ChấT-Đa-La, trong đó có cây cũng tên là ChấT-Đa-La. Cây này sinh đủ loại hoa mà chỉ cõi nước ấy có, các nước khác không có. Lại có nhân duyên mà gọi là ChấT-Đa-La. Lúc đó, Chư Thiên Đao-Lợi muốn vào trong vườn này, mang đủ loại vật báu trang nghiêm thân, vi diệu tối cực; mang đủ loại khí tượng như khi lâm chiến, cưỡi đủ loại xe mà vào vườn rừng này, trụ ở trong đó và khi muốn ra thì lấy đủ loại hoa vi diệu của cây ChấT-Đa-La mà trang nghiêm xe cưỡi, đầy đủ trang sức tất cả các hoa đều như vậy. Hoa của cây ChấT-Đa-La và anh lạc của chư Thiên, các xe báu phát ánh sáng tương hỗ ánh chiếu lẫn nhau. Do nhân duyên này nên trong vườn vi diệu này tụ tập đủ loại quang minh ở trong. Do nghĩa này nên gọi là vườn Chúng Xa, lại có tự nhiên tên là Chúng Xa.

Nghĩa này Phật Thế Tôn nói; tôi nghe như vậy.

PHẨM THỨ MƯỜI MỘT: VƯỜN ÁC KHẨU

Ngoài cổng thành phía Nam của đại thành Thiện Kiến, chư Thiên Đao-Lợi có vườn tên là Ác Khẩu. Trong vườn có ao lớn tên là Ác Khẩu, vuông một trăm do-tuần, sâu cũng như thế, nước trời tràn đầy, bốn báu làm lũy, còn bờ và đáy cũng như đã được nói ở trước. Thềm đường bốn báu, hoa bằng năm loại báu cũng như trước nói. Thuyền bằng bốn báu và tám trò chơi nước, trong đó chư Thiên khi muốn hoa kia liền ứng niệm mà lại. Vì quả báo thiện nên mưa các hoa báu rải khắp Chư Thiên. Lại có gió khác thổi các vòng hoa, tùy theo muốn phần thân nào mà trang nghiêm: Thân, đầu, tay, chân tự nhiên mang theo.

Bờ ao này cây năm loại báu la liệt đầy khắp cũng như đã nói ở trước. Trong khoảng giữa các cây kia và các điện đường báu, chư Thiên nam nữ dừng ở đây khắp cũng như trước nói. Vườn này chu vi một nghìn do-tuần, đường kính một phần ba, vây quanh kim thành. Thành này cao một do-tuần, tường phụ cao một nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, lầu cửa cao một do-tuần rưỡi. Cứ mười do-tuần lại có một cửa, chín mươi chín cửa, lại có một cửa nhỏ, đủ một trăm cửa. Các cửa này được làm thành bởi các báu, được trang nghiêm bởi các ma-ni báu, ví như thảm thêu diệu hảo của đất Bắc đủ loại điều chạm. Cửa này lại có bốn bình phòng vệ, đều như trước đã nói. Bên ngoài bảy lớp cửa báu cũng như trước nói. Được bao quanh bởi bảy lớp rừng cây Đa-la cũng như trước đã nói. Trong khoảng giữa các hàng cây có ao báu cách nhau trăm cung, đủ loại trang nghiêm cũng như đã nói ở trước. Hoa năm loại báu cũng như trước đã nói và thuyền bằng bốn báu cũng như nói ở trên. Bờ ao cây năm loại báu cũng như trên nói, cho đến điện đường bốn báu- chỗ ở của chư Thiên nam nữ, bên ngoài thành này ba lớp hào báu cũng như trên đã nói. Mỗi một hào kia rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình như miệng hồ, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy đều như đã nói ở trên. Trong khoảng

đất của hào các cung điện của các dâm nữ la liệt. Ngoài ba lớp hào được bao bọc bởi rừng cây bảy báu cũng như trên nói.

Khi ấy trong rừng bên ngoài này tất cả các hoa khai nở tươi thắm. Chư Thiên nữ tấu nhạc hát ca, thời Chư Thiên tử từ vườn Ác Khẩu ra rừng xem nghe; Chư Thiên tử ở trong rừng ngoài tấu nhạc ca hát, thời Thiên nữ vườn trong cũng ra xem nghe. Vườn trong Thiên nữ lại tấu âm nhạc hát ca, Chư Thiên tử vào vườn xem nghe; Thiên tử vườn trong cũng tấu âm nhạc ca hát, Thiên nữ vườn ngoài cũng vào vườn nghe. Lấy nhân duyên này thọ các đũa vui.

Từ cửa thành phía Nam đến cửa Bắc vườn Ác Khẩu, con đường trung gian dài hai mươi do-tuần, rộng mười do-tuần, đều dùng lưu ly làm đất, bằng láng mềm mại, đầy đủ các báu trang nghiêm. Ví như thảm thêu diêu hảo đất Bắc: Người, phi nhân, voi, ngựa, thú, hoa cỏ các loại đầy đủ; cũng như khuyên tai hợp thành bởi các báu, hình tướng con đường ấy cũng lại như thế, dẫm chân liền lún, nhấc chân liền nổi, như gấm Đâu-La và gấm Dĩ-Mộc, con đường mềm mại cũng lại như vậy. Được trang nghiêm bởi ba lớp bì trì, mỗi một bì trì được làm thành bằng bốn báu; mỗi một bì trì ba tầng linh báu vây quanh, mỗi một linh báu được làm thành bằng bốn báu, gió nhẹ thổi động phát ra âm thanh vi diệu khiến chư Thiên khởi năm dục trói buộc.

Hai bên đường này kẹp hai sông nước tên là Trường Hình, cũng dài hai mươi do-tuần, rộng mười do-tuần, nước tám công đức tự nhiên đầy tràn. Hai bên bờ sông được cấu thành bởi bốn báu, còn lại như trước đã nói. Bốn bên sông, thêm đường bốn báu cũng như trước nói, trong nước của sông có hoa năm loại báu cũng như đã nói trước. Thuyền bốn loại báu bơi nổi ở trong, tám loại dụng cụ chơi nước, cưỡi thuyền du ngoạn nhanh chậm tùy tâm đều như trước đã nói. Trong đó Chư Thiên muốn hoa kia lại thời tùy niệm liền đến. Do quả báo thiện nên tự nhiên mưa các hoa báu rải khắp Chư Thiên, lại có gió khác thổi các vòng hoa tùy theo ý muốn mà trang nghiêm các phần thân: Thân, đầu, tay, chân đều tự nhiên mang theo.

Ngoài hai bên bờ sông cây năm loại báu la liệt đầy khắp cũng như trước đã nói. Trong khoảng giữa hàng cây các ao báu và điện đường báu, chư Thiên nam nữ đều ở trong đó, vô lượng đại chúng đầy khắp cõi nước.

Vì sao vườn này gọi là Ác Khẩu? Vườn có ao lớn tên là Ác Khẩu, trong đó có cây cũng tên là Ác Khẩu, cây có hoa cũng tên là Ác Khẩu, chỉ vườn này có, vườn khác không có. Lại có nhân duyên gọi là Ác Khẩu. Lúc ấy chư Thiên Đao-Lợi muốn vào vườn này, giác quán tư duy sự đấu tranh này: Chúng ta nay đến đó công kích đấu chiến Tu-la, lại tất đổ ta người với nhau có, tham trước năm dục, tranh sự trước sau. Nhân sự việc này nên nói các lời ác, cho nên đất này gọi là vườn Ác Khẩu, lại có tự nhiên tên là Ác Khẩu.

Nghĩa này Phật Thế Tôn nói; tôi nghe như vậy.

PHẨM THỨ MƯỜI HAI: TẠP VIÊN

Phía ngoài cổng thành phía Tây của đại thành Thiện Kiến đến Tạp viên cửa phía Tây, con đường trung gian dài hai mươi do-tuần. Trong vườn này của chư Thiên Đao-Lợi có ao vuông tên là Tạp, rộng trăm do-tuần, sâu cũng như thế, nước trời tràn đầy. Bốn báu làm lũy, bờ và đáy cũng như đã được nói ở trên. Thêm đường bốn báu, hoa năm loại báu cũng như trên nói. Thuyền bốn loại báu và tám trò chơi nước, trong đó Chư Thiên muốn hoa kia thời ứng niệm liền đến. Do quả báo thiện nên mưa các hoa báu rải khắp Chư Thiên. Lại có gió khác thổi các vòng hoa, tùy theo ý muốn phần thân nào mà trang nghiêm: thân, đầu, tay, chân tự nhiên mang theo.

Bờ ao này cây năm loại báu la liệt đầy khắp cũng như đã nói ở trước. Trong khoảng giữa hàng cây và các điện đường, chư Thiên nam nữ đứng, ở đầy khắp đủ như trên đã nói.

Vườn này chu vi một nghìn do-tuần, đường kính một phần ba, bao bọc quanh thành vàng. Thành này cao một do-tuần, tường phụ cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, lầu cửa cao một do-tuần rưỡi. Cứ mười do-tuần có mỗi một cửa, chín mươi chín cửa lại có một cửa nhỏ, đủ một trăm cửa. Các cửa này được làm thành bởi các báu, được trang nghiêm bởi báu ma-ni vi diệu. Ví như thảm thêu diệu hảo đất Bắc đủ loại điều chạm, cửa này lại có bốn bình phòng vệ đều như trên đã nói.

Bên ngoài bảy lớp cửa báu cũng như trên nói. Được bao bọc bởi bảy lớp rừng cây Đa-la cũng như trên đã nói. Trong khoảng giữa các cây có các ao báu tương khứ bách cung, đủ loại trang nghiêm cũng như trên đã nói. Hoa năm loại báu và thuyền bốn báu, tám dụng cụ chơi nước...bờ ao cây năm loại báu cũng như trên đã nói, cho đến điện đường bốn báu – chỗ ở của Chư Thiên nam nữ. Bên ngoài thành này có ba lớp hào cũng như trên đã nói; mỗi một hào rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình như miệng hồ, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy đều như đã nói ở trước. Khoảng đất của hào cung điện của các dâm nữ la liệt. Bên ngoài ba lớp hào được bao bọc bởi rừng cây bảy báu cũng như trên nói.

Lúc ấy rừng ngoài tất cả các hoa khai nở thắm tươi, khi chư Thiên nữ tấu âm nhạc hát ca, chư Thiên tử từ trong vườn Tạt ra mà xem nghe; các Chư Thiên tử trong vườn ngoài tấu âm nhạc ca hát, Chư Thiên nữ vườn trong cũng ra xem nghe. Vườn trong Thiên nữ lại tấu âm nhạc, chư Thiên tử bên ngoài vào vườn xem nghe; chư Thiên tử bên trong cũng tấu âm nhạc, thiên nữ vườn ngoài cũng vào vườn xem nghe. Do nhân duyên này mà thọ các đù vui.

Con đường trung gian từ cửa Tây của đại thành Thiên Kiến đến cửa Đông của vườn Tạt dài hai mươi do-tuần, rộng mười do-tuần, đều dùng lưu ly làm đất, bằng láng mềm mại, các báu trang nghiêm. Ví như thảm thêu diệu hảo đất Bắc: Người, phi nhân, voi, ngựa, thú, hoa cỏ các loại đầy đủ; cũng như khuyển tai các báu hợp thành, hình tướng con đường cũng lại như thế, dẫm chân liền lún, nhấc chân liền nổi, như gấm Đâu-La và gấm Dĩ-Mộc, con đường mềm mại cũng lại như vậy.

Được trang nghiêm bởi ba loại bì trì, mỗi một bì trì được bao quanh bởi ba tầng linh báu, mỗi một linh báu được làm thành bằng bốn báu, gió nhẹ thổi động phát ra âm thanh vi diệu có thể khiến chư Thiên khởi năm dục trói buộc.

Hai bên con đường này kẹp bởi hai sông nước tên là Trường Hình, cũng dài hai mươi do-tuần, rộng mười do-tuần, nước tám công đức tự nhiên tràn đầy. Hai bên sông ấy được cấu thành bởi báu cũng như trước đã nói. Bốn bên sông ấy thềm đường bốn báu cũng như trước đã nói. Trong nước sông này có hoa năm loại báu, thuyền bốn loại báu bơi nổi ở trong, tám loại dụng cụ chơi nước. Cưỡi thuyền du hí nhanh chậm tùy tâm đều như trên đã nói. Trong đó chư Thiên muốn hoa kia lại thời ứng niệm bèn đến. Do quả báo thiện, mưa các hoa báu rải khắp chư Thiên. Lại có gió khác thổi các vòng hoa, tùy theo ý muốn phần thân nào mà trang nghiêm: Thân, đầu, tay, chân tự nhiên mang theo.

Bên ngoài hai bờ sông cây năm loại báu la liệt đầy khắp cũng như trên nói. Trong khoảng giữa các cây có các ao báu và các điện đường báu, Chư Thiên nam nữ đều ở trong đó, vô lượng thiên chúng đầy khắp cõi nước.

Vì sao vườn này gọi là vườn Tạt? Nhân vì trong vườn này có ao lớn tên là ao Tạt, cũng có cây Tạt và các hoa Tạt, chỉ vườn này có, vườn khác không có. Lại có nhân duyên là vườn Tạt.

Lúc ấy chư Thiên nam nữ Đao-Lợi vào vườn này tụ tập là tạp nhất, ca hát, khiêu vũ, âm nhạc và các du hí đều tạp với nhau. Khi tụ tập ở vườn khác, tất cả Chư Thiên bên ngoài

đều không được vào, trọn bị cấm trừ. Khi tụ tập ở vườn này, không có ngăn cách; Chư Thiên trong Đại thành và Chư Thiên bên ngoài vào vườn du hí thọ lạc, cho nên gọi là vườn Tụ. Lại có tự nhiên gọi là vườn Tụ.

Nghĩa này Phật Thế Tôn nói; tôi nghe như vậy.

PHẨM THỨ MƯỜI BA: VƯỜN BA-LỢI-DẠ-ĐA

Bên ngoài cửa thành góc Đông-Bắc hai mươi do-tuần, chư Thiên Đao-Lợi có vườn rừng lớn tên là Ba-Lợi-Dạ-Đa. Vườn này có ao vuông cũng tên là Ba-Lợi-Dạ-Đa, rộng trăm do-tuần, sâu cũng như thế, nước trời tràn đầy, bốn báu làm lũy. Đáy và bờ cũng như đã nói ở trước. Bốn bên thềm đường báu cũng như trước đã nói; hoa năm loại báu cũng như trước đã nói; thuyền bốn loại báu và tám loại chơi nước, tùy tâm nhanh chậm, trong đó chư Thiên muốn hoa kia thời ứng niệm liền đến. Do quả báo thiện nên mưa các thứ hoa báu rải khắp chư Thiên. Lại có gió khác thổi các vòng hoa, tùy theo ý muốn mà trang nghiêm các phần thân: Thân, đầu, tay, chân tự nhiên mang theo.

Trên bờ ao, cây năm loại báu la liệt đầy khắp cũng như trước đã nói. Trong khoảng giữa các cây và các điện đường báu, chư Thiên nam nữ đứng ở đây khắp cũng như trên đã nói.

Trong vườn có cây tên là Ba-Lợi-Dạ-Đa cũng gọi là Câu-Tì-Đà-La; cây này sinh trưởng đầy đủ, hình dung đáng yêu, cành lá che nhau dày kín, lá nhiều lâu chẳng rụng trống, tất cả gió mưa không thể lọt vào. Ví như vị Thầy trang sức vòng hoa, trang sức vòng hoa và khuyên tai, hình tướng cây ấy cũng đáng yêu như thế; từ trên như tàn lọng lần lượt phủ xuống, cao một trăm do-tuần, dưới gốc thẳng lớn đều không có gân đốt. Năm mươi do-tuần mới có cành tán, đường kính của thân cây rộng năm do-tuần, chu vi mười do-tuần. Mỗi một cành xòe ra năm mươi do-tuần; khoảng giữa ước chừng một trăm do-tuần, chu vi ba trăm do-tuần.

Dưới có đá báu tên là Ban-Trụ-kiếm-Bà-La, dài năm mươi do-tuần, rộng mười do-tuần, đều được làm thành bởi lưu ly, mềm láng đáng yêu, các báu trang nghiêm. Ví như thảm thêu diệp hảo đất Bắc đủ loại điêu chạm: Người, phi nhân, voi, ngựa, thú, hoa, cỏ các loại đầy đủ; cũng như khuyên tai các báu hợp thành, Ban-Trụ-Kiểm-Bà-La cũng lại như thế, dẫm chân liền lún, nhấc chân lên liền nổi. Như gấm Đâu-La và gấm Dĩ-Mộc, thể của đá Ban-Trụ-Kiểm-Bà-La này mềm mại cũng lại như vậy.

Được trang nghiêm bởi ba loại bì trì, mỗi một bì trì được vây quanh bởi ba tầng linh báu, mỗi một linh báu được làm thành bằng bốn báu, gió nhẹ thổi động phát ra âm thanh vi diệu, có thể khiến cho chư Thiên khởi tâm dục trối buộc cũng như trên đã nói.

Bốn bên thềm đường được làm thành bởi vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Trong vườn nơi nơi có ao, cũng như trên đã nói, cho đến điện đường bằng các báu- chỗ ở của chư Thiên nam nữ cũng như trên nói.

Vườn này chu vi một nghìn do-tuần, đường kính một phần ba, bao bọc kim thành. Thành này cao một do-tuần, tường phụ một do-tuần rươi, cửa thành cao hai do-tuần, lầu cửa cao một do-tuần rươi. Cứ mỗi mười do-tuần có mỗi một cửa, chín mươi chín cửa lại có một cửa nhỏ, đủ một trăm cửa. Các cửa này được làm thành bởi các báu, được trang nghiêm bởi báu ma-ni vi diệu. Ví như thảm thêu diệp hảo đất Bắc đủ loại điêu chạm, cửa này lại có bốn bình phòng hộ đều như trên đã nói.

Bên ngoài bảy lớp cửa báu cũng như trên đã nói, hoa năm loại báu cũng như trên đã nói, thuyền bốn loại báu cũng như trên nói, bờ ao cây năm loại báu cũng như trên đã nói cho đến điện đường bốn báu –chỗ ở của chư Thiên nam nữ.

Bên ngoài thành ba lớp hào báu cũng như trên đã nói, mỗi một hào rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rươi, hình như miệng hồ, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy đều

như trên đã nói. Trong khoảng đất của hào cung điện của các dân nữ la liệt. Bên ngoài ba lớp hào được bao bọc bởi rừng cây bảy báu cũng như trên nói.

Lúc ấy trong rừng ngoài tất cả các hoa khai nở thắm tươi, các Thiên nữ tấu nhạc ca hát, thời Chư Thiên từ vườn Ba-Lợi-Dạ-Đa ra mà xem nghe; các Thiên tử ở trong vườn ngoài tấu nhạc ca hát, Thiên nữ vườn trong cũng ra xem nghe. Thiên nữ vườn trong lại tấu âm nhạc, các Thiên tử bên ngoài vào vườn xem nghe; Thiên tử trong vườn tấu nhạc thời Thiên nữ ngoài vườn cũng vào xem nghe. Lấy nhân duyên này thọ các đũa vui.

Từ cửa góc Đông-Bắc của đại thành Thiện Kiến đến cửa góc Tây-Nam, con đường trung gian dài hai mươi do-tuần, rộng mười do-tuần, đều dùng lưu ly làm đất bằng láng mềm mại, các báu trang nghiêm. Ví như thảm thêu diêu hảo đất Bắc: Người, phi nhân, voi, ngựa, thú, hoa, cỏ các loại đủ đầy; cũng như khuyên tai các báu hợp thành, hình tướng con đường cũng lại như thế, dẫm chân liền lún, nhấc chân liền nổi, như gấm Đâu-La và gấm Dĩ-Mộc, con đường mềm mại cũng lại như vậy.

Nghiêm sức bởi ba lớp bì trì, mỗi một bì trì được làm thành bởi bốn báu, mỗi một bì trì được bao quanh bởi ba tầng linh báu, mỗi một linh báu được làm thành bởi bốn báu, gió nhẹ thổi động phát ra âm thanh vi diệu, có thể khiến chư Thiên khởi tâm dục trối buộc.

Hai bên đường này được kẹp bởi hai sông nước tên là Trường Hình, cũng dài hai mươi do-tuần, rộng mười do-tuần, nước tám công đức tự nhiên tràn đầy. Hai bên sông đều được cấu thành bởi gạch bốn báu cũng như trước đã nói. Bốn bên thềm đường bốn báu cũng như trước đã nói. Thuyền bốn loại báu bơi nổi trong đó, tám loại dụng cụ chơi nước, cưỡi thuyền du hí chậm nhanh tùy ý đều như trước nói. Trong đó chư Thiên muốn hoa kia lại thời theo niệm liền đến. Do quả báo thiện, mưa các hoa báu rải khắp chư Thiên; lại có gió khác thổi các vòng hoa tùy theo ý muốn mà trang nghiêm: Thân, đầu, tay, chân tự nhiên mang theo.

Bên ngoài hai bờ sông cây năm loại báu la liệt đầy khắp cũng như trước đã nói. Trong khoảng giữa các cây có các ao báu và điện đường báu, chư Thiên nam nữ đều ở trong đó, vô lượng thiên chúng đầy khắp cõi nước.

Như thế, Phật Thế Tôn nói: Tì-khuru, lúc bấy giờ lá cây Ba-Lợi-Dạ-Đa Câu-Tì-Đà-La của trời Đao-Lợi úa vàng sắp rụng, thời chư Thiên hết sức hoan hỉ nói như thế này: Lúc này cây Ba-Lợi-Dạ-Đa trời Đao-Lợi chuyển sắc vàng, không lâu sẽ rụng trống.

Tì-khuru, lúc ấy lá cây Ba-Lợi-Dạ-Đa rụng rồi, bấy giờ chư Thiên vui mừng nhảy nhót, nói như thế này: Lá cây Ba-Lợi-Dạ-Đa của chư Thiên đã rụng, không lâu sẽ sinh mầm.

Tì-khuru, lúc bấy giờ khi cây Ba-Lợi-Dạ-Đa của trời Đao-Lợi đã sinh mầm, tất cả Chư Thiên vui mừng nhảy nhót, nói như thế này: Lúc này cây Ba-Lợi-Dạ-Đa đã sinh mầm rồi, không lâu sẽ hiện sắc xanh non vi tế.

Tì-khuru, lúc bấy giờ, khi cây Ba-Lợi-Dạ-Đa hiện sắc xanh non rồi, Chư Thiên hoan hỉ nhảy nhót, nói như thế này: Cây Ba-Lợi-Dạ-Đa đã hiện sắc xanh non rồi, không lâu sẽ mọc lá búp.

Tì-khuru, lúc bấy giờ, khi cây Ba-Lợi-Dạ-Đa mọc nụ hoa rồi, Chư Thiên hoan hỉ nhảy nhót, nói như thế này: Cây Ba-Lợi-Dạ-Đa đã mọc nụ rồi, không lâu sẽ hé nở. Khi hé nở rồi, Chư Thiên hoan hỉ nhảy nhót nói như thế này: Cây Ba-Lợi-Dạ-Đa đã hé nụ rồi, chẳng bao lâu tất cả sẽ khai nở trọn vẹn.

Tì-khuru, lúc bấy giờ, cây Ba-Lợi-Dạ-Đa đã khai nở rồi, sắc hoa chiếu khắp năm mươi do-tuần; hương vi diệu của hoa ấy cũng huân năm mươi do-tuần. Nếu khi mưa với gió Đông, thổi hương hoa của cây này bay về phương Tây một trăm do-tuần, nếu khi mưa với gió Nam, thổi hương hoa của cây này bay về phương Đông một trăm do-tuần; nếu khi mưa với gió Bắc, thổi hương hoa của cây này bay về phương Nam một trăm do-tuần.

Tì-khuru, thần lực oai đức của cây Ba-Lợi-Dạ-Đa này, Tì-khuru, nếu đệ tử của Phật nương pháp luật được nói bởi Như Lai, thì do vì tín căn, lìa khỏi nhà của mình, tu đạo không có nhà, vì sự này nên khởi tâm quyết định; Tì-khuru, người như thế, ví như lá cây Ba-Lợi-Dạ-Đa khi ngã vàng. Tì-khuru, lúc ấy đệ tử Phật cắt bỏ râu tóc, mặc pháp phục, lìa nhà của mình, tu đạo không nhà; Tì-khuru, người như thế ví như lá cây Ba-Lợi-Dạ-Đa đã rụng.

Tì-khuru, nếu đệ tử Phật lìa các dục trần, lìa các pháp ác, có giác có quán, có hỉ có lạc, sinh khởi tu tập sơ thiền, nhập trụ trong đó, Tì-khuru, người như thế, ví như cây Ba-Lợi-Dạ-Đa khi bắt đầu sinh mầm. Tì-khuru lúc ấy giác quán rồi, vì tịch tĩnh nên nương nội tâm trong sạch, vì hành hai phương tiện, không giác không quán, từ định sinh khởi, có hỉ có lạc, tu tập nhị thiền, nhập trụ trong đó. Tì-khuru, người như thế ví như cây Ba-Lợi-Dạ-Đa khi hiện sắc xanh non.

Tì-khuru, khi đệ tử của Phật, vì lìa dục nên trụ nơi tâm xả, chính niệm chính trí, thân thọ lạc, cho nên Thánh Sư nói giáo thuyết như vậy; nếu trụ nơi lạc, có xả, có niệm tu tập tam thiền, nhập trụ trong đó. Người như thế, ví như cây Ba-lợi-Dạ-Đa khi sinh búp hoa. Tì-khuru, nếu đệ tử của Phật, vì khổ diệt hết, vì lạc đã qua, ưu và hỉ của thời xưa đã diệt hết nên không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh tu tập Tứ thiền, nhập trụ ở trong. Người như thế, ví như khi hoa cây Ba-Lợi-Dạ-Đa đã hé nở.

Tì-khuru, nếu đệ tử của Phật, vì hết các lậu nên tâm vô lậu giải thoát, và bát-nhã giải thoát, hiện thể đã chứng, nhập trụ trong đó; sinh đã tận, cứu cánh tu đạo, các sự đã xong; ví như khi cây Ba-Lợi-Dạ-Đa khai nở tất cả. Tì-khuru, các Tì-khuru này, các lậu đã tận, tu đạo rốt ráo chính tuệ giải thoát có kết có tận.

Chư Thiên Đạo-Lợi nói tán thán rằng: Thiện hữu, chỗ kia có người họ như thế, tên như thế và quận huyện như thế, tất cả cõi nước; lìa nhà của mình, tu đạo không nhà, vị đó gọi là Tì-khuru, là đệ tử xuất gia, đệ tử Y chỉ, vì sạch các lậu nên tâm vô lậu giải thoát và Bát-nhã giải thoát hiện thể đã chứng, nhập trụ ở trong, sinh đã tận, tu đạo rốt ráo, các sự đã xong, không có sinh lại, nên đắc được trí này. Các Tì-khuru này đã sạch các lậu, chính trí giải thoát, đã tận pháp hữu. Thần lực như thế và oai đức như vậy, như cây Ba-Lợi-Dạ-Đa.

Lúc bấy giờ cây Ba-Lợi-Dạ-Đa cõi trời Đạo-Lợi khai nở trọn vẹn, lại có chư Thiên bảo vệ giữ gìn vườn đến chỗ của Đế-Thích, thưa Đế-Thích rằng: Thiên Vương! Cây Ba-Lợi-Dạ-Đa đã trọn khai nở nên Thiên Vương nên biết thời tiết.

Chư Thiên lại có voi chúa tên là Quân-La-bàn, để cưỡi đi đến vườn, thân dài chín do-tuần, cao ba do-tuần, hình tượng xứng. Lúc ấy Thích-Đề-Hoàn-Nhân sai khiến báo tượng rằng: Thiện hữu, cây Ba-La-Dạ-Đa đã khai nở tất cả, chư Thiên sẽ đến đó, vào vườn xem, cho nên bạn nay sẽ tự trang sức. Voi nghe lời sai, vui thích nhảy nhót, như những người khi cầu hôn đầu tiên và khi đón dâu, tất cả các sự cát tường hiếm có, voi chúa vui mừng cũng lại như thế.

Lúc ấy, voi chúa liền hóa làm ba mươi hai đầu, mỗi một đầu có sáu ngà, mỗi một ngà có bảy ao báu, mỗi một ao báu sinh bảy cây sen, mỗi một cây sen sinh bảy hoa, mỗi một hoa sinh bảy cánh, mỗi một cánh có bảy Thiên nữ, như vậy các kỹ nữ trời có số bảy lần bảy vây quanh cây sen, hiển hiện đáng yêu. Do nhân duyên này các hoa trang nghiêm đều trọn đầy đủ.

Chư Thiên Đạo-lợi cung kính Đế-Thích làm bậc thượng thủ, lên trên voi nương đầu chính giữa mà ngồi, hai bên phải trái mỗi bên mười sáu vị thiên. Tất cả chư Thiên mỗi người đều nghĩ: Tôi ngồi ở đầu chính giữa, nếu là chân thật thì chỉ Thiên Đế-Thích là ngồi một mình chính giữa. Tam thập tam thiên đã lên voi rồi, các thiên chúng khác lần lượt đều lên.

Thiên Đế-Thích này có hai thái tử, một tên là Chiên-Đàn, hai tên là Tu-Tì, là hai tướng quân lớn nhất của trời Đạo-Lợi, cũng lên trên voi.

Có các Thiên nữ vi diệu tối thắng: Thứ nhất tên là A-Lam-Bà, thứ hai tên là Mật-Xa-Kế-Thi, thứ ba tên là Phân-Đà-Lợi-Kha, thứ tư tên là Nê-La, thứ năm tên là A-Lâu-Na, thứ sáu tên là Ế-Nê-Bát-Bà, thứ bảy tên Tu-Báy-Bà, thứ tám tên Bát-Đà-La, thứ chín tên là Nguyên-Bạt-Đà-La, thứ mười tên là Ma-Đầu-Kha-Bà-Trí. Các Thiên nữ như vậy cũng lên trên voi.

Lại có Thiên tử vi diệu tên là A-Lam-Phù, thứ hai tên là Đạt-Đầu-Lâu-Mi, thứ ba tên là Duyệt-Phù-Lâu, thứ tư tên là Thi-Khí, các Thiên tử như thế cũng lên trên voi. Đều ở trên voi ca hát, tấu âm nhạc.

Tất cả chư Thiên đều lên trên voi rồi, lúc ấy voi chúa hoan hỉ nhảy nhót ví như vua thọ chức vị quán đảnh, cũng như khi tráng niên vào hôn lễ, hành chính pháp xong, dùng các hoa vi diệu mà trang nghiêm thân và đầu, voi chúa vui mừng cũng lại như thế.

Lúc bấy giờ voi chúa rống âm thanh lớn như sấm, cất bước lên đường. Như kết vòng hoa, ba lần như thế đã đến vườn Ba-Lợi-Dạ-Đa, thời chư Thiên từ trên đều xuống hóa ra kỹ nữ trên hoa, ca múa tấu nhạc, đủ loại tư thái, Chư Thiên kỹ nữ và kỹ nam ca múa tấu nhạc. Lúc ấy voi chúa rống âm thanh như sấm, cất bước dong ruổi, như kết vòng hoa; ba lần chuyển như vậy, đến vườn Ba-Lợi-Dạ-Đa. Chư Thiên Đạo-Lợi đều từ trên hạ xuống trên đá báu Ban-Phủ-Kiểm-Ma-La. Nếu không đủ chỗ để ngồi khắp thì đá lại dài thêm, vì phúc của Chư Thiên vậy.

Voi chúa A-Di-La-Bà-Na lại biến hóa thân làm đồng tử cõi trời, đeo tay ấn báu và khuyên tai báu, đủ loại trang sức, thọ năm dục trần tương ưng đùa vui. Có Thiên tử khác cưỡi voi, ngựa, xe khác nhau. Lại có Chư Thiên ngồi các thuyền báu từ sông Trường Hình, tùy tâm nhanh chóng mà vào vườn này. Ở trong vườn ấy, người hát chỗ riêng, người múa chỗ riêng, đàn sáo chỗ riêng, tụ tập lớn chỗ riêng; trong đó chư Thiên dùng bốn thàng cõi trời mà thọ năm dục trần đầy đủ, tương ưng du hí khoái lạc. Nếu căn cứ ngày tháng cõi con người, thì một vạn hai nghìn năm thọ mạng cõi trời và mười năm, lại một phần ba, dùng trọn vẹn ở trong vườn.

Trong các vườn của trời Đạo-lợi thì sáu vườn này lớn nhất, lại có các vườn lớn, nhỏ khắp nơi trên trời.

Nghĩa này Phật Thế Tôn nói; tôi nghe như vậy.

PHẨM THỨ MƯỜI BỐN: THÀNH ĐỀ-ĐẦU-LẠI-TRA

Núi chúa Tu-Di có bốn đỉnh Đông, Tây, Nam, Bắc. Đỉnh phía Đông được làm thành bởi chân kim, đỉnh phía Tây được làm thành bởi bạc trắng, đỉnh phía Bắc được làm thành bởi lưu ly, đỉnh phía Nam được làm thành bởi pha lê. Lại có tất cả các báu sở thành. Lại có bảy tính.

Bốn đỉnh này trên rộng dưới hẹp giống như liên hoa phù dung. Chỗ hẹp nhất chu vi một nghìn năm trăm do-tuần, chỗ lớn nhất đường kính bảy trăm do-tuần, chu vi hai nghìn một trăm do-tuần. Nơi bốn đỉnh này có nhiều các loại thú, lại có các loại chim, sư tử, hổ, báo...đều trọn là hóa sinh. Tất cả đều ăn vị Tu-đà trời, không tàn hại lẫn nhau.

Có Kim Cương Thủ mà tất cả chư Thiên đều nương ở trong đó. Có bốn núi Do-càn-đà: Thứ nhất ở phía Đông, thứ hai phía Tây, thứ ba phía Bắc, thứ tư phía Nam. Núi Do-càn-đà phía Đông có hai đỉnh, các núi phía Tây, Bắc và Nam cũng lại như thế. Hai đỉnh phía Đông được làm thành bởi chân kim, hai đỉnh phía Tây được làm thành bởi bạc trắng, hai đỉnh phía Bắc được làm thành bởi lưu ly, hai đỉnh phía Nam được làm thành bởi pha lê. Lại được làm thành bởi tất cả các báu, lại có bảy tính. Trên rộng dưới hẹp, hình trạng như hoa phù dung. Chỗ hẹp nhất đường kính ba trăm năm mươi do-tuần, chu vi một nghìn năm mươi do-tuần. Chỗ lớn nhất đường kính năm trăm do-tuần, chu vi một nghìn năm

mười do-tuần. Tám đỉnh này có nhiều loại thú, lại có các loài chim, sư tử, hổ, báo, đều là hóa sinh, đều ăn vị Tu-đà trời, không tàn hại nhau.

Có Kim Cương Thủ, chư Thiên nương trụ ở trong đó. Như thế đỉnh của các núi gấp đôi chuyển đến núi Ni-dân-đà thứ bảy, ắt là có năm trăm mười hai đỉnh. Đỉnh của bảy núi này cao rộng, hướng ra phía ngoài thì lần lượt giảm nửa.

Khoảng giữa hai đỉnh núi Do-càn-đà có một cõi nước tên là Đê-Đầu-Lại-Tra, chu vi một nghìn do-tuần vây quanh thành vàng cao một do-tuần, tường phụ một nửa do-tuần. Cửa thành cao hai do-tuần, môn lâu cao một do-tuần rưỡi. Cứ mười do-tuần có mỗi một cửa, chín mươi chín cửa lại có một cửa nhỏ, là đủ một trăm cửa. Các cửa thành này được làm thành bởi các báu, được trang nghiêm bằng các báu ma-ni. Ví như thảm thêu diệu hảo đủ loại chạm khắc, các cửa này lại có bốn bình phòng vệ, đều như trên đã nói. Bên ngoài bảy lớp tường báu cũng như trên đã nói, được vây quanh bởi bảy lớp cây Đa-la cũng như trên đã nói. Trong khoảng giữa các hàng cây có các ao báu cách nhau trăm cung, đủ loại trang nghiêm cũng như trên đã nói. Năm loại hoa báu cũng như trên đã nói và thuyền bốn báu cũng như trên đã nói. Bờ ao có năm loại cây báu cũng như trên đã nói, cho đến điện đường bốn báu chỗ ở của chư Thiên nam, nữ. Bên ngoài thành này có ba lớp hào báu cũng như trên đã nói. Mỗi một hào rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình giống như miệng hồ, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy đều như trên đã nói. Trong khoảng đất của hào cung điện của các dâm nữ la liệt. Bên ngoài ba lớp hào được vây quanh bởi rừng bảy báu cũng như trên đã nói.

Lúc ấy trong rừng bên ngoài tất cả các hoa khai nở tươi tốt. Khi các Thiên nữ tấu các âm nhạc, chư Thiên tử từ thành lớn ra xem nghe âm nhạc, các Thiên nữ từ thành lớn ra xem nghe âm nhạc. Lấy nhân duyên ấy mà thọ các vui chơi.

Góc phía Nam thành Đê-Đầu-Lại-Tra là nơi ở của Đê-Đầu-Lại-Tra Thiên Vương, chu vi hai trăm năm mươi do-tuần, vây quanh thành vàng cao một do-tuần, tường phụ cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, môn lâu cao một do-tuần rưỡi. Cứ mười do-tuần có mỗi một cửa, hai mươi bốn cửa lớn lại có một cửa nhỏ, là đủ hai mươi lăm cửa, được làm thành bởi các báu, được trang nghiêm bởi các báu ma-ni. Ví như thảm thêu diệu hảo đủ loại chạm khắc, cửa này lại có bốn bình phòng vệ, đều như trên đã nói. Bên ngoài bảy lớp tường báu cũng như trên nói. Trong khoảng giữa các hàng cây có các ao báu cách nhau trăm cung, đủ loại trang nghiêm cũng như trên nói. Năm loại hoa báu cũng như trên nói. Và thuyền bốn báu cũng như trên nói. Bờ ao năm loại cây báu cũng như trên nói, cho đến các điện đường bốn báu – nơi ở của chư Thiên nam nữ.

Bên ngoài thành có ba lớp hào báu cũng như trên nói. Mỗi một hào rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình như miệng hồ, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy đều như trên đã nói. Trong khoảng đất của hào có các cung điện của các dâm nữ la liệt. Bên ngoài ba lớp hào được bao quanh bởi rừng cây bảy báu cũng như trên nói.

Khi trong rừng bên ngoài tất cả các hoa đều khai nở tươi thắm, các Thiên nữ tấu các âm nhạc, thời chư Thiên tử từ thành lớn ra xem nghe âm nhạc, các Thiên nữ...từ thành lớn ra xem nghe âm nhạc. Lấy nhân duyên này mà thọ các vui chơi.

Bên trong thành, bốn bên trụ xứ ngã tư chợ búa đều ngay thẳng. Các thiên thành này hoặc có chỗ ở bốn góc tương ứng, hoặc có trụ xứ nhiều tầng cao nhọn, hoặc có trụ xứ nhiều tầng cao lâu, hoặc có trụ xứ đài quán vút mây, hoặc có trụ xứ tứ mặt phòng dịch, tùy theo phúc đức mà được làm thành bởi bốn báu, ngay ngắn vuông vức. Đường của thiên thành số có năm mươi tư mạch, hàng lối thông nhau phân minh, đều như bàn cờ, Đông – Tây thấy nhau. Phố xá chợ búa tràn đầy hàng quý: Một là chợ gạo, hai là chợ y phục, ba là chợ các thứ hương, bốn là chợ ăn uống, năm là chợ hoa, sáu là chợ thủ công, bảy là chợ dâm nữ, nơi nơi đều có chợ. Trông coi các chợ này là chư Thiên nam, nữ đi lại. Trao đổi, thương lượng, quý tiện, cầu tổ tăng giảm, xứng lượng liệu số...đủ pháp của chợ búa.

Tuy làm các sự như thế nhưng để làm vui chơi, không lấy, chẳng cho, không có tâm của tôi. Nếu chẳng phải chỗ mong cầu, bèn có thể lấy đi. Nếu nghiệp tương ưng thì tùy ý mà lấy, nếu nghiệp không tương ưng thì nói thế này: Vật này trân quý, không phải là thứ tôi muốn.

Bốn ngã tư đường được trang nghiêm bởi voi, ngựa, xe, binh, và các Thiên tử dừng ở trong đó, hoặc để thủ hộ, hoặc vì vui chơi, hoặc vì trang nghiêm.

Đường trong chợ tất cả đều bằng lưu ly mềm láng đáng yêu, các báu trang nghiêm. Cũng như thảm thêu diêu hảo đất Bắc: Rồng, thú, hoa, cỏ đều như trước đã nói. Cho đến đốt hương, rải hoa, treo các thiên y cũng lại như thế. Lại ở khắp nơi dựng các phan phướn.

Trong thiên đại thành, các âm thanh như thế không có gián đoạn: Tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng loa, tiếng ba-na-bà, tiếng trống, tiếng mâu-trùng-già, tiếng sáo, tiếng âm nhạc. Lại có âm thanh nói: Thiện lai, thiện lai, xin hãy ăn, xin hãy uống, tôi nay cúng dường.

Đại thành Đề-Đầu-Lại-Tra này là chỗ ở của Thiên tử. Lại có thiên châu, thiên quận, thiên huyện, thiên thôn khắp chốn. Trong đại thành này, Đề-Đầu-Lại-Tra thiên vương nương trong đó mà ở. Vua thống lĩnh từ núi Càn-Đà, phía Đông đến núi Thiết Vi. Cõi trời Càn-Thát-Bà là được vua lãnh đạo.

Nghĩa như thế được Phật nói, tôi nghe như vậy.

PHẨM THỨ MƯỜI LĂM: THÀNH TỖ-LƯU-LẶC-XOA

Phía Nam, khoảng giữa hai đỉnh núi Càn-Đà có một cõi nước tên là Tỳ-Lưu-Lặc-Xoa, chu vi một nghìn do-tuần. Thành vàng bao quanh cao một do tuần, tường phụ cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, môn lâu cao một do-tuần rưỡi. Cứ mười do-tuần có mỗi một cửa, chín mươi chín cửa lại có một cửa nhỏ, đủ một trăm cửa.

Các cửa được làm thành bởi các báu, được trang nghiêm bởi các ma-ni báu, ví như thảm thêu vi diêu đủ loại diêu chạm. Cửa này lại có bốn binh phòng vệ đều như trên đã nói.

Bên ngoài bảy lớp tường báu cũng như trên nói. Được bao quanh bởi bảy lớp rừng cây Đa-la cũng như trên nói. Trong khoảng giữa các cây có các ao báu cách nhau trăm cung, đủ loại trang nghiêm cũng như trên nói. Năm loại hoa báu cũng như trên đã nói và thuyền bốn báu cũng như trên đã nói.

Bờ ao năm loại hoa báu cũng như trên đã nói, cho đến điện đường bốn báu- nơi ở của chư Thiên nam, nữ.

Bên ngoài thành có ba lớp hào báu cũng như trên nói. Mỗi một hào rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình như miệng hồ, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy như trên đã nói. Trong khoảng đất của các hào này có các cung điện của các dân nữ la liệt.

Bên ngoài ba lớp hào được bao bọc bởi rừng cây bảy báu cũng như trên đã nói. Khi hoa trong rừng bên ngoài này tất cả đều khai nở tươi thắm, các Thiên nữ tấu các âm nhạc, thời chư Thiên tử từ đại thành ra xem nghe âm nhạc; các Thiên nữ...từ đại thành ra xem nghe âm nhạc. Dùng nhân duyên này mà thọ hưởng các vui chơi.

Góc Tây-Nam thành Tỳ-Lưu-Lặc-Xoa là nơi ở của Tỳ-Lưu-Lặc-Xoa thiên vương, chu vi hai trăm năm mươi do-tuần, thành vàng bao quanh cao một do-tuần, tường phụ cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, môn lâu cao một do-tuần rưỡi. Cứ mười do-tuần có mỗi một cửa, hai mươi bốn cửa lớn có một cửa nhỏ, đủ hai mươi lăm cửa. Các cửa này được làm thành bởi các báu, báu ma-ni vi diêu trang nghiêm, ví như thảm thêu diêu hảo đủ loại diêu chạm. Cửa này lại có bốn binh phòng vệ đều như trên nói.

Bên ngoài có bảy lớp tường báu cũng như trên nói. Được bao quanh bởi rừng cây Đa-la bảy báu cũng như trên đã nói. Trong khoảng giữa các cây có các ao báu cách nhau trăm cung, đủ loại trang nghiêm cũng như trên đã nói. Năm loại hoa báu cũng như trên nói, và thuyền bốn báu cũng như trên nói. Bờ ao cây năm loại báu cũng như trên nói, cho đến các điện đường bốn báu- nơi ở của chư Thiên nam, nữ.

Bên ngoài thành ba lớp hào báu như trên đã nói. Mỗi một hào rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình như miệng hồ, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy đều như trên đã nói. Trong khoảng đất của hào các cung điện của các dâm nữ la liệt.

Ngoài ba lớp hào được vây quanh bởi rừng cây bảy báu cũng như trên đã nói. Khi trong rừng bên ngoài tất cả hoa đều khai nở tươi thắm, các Thiên nữ...tấu các âm nhạc, thời chư Thiên tử từ đại thành ra xem nghe âm nhạc, các Thiên nữ...từ đại thành ra xem nghe âm nhạc, lấy nhân duyên này mà thọ hưởng vui chơi.

Bên trong thành này, bốn bên trụ xứ, ngã tư, phố xá chợ búa đều điều hòa ngay thẳng. Các thiên thành này hoặc có nơi ở bốn góc tương ứng, hoặc có nơi ở nhà cao nhiều tầng, hoặc có trụ xứ nhiều tầng cao lâu, hoặc có trụ xứ đài quán vút mây, hoặc có trụ xứ bốn bên ngăn dịch, tùy theo phúc đức mà bốn báu làm thành bằng phẳng ngay thẳng.

Đường của thiên thành số có năm mươi tư mạch thông nhau, hàng lối phân minh đều như đường bàn cờ. Bốn cửa thông nhau, Đông- Tây thấy nhau. Phố xá chợ búa hàng báu tràn đầy: Một là chợ gạo, hai là chợ y phục, ba là chợ các thứ hương, bốn là chợ ăn uống, năm là chợ hoa, sáu là chợ thủ công, bảy là chợ dâm nữ, nơi nơi đều có chợ. Trông coi trong các chợ là các Thiên tử nam, nữ lại qua. Mậu dịch thương lượng, quý tiện cầu tố, tăng giảm xứng lượng, đủ pháp chợ búa. Tuy làm các sự như thế, nhưng để làm vui chơi, không lấy, không đưa, không có tâm của tôi. Khỏi chỗ mong cầu, bèn có thể cầm đi. Nếu nghiệp tương ứng thì tùy ý mà lấy, nếu nghiệp không tương ứng bèn nói thế này: Vật này trân quý, không phải thứ tôi cần.

Bốn ngã tư đường được trang nghiêm bởi voi, ngựa, xe, binh; và các Thiên tử dừng ở trong đó, hoặc để thủ hộ, hoặc để vui chơi, hoặc để trang nghiêm. Đường trong chợ tất cả đều bằng lưu ly mềm láng đáng yêu, các báu trang nghiêm, cũng như thảm thêu diêu hảo đất Bắc: Rồng, thú, hoa, cỏ đều như trước đã nói, cho đến đốt hương, rải hoa, treo các y trời cũng lại như vậy. Lại ở khắp nơi dựng các phan phướn.

Trong thiên đại thành có các âm thanh như vậy luôn chẳng gián đoạn: Tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng loa, tiếng ba-na-bà, tiếng trống, tiếng mâu-trùng-già, tiếng sáo, tiếng âm nhạc. Lại có tiếng nói: Thiện lai, thiện lai, xin hãy ăn, xin hãy uống, tôi nay cúng dường.

Đại thành Tỳ-Lưu-Lặc-Xoa này là chỗ ở của Thiên tử. Lại có thiên châu, thiên quận, thiên huyện, thiên thôn vây quanh khắp. Trong đại thành này, Tỳ-Lưu-Lặc-Xoa thiên vương nương trong đó mà ở. Vua thống lĩnh từ núi Do-Càn-Đà phía Nam đến núi Thiết Vi. Tất cả thần Cựu-Bàn-Trà được vua thống lãnh.

Nghĩa này được Phật Thế Tôn nói, tôi nghe như vậy.

PHẨM THỨ MƯỜI SÁU: THÀNH TÌ-LƯU-BÁC-XOA

Trong khoảng giữa hai đỉnh của núi Do-Càn-Đà phía Bắc có nước tên là Tỳ-Lưu-Bác-Xoa, chu vi một nghìn do-tuần. Thành vàng vây quanh cao một do-tuần, tường phụ cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, môn lâu cao một do-tuần rưỡi. Cứ mười do-tuần có mỗi một cửa, chín mươi chín cửa lại có một cửa nhỏ, đủ một trăm cửa.

Các cửa thành này được làm thành bởi các báu, được trang nghiêm bằng các báu ma-ni vi diệu, ví như thảm thêu diệu hảo đủ loại điêu chạm. Cửa này lại có bốn binh phòng vệ như đã nói ở trên. Bên ngoài có bảy lớp tường báu, được bao quanh bởi bảy lớp cây Đa-la. Trong khoảng rừng có các ao báu cách nhau trăm cung, đủ loại trang nghiêm. Năm loại hoa báu và thuyền bốn báu; bờ ao cây năm loại báu, cho đến các điện đường bốn báu- nơi ở của chư Thiên nam, nữ đều như trên đã nói.

Bên ngoài thành ấy có ba lớp hào báu. Mỗi một hào rộng hai do tuần, sâu một do tuần rưỡi, hình như miệng hồ, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy đều như trên đã nói. Trong khoảng đất của hào có cung điện của các dâm nữ la liệt. Bên ngoài ba lớp hào được bao quanh bởi rừng cây bảy báu cũng như trên đã nói.

Khi hoa trong rừng bên ngoài tất cả khai nở tươi thắm, các Thiên nữ...tấu âm nhạc thời các Thiên tử từ đại thành ra xem nghe âm nhạc, các Thiên nữ từ đại thành ra cũng nghe âm nhạc, dùng nhân duyên này mà thọ hưởng vui chơi.

Góc Tây- Nam của thành là nơi ở của Tỳ-Lâu-Bác-Xoa thiên vương, chu vi hai trăm năm mươi do-tuần. Thành vàng vây quanh cao một do-tuần, tường phụ cao nửa do-tuần, Cửa thành cao hai do-tuần, môn lầu cao một do-tuần rưỡi. Cứ mười do-tuần có mỗi một cửa, hai mươi tư cửa lớn lại có một cửa nhỏ, là đủ hai mươi lăm cửa. Các cửa như thế đều được làm thành bởi các báu, được trang nghiêm bởi các báu ma-ni, ví như thảm thêu diệu hảo đủ loại điêu chạm. Cửa này lại có bốn binh phòng vệ.

Bên ngoài có bảy lớp tường báu, được bao quanh bởi bảy lớp rừng cây Đa-la báu. Trong khoảng giữa các hàng cây có các ao báu cách nhau trăm cung, đủ loại trang nghiêm. Năm loại hoa báu và thuyền bốn báu. Bờ ao cây năm loại báu và các điện đường báu- chỗ ở của chư Thiên nam, nữ đều như trên đã nói.

Bên ngoài thành có ba lớp hào báu, mỗi một hào rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình như miệng hồ, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy đều như trước đã nói. Trong khoảng đất của hào có điện đường của các dâm nữ la liệt. Bên ngoài ba lớp hào được bao bọc bởi rừng cây bảy báu đều như trên đã nói.

Trong rừng bên ngoài, khi tất cả hoa khai nở tươi thắm, chư Thiên nữ...tấu các âm nhạc, thời chư Thiên tử từ trong thành ra xem nghe, chư Thiên nữ cũng cùng xem nghe, lấy nhân duyên này mà thọ hưởng vui chơi.

Trong đại thành, bốn bên chỗ ở, phố xá chợ búa đều ngay thẳng. Các thiên thành này hoặc có nơi ở bốn góc tương ứng, hoặc có nơi ở nhà nhon nhiều tầng, hoặc có nơi nhiều tầng cao lâu, hoặc có nơi ở đài quán vút mây, hoặc có nơi bốn bên phòng dịch, tùy theo phúc đức mà được làm thành bởi các báu, bằng thẳng ngay ngắn. Đường của thiên thành, số có năm mươi tư mạch, hàng lối thông nhau phân minh, đều như đường bàn cờ. Bốn cửa thông nhau, Đông-Tây thấy nhau. Phố xá chợ búa hàng báu tràn đầy: Một là chợ thóc gạo, hai là chợ y phục, ba là chợ các thứ hương, bốn là chợ ăn uống, năm là chợ hoa, sáu là chợ thủ công, bảy là chợ dâm nữ. Nơi nơi đều có chợ, trông coi trong các chợ này là các Thiên tử, Thiên nữ qua lại. Mậu dịch thương lượng, quý tiện cầu tố, tăng giảm xứng lượng, liệu số đủ các pháp chợ búa. Tuy làm các sự như thế, nhưng chỉ để vui chơi, không có lấy và đưa, không có tâm của tôi. Tâm muốn thích thú nào thời có thể cầm theo. Nếu nghiệp tương ứng thì tùy ý mà lấy, nếu nghiệp không tương ứng thời nói thế này: Vật này trân quý, không phải thứ tôi cần.

Bốn bên ngã tư đường được trang nghiêm bởi voi, ngựa, xe, binh và các Thiên tử đoàn chính ở trong, hoặc để thủ hộ, hoặc để vui chơi, hoặc để trang nghiêm. Đường trong chợ tất cả đều bằng lưu ly mềm láng đáng yêu, được trang nghiêm bằng các báu, cũng như thảm thêu diệu hảo đất Bắc, rồng, thú, hoa, cỏ đều như trước đã nói, cho đến đốt các thứ hương, rải các thứ hoa, treo các y trời cũng như trước đã nói. Lại ở khắp nơi dựng các phan phướn.

Trong thiên thành này có các âm thanh thường không dứt thế này: Tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng loa, tiếng ba-na-bà, tiếng trống, tiếng âm nhạc. Lại có âm thanh nói: Thiện lai, thiện lai, xin hãy ăn, xin hãy uống, tôi nay cúng dường.

Đại thành Tì-Lưu-Bác-Xoa này là nơi ở của Thiên tử, lại có thiên châu, thiên quận, thiên huyện, thiên thôn vây quanh khắp nơi.

Trong đại thành là nơi ở của Tì-Lưu-Bác-Xoa thiên vương. Vua thống lĩnh từ phía Tây của Do-càn-đà cho đến ven núi Thiết Vi. Tất cả các rồng, ca-lâu-la, chim là được vua thống lĩnh.

Nghĩa như thế được Phật Thế Tôn nói, tôi nghe như vậy.

PHẨM THỨ MƯỜI BẢY: THÀNH TÌ-SA-MÔN

Giữa khoảng hai đỉnh phía Bắc của núi Do-Càn-Đà có một cõi nước tên là Tì-Sa-Môn, chu vi một nghìn do-tuần. Thành vàng vây quanh cao một do-tuần, tường phụ cao nửa do-tuần, môn lâu cao một do-tuần rưỡi. Cứ mười do-tuần có mỗi một cửa, chín mươi chín cửa lại có một cửa nhỏ, đủ một trăm cửa. Các cửa này đều được làm thành bởi các báu, được trang nghiêm bằng các báu ma-ni. Ví như thảm thêu diệp hảo đủ loại điêu chạm. Cửa này lại có bốn bình phòng vệ.

Bên ngoài có bảy lớp tường báu, được bao quanh bởi bảy lớp cây Đa-la báu. Trong khoảng rừng có các ao báu cách nhau trăm cung, đủ loại trang nghiêm. Hoa năm loại báu và thuyền bằng bốn báu. Bờ ao cây năm loại báu cho đến điện đường bốn báu- nơi ở của chư Thiên nam, nữ đều như trên đã nói.

Bên ngoài thành này có ba lớp hào báu, mỗi một hào rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình như miệng hồ, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy đều như trên đã nói. Trong khoảng đất của hào có các cung điện của các dâm nữ la liệt. Bên ngoài ba lớp hào được bao quanh bởi rừng cây bảy báu đều như trên đã nói.

Lúc bấy giờ, rừng bên ngoài tất cả các hoa đều khai nở tươi thắm, các Thiên nữ...tấu các âm nhạc thờ các Thiên tử từ đại thành ra xem nghe âm nhạc, các Thiên nữ...từ đại thành ra cũng xem nghe âm nhạc, lấy nhân duyên này mà thọ hưởng vui chơi.

Góc Tây-Nam của thành là nơi ở của Tì-Sa-Môn thiên vương, chu vi hai trăm năm mươi do-tuần. Thành vàng bao quanh cao mười do-tuần, tường phụ cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, môn lâu cao một do-tuần rưỡi. Cứ mười do-tuần có mỗi một cửa, hai mươi tư cửa lớn lại có một cửa nhỏ, đủ hai mươi lăm cửa. Các cửa như thế đều được làm thành bởi các báu, ví như thảm thêu diệp hảo đủ loại điêu chạm. Cửa này lại có bốn bình phòng vệ.

Bên ngoài có bảy lớp tường báu, bảy lớp rừng cây Đa-la báu bao quanh. Trong khoảng rừng cây có các ao báu cách nhau trăm cung, đủ loại trang nghiêm. Hoa năm loại báu và các thuyền bằng bốn báu. Bờ ao có cây năm loại báu, điện đường bằng bốn báu- nơi ở của chư Thiên nam, nữ đều như trên đã nói.

Bên ngoài thành có ba lớp hào báu, mỗi một hào rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, nước trời tràn đầy, đều như trên đã nói. Trong khoảng đất của hào, các cung điện của các dâm nữ la liệt. Bên ngoài ba lớp hào được vây quanh bởi rừng cây bảy báu đều như trên đã nói.

Rừng bên ngoài tất cả các hoa khai nở tươi thắm, chư Thiên nữ ...tấu các âm nhạc, thờ chư Thiên tử từ đại thành ra cùng chư Thiên nữ đều xem nghe, lấy nhân duyên này mà thọ hưởng vui chơi.

Trong đại thành, bốn bên chỗ ở có nơi bốn bên tương ứng, hoặc có nhà nhiều tầng nhon, hoặc có nhiều tầng cao lâu, hoặc có đài quán vút mây, hoặc có bốn bên cự địch, tùy theo phúc đức mà được làm thành bởi các báu, đều bằng phẳng ngay ngắn.

Đường trong thành số có năm mươi bốn mạch thông nhau, hàng lối phân minh đều như bàn cờ. Bốn cửa thông nhau, Đông-Tây thấy nhau. Phố xá chợ búa hàng hóa báu tràn đầy: Một là chợ lúa gạo, hai là chợ y phục, ba là chợ các thứ hương, bốn là chợ ăn uống, năm là chợ hoa, sáu là chợ thủ công, bảy là chợ dâm nữ, nơi nơi đều có chợ. Trông coi trong các chợ là chư Thiên nam, nữ tới lui. Mậu dịch thương lượng, giàu nghèo đều đủ, cùng lượng, loại số đủ các pháp chợ búa. Tuy làm các sự như thế, song chỉ để vui chơi, không có lấy, cho, không có tâm của tôi. Muốn có thứ gì liền có thể mang theo. Nếu nghiệp tương ứng thời tùy ý mà lấy, nếu nghiệp không tương ứng thời nói thế này: Vật này trân quý, không phải thứ tôi cần.

Bốn bên ngã tư đường được trang nghiêm bởi voi, ngựa, xe, binh. Đường trong chợ tất cả đều bằng lưu ly mềm láng đáng yêu, được trang nghiêm bởi các báu, và chư Thiên tử dừng ở trong đó, hoặc để thủ hộ, hoặc để vui chơi, hoặc để trang nghiêm. Cũng như thăm thêu diệp hảo đất Bắc: Ròng, thú, hoa, cỏ đều như trên đã nói. Đốt hương, rải hoa, treo các y tròi cũng như trên đã nói. Lại ở khắp nơi dựng các phan phướn.

Trong thiên thành này có các thứ tiếng không dứt như vậy: Tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng loa, tiếng Ba-na-bà, tiếng chiêng, tiếng trống, tiếng mâu- trùng-già, tiếng sáo, tiếng âm nhạc. Lại có tiếng nói: Thiện lai, thiện lai, xin hãy ăn, xin hãy uống, tôi nay cúng dường.

Đại thành Tì-Sa-Môn này là nơi ở của Thiên tử, lại có thiên châu, thiên quận, thiên huyện, thiên thôn bao quanh khắp nơi.

Trong đại thành là nơi ở của Tì-Sa-Môn thiên vương, vua thống lĩnh từ phía Bắc núi Do-Càn-Đà cho đến ven núi Thiết Vi. Tất cả thần Dạ-xoa là được thống lĩnh bởi vua. Thành Tì-Sa-Môn này có quá nhiều Đà-ni, bồ-xà-ni ăn uống, cho nên cũng còn gọi là A-La-Ha Mạn-Đà.

Nghĩa này Phật Thế tôn nói, tôi nghe như vậy.

PHẨM THỨ MƯỜI TÁM: THIÊN VÀ PHI THIÊN CHIẾN ĐẤU

Đỉnh núi chúa Tu-Di bằng phẳng, được làm thành bởi lưu ly mềm láng đáng yêu, trang nghiêm bằng các báu, ví như thăm thêu diệp hảo đất Bắc đủ loại điều chạm, cũng như khuyên tai được trang nghiêm bởi các báu, dẫm chân liền lún, nhấc chân liền nổi, như đầu-la-miên, đất ấy mềm mại cũng lại như thế.

Thành vàng vây quanh cao một do-tuần, tường phụ cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, môn lầu cao một do-tuần rưỡi. Cứ mười do-tuần có mỗi một cửa, ba vạn hai nghìn cửa, các cửa này được làm thành bởi các báu, đủ loại các báu ma-ni trang nghiêm. Ví như thăm thêu diệp hảo đất Bắc: Người, phi nhân, rồng, thú, cỏ cây và các tạp hoa không gì chẳng đủ, cũng như khuyên tai trang nghiêm các báu đầy đủ viên mãn, các cửa thành này cũng lại như thế. Bên cửa thành được trang nghiêm bởi các voi, ngựa, xe, binh. Các Thiên tử này trang nghiêm khí tượng tụ tập trong đó vì để bảo vệ cõi nước, du hí trang nghiêm.

Nơi nơi ao báu nước trời tràn đầy. Bốn báu làm lũy, đày và bờ như trên đã nói, cho đến chư Thiên nam nữ đầy khắp trong đó cũng lại như vậy. Từ đỉnh núi chúa Tu-Di xuống dưới hai vạn do-tuần là tầng thứ nhất. Tầng này hướng ra bốn phía đều năm mươi do-tuần chu vi bốn trăm do-tuần. Thành vàng vây quanh cao một do-tuần, tường phụ cao một do-tuần rưỡi, cửa thành cao hai do-tuần, môn lầu cao một do-tuần rưỡi. Cứ

mười do-tuần có mỗi một cửa. Vô số nghìn cửa được làm thành bởi các báu, được trang điểm bằng đủ loại báu ma-ni, ví như thảm thêu diệp hảo đất Bắc: Người, phi nhân, rồng, thú, thảo, mộc và các tạp hoa cỏ không gì chẳng đủ, cũng như khuyên tai đầy đủ các thứ báu, các cửa thành cũng lại như vậy. Bên các cửa thành được phòng vệ bởi voi, ngựa, xe, binh, để bảo vệ cõi nước, du hí trang nghiêm.

Bên ngoài thành có các ao báu, bốn báu làm lũy; bờ và đáy cho đến chư Thiên tử, Thiên nữ đầy khắp cõi nước cũng lại như vậy. Có các Thiên tử tên là Trì Man trụ ở trong đó.

Núi chúa Tu-Di này chu vi gốc lại tăng bốn trăm do-tuần, hợp với gốc là tám trăm do-tuần. Từ đỉnh xuống dưới bốn vạn do-tuần là tầng thứ hai. Hướng ra bốn phía đều rộng hơn tầng trên năm mươi do-tuần. Thành vàng vây quanh cao một do-tuần, tường phụ cao một do-tuần rưỡi, cửa thành cao hai do-tuần, môn lâu cao một do-tuần rưỡi. Cứ mười do-tuần có mỗi một cửa, vô số nghìn cửa được làm thành bởi các báu, được trang sức bằng đủ loại các báu ma-ni, ví như thảm thêu diệp hảo đất Bắc: Người, phi nhân, rồng, thú, thảo, mộc và các tạp hoa không gì chẳng đủ; cũng như khuyên tai đủ các thứ báu, các cửa thành này cũng lại như thế.

Bên các cửa thành được phòng vệ bởi voi, ngựa, xe, binh, vì để bảo vệ cõi nước, du hí trang nghiêm.

Có các ao báu, bốn báu làm lũy kỳ, bờ và đáy ao, cho đến chư Thiên tử, Thiên nữ đầy khắp cõi nước cũng lại như thế. Có các Thiên tử tên gọi Thường Thắng trụ ở trong đó.

Tu-Di sơn vương số chu vi gốc, lại tăng tám trăm do-tuần, hợp với gốc là một nghìn hai trăm do-tuần. Từ đỉnh xuống dưới sáu vạn do-tuần là tầng thứ ba, hướng bốn phía đều rộng hơn tầng thứ hai năm mươi do-tuần.

Thành vàng vây quanh cao một do-tuần, tường phụ một do-tuần rưỡi, cửa thành cao hai do-tuần, môn lâu cao một do-tuần rưỡi. Cứ mười do-tuần có mỗi một cửa, vô số nghìn cửa được làm thành bởi các báu, được trang điểm bởi đủ loại các báu ma-ni. Ví như thảm thêu diệp hảo đất Bắc: Người, phi nhân, rồng, thú, thảo, mộc và các tạp hoa không gì chẳng đủ; cũng như khuyên tai đầy đủ các loại báu, các cửa thành này cũng lại như thế.

Bên các cửa thành được bảo vệ bởi voi, ngựa, xe, binh cũng bảo vệ cõi nước, du hí trang nghiêm. Có các ao báu, bốn báu làm lũy; đáy và bờ ao, cho đến chư Thiên tử, Thiên nữ đầy khắp cõi nước cũng lại như thế. Có các Thiên tử gọi là Thủ Trì Bảo Khí trụ ở trong đó.

Thành vàng bao quanh đủ loại trang nghiêm cũng như trên đã nói cho đến chư Thiên tử...đầy khắp cõi nước cũng lại như vậy.

Tu-Di sơn vương chu vi gốc, lại tăng bốn trăm do-tuần, hợp với bản là một nghìn sáu trăm do-tuần – là tầng thứ tư; hướng ra bốn phía đều rộng hơn ba tầng trên năm mươi do-tuần. Từ ven mực nước biển hướng lên trên năm mươi do-tuần là tầng thứ tư của núi chúa Tu-Di, rộng hơn tầng thứ ba năm mươi do-tuần, hậu cũng như thế.

Thành vàng bao quanh cao một do-tuần, tường phụ cao một do-tuần rưỡi, cửa thành cao hai do-tuần, môn lâu cao một do-tuần rưỡi. Cứ mười do-tuần có mỗi một cửa, vô số nghìn cửa được làm thành bởi các báu, được trang điểm bằng đủ loại báu ma-ni. Ví như thảm thêu diệp hảo đất Bắc: Người, phi nhân, rồng, thú, cỏ, cây và các tạp hoa không gì chẳng đủ; cũng như khuyên tai đầy đủ các báu, các cửa thành này cũng lại như vậy.

Bên các cửa thành được bảo vệ bởi voi, ngựa, xe, binh để bảo vệ cõi nước, du hí trang nghiêm. Có các ao báu, bốn báu làm lũy; đáy và bờ ao, cho đến chư Thiên tử, chư Thiên nữ đầy khắp cõi nước cũng lại như vậy.

Tầng thứ tư này là chỗ ở của binh lính của Thiên vương. Bên ngoài thành này lại ra bốn trăm năm mươi do-tuần, chu vi một nghìn tám trăm do-tuần. Có nơi ở các rồng, thú và kim sùý diệu.

Các tầng trên dưới của núi chúa Tu-Di đều dày năm mươi do-tuần. Trong biển, các tầng trợn đều là chỗ ở của Tu-la. Các A-tu-la này vì nhân duyên muốn được năm sự của chư Thiên nên đến công phạt. Những gì là năm? Một là vị Tu-đà, hai là đất bằng phẳng của chư Thiên, ba là vườn rừng của chư Thiên, bốn là quốc ấp của chư Thiên, năm là đồng nữ của chư Thiên. Vì năm sự này nên đến đánh chư Thiên.

Chư Thiên cũng muốn được năm sự của họ nên đến đánh Tu-la. Những gì là năm? Một là vị Tu-đà của A-tu-la, hai là đất bằng phẳng của Tu-la, ba là vườn rừng của Tu-la, bốn là quốc ấp của Tu-la, năm là đồng nữ của Tu-la. Vì năm sự này nên chư Thiên đến đánh Tu-la.

Lúc ấy Tu-la đến đánh chư Thiên. Trước tiên nơi ven nước với các rồng, chim. Nếu không được thời bèn lui về, nếu chiến thắng thời lên tầng thấp nhất cùng binh của bốn vua và các rồng, chim cũng lên tầng này cùng lúc cộng chiến. Nếu Tu-la không thắng thời bèn thối lui về bản địa, nếu chiến thắng thời tiến lên tầng thứ hai, với binh của bốn vua và Trì Bảo Khí thiên, rồng, chim...cùng lúc cộng chiến. Nếu Tu-la không như ý bèn thối lui về bản địa, nếu chiến thắng thì tiến lên tầng thứ ba, với Thường Thắng Thiên và trì Bảo Khí và binh tứ Vương, các rồng, chim cùng lúc cộng chiến. Nếu không như ý thời Tu-la thối lui về bản địa, nếu chiến thắng thời tiến lên phía dưới của tầng thứ tư, cùng với Trì Man Thiên và chư Thiên các tầng dưới, binh của tứ Vương với các rồng, chim...cùng lúc cộng chiến. Nếu không thắng thì từ đó trở về bản địa, nếu chiến thắng thời tiến lên đỉnh trên cùng của núi Tu-Di.

Trì Man chư Thiên đến chỗ Để-Thích báo như vầy: Thiện Tôn! A-tu-la đã lại. Lúc ấy, Để-Thích lấy một nghìn ngựa trắng vào một xe, lấy y của A-la-hán làm cờ phướn, voi, ngựa, bốn binh bắt có hỗn tạp, chúng binh vây quanh ra chỗ chiến trường. Lúc ấy ba mươi ba Thiên vương cũng mỗi người được bốn bộ binh bao quanh cũng đến chỗ chiến trường. Hai thái tử của vua là Chiên Đàn và Tu Tì cũng có bốn binh vây quanh đến chiến trường. Bốn Thiên vương cũng có bốn binh vây quanh cùng đến chiến trường. Nhật Nguyệt Thiên tử cũng có bốn binh vây quanh cùng đến chiến trường. Chư Thiên như thế đều có tiền xa tướng, binh nơi chỗ đó cùng Tu-la khởi chiến đấu lớn. Binh voi thì cùng binh voi chiến đấu; xe, ngựa, bộ binh đều như vậy.

Nếu khi chiến đấu thì quân đến trước ắt tự thối lui trước, việc này như vậy, như thế đều vậy.

Phật Thế Tôn nói: Tì-khuru, khi xưa chư Thiên cùng đánh Tu-la, khi chiến đấu thời hai binh giao chiến, binh của chư Thiên chiến thắng, Tu-la lui tan.

Tì-khuru, khi Tu-la lui, quay về hướng Nam mà chạy, trở về chỗ ở, chư Thiên đuổi theo. Tì-khuru, lúc bấy giờ, Tu-la nghĩ như thế này: Chư Thiên thắng lớn, chúng ta lui tan, chư Thiên truy đuổi ắt nguy, quân ta còn có thể cần lại phải quyết chiến.

Chiến đấu lần thứ hai, thời chư Thiên thắng lớn, Tu-la lại lui. Lúc bấy giờ, Tu-la lại hướng Nam mà chạy trở về chỗ ở. Chư Thiên truy đuổi.

Tì-khuru, lúc ấy Tu-la lại suy nghĩ rằng: Chư Thiên thắng lớn, chúng ta lui tan, chư Thiên truy đuổi ắt nguy cấp. Binh của ta còn có thể cần phải lại quyết chiến.

Tì-khuru, lần thứ ba chiến đấu, chư Thiên lại thắng, Tu-la lui tan chạy về thành mình, đóng cửa mà ở. Tì-khuru, lúc ấy Tu-la lại suy nghĩ thêm: Ta đã vào thành, chư Thiên tuy đến cũng không thể đánh ta.

Tì-khuru, chư Thiên cũng nghĩ như thế này: Các A-tu-la đã vào thành, không thể lại đánh. Lúc bấy giờ chư Thiên vây khắp chung quanh, khiến cho cánh giới chỉ ở trong thành. Chư Thiên chiến thắng, cùng ăn vị Tu-đà của Tu-la, chiếm đất bằng và vườn rừng, quốc ấp, các đồng nữ, tài bảo, nam nữ hộ chiếm đoạt không sót. Nếu chư Thiên nghĩ muốn vào thành kia, ta với tu-la cùng ăn uống. Đã làm thân thích nên đến xem. Tùy ý đến đi ăn uống, nói chuyện. Đã vào thành rồi, nếu tác ý không tương ưng, thì do niệm ấy nên tự nhiên lui ra. Vì sao như thế? Vì thành này là chỗ không sợ hãi của Tu-la. Chư Thiên

như ý ở cõi nước ấy. Đồng nữ Tu-la đã bị bắt trời, nếu muốn đi thời đem về trên trời. Thời các Tu-la lấy vị Tu-đà đến để chuộc lại, vào thành chư Thiên, nơi nơi thăm hỏi. Nếu thấy quyến thuộc thì bàn sự đất rẻ với chư Thiên. Nếu chuộc được thì đem về. Nếu chư Thiên lui bại, bị bắt trời thời cũng như thế.

Đại thành Thiện Kiến của trời Dao-Lợi, chỗ ở của Thích-đề-Hoàn-Nhân. Thành A-tu-la là chỗ ở của A-tu-la vương. Như trời Dao-Lợi có voi chúa La-Bàn để đi xem vườn, A-tu-la cũng có voi tên là Bạt-Đà-Bà-Kha để đi xem vườn rừng như thế. Như Dao-Lợi Thiện khéo cưỡi voi chúa Thiện Trụ khi chiến đấu, A-tu-la cũng có voi chúa như thế, tên là Điều-La-Bà. Dao-Lợi thiên có châu, quận, huyện thì cảnh giới Tu-la cũng lại như vậy. Dao-Lợi thiên đủ loại y phục, ăn uống trang nghiêm, Tu-la cũng như vậy. Chỉ trừ thành lớn Thiện Pháp đường và Bi Thiên Diên nhiều tầng gác.

Nghĩa như vậy Phật Thế Tôn đã nói. Tôi nghe như vậy.

PHẨM THỨ MƯỜI CHÍN: NHẬT NGUYỆT HÀNH

Từ đất của Diêm-phù-Đề cao lên bốn vạn do-tuần là nơi di chuyển của mặt trời, mặt trăng. Một nửa núi Tu-Di ngang với núi Du-Càn-Đà là cung điện Nhật, Nguyệt tròn như mặt trống.

Cung điện Nguyệt này dày năm mươi do-tuần, rộng năm mươi do-tuần, chu vi một trăm năm mươi do-tuần. Nguyệt cung điện này được làm thành bởi lưu ly, được che bọc bởi bạc trắng. Phần nhiều là thủy đại, phía dưới phần nước lại là nhiều nhất, ánh sáng ở phía dưới cũng là hơn cả.

Phía trên bao quanh một thành vàng cao một do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, môn lâu cao một do-tuần rưỡi. Cứ mỗi mười do-tuần lại có mỗi một cửa, cứ bốn mươi cửa đều có một cửa nhỏ. Các cửa thành này được làm thành bởi các báu, được trang nghiêm bởi các báu ma-ni đủ loại. Ví như thảm thêu diệp hảo đất Bắc: Người, phi nhân, rồng, thú, cỏ, cây và các tạp hoa, không gì chẳng đủ; cũng như khuyên tai trang sức đủ các báu, đầy đủ viên mãn, các cửa thành này cũng lại như thế.

Bên cửa thành được trang nghiêm bởi voi, xe, bốn binh. Các Thiên tử này trang nghiêm giáp trượng tụ tập trong đó, vì bảo vệ cõi nước và du hý trang nghiêm.

Ao báu khắp nơi nước trời tràn đầy, bốn báu làm lũy; đáy và bờ đều như trên đã nói, cho đến chư Thiên nam nữ đầy khắp trong đó cũng lại như vậy.

Cung điện này gọi là Chiên Đàn, Thiên tử cung điện trọn đều gọi là Chiên Đàn. Cung điện như thế đã trụ hơn bốn mươi kiếp, do duyên tăng thượng của nghiệp chúng sinh nên thường di chuyển và chiếu sáng. Nếu Thiên tử ở tại đó thời cung điện thường đi, khi Thiên tử không ở tại đó thì cung điện cũng thường đi, khi Thiên tử trở lại thời tùy theo cung điện ở đâu thì hạ xuống ở đó.

Nhật cung điện dày năm mươi một do-tuần, rộng năm mươi một do-tuần, chu vi một trăm năm mươi ba do-tuần. Nhật cung điện này được làm thành bởi lưu ly, vàng đỏ che phủ. Phần nhiều là lửa, phần phía dưới lửa nhiều nhất, ánh sáng phía dưới cũng là hơn cả.

Phía trên bao quanh thành vàng, thành cao một do-tuần, tường phụ cao nửa do-tuần. Cửa thành cao hai do-tuần, môn lâu cao một do-tuần. Cứ mỗi mười do-tuần lại có mỗi một cửa; cứ bốn mươi cửa lại có một cửa nhỏ. Các cửa thành này được làm thành bởi các báu, được trang nghiêm bằng đủ loại ma-ni. Ví như thảm thêu diệp hảo đất Bắc: Người, phi nhân, rồng, thú, cỏ, cây và các tạp hoa, không gì chẳng đủ; lại cũng như khuyên tai trang nghiêm đầy đủ các loại báu, các cửa thành này cũng lại như thế.

Khắp nơi ao bấu tràn đầy nước trời, bốn bấu làm lũy, đày và bờ cũng như đã nói ở trên, cho đến chư Thiên nam nữ đầy khắp trong đó cũng lại như vậy.

Cung điện này gọi là Tu-Dã, Nhật Thiên tử ở trong đó cũng tên là Tu-Dã, Thiên tử cung điện trọn đều tên là Tu-Dã. Cung điện này tồn tại hơn bốn mươi kiếp, vì duyên tăng thượng của nghiệp chúng sinh nên thường di chuyển và chiếu ánh sáng. Khi Thiên tử ở đó thì thường di chuyển, nếu Thiên tử không ở tại đó cũng thường di chuyển, khi Thiên tử trở lại thời tùy cung ở chỗ nào liền hạ xuống mà ở trong đó.

Cung điện Sao nhỏ nhất đường kính nửa câu-lô-xá, chu vi rộng một câu-lô-xá rưỡi. Sao lớn đường kính mười sáu do-tuần, chu vi bốn mươi tám do-tuần.

Trước nhật, nguyệt có Thiên tử Hành Lạc. Thiên tử này nếu du hành thời ắt thọ vui chơi.

Do duyên tăng thượng của nghiệp chúng sinh nên có phong luân thường thổi chuyển vòng. Do gió thổi nên cung Nhật, Nguyệt thường chuyển vòng chẳng dừng.

Nhật cung điện di chuyển một trăm tám mươi đường, Nguyệt cung điện di chuyển mười lăm đường, mười hai đường mặt trời là một đường của mặt trăng. Khi mặt trời xuất nhập hai mươi ngày đường, thời mặt trăng xuất nhập một ngày đường.

Từ đường cực Nam đến đường cực Bắc là hai trăm chín mươi do-tuần, mặt trăng và mặt trời di chuyển trong đó không có tăng giảm.

Mặt trời lại có hai đường: Một là đường ngoài, hai là đường trong. Đường trong từ trong đường Diêm-Phù-Đề đến trong đường Uất-Đan-Việt, tương khứ bốn ức tám vạn tám trăm do-tuần, chu vi mười bốn ức bốn vạn hai ngàn bốn trăm do-tuần.

Đường ngoài như vậy bốn ức tám vạn một ngàn ba trăm tám mươi do-tuần, chu vi mười bốn ức bốn vạn bốn nghìn một trăm bốn mươi do-tuần.

Sự di chuyển của mặt trăng: Di chuyển ngang thì nhanh, di chuyển vòng thì chậm. Sự di chuyển của mặt trời ắt di chuyển vòng thì nhanh, di chuyển bên thì chậm.

Sự di chuyển của mặt trời và mặt trăng hoặc hợp hoặc lìa. Trong mỗi một ngày mặt trời di chuyển bốn vạn tám ngàn tám mươi do-tuần, hợp và lìa cũng đều như thế.

Nếu khi chút hợp, mặt trời ngày che mặt trăng, ba do-tuần lại một phần ba của một do-tuần. Vì phương tiện này nên mười lăm ngày tất cả bị che, ánh sáng mặt trăng không hiện. Nếu khi lìa xa một chút, mặt trời ngày ngày di chuyển bốn vạn tám ngàn tám mươi do-tuần. Ngày này lìa mặt trăng, ba do-tuần lại một phần ba của một do-tuần. Vì phương tiện này nên mười lăm ngày mặt trăng tròn sáng. Số lượng như thế, chu vi của sự di chuyển của mặt trời nhanh hơn mặt trăng bốn vạn tám ngàn tám mươi do-tuần.

Lúc ấy Thế Tôn tuyên lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

Có bốn vạn tám ngàn
Và tám mươi do-tuần,
Nhật theo nguyệt như thế,
Lìa nguyệt cũng như vậy.

Trong sáu tháng từ đường trong ra đến đường ngoài, sáu tháng mặt trời từ đường ngoài vào đến đường trong.

Mặt trăng thường di chuyển mười chín do-tuần lại một phần ba do-tuần, mỗi một ngày mọc như thế, lặn cũng như thế. Mười lăm ngày này từ đường trong đến đường ngoài, mười lăm ngày từ đường ngoài đến đường trong.

Mặt trời nếu di chuyển đường trong của Đông Phất-Bà-Đề lấy Nam tế của Đông Phất-Bà-Đề như vậy sáu trăm tám mươi ba do-tuần, lại một phần ba do-tuần, trong đó mặt trời di chuyển đường trong.

Nếu mặt trời di chuyển đường trong của Diêm-Phù-Đề, thủ Nam tế như thế ba trăm năm mươi do-tuần, trong đó mặt trời di chuyển đường trong.

Nếu mặt trời di chuyển đường trong của Tây Cù-Da-Ni, thủ Nam tế của đất Tây Cù-Da-Ni như thế sáu trăm tám mươi ba do-tuần, lại một phần ba do-tuần, trong đó mặt trời di chuyển đường trong.

Nếu mặt trời di chuyển đường trong của Bắc Uất-Đan-Việt, thủ đất Bắc Uất-Đan-Việt, Nam tế như thế ba trăm năm mươi do-tuần, trong đó mặt trời di chuyển đường trong.

Nếu mặt trời di chuyển đường ngoài của Đông Phất-Bà-Đề, từ Nam tế địa thủ đến mặt trời bên ngoài ba trăm chín mươi ba do-tuần, lại một phần ba do-tuần, mặt trời di chuyển trong đó.

Nếu mặt trời di chuyển đường ngoài của Diêm-Phù-Đề, từ đất Nam tế đến đường ngoài của mặt trời sáu mươi do-tuần, trong đó mặt trời di chuyển đường ngoài.

Nếu mặt trời di chuyển đường ngoài của Tây Cù-Đàm-Di, thủ địa Nam tế đến đường ngoài của mặt trời ba trăm chín mươi ba do-tuần, lại một phần ba do-tuần, trong đó mặt trời di chuyển.

Nếu mặt trời di chuyển đường ngoài của Bắc Uất-Đan-Việt, thủ địa Nam tế sáu mươi do-tuần, trong đó mặt trời di chuyển.

Nếu mặt trời di chuyển đường trong của Đông Phất-Bà-Đề ắt di chuyển đường ngoài của Tây Cù-Da-Ni, ắt di chuyển trung lộ của Nam Diêm-Phù-Đề và Bắc uất-Đan-Việt, lúc ấy ngày của Đông Phất-Bà-Đề dài nhất mười tám mâu-hư-đa, khi ấy đêm ngắn nhất mười hai mâu-hư-đa. Ngày và đêm của Diêm-Phù-Đề và Bắc Uất-Đan-Việt bằng nhau, cùng mười lăm mâu-hư-đa. Sáu mâu-hư-đa động, hai mươi tư mâu-hư-đa bất động.

Nếu mặt trời di chuyển đường ngoài của Đông Phất-Bà-Đề ắt di chuyển đường trong của Tây Cù-Da-Ni, ắt di chuyển ở trung lộ của Nam Diêm-Phù-Đề và Bắc Uất-Đan-Việt. Lúc ấy, đêm của Đông Phất-Bà-Đề dài nhất mười tám mâu-hư-đa, ngày ngắn nhất mười hai mâu-hư-đa. Ngày của Tây Cù-Da-Ni dài nhất mười tám mâu-hư-đa, đêm ngắn nhất mười hai mâu-hư-đa. Đêm và ngày của Nam Diêm-Phù-Đề và Bắc Uất-Đan-Việt bằng nhau, cùng là mười lăm mâu-hư-đa.

Nếu mặt trời di chuyển ở đường trong của Diêm-Phù-Đề ắt di chuyển ở đường ngoài của Bắc Uất-Đan-Việt, ắt di chuyển ở trung lộ của Đông Phất-Bà-Đề và Tây Cù-Da-Ni. Ngày của Diêm-Phù-Đề dài nhất mười tám mâu-hư-đa, đêm ngắn nhất mười hai mâu-hư-đa. Đêm của Bắc Uất-Đan-Việt dài nhất mười tám mâu-hư-đa, ngày ngắn nhất mười hai mâu-hư-đa. Ngày và đêm của Đông Phất-Bà-Đề và Tây Cù-Da-Ni bằng nhau, cùng là mười lăm mâu-hư-đa.

Nếu mặt trời di chuyển ở đường ngoài của Nam Diêm-Phù-Đề, ắt di chuyển ở đường trong của Bắc Uất-Đan-Việt, ắt di chuyển ở trung lộ của Đông Phất-Bà-Đề và Tây Cù-Da-Ni. Lúc ấy đêm của Diêm-Phù-Đề dài nhất mười tám mâu-hư-đa, ngày ngắn nhất mười hai mâu-hư-đa. Ngày của Bắc Uất-Đan-Việt dài nhất mười tám mâu-hư-đa, đêm ngắn nhất mười hai mâu-hư-đa. Ngày và đêm của Đông Phất-Bà-Đề và Tây Cù-Da-Ni bằng nhau, cùng là mười lăm mâu-hư-đa.

Đông Phất-Bà-Đề và Tây Cù-Da-Ni đều như thế mà nói.

Nếu trong thế gian, ba mươi mâu-hư-đa quyết định luôn là một ngày đêm, một mâu-hư-đa có ba mươi phần, mỗi phần gọi là la-bà. Khi ngày tăng thì gọi là la-bà, nếu ngày giảm cũng là một la-bà, đêm cũng như vậy. Nếu ngày giảm thời đêm tăng một la-bà, nếu đêm giảm thời ngày tăng thêm một la-bà. Nếu ngày dài nhất mười tám mâu-hư-đa thì lúc đó đêm ắt ngắn nhất- mười hai mâu-hư-đa. Nếu đêm dài nhất- mười tám mâu-hư-đa thì lúc đó ngày ắt ngắn nhất- mười hai mâu-hư-đa. Nếu ngày và đêm bằng nhau thời ngày mười lăm mâu-hư-đa, đêm mười lăm mâu-hư-đa.

Nếu ngày mười lăm tháng năm chính đầy đủ, Tây quốc bắt đầu kết hạ an cư thời đất Hán an cư đã đủ một tháng. Lúc đó ngày ắt dài nhất- mười tám mâu-hư-đa, đêm ắt ngắn nhất- mười hai mâu-hư-đa.

Từ ngày mười sáu giảm một la-bà, tháng giảm một mâu-huru-đa. Tháng thứ hai lại giảm một mâu-huru-đa. Tháng thứ ba lại giảm một mâu-huru-đa. Cho đến ngày mười lăm tháng tám, ngày mà nước Ấn-Độ tự tứ, khi mà đất Hán thọ y Ca-hi-na thì ngày và đêm bằng nhau, mỗi thứ mười lăm mâu-huru-đa.

Lại, từ ngày mười sáu cho đến một tháng sau, giảm một mâu-huru-đa. Tháng thứ hai lại giảm một mâu-huru-đa. Tháng thứ ba lại giảm một mâu-huru-đa. Cho đến ngày mười lăm tháng mười một thì đêm dài nhất mười tám mâu-huru-đa, ngày ngắn nhất mười hai mâu-huru-đa. Từ lúc này, ngày giảm một la-bà. Một tháng ngày ắt đêm giảm một mâu-huru-đa. Tháng thứ hai lại giảm một mâu-huru-đa. Tháng thứ ba lại giảm một mâu-huru-đa. Cho đến ngày mười lăm tháng hai thì ngày và đêm bằng nhau, mỗi thứ mười lăm mâu-huru-đa.

Lại, từ ngày mười sáu cho đến một tháng sau giảm một mâu-huru-đa. Tháng thứ hai lại giảm một mâu-huru-đa. Tháng thứ ba lại giảm một mâu-huru-đa. Đến ngày mười lăm tháng năm thì ngày dài nhất mười tám mâu-huru-đa, đêm ngắn nhất mười hai mâu-huru-đa.

Lại có khi khác, nếu nước Ấn-Độ phần mùa Hạ tháng thứ nhất trong tháng, phần nửa sau của 9 ngày, gồm 6 tháng ngày mồng chín, lúc ấy ngày dài nhất mười tám mâu-huru-đa, đêm ngắn nhất mười hai mâu-huru-đa. Đến ngày mồng chín tháng chín thì ngày và đêm bằng nhau, mỗi thứ mười lăm mâu-huru-đa. Ngày mồng chín tháng mười một thì đêm dài nhất mười tám mâu-huru-đa, ngày ngắn nhất mười hai mâu-huru-đa. Ngày mồng chín tháng ba thì ngày và đêm bằng nhau, mỗi thứ mười lăm mâu-huru-đa.

Xoay vòng như thế, đủ năm năm thì có một du-ca, tức là hai tháng nhuận: Thứ nhất từ mặt trăng, thứ hai từ mặt trời. Trong khoảng năm năm, mười hai ngày lại chín ngày, lại sáu ngày, lại ba ngày, lại mười lăm ngày, trong đó ngày và đêm dài ngắn. Mặt trăng phân biệt ba công dụng: Một là phân biệt tháng, hai là phân biệt mười lăm ngày, ba là phân biệt viên mãn.

Mặt trời phân biệt đêm ngày, phân biệt mùa Hạ, Thu, Đông, tiết, phân biệt năm- là ba công dụng từ mặt trời mà được thành.

Tháng nhuận có hai: Một là từ mặt trăng, hai là từ mặt trời. Tháng nhuận này được làm từ mặt trăng. Tháng Tư mặt trời phân làm hai mặt trăng nhỏ. Một mặt trăng nhỏ là một phần ba, một mặt trăng nhỏ khác là bảy phần kia.

Nhất niên trung ưng lục tiểu nguyệt. Ngũ niên túc thiếu tam thập nhật. Ba mươi ngày này phải bù trong năm năm. Nếu không làm tháng nhỏ, ắt trăng tròn không đúng lúc. Tháng nhỏ này được làm từ mặt trời. Thế gian nói lấy ba mươi mâu-huru-đa quyết định là một ngày đêm, phân ba mươi mâu-huru-đa làm sáu mươi phần. Vì mặt trời nhanh nên năm mươi chín phần liền chung quanh, dư một phần. Nhân vì sự này nên hai tháng ắt trường một ngày.

Lại, hai tháng lại trường một ngày cho đến một năm thì dài thêm đủ sáu ngày. Như vậy năm năm ắt dài một tháng. Dùng một tháng này bù trong năm năm thì là ngày nhuận của mặt trời. Nếu không làm nhuận thì thời tiết và năm sai hoại không đúng.

Lại nữa, năm năm phải hai tháng nhuận: Thứ nhất là ở năm thứ ba, thứ hai là ở năm thứ năm.

Nếu mặt trăng ở trong Diêm-Phù-Đề thì thêm ba tháng mặt trời đến Tây Cù-Da-Ni; nếu ở Bắc Uất-Dan-Việt ắt tháng sáu, Đông Phất-Bà-Đề ắt tháng chín; nếu tròn một năm trở lại Diêm-Phù-Đề.

Trong thiên hạ thường có ba thời Hạ, Đông và Xuân. Mùa Hạ thì tùy theo mùa Xuân, mùa Đông thì tùy theo mùa Hạ, mùa Xuân thì tùy theo mùa Đông.

Ngày mười lăm tháng Tám, khi tự tứ ở Đông Phất-Bà-Đề thì là thời kết hạ mười lăm tháng Năm ở Diêm-Phù-Đề; là ngày mười lăm tháng Hai ở Tây Cù-Da-Ni, là ngày mười lăm tháng Mười Một ở Bắc Uất-Đan-Việt.

Phần mùa Hạ chia ba tháng ở Đông Phất-Bà-Đề đã xuất tại Đông Phất-Bà-Đề Nam Diêm-Phù-Đề hai châu ở giữa Tây Cù-Da-Ni, Xuân phần ba tháng chưa hiện tại Diêm-Phù-Đề Cu-Da-Ni hai châu trung gian Cù-Da-Ni, Xuân một tháng đã khởi Uất-Đan-Việt, Đông phần hai tháng chưa ra khỏi, đó là ba tháng tại Cù-Da-Ni Uất-Đan-Việt giữa hai châu trung gian

Uất-Đan-Việt, Đông thì hai tháng đã ra khỏi Phất-Bà-Đề, Hạ phần một tháng chưa vào đó là ba tháng tại Uất-Đan-Việt Phất-Bà-Đề hai châu trung gian.

Núi chúa Tu-Di tại chính giữa của bốn châu thiên hạ. Như thế nào núi chúa Tu-Di ở tại bốn thiên hạ?

Biên giới phía Bắc gọi là Nhật hành phân phán, phương Đông của Đông Phất-Bà-Đề là phương Bắc của Nam Diêm Phù Đề. Phương Tây của Đông-Phất-bà-đề là phương Nam của nam Diêm-Phù-Đề. Phương Bắc của Đông-Phất-Bà-Đề là phương Tây của Nam Diêm-Phù-Đề. Phương Nam của Đông-Phất-Bà-Đề là phương Đông của Nam Diêm-Phù-Đề.

Bắc Uất-Đan-Việt và Tây Cù-Da-Ni cũng lại như thế.

Nam Diêm-Phù-Đề đối diện với Bắc Uất-Đan-Việt; Đông Phất-Bà-Đề đối diện với Tây Cù-Da-Ni.

Lúc bấy giờ là lúc ban đầu hết mặt trời và mặt trăng sinh xuống thế gian, như thế sâu xa. Mặt trời xuống chính giữa Đông Phất-Bà-đề, mặt trăng xuống chính giữa Tây Cù-Da-Ni. Lúc ấy ánh sáng chiếu khắp đầy bốn thiên hạ. Mặt trời chiếu một nửa, mặt trăng chiếu một nửa. Nếu mặt trời đã qua chính giữa Đông Phất-Bà-Đề thì mặt trời đã lặn ở Bắc Uất-Đan-Việt, Nam Diêm-Phù-Đề mặt trời đã mọc.

Nếu mặt trăng đã qua chính giữa Tây Cù-Da-Ni thì đã lặn ở Diêm-Phù-Đề, đã mọc ở Uất-Đan-Việt.

Nếu đêm trăng tròn đã đến Uất-Đan-Việt, khi mặt trăng chính giữa thì Nam Diêm-Phù-Đề mặt trời ở chính giữa. Mặt trời đi quá chính giữa Diêm-Phù-Đề thì ở Đông Phất-Bà-Đề đã lặn, ở Đông Phất-Bà-Đề đã mọc.

Nếu mặt trăng đi quá chính giữa Bắc Uất-Đan-Việt thì ở Đông Phất-Bà-Đề đã mọc, ở Tây Cù-Da-Ni đã lặn.

Ở Đông Phất-Bà-Đề, nếu đêm trăng tròn chính giữa thì ở Tây Cù-Da-Ni mặt trời ở chính giữa. Mặt trời quá chính giữa Tây Cù-Da-Ni thì ở Diêm-Phù-Đề đã lặn, ở Uất-Đan-Việt đã mọc.

Nếu mặt trăng quá chính giữa Đông Phất-Bà-Đề thì ở Uất-Đan-Việt đã lặn, ở Diêm-Phù-Đề đã mọc. Ở Diêm-Phù-Đề đêm trăng tròn chính giữa thời ở Bắc Uất-Đan-Việt mặt trời chính giữa.

Thế nào mặt trời và mặt trăng hợp tại một chỗ? Nghĩa là mặt trời luôn theo mặt trăng, đi mỗi một ngày tương cận bốn vạn tám ngàn tám mươi do-tuần, mỗi ngày lia nhau cũng lại như vậy. Nếu khi gần nhau, mỗi ngày trăng tròn bị che ba do-tuần và một phần ba do-tuần. Vì sự này nên ngày mười lăm mặt trăng bị che ắt hết, gọi là hắc bán mãn nhật nhật ly nguyệt diệt bốn vạn tám ngàn tám mươi do-tuần. Mặt trăng mỗi ngày mở khỏi sự che ba do-tuần và một phần ba do-tuần. Vì sự này nên ngày mười lăm trăng ắt khai mở tròn đầy, thế gian gọi là nửa tháng bạch mãn nguyệt.

Nếu lia xa nhau nhất thì lúc ấy mặt trăng tròn đầy, thế gian ắt gọi là bạch bán viên mãn nhật nguyệt.

Nếu cùng một chỗ là đi cùng nhau, thế gian ắt gọi là hắc bán viên mãn nhật. Đường kính của ánh sáng là bảy ức hai vạn một nghìn hai trăm do-tuần, chu vi hai mươi một ức sáu vạn ba ngàn sáu trăm do-tuần.

Khi mặt trời mọc ở Diêm-Phù-Đề, khi mặt trời lặn ở Bắc Uất-Đan-Việt thì ở Đông Phất-Bà-Đề chính giữa, Tây Cù-Da-Ni giữa đêm. Bốn thời của bốn thiên hạ này do mặt trời mà được thành.

Nghĩa như vậy Phật Thế Tôn nói. Tôi nghe như vậy.

HẾT QUYỂN NĂM

LẬP THẾ A-TÌ-ĐÀM LUẬN QUYỂN THỨ SÁU

PHẨM THỨ HAI MƯƠI: VÌ SAO

Tại sao là đêm, tại sao là ngày? Nhân vì mặt trời nên có đêm, nhân vì mặt trời nên có ngày.

Cõi Dục tự tính hắc ám, ánh sáng mặt trời ẩn nên ắt là đêm, ánh sáng mặt trời hiển nên ắt là ngày.

Tại sao một nửa đen, tại sao một nửa trắng? Do mặt trời nên một nửa đen, do mặt trời nên một nửa trắng. Mặt trời luôn luôn theo mặt trăng, mỗi một ngày gần nhau bốn vạn tám ngàn tám mươi do-tuần, lia nhau cũng lại như thế.

Nếu khi gần nhau, mỗi một ngày mặt trăng tròn bị che ba do-tuần và một phần ba do-tuần. Vì sự này nên ngày mười lăm trăng bị che, ắt ban ngày thì gọi là nhật hắc bán mãn. Mỗi một ngày mặt trời lia mặt trăng cũng bốn vạn tám ngàn tám mươi do-tuần. Mặt trăng mỗi một ngày khai mở ba do-tuần và một phần ba do-tuần. Vì sự này nên ngày thứ mười lăm mặt trăng ắt khai mở tròn đầy. Thế gian ắt gọi là bạch bán viên mãn nhật. Nếu mặt trăng và mặt trời đi lia nhau nhất, thì lúc đó trăng tròn, thế gian ắt gọi là bạch bán viên mãn nhật.

Mặt trời và mặt trăng nếu cùng một chỗ thì gọi là cùng đi, thế gian ắt nói là hắc bán viên mãn.

Nếu mặt trời đi theo sau mặt trăng, ánh sáng mặt trời chiếu vào ánh sáng mặt trăng, ánh sáng mặt trăng yếu nên bị chiếu sinh ảnh, ảnh của mặt trăng này trở lại che mặt trăng, cho nên thấy phần sau mặt trăng không tròn. Vì sự này nên từ từ đến ngày thứ mười lăm che hết mặt trăng. Đi theo sau thì gọi là hắc bán.

Nếu mặt trời đi trước mặt trăng, mỗi ngày khai tịnh cũng lại như thế. Cho đến ngày thứ mười lăm thì đầy đủ viên mãn. Khi đi trước thì gọi là bạch bán.

Tại sao mùa Đông nói là ê-mạn-đa? Vì lúc này tuyết đã rơi, lạnh đã đến, cho nên mùa Đông gọi là ê-mạn-đa. Thế gian lập tự tính này gọi là ê-mạn-đa.

Tại sao mùa Xuân gọi là cầm-hà? Khi mặt trời chiếu rọi là lúc chính nhiệt, là lúc nóng nên gọi mùa Xuân là cầm hà. Thế gian lập tự tính này gọi là cầm hà.

Tại sao mùa Hạ gọi là bạt-bà? Là lúc trời mưa, là lúc nghi vũ, là lúc bắt đầu năm, cho nên gọi mùa Hạ là Bạt- bà. Thế gian lập tự tính này gọi là Bạt-bà.

Tại sao mùa Đông lạnh? Tại sao mùa Xuân nóng? Tại sao mùa Hạ hàn nhiệt? Khi mùa Đông thủy giới tăng trưởng nhất chưa giảm hết, cỏ cây do ẩm thấp chưa khô, thời địa đại ẩm trơn, hỏa đại hướng xuống, khí nước bốc lên. Cho nên biết chỗ nước sâu nóng nhất, chỗ nước cạn ắt lạnh, tiết lạnh đã đến. Mặt trời di chuyển ở đường ngoài chiếu rọi không lâu, dương khí ở trong bị ăn tiêu hết nhanh chóng. Vì sự này nên mùa Đông lạnh.

Tại sao mùa Xuân nóng? Khi Cấm-hà này, sự tăng trưởng của thủy giới đã diệt, đã hết, cỏ cây khô khan, đất đã khô ráo, thủy khí hướng xuống, hỏa khí bốc lên. Lấy gì biết nóng? Nước chỗ sâu ắt lạnh, nước chỗ cạn ắt nóng. Mùa Đông đã qua, mặt trời di chuyển ở đường trong nên chiếu tỏa sẽ lâu, nhiệt trong thân nhiều nên mùa Xuân nóng.

Tại sao mùa Hạ lạnh nóng? Là đại địa nhập nguyệt, trong ngày thường nhận chiếu soi. Mây lớn trút mưa chi sở sái tán, uất khí bốc lên, nếu khi gió thổi khí bốc lên đã tiêu thì lúc đó ắt gió lạnh. Nếu gió không nổi lên thì lúc đó tức nóng. Cho nên Bạt-bà có lúc lạnh, có lúc nóng.

Tại sao địa ngục gọi là Nê-lê-da? Vì không có vui chơi, không có vui thích, không có sự đi ra, vì không có phúc đức, nhân vì không trừ và lìa nghiệp nên sinh trong đó.

Lại nói đường này, trong cõi Dục là hạ liệt nhất, gọi là phi đạo. Vì sự này cho nên nói địa ngục thì gọi là nê-lê-da.

Tại sao cầm thú gọi là đê-đô-phúc-phản-lật-xa? Nhân vì nghiệp xiểm khúc mà thọ sinh trong đó. Lại nói rằng đường này, chúng sinh phần nhiều che đậy việc làm của thân mình nên gọi là đê-lật-xa.

Tại sao đường ngạ quỷ gọi là thiểm-đa-diêm-ma-la? Vua tên là Thiểm-Đa, sinh cùng loại với vua nên gọi là Thiểm-Đa. Lại nói rằng đường này qua lại thông nhau với các đường thiện ác khác cho nên gọi là Thiểm-Đa.

Tại sao gọi là đường A-tu-la? A-tu-la không thể nhẫn nại được với thiện, không thể nhất tâm khiêm hạ lắng nghe. Lời thiện giáo hóa đủ loại mà tâm chẳng động. Vì kiêu mạn nên không có thiện kiến nhi, lại chẳng phải trời nên gọi là A-tu-la.

Tại sao thiên đạo gọi là Đê-bà? Đê-bà là tên gọi của thiện hành, nhân vì làm thiện nên sinh ở đường này. Lại nói rằng Đê-bà gọi là ánh sáng vì thường có ánh sáng. Lại, Đê-bà gọi là thánh đạo. Lại, Đê-bà gọi là ý lạc. Lại, Đê-bà gọi là thượng đạo. Lại, Đê-bà phải tu, phải tăng trưởng tất cả nghiệp thiện, vì nghiệp thiện nên gọi là Đê-bà.

Tại sao nhân đạo gọi là Ma-nô-sa? Một là vì thông minh, hai là vì hơn, ba là vì ý vi tế, bốn là chính giác, năm là trí tuệ tăng thượng, sáu là có thể phân biệt hư và thật, bảy vì là chính khí của thánh đạo, tám là vì được sinh bởi nghiệp thông tuệ. Cho nên nói nhân đạo là Ma-nô-sa.

Tại sao đất này gọi là Diêm-Phù-Đề? Nhân vì cây Diêm-Phù-Đề nên được tên gọi này.

Tại sao gọi là Tây Cù-Da-Ni? Vì đất này ở phía Tây của Diêm-Phù-Đề, và vì tư sinh buôn bán trọn đều dùng trâu, trâu tên là Cù-Da-Ni nên gọi đất này là Tây Cù-Da-Ni.

Tại sao gọi là đông Tì-Đề-A? Vì đất này ở phía Đông của Diêm-Phù-Đề, hình tướng đáng yêu, vì lợi dưỡng thắng hơn, cho nên gọi là Đông Tì-đề-A.

Tại sao gọi là Bắc Uất-Đan-Việt? Vì đất này ở phía Bắc của Diêm-Phù-Đề, vì tâm ngay thẳng và thiện, vì sau sẽ thắng hơn, vì tất cả của cải hơn chỗ khác, cho nên gọi là Bắc Uất-Đan-Việt.

Tại sao cõi trời thứ nhất gọi là Đại Vương Thiên, Đê-Đầu-Lại-Tra...Tứ Đại Vương? Vì ở trong đó là tầng thượng, là thượng thủ vậy.

Tại sao cõi trời thứ hai gọi là Đạo-Lợi Ba Mươi Ba Thiên Vương? Vì ở trong đó làm vương vị Đế Chủ tự tại, nên gọi là Đạo-Lợi thiên.

Tại sao cõi trời thứ ba gọi là Dạ-Ma? Vì ngày đêm thời tiết phân phân độ thời, nói như thế này: ? tai, hoan lạc bất khả tư nghĩ, nên gọi là Dạ-Ma.

Tại sao cõi trời thứ tư gọi là Đâu-Suất-Đà? Vì hỷ lạc no đủ, với các của cải tự biết đầy đủ, với Bát thánh đạo không sinh biết đủ nên gọi là Đâu-Suất-Đà.

Tại sao cõi trời thứ năm gọi là Duy-Ma-La-Ni? Vì trong đó chư Thiên như ý hóa làm cung điện, vườn rừng, tất cả đồ vui chơi mà thọ vui trong đó nên gọi là Duy-Ma-La-Ni.

Tại sao cõi trời thứ sáu gọi là Ba-La-Duy-Ma-Bà-Xà? Những cung điện, vườn rừng, tất cả đồ vui chơi của người khác biến hóa làm ra thì tự tại, kể như đó là của mình, thọ vui ở trong đó nên gọi là Ba-La-Duy-Ma-Bà-Xà.

Tại sao cõi Phạm thứ nhất gọi là Phạm Tiên Hành? Nếu ai từ cõi Dục vào cõi Sắc, trước phải đến chỗ này nên gọi là Phạm Tiên Hành.

Tại sao cõi thứ hai gọi là Phạm Chúng? Vì Đại Phạm Vương nhiều quyền thuộc nên gọi là Phạm chúng.

Tại sao cõi thứ ba gọi là Đại Phạm? Vì được sinh ra từ nghiệp được tạo ra của trung gian Sơ thiên tối thắng, vì tự tại không hệ thuộc người khác, vì có thể quán sát sự việc của người khác, vì làm chủ của (những chúng sinh) đã sinh, đáng sinh nên gọi là Đại Phạm.

Tại sao cõi trời thứ nhất của đệ Nhị Thiên gọi là Thiếu Quang? Vì khi nói năng trong miệng phát ra ít ánh sáng nên gọi là Thiếu Quang.

Tại sao cõi thứ hai gọi là Vô Lượng Quang? Vì khi chư Thiên nói năng, từ trong miệng hiển hiện vô lượng ánh sáng, cho nên gọi là Vô Lượng Quang.

Tại sao cõi Phạm thứ ba gọi là Biến Thắng Quang? Vì chư Thiên này khi nói năng, từ miệng phát ra ánh sáng khắp mọi nơi đầy đủ không sót, nên gọi là Biến Thắng Quang.

Tại sao cõi trời thứ nhất của Tam Thiên thiên gọi là Thiếu Tịnh? Vì trong đó chư Thiên thọ lạc ít, sự thọ lạc tịch tịnh này tương ứng với đệ tam thiên. Vì thọ sự lạc ít này nên gọi là Thiếu Tịnh.

Tại sao cõi trời thứ hai gọi là Vô Lượng Tịnh? Vì trong đó an lạc của chư Thiên hơn cõi trước, thọ lạc tịch tịnh tương ứng với tam thiên, nên gọi là Vô Lượng Tịnh.

Tại sao cõi thứ ba gọi là Biến Tịnh? Trong đó thọ lạc khắp cả thân và tâm rốt ráo không sót, thọ lạc tịch tịnh tương ứng với tam thiên. Chư Thiên thọ lạc này nên gọi là Biến Tịnh.

Tại sao cõi trời thứ nhất của đệ Tứ Thiên gọi là Vô Vân? Vì khổ và lạc ở trước diệt, vì với tiền phương tiện hết sạch ưu và hỷ, vì trong đó xả thọ trí niệm thanh tịnh, trong đó chư Thiên thọ cái “ xả thọ ” nên gọi là Vô Vân.

Tại sao cõi trời thứ hai gọi là Sinh Phúc? Phúc là trí niệm xả được sinh tương ứng các thiên đã sinh, thọ dụng ba chi như thế gọi là Sinh Phúc.

Tại sao cõi thứ ba gọi là Quảng Quả? Quảng nghĩa là dung chứa to lớn công lực của quả và báo được sinh, hai thứ này có thể nhiếp định, tuệ và lìa dục y chỉ, nên gọi là Quảng Quả.

Tại sao cõi thứ tư gọi là Vô Tướng thiên? Vì trong đó chư Thiên không có tướng. Thế nào là tướng? Hai thứ tướng chung và riêng, mỗi thứ sinh quả báo khác nhau, vì trong đó không có, chỉ có sắc ấm và bất tương ứng hành ấm nên gọi là Vô Tướng thiên.

Tại sao Na-Hàm thiên? Thứ nhất gọi là Thiện Hiện, xưa ở địa vị nhân có thể khiến thấy thật không có nghĩa khác, có thể khiến thọ nhận, có thể khiến giải hiểu gọi là Thiện Hiện.

Tại sao thứ hai gọi là Thiện Kiến? Xưa tại địa vị nhân, tăng trưởng thọ mạng, đủ bốn chi đề tài và tài sản của người đều làm sự lợi ích, thiện chính thủ hộ; trong đó sinh chính kiến không trừ không thủ giữ. Nhân vì Thiện Hiện ở trước và cái nhân này nên gọi là Thiện Kiến.

Tại sao thứ ba gọi là Bất Phiền? Xưa tại địa vị nhân không tổn não người, không có ý phương ngại, không có ý bức bách nhau, nhân Thiện Hiện ở trước và nghiệp này, cho nên gọi là Bất Phiền.

Tại sao thứ tư gọi là Bất Thiêu? Trong đó chư Thiên, xưa tại địa vị nhân, không thiêu tự thân, không quẫn bách thân, lại chẳng thiêu và khổ khổ người, làm mình và người cùng an lạc, nhanh chóng thông đạt, nên nhân Thiện Hiện ở trước và nghiệp này, nên gọi là Bất Thiêu.

Tại sao thứ năm gọi là A-Ca-Ni-Tra? Ca-Ni-Tra gọi là hạ phẩm, vì đều đã vượt qua mười bảy địa hạ phẩm ở trước. Lại có từ trời hạ phẩm đến trời Cứu Cánh, vì trong đó mà bát niết-bàn. Vì lại có chư Thiên tên là A-Ca-Ni-Tra đến bát niết-bàn. Cho nên gọi là A-Ca-Ni-Tra.

Tại sao cõi trời thứ nhất cõi Vô Sắc gọi là Không Vô Biên? Vì Nhập vào không thì không có chỗ làm, không có hữu vi, không thể tắc ngại, vượt qua tướng ngại đủ loại hữu tướng, vì tâm duyên một tướng, nên không có hai, không có khác; nhân cái không này mà nghiệp được sinh ra, cho nên gọi là Không Vô Biên Nhập.

Vì sao thứ hai gọi là Thức Vô Biên Nhập? Nhập vào thiên thức là ý thức thứ sáu. Thức này bên trong nên vi tế hơn cái không bên ngoài, vượt qua các tướng ngăn ngại, vượt qua các tướng bên ngoài, duyên một tướng nên không có hai, không có khác; nhân thức này mà nghiệp được sinh, nên gọi là Thức Vô Biên Nhập.

Vì sao thứ ba là Vô Sở Hữu Nhập? Nhập thiên Vô Sở Hữu là trừ hai tướng thô trước, là hai cõi hai thứ ấy ra, không có cảnh giới nào khác, vượt quá tướng bên ngoài và bên trong, tâm duyên một cảnh nên không có hai, không có khác; nhân tâm này mà nghiệp được sinh, cho nên gọi là Vô Sở Hữu Nhập.

Vì sao thứ tư gọi là Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập? Vì thiên Phi Tướng thì vi tế, nên không phải bảy thứ định trước, cho nên gọi là Phi Tướng. Phi Phi Tướng là nếu Vô Tướng Định và Vô Tâm Định- hai định như thế gọi là Vô Tâm Định, vì cùng không có tâm; nay ắt có tâm cho nên gọi là Phi Phi Tướng định. Nhân nơi định này nghiệp sở sinh, cho nên gọi là Phi tướng Phi Phi Tướng Nhập.

Từ Diêm-Phù-Đề hướng xuống hai vạn do-tuần là chỗ địa ngục lớn Vô Giá; từ Diêm-Phù-Đề hướng xuống một vạn do-tuần là địa ngục Dạ-Ma thế gian. Khoảng giữa của hai địa ngục này có địa ngục khác.

Từ Diêm-Phù-Đề hướng lên trên bốn vạn do-tuần là cõi trời Tứ Đại Thiên Vương. Từ Diêm-Phù-Đề hướng lên trên tám vạn do-tuần là chỗ của Tam Thập Tam thiên. Từ Diêm-Phù-Đề hướng lên trên mười sáu vạn do-tuần là chỗ của Dạ-Ma thiên. Từ Diêm-Phù-Đề hướng lên trên ba ức hai vạn do-tuần là chỗ của Đâu-Suất-Đà thiên. Từ Diêm-Phù-Đề hướng lên trên mười sáu ức bốn vạn do-tuần là chỗ của Tha Hóa Thiên. Từ Diêm-Phù-Đề hướng lên trên hai mươi ức tám vạn do-tuần là chỗ ở của Tha Hóa Tự Tại thiên.

Có Tì-Khuru hỏi Phật: Thế Tôn! Từ Diêm-Phù-Đề đến chỗ Phạm thiên xa hay gần?

Phật nói: Tì-khuru! Từ Diêm-Phù-Đề đến chỗ Phạm thiên rất xa, rất cao, khác nhau, là nhau. Tì-khuru, ví như ngày mười lăm tháng Chín, khi mặt trăng tròn đầy, nếu có một người ở chỗ Phạm thiên phóng tảng đá vuông một trăm trượng hướng xuống Diêm-Phù-Đề, khoảng giữa không có chướng ngại, đến năm sau, khi trăng tròn đầy tháng Chín thì đến chỗ Diêm-Phù-Đề. Phạm thiên và Diêm-Phù-Đề xa như thế. Từ chỗ Phạm thiên đến cõi trời Thiếu Quang lại gấp nhiều lần như trước.

Từ cõi trời Thiếu Quang đến cõi trời Vô Lượng Quang lại xa gấp một lần. Từ cõi trời Vô Lượng Quang đến cõi trời Biến Thắng Quang lại xa gấp một lần. Từ cõi trời Biến Thắng Quang đến cõi trời Thiếu Tịnh lại xa gấp một lần. Từ cõi trời Thiếu Tịnh đến cõi trời Vô Lượng Tịnh lại xa gấp một lần. Từ cõi trời Vô Lượng Tịnh đến cõi trời Biến Tịnh lại xa gấp một lần. Từ cõi trời Biến Tịnh đến cõi trời Vô Vân lại xa gấp một lần. Từ cõi trời Vô Vân đến cõi trời Sinh Phúc lại xa gấp một lần. Từ cõi trời Sinh Phúc đến cõi trời Quảng Quả lại xa gấp một lần. Từ cõi trời Quảng Quả đến cõi trời Vô Tướng lại xa gấp một lần. Từ cõi trời Vô Tướng đến cõi trời Thiện Hiện lại xa gấp một bội. Từ cõi trời Thiện Hiện đến cõi trời Thiện Kiến lại xa gấp một bội. Từ cõi trời Thiện Kiến đến cõi trời Bất Phiền lại xa gấp một bội. Từ cõi trời Bất Phiền đến cõi trời Bất Thiêu lại xa gấp một bội. Từ cõi trời Bất Thiêu đến cõi trời A-Ca-Ni-Tra lại xa gấp một bội. Mà nói kệ rằng:

Từ A-Ca-Nê-Tra
Cho đến Diêm-Phù-Đề
Phóng đá lớn như núi,
Sáu vạn năm ngàn năm
Năm trăm ba mươi lăm
Khoảng giữa nếu không ngại

Mới đến Diêm-Phù-Đề.

Người Diêm-Phù-Đề nếu là thần thông và công lực của người khác thì không thể nào trong vách núi mà ra vào vô ngại. Người Diêm-Phù-Đề nếu du hành thì chỉ có thể đến nơi Hắc sơn lớn nhỏ, nếu là thần thông và công lực của người khác thì chẳng thể quá đây.

Người Tây Cù-Da-Ni nếu là thần thông và công lực của người khác thì không thể ra vào trong vách núi. Nếu du hành thì chỉ có thể đến đất ven biển. Nếu là thần thông và công lực của người khác thì chẳng thể quá đây.

Người của Đông Phất-Bà-Đề nếu là thần thông và công lực của người khác thì không ai có thể trong vách núi mà vào ra vô ngại. Nếu du hành thì không thể đến đất ven biển. Nếu là thần thông và công lực của người khác thì chẳng thể quá đây.

Người của Bắc Uất-Đan-Việt nếu là thần thông và công năng của người khác thì chẳng ai có thể trong vách núi mà ra vào vô ngại. Nếu du hành thì chẳng thể đến nội biên của núi kia. Nếu là thần thông và công lực của người khác thì chẳng thể quá đây.

Tứ Thiên Vương Thiên, từ chỗ cung điện, nếu là thần thông và công lực của người khác thì không ai có thể trong vách núi mà vào ra vô ngại. Nếu du hành thì chỉ đến trong núi Thiết Vi. Nếu là thần thông và công lực của người khác thì chẳng thể quá đây.

Chư Thiên Đao-lợi từ chỗ cung điện, nếu là thần thông và công lực của người khác thì không ai có thể trong vách núi mà ra vào vô ngại. Nếu du hành thì chỉ đến ven núi Thiết Vi. Nếu là thần thông và công lực của người khác thì không thể quá đây.

Chư Thiên của trời Dạ-Ma, Đâu-Suất-Đà, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự tại và Phạm tiên Hành, Phạm chúng từ chỗ cung điện, nếu là thần thông và công lực của người khác thì không ai có thể trong vách núi mà vào ra vô ngại. Nếu du hành thì chỉ trong một thế giới. Nếu là thần thông và công lực của người khác thì chẳng thể quá đây.

Trời Đại Phạm từ chỗ cung điện, nếu là thần thông và công lực của người khác thì không ai có thể trong vách núi mà vào ra vô ngại. Nếu du hành thì chỉ trong một nghìn thế giới. Nếu là thần thông và công lực của người khác thì không thể quá đây.

Từ đệ nhị thiên cho đến trời A-Ca-Nê-Tra, từ chỗ cung điện thì cũng như trước đã nói. Nếu du hành thì chỉ trong một nghìn thế giới. Nếu là thần thông và công lực của người khác thì không thể quá đây.

Trong đại địa ngục lấy ngục tốt lớn làm vua giàu có tự tại. Chỗ địa ngục của Diêm-La lấy Diêm-La vương làm vương phú tự tại.

Tất cả cầm thú và la-sát nước lấy Bà-Lâu-Na làm vua giàu có tự tại.

Các rắn, rồng lấy Long vương Bà-Tu-Cát làm vua giàu có tự tại.

Các đại long lấy Ma-Na-Tư long vương làm vua giàu có tự tại.

Các voi rồng lấy tượng vương Lô-Xà-Kỳ-lợi làm vua giàu có tự tại.

Các chim bay lấy Ca-Lâu-La vương làm vua giàu có tự tại.

Chúng sinh bộ hành bốn chân lấy sư tử vương làm vua giàu có tự tại.

Tất cả quỷ đạo lấy quỷ tôn làm vua giàu có tự tại.

Tất cả Tu-la đạo lấy bốn Tu-la vương làm vua giàu có tự tại: Một là La-Hầu, hai là Ba-La-Đà, ba là Tì-Ma-Chất-Đa, bốn là Bà-Lợi Tì-Lô-Già.

Diêm-Phù-Đề lấy vua Chuyển luân làm vua giàu có tự tại. Vua một xứ làm vua giàu có tự tại. Quốc chúng tôn người già làm vua giàu có tự tại. Có lúc không có vua như thời kiếp sơ thành lập.

Tây Cù-Da-Ni lấy chuyển Luân vương làm vua giàu có tự tại. Quốc chúng tôn lão làm vua giàu có tự tại. Có lúc không có vua như kiếp sơ lập.

Đông Phất-Bà-Đề lấy vua chuyển luân làm vua giàu có tự tại. Quốc chúng tôn lão làm vua giàu có tự tại. Có lúc không có vua như kiếp sơ lập.

Bắc Uất-Đan-Việt lấy vua chuyển luân làm vua giàu có tự tại. Quốc chúng tôn lão làm vua giàu có tự tại. Có lúc không có vua.

Chỗ Tứ Thiên Vương lấy Đại Tứ Thiên Vương làm vua giàu có tự tại. Dao-Lợi thiên lấy Tam Thập Tam Thiên làm vua giàu có tự tại. Dạ-Ma thiên lấy Tu-Dạ-Ma vương làm vua giàu có tự tại. Đâu-Suất-Đà thiên lấy Thiện Túc Ý vương làm vua giàu có tự tại. Hóa Lạc thiên lấy Thiện Hóa vương làm vua giàu có tự tại. Tha Hóa Tự Tại thiên lấy Linh Tự Tại thiên làm vua giàu có tự tại.

Tất cả trong cõi Dục lấy ác ma vương làm vua giàu có tự tại.

Trong một nghìn thế giới lấy Đại Phạm thiên vương làm vua giàu có tự tại.

Chỗ Thế gian và chư Thiên, ma vương, chỗ Đại Phạm, chỗ Sa-môn, Bà-la-môn và người, trời lấy pháp nhiên của Như Lai A-La-Hán Tam Miệu Tam Phật Đà làm vua giàu có tự tại.

Nếu ở Diêm-Phù-Đề trẻ con sinh đã được bốn tháng thì lớn như trẻ con sơ sinh ở Tây Cù-Da-Ni.

Trẻ con sơ sinh ở đông Phất-Bà-đề thì lớn như trẻ con năm tháng ở Diêm-Phù-Đề.

Nếu Diêm-Phù-Đề trẻ con sinh đã đủ sáu tháng thì lớn như trẻ sơ sinh ở Bắc Uất-Đan-Việt.

Như trẻ con ở Diêm-Phù-Đề sáu năm tuổi thì chỗ Tứ Thiên Vương trẻ con sơ sinh cũng sinh như thế, đến ngày thứ bảy đã lớn như cha mẹ.

Như ở Diêm-Phù-Đề trẻ con sinh được bảy năm tuổi thì nơi trời Dao-lợi, trẻ con cũng sinh như thế, đến ngày thứ bảy đã thành người.

Như ở Diêm-Phù-Đề trẻ con tám tuổi thì nơi trời Dạ-Ma, trẻ con cũng sinh như thế, đến ngày thứ bảy đã thành người.

Như ở Diêm-Phù-đề trẻ con sinh được chín năm tuổi thì ở cõi trời Đâu-suất-Đà, trẻ con cũng sinh như thế, đến ngày thứ bảy đã thành người.

Từ cõi trời Hóa Lạc đến cõi trời A-Ca-Nê-Tra, xứng với hình tướng sinh liền đầy đủ: Ở Diêm-Phù-Đề lớn một tầm rươi thì ở Tây Cù-Da-Ni một tầm. Ở Tây Cù-Da-Ni một tầm rươi thì ở Đông Phất-Bà-Đề một tầm. Ở Đông Phất-Bà-Đề một tầm rươi thì ở Bắc Uất-Đan-Việt một tầm.

Ở cõi trời Tứ Thiên Vương một già-phù-địa là một phần tư do-tuần. Tứ Thiên Vương thiên thân cao hai già-phù-địa. Thân của chư Thiên Dao-Lợi cao một nửa do-tuần. Thân của Đế-Thích dài ba già-phù-địa. Chư Thiên Dạ-Ma thân dài một do-tuần. Đâu-Suất-Đà thiên dài hai do-tuần. Chư Thiên Hóa Lạc thân dài bốn do-tuần. Trời Tha Hóa Tự tại thân cao tám do-tuần. Tất cả sắc giới cho đến cõi trời A-Ca-Nê-Tra thân đều cao mười hai do-tuần.

Từ Diêm-Phù-Đề đến cõi trời A-Ca-Nê-Tra đều lần lượt cao hơn tự thân bốn thốn.

Sắc thân chúng sinh Diêm-Phù-Đề đủ loại không giống nhau. Có màu trắng như các nước Dạ-Bà, Na-Bà, Lợi-Tra, Chí-Na; có màu đen như các nước Bạt-Bà, La-Kiểm, Bồ-Xà; Có màu xanh như các nước Đà-Mi, La-Tân, Khả-La; Có màu xích bạch như các nước Thủ-Đà, A-Tì-La...; Có màu vàng như các nước Cơ-La-Đa và Tì-La.

Đông Phất-Bà-Đề và Tây Cù-Da-Ni thì chỉ trừ màu đen, còn lại thì đều như Diêm-Phù-Đề. Bắc Uất-Đan-Việt tất cả người dân đều trắng sạch.

Cõi trời Tứ Thiên Vương có bốn loại sắc: Có xanh cám, đỏ, vàng và trắng. Tất cả chư Thiên cõi Dục cũng đều như thế.

Tại sao sắc của chư Thiên có bốn loại? Khi bắt đầu thọ sinh, nếu thấy sắc hoa xanh thì thân ắt sắc xanh; các sắc khác cũng như thế.

Y phục của người Diêm-Phù-Đề có y Ca-Ba Bà-Xu-Ma, y Kiêu-đổ-da, y lông, y nạp, y cỏ, y vỏ cây, y da thú, y lớp ván, y bằng cây Kiếp-Ba.

Áo của người Tây Cù-Da-Ni có áo Ca-ba-bà, áo xu-ma, áo Kiêu-đổ-da, áo lông, áo nạp, áo ma, áo cỏ, áo vỏ cây, áo da thú, áo lớp bản, áo bằng cây Kiếp-ba.

Áo của người đông Phất-Bà-Đề có áo Ca-ba-bà, áo Xu-ma, áo Kiêu-đổ-da, áo lông, áo nạp, áo ma.

Người Uất-Đan-Việt có áo bằng cây Kiếp-ba dài hai mươi thốn, rộng mười thốn, nặng một ba-la.

Tứ Thiên Vương Thiên cũng có y kiếp-ba, dài bốn mươi thốn, rộng hai mươi thốn, nặng một nửa ba-la.

Chư Thiên đạo-Lợi cũng mang y kiếp-ba, dài tám mươi thốn, rộng bốn mươi thốn, nặng một ba-la và một phần tư ba-la.

Trời Dạ-Ma mang y Kiếp-ba dài một trăm sáu mươi thốn, rộng tám mươi thốn, nặng một ba-la và một phần tám ba-la.

Đâu-Suất-Đà thiên mang y Kiếp-ba dài ba trăm hai mươi thốn, rộng một trăm sáu mươi thốn, nặng một ba-la và một phần mười sáu ba-la.

Cõi trời Hóa Lạc cho đến Tha Hóa Tự Tại y được mặc thì tùy tâm mà lớn hay nhỏ, nặng nhẹ cũng như thế.

Y phục và trang sức của người Diêm-Phù-Đề đủ loại không giống nhau. Hoặc có tóc dài phân làm hai búi, hoặc có tóc ngắn, tóc búi, hoặc có cắt bỏ râu tóc, hoặc có cắt râu cắt tóc, hoặc có tóc gù, hoặc có cắt đằng trước gù đằng sau, hoặc khiến tròn, hoặc có tóc cuộn tròn.

Hoặc có khóa thân, hoặc mang quần áo, che trên lộ dưới, hoặc lộ trên che dưới, hoặc trên dưới đều che, hoặc buộc kỹ trước sau.

Trang sức của người Tây Cù-Da-Ni đều phủ tóc trên dưới, đắp y như nước Thủ-Đà A-Tì-La.

Người Đông Phất-Bà-Đề trang sức tóc bằng cách cắt trước búi sau, trên và dưới mang hai y, y trên thì mặc, y dưới chỉ quấn thân mà thôi, như trang sức của hai nước Ương-Già và Ma-Dà-Đà.

Người Bắc Uất-Đan-Việt trang sức râu ria xanh đen luôn luôn, như phát-la, năm ngày tóc trên đầu tự nhiên dài, rộng bảy ngón tay, không tăng giảm.

Tứ Thiên Vương Thiên trang sức râu, hoặc trên đánh lưu một búi tóc, tóc khác đều trừ bỏ, gọi là châu-la kế, hoặc cạo bỏ râu tóc, hoặc có cắt tóc cắt râu, hoặc có tóc biến thể, hoặc có phủ tóc, hoặc cắt trước phủ sau khiến tròn. Hoặc có khóa thân, hoặc mang y phục, hoặc che trên lộ dưới, hoặc che dưới lộ trên, hoặc trên dưới đều che, hoặc buộc kỹ trước sau. Chư Thiên cõi Dục trang sức cũng lại như thế.

Chư Thiên cõi sắc không mang y phục cũng như mang y phục, không khác. Đầu tuy có tóc giống như mũ trời. Vượt qua tướng nam, nữ, hình chỉ một loại.

Người Diêm-Phù-Đề ăn cơm gạo, lúa mì, lúa mạch, ăn thịt cá, ăn rau quả.

Người Tây Cù-Da-Ni ăn uống: Cơm gạo, lúa mì, lúa mạch và thịt, cá, rễ cây tế-khur-đà, quả khur-đà-ni, sữa, lạc.

Trong đó nhiều nhất là người Đông Phất-Bà-đề ăn cơm lúa mì, lúa mạch và thịt, cá rễ cây khur-đà-nê, quả khur-đà-nê, ăn bột gạo mịn.

Người Bắc Uất-Đan-việt chỉ ăn lúa gạo, lúa không trồng mà tự sinh, chẳng gặt mà tự có, không cần sàng sảy mà tự sạch. Sắc, hương, vị, xúc của gạo đều tốt đẹp như mật ong tinh khiết. Trong ấy có cây tên là Đơn-Tri-Chỉ-La, cây này sinh trái giống như cái nôi, lại giống như quả thị. Nếu người muốn ăn, lấy trái cây này, bỏ hết nước. Lại có hòn đá tên Thọ-Đề, lấy trái cây ấy để trên đá thì tự sinh lửa. Người ta lấy gạo để trong nôi, không nhọc công mà lượng tự chuẩn tự nhiên tương xứng với nôi. Khi cơm chín, đá tự trở lại nguội. Lại cũng dùng trái cây đó, lấy hết nước đi. Nếu ai đó muốn lấy ăn thì tùy ý lấy ăn, không nghĩ rằng: người kia cho ta; Người làm đồ ăn cũng không nghĩ: Ta nay cho người kia. Nếu ăn xong thì bỏ đó mà đi, dụng cụ nấu ăn và đồ ăn dư thì đất nhận lấy, nhận rồi liền khép lại.

Tứ Thiên vương Thiên đều ăn vị Tu-đà, sáng ăn một đúm, chiều ăn một đúm. Đồ ăn vào trong thân thể rồi, biến thành phần thân. Vị Tu-đà này đều sinh tự nhiên vườn rừng, ao. Vị Tu-đà này cũng có thể hóa làm khur-đà-nê ...tất cả ẩm thực.

Tất cả cõi Dục chư Thiên ăn cũng như vậy.

Chư Thiên cõi Sắc từ Sơ thiên cho đến Biến tịnh lấy vui làm thức ăn. Chư Thiên bên trên đều lấy ý nghiệp làm thức ăn.

Người Diêm-Phù-Đề buôn bán hay dùng vàng, bạc, cốc, mễ...hoặc các tạp vật, trân châu, ma-ni, đủ loại các báu, hoặc lấy chúng sinh để làm hàng hóa trao đổi.

Tây Cù-Da-Ni buôn bán giao dịch chỉ dùng trâu bò. Đông Phất-Bà-Đề buôn bán giao dịch dùng lúa gạo. Bắc Uất-Đan-Việt không có buôn bán giao dịch.

Tứ Thiên Vương Thiên buôn bán giao dịch dùng sinh thực, vàng, bạc, hoặc lúa gạo, hoặc các tạp hóa trân bảo, ma-ni đủ loại các báu, hoặc lấy chúng sinh để làm hàng hóa trao đổi.

Tất cả chư Thiên trong cõi Dục cũng lại như thế.

Cõi Sắc ắt chẳng giống với người Uất-Đan-Việt và Diêm-Phù-Đề: Hoặc tự sát sinh, hoặc bảo người giết, chết rồi ắt ăn thịt. Tây Cù-Da-Ni cũng lại như vậy.

Người Đông Phất-Bà-Đề tự không sát sinh, không khiến người sát sinh, nếu có chúng sinh tự chết ắt ăn thịt.

Bắc uất-Đan-Việt tự không sát sinh, không khiến người sát sinh, chúng sinh chết không ăn thịt.

Tứ Thiên Vương Thiên tự giết và khiến người giết, chúng sinh chết không ăn thịt.

Chư Thiên Dao-Lợi tự giết và khiến người giết, chúng sinh chết không ăn thịt.

Từ trời Dạ-Ma đến trời A-Ca-Nê-Tra không tự mình giết cũng không khiến người giết, chúng sinh chết không ăn thịt.

Người Diêm-Phù-Đề nếu quyến thuộc chết thì tống táng trong núi, thiêu thi thể mà bỏ đi, hoặc để trong nước hoặc chôn trong đất, hoặc để trên đất trống.

Tây Cù-Da-Ni và Đông Phất-Bà-Đề cũng lại như thế.

Người Bắc Uất-Đan-Việt nếu quyến thuộc chết thì không tống táng, không thiêu, không vớt. Chim làm tống táng. Bỏ tử thi ngoài núi, chim đến mà bèn mổ ăn.

Tứ Thiên Vương Thiên khi quyến thuộc chết cũng không tống táng, không thiêu, không vớt bỏ, mất như ánh sáng, không có thi hài. Chư Thiên bên trên tất cả cũng đều như vậy.

Trong Diêm-Phù-Đề có năm loại cây: Cây vàng, cây bạc, cây pha-lê-kha, cây lưu ly, cây a-lợi-đa. Cây của Tây Cù-Da-Ni và Đông Phất-Bà-Đề cũng như thế. Bắc Uất-Đan-Việt chỉ có cây A-lợi-đa, bốn loại kia không có.

Tứ Thiên Vương Thiên cũng có năm loại cây báu đều như trên đã nói. Tất cả chư Thiên cõi Dục có năm loại cây cũng lại như vậy. Trong các cõi trời, cõi Sắc đều không có cây.

Trong Diêm-Phù-Đề có năm loại hoa: Vàng, bạc, pha lê kha, lưu ly, a-lợi-đa. Tây Cù-Da-Ni và Đông Phất-Bà-Đề cũng lại như vậy. Bắc Uất-Đan-Việt có cây tên là Tán-đa-na, hoa của nó trổ đều bằng báu a-lợi-đa. Tứ Thiên Vương Thiên đều có năm loại hoa. Tất cả cõi Dục cũng lại như vậy. Cõi Sắc đều không có.

Trong Diêm-Phù-Đề có điện đường bằng: Vàng, bạc, pha lê kha, lưu ly, a-lợi-đa; có rừng cây. Các điện đường thì hoặc có nhà bằng đá, nhà bằng đất. Tây Cù-Da-Ni cũng như vậy. Đông Phất-Bà-Đề điện đường đều bằng vàng, không có loại nhà khác.

Bắc Uất-Đan-Việt có cây tên là Mạn-Thù-Sa như đại điện cao lớn, lá lá phủ nhau gió sương không lọt, tất cả mọi người lấy làm nhà ở.

Tứ Thiên Vương thiên có năm loại điện đường: Vàng, bạc, pha lê kha, lưu ly, a-lợi-đa. Tất cả chư Thiên cõi Dục cũng lại như vậy.

Chư Thiên cõi Sắc có các điện đường đều bằng báu màu trắng, trong đó chư Thiên, xưa tại địa vị nhân có tâm không tịnh mà hành bố thí, hy vọng được quả báo, nay ở địa vị quả, cung điện đắc được quang sắc tối tăm không thể sáng sạch. Nếu chư Thiên này trong địa vị nhân không có tâm tịnh mà hành bố thí, không hy vọng cầu quả vị lai: “ta có, người không có, ta là chủ, người không phải là chủ”. Là đạo lý chân chính, là tương ưng với pháp. Nếu có thể trụ, bố thí không trụ, nếu hành bố thí, tâm thanh tịnh an ổn, vì trang

nghiêm tâm, vì trụ tịnh tâm nên hành bố thí, thì do tâm này, khi trong tại địa vị quả, cung điện đắc được quang minh vi diệu, không có tối lậu.

Người Diêm-Phù-Đề nếu là thần thông và nhân nơi công lực của người khác ắt chẳng thể thấy được sắc thông qua vách núi, tường thành che chướng bên ngoài. Tây Cù-Da-Ni, Đông Phất-Bà-Đề, Bắc Uất-Đan-Việt nếu là thần thông và nhân nơi công lực của người khác ắt chẳng thể thấy sắc thông qua vách núi, tường thành che chướng bên ngoài. Tứ Thiên Vương Thiên nếu là thần thông và công lực của người khác, nơi xứ sở của mình chẳng thể thấy sắc thông qua vách núi, thành che chắn bên ngoài. Nếu khi nhìn xa chỉ thấy sắc núi Thiết Vi, nếu là thần thông và công lực của người khác thì không thể thấy hết bên ngoài núi này. Chư Thiên Đao-Lợi nơi cung điện mình, nếu là thần thông và công lực của người khác, không thể thấy được sắc bên ngoài vách núi, thành quách. Nếu khi quán sát xa, chỉ thấy được trong núi Thiết Vi, nếu là thần thông và công lực của người khác, không thể thấy suốt được bên ngoài núi Thiết Vi. Dạ-Ma thiên cho đến Phạm Chúng cũng đều như vậy.

Đại Phạm Thiên Vương nơi cung điện mình, nếu là thần thông và công lực của người khác, không thể thấy được sắc bên ngoài vách núi, thành quách. Nếu khi quán sát xa, chỉ thấy trong một nghìn thế giới, nếu là thần thông và công lực của người khác thì chẳng thể thấy suốt.

Người Diêm-Phù-Đề nếu làm mai cho người nữ thì gia đình người nữ phải hứa gả rồi mới được nghênh tiếp. Hoặc có sự mua thiếp, hoặc có bán nữ tì. Tây Cù-Da-Ni và Đông Phất-Bà-Đề cũng lại như vậy. Người Bắc Uất-Đan-Việt không hỏi vợ cũng chẳng đón dâu, không bán chẳng mua. Nếu người nam muốn lấy người nữ thì để ý người nữ kia; nếu người nữ muốn người nam thì cũng nên để ý xem kỹ. Nếu người nữ không gặp người nam, thì nhờ người nữ khác báo rằng: Người này thấy ông tức là vợ chồng. Nếu người nam không gặp người nữ, thì nhờ người nam khác báo rằng: Người ấy thấy cô cũng làm vợ chồng. Nếu tự gặp nhau bèn theo nhau cùng đến chỗ riêng.

Tứ Thiên Vương Thiên nếu hỏi người nữ, gia đình người nữ đã đồng ý mới được nghênh tiếp. Hoặc có bán, có mua. Tất cả cõi Dục chư Thiên cũng đều như vậy.

Trong Diêm-Phù-Đề có căn nam, nữ để hòa hợp cùng nhau. Đông Phất-Bà-Đề, Tây Cù-Da-Ni, Bắc Uất-Đan-Việt đều cũng như vậy. Tứ Thiên Vương Thiên, Đao-Lợi thiên nam nữ hòa hợp cũng lại như vậy. Chư Thiên Dạ-Ma lấy ôm nhau làm dục. Đâu-Suất-Đà thiên lấy nắm tay nhau làm dục. Chư Thiên Hóa Lạc cùng cười làm dục. Tha Hóa Tự tại thiên nhìn nhau làm dục.

Tây Cù-Da-Ni thọ các dục gấp hai lần hơn người Diêm-Phù-đề. Cho đến chư Thiên Tha Hóa Tự tại thọ dục hơn Hóa Lạc cũng gấp hai.

Người nữ Diêm-Phù-Đề có ăn uống tẻ, có thai dài lâu, có lúc mới sinh, có cho con bú. Tây Cù-Da-Ni và Đông Phất-bà-Đề cũng lại như vậy. Bắc Uất-Đan-Việt người nữ có ăn đồ bất tịnh, có mang thai lâu, có sinh sản, chỉ không cho con bú. Nếu sinh con trai hay gái, đem bỏ ra ngã tư đường, mỗi người lấy ngón tay cho vào miệng đứa trẻ, nhân vì sự chạm xúc này mà thân thể lớn lên một chút.

Người Uất-Đan-Việt nam nữ ở riêng, không có tạp giao với nhau. Nếu sinh con trai thì bảy ngày thành người, bèn hòa vào đám con trai. Nếu sinh con gái thì bảy ngày thành người, bèn hòa nhập vào đám con gái. Nếu nam nữ có ý dục với nhau thì cùng đến dưới cây Mạn-thù-sa, cây tức bèn che phủ, việc dục ắt thành, nếu không che phủ thì bèn lia nhau, biết là tà dâm, ắt chẳng dám phạm.

Chỗ Tứ Thiên Vương, các Thiên nữ không có ăn đồ tạp, không có thai lâu, cũng không sinh con, cũng không cho bú. Nam nữ thiên hoặc nơi trên đầu gối, hoặc nơi mắt đều có thể sinh con. Nếu sinh nơi đầu gối hoặc mắt của mẹ, Thiên nữ nghĩ rằng: Đây là con tôi. Thiên nam cũng nói: Đây là con tôi, ắt chỉ một cha, một mẹ. Nếu sinh nơi đầu gối của cha thì chỉ có một cha, nhưng các thế thiếp đều có thể làm mẹ.

Người Diêm-Phù-Đề một đời hành dục vô số vô lượng. Cũng có những người tu thanh tịnh hành đến chết không hành dục. Tây Cù-Da-Ni người nhiều dục, trong một đời số đến mười hai lần. Trong đó, người hành dục có đến hoặc mười lần. Cũng có những người tu thanh tịnh hành, đến chết không có dục. Đông Phất-Bà-Đề, người nhiều dục thì trong một đời số đến bảy lần, trong đó hoặc có người đến năm, sáu lần. Cũng có những người tu thanh tịnh hành, đến chết không hành dục. Người Uất-Đan-Việt, người nhiều dục thì trong một đời, số chỉ đến năm lần, trong đó phẩm giả hoặc đến ba, bốn. Cũng có những người tu thanh tịnh hành, đến chết không hành dục. Tứ Thiên Vương thiên sự hành dục trong một đời vô lượng vô số. Cũng có người tu thanh tịnh hành, đến chết không hành dục. Tất cả chư Thiên cõi Dục cũng lại như vậy.

Phàm tất cả người nữ lấy chạm xúc làm vui thích, tất cả người nam khi xuất bất tịnh thì lấy đó làm vui thích.

Nếu tất cả người nam lấy bất tịnh làm vui thích. Dục của chư Thiên lấy sự tiết khí làm vui thích.

Người Diêm-Phù-Đề có ba nhân duyên hơn Uất-Đan-Việt và Dao-lợi thiên. Những gì là ba? Một là dũng mãnh, hai là ức trì, ba là trong đó có Phạm hành trụ. Người Uất-Đan-Việt có ba nhân duyên hơn Diêm-Phù-đề và Dao-Lợi thiên: Một là không có “của tôi”, không chứa, nuôi; hai là thọ lượng quyết định một nghìn năm; ba là sau ắt lên trên. Chư Thiên Dao-Lợi có ba nhân duyên hơn Diêm-Phù-Đề và Uất-Đan-Việt: Một là thọ lượng lâu xa, hai là hình tướng kỳ đặc, ba là khoái lạc nhiều nhất.

Nghĩa này Phật Thế Tôn nói. Tôi nghe như vậy.

HẾT QUYỂN SÁU

LẬP THẾ A-TÌ-ĐÀM LUẬN QUYỂN THỨ BẢY

PHẨM THỨ HAI MƯƠI MỐT: THỌ SINH

Tạo mười nghiệp ác nặng nhất thì sinh vào địa ngục A-Tì lớn. Nếu tiếp theo, tạo ác nhẹ hơn thì sinh vào địa ngục khác nhẹ hơn. Nếu lại nhẹ hơn thì tiếp theo, sinh vào tám địa ngục nhẹ của Diêm-La. Nếu lại nhẹ hơn, thì tiếp theo sinh vào đường ngạ quỷ.

Nếu tạo mười nghiệp đường thiện nhẹ nhất thì sinh vào nhà hạ phẩm nơi Diêm-Phù-Đề, hoặc sinh vào nhà đồ tể khác, hoặc sinh vào nhà xướng ca, hoặc sinh vào nhà thợ thủ công, hoặc sinh vào nhà nô dịch.

Nếu tạo hơn tiếp theo ắt sinh vào nhà trưởng giả. Lại hơn tiếp theo nữa thì sinh vào nhà Bà-la-môn. Lại hơn đây nữa thì sinh vào nhà Sát-lợi. Lại hơn nữa thì sinh vào Tây Cù-Da-Ni. Lại tiếp theo hơn nữa thì sinh vào Đông Phất-Bà-Đề. Lại hơn nữa thì sinh vào Bắc Uất-Đan-Việt. Lại hơn nữa thì sinh vào Tứ Thiên Vương thiên. Lại hơn nữa, thì sinh vào Dao-Lợi thiên. Lại hơn nữa thì sinh Dạ-Ma thiên. Lại hơn nữa thì sinh Đâu-Suất-Đà thiên. Lại hơn nữa thì sinh Hóa Lạc thiên. Nếu tạo mười thiện nghiệp hơn hết thì sinh Tha Hóa Tự tại thiên.

Nếu người phàm mà tu tập bốn loại thiền định- mỗi loại có ba phẩm là hạ, trung và thượng, thì người này nhân hạ phẩm nghiệp tương ứng Sơ thiền sẽ sinh Phạm Thiên Hành thiên. Nhân nghiệp này được thiên đạo này, được thọ mạng trời, được ở cõi trời, được làm đồng loại trời. Đã sinh rồi, ở đó thọ quả báo của nghiệp có hai loại: Một là vui không có bức bách, hai là thọ vui. Nghiệp này đã chín được sử dụng không sót.

Nghiệp nhân trung phẩm tương ứng Sơ thiền sẽ sinh ở Phạm Thiên Chúng. Nghiệp nhân thượng phẩm cũng sinh cõi trời này. Nhân nghiệp này đã được thiên đạo, được thọ mạng của trời, được ở cõi trời, được làm đồng loại trời. Đã sinh ở đó thọ quả báo của nghiệp có hai loại lạc: Một là lạc không có bức bách, hai là thọ lạc. Nghiệp đã chín được dùng không sót.

Nghiệp nhân hạ phẩm tương ứng Nhị thiền, nhân nghiệp này được sinh cõi trời Thiếu Quang. Nghiệp nhân trung phẩm tương ứng Nhị thiền sẽ sinh cõi trời Vô lượng Quang. Nghiệp nhân thượng phẩm tương ứng Nhị thiền thì sinh cõi trời Thắng Biến Quang. Nhân nghiệp này nên được thiên đạo, được thọ mạng trời, được ở cõi trời, được làm đồng loại trời. Đã sinh ở đó, thọ quả báo của nghiệp có hai loại lạc: Một là lạc không bức não, hai là thọ lạc. Nghiệp này đã chín được dùng không sót.

Nghiệp nhân hạ phẩm tương ứng Tam thiền thì sinh cõi trời Thiếu Tịnh. Nghiệp nhân trung phẩm tương ứng Tam thiền thì sinh cõi trời Vô lượng Tịnh. Nghiệp nhân thượng phẩm tương ứng Tam thiền thì sinh cõi trời Biến Tịnh. Nhân nghiệp này được thiên đạo này, được thọ mạng trời, được ở cõi trời, được làm đồng loại trời. Đã sinh rồi, ở đó thọ quả báo của nghiệp có hai loại lạc: Một là lạc không có bức não, hai là thọ lạc. Nghiệp này đã chín được dùng không sót.

Nghiệp nhân hạ phẩm tương ứng Tứ thiền thì sinh cõi trời Vô Vân. Nghiệp nhân trung phẩm tương ứng Tứ thiền thì sinh cõi trời Thọ Phúc. Nghiệp nhân thượng phẩm tương ứng Tứ thiền thì sinh cõi trời Quảng Quả. Nhân nghiệp này nên được thiên đạo này, được thọ mạng trời, được ở cõi trời, được làm đồng loại trời. Đã sinh rồi, ở đó thọ quả báo của nghiệp, có hai loại lạc: Một là lạc không có bức não, hai là thọ lạc. Nghiệp này đã chín, được dùng không sót.

Nghiệp nhân thượng phẩm tương ứng Tam thiền sinh cõi trời Biến Tịnh; Nghiệp nhân trung phẩm tương ứng Tam thiền sinh cõi trời Vô lượng tịnh; Nghiệp nhân hạ phẩm tương ứng Tam thiền sinh cõi trời Thiếu Tịnh. Nhân nghiệp này nên được thiên đạo này, được thọ mạng trời, được ở cõi trời, được làm đồng loại trời. Đã đến ở đó, thọ quả báo của nghiệp có hai loại lạc: Một là lạc không có bức não, hai là thọ lạc. Nghiệp này đã chín, được dùng không sót.

Nghiệp nhân thượng phẩm tương ứng Nhị thiền sinh cõi trời Thắng Biến Quang; Nghiệp nhân trung phẩm tương ứng Nhị thiền sinh cõi trời Vô Lượng Quang; Nghiệp nhân hạ phẩm tương ứng Nhị thiền sinh cõi trời Thiếu Quang. Nhân nghiệp này nên được thiên đạo này, được thọ mạng trời này, được ở cõi trời, được làm đồng loại trời. Đã sinh ở đó, thọ quả báo của nghiệp, có hai loại lạc: Một là lạc không có bức não, hai là thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót.

Nghiệp nhân thượng phẩm tương ứng Sơ thiền, sinh cõi trời Phạm Chúng; Nghiệp nhân trung phẩm tương ứng Sơ thiền, cũng sinh cõi trời này. Nhân nghiệp này được thiên đạo, được thọ mạng trời, được ở cõi trời, được thiên đồng loại. Đã sinh ở đó, thọ quả báo của nghiệp, có hai loại lạc: Một là lạc không có bức não, hai là thọ lạc. Nghiệp này đã chín, được dùng không sót.

Nghiệp nhân hạ phẩm tương ứng Sơ thiền, sinh cõi trời Phạm Thiên Hành. Nhân nghiệp này nên được thiên đạo này, được thọ mạng trời, được ở cõi trời, được làm đồng loại trời. Đã sinh ở đó, thọ quả báo của nghiệp, có hai loại lạc: Một là lạc không bức não, hai là thọ lạc. Nghiệp này đã chín, được dùng không sót.

Các người phạm tùy nghiệp khác nên thọ sinh chỗ khác. Nếu người phạm tu tập bốn tâm vô lượng- mỗi loại có ba phẩm: Hạ, trung và thượng.

Từ vô lượng: Tu tập như thế, số hành như thế, như bốn loại thiền định.

Hỉ Vô Lượng: Tu tập như thế, số hành như thế, như Sơ thiền, như Nhị thiền.

Bi Vô Lượng: Tu tập như thế, số hành như thế, như đệ Tứ thiền.

Xả Vô Lượng: Tu tập như thế, số hành như thế, như đệ Tam thiền và đệ Tứ thiền.

Người phạm này tu tập Bất Tịnh quán, mỗi loại có ba phẩm là: Hạ, trung và thượng. Không chán ghét và đối nghịch, hành Bất Tịnh Quán, tu tập như thế, số hành như thế, như bốn thiền định. Có chán ghét và đối nghịch, hành Bất Tịnh quán, tu tập như thế, số hành như thế, như đệ Tứ thiền.

Người phạm này tu tập A-na-ba-na niệm, mỗi loại có ba phẩm: Hạ, trung, thượng. Tu tập như thế, số hành như thế, như ba loại thiền định trước.

Người phạm này tu tập năm Hữu Tướng, mỗi loại có ba phẩm: Hạ, trung và thượng. Những gì là năm? Một là Bất Tịnh Tướng, hai là Quá Thất Tướng, ba là Tử Đọa Tướng, bốn là Yếm Thực Tướng, năm là Nhất Thiết Thế Gian Vô An Tướng.

Vô tăng vi bất tịnh tướng, tu tập như vậy, số hành như vậy, như bốn loại thiền định.

Hữu tăng vi bất tịnh tướng và bốn loại sau, tu tập như vậy, số hành như vậy, như đệ Tứ thiền.

Người phạm này tu tập tám loại biến nhập, mỗi loại có ba phẩm: Hạ, trung, thượng. Những gì là tám? Một là Nội hữu sắc tướng quán ngoại sắc thiếu, cái thiếu này hoặc vi diệu hoặc thô, ta biến tướng này được biết, được thấy; hữu tướng như vậy. Hai là Nội hữu sắc tướng quán ngoại sắc vô lượng, hoặc vi diệu hoặc thô, ta biến tướng này có thể biết, có thể thấy; làm cái tướng như vậy. Ba là Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc thiếu; như trước. Bốn là Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc vô lượng; cũng như trước. Năm, sáu, bảy và tám đều nơi Nội vô sắc tướng quán tứ sắc là xanh, vàng, đỏ, trắng; ta biến tướng này có thể biết, có thể thấy; làm cái tướng như vậy.

Trong tám tướng này, tướng thứ nhất và hai, tu tập như vậy, số hành như vậy, như bốn thiền định. Sáu tướng sau, tu tập như vậy, số hành như vậy, như đệ Tứ thiền.

Người phạm này tu tập Thập nhất thiết nhập, mỗi loại có ba phẩm: Hạ, trung và thượng. Tám nhất thiết nhập trước, tu tập như vậy, số hành như vậy, như đệ Tứ thiền. Hai loại nhất thiết nhập sau, tu tập như vậy, số hành như vậy, như tự địa này. Không nhất thiết nhập, như Không vô biên nhập, thức nhất thiết nhập, như thức nhất thiết nhập.

Người phạm này tu tập Tứ Vô Sắc tam-ma bạt-đề, mỗi loại có ba phẩm: Hạ, trung, thượng.

Người này do nghiệp hạ phẩm tương ưng Không, sinh cõi trời Không vô biên nhập; Do nghiệp trung phẩm tương ưng Không Vô Biên Nhập, cũng sinh cõi trời này. Do nghiệp thượng phẩm tương ưng Không Vô Biên Nhập, cũng sinh cõi trời này.

Nhân nghiệp này nên được thiên đạo này, được thọ mạng trời này, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của nghiệp, có lạc không bức não và thọ lạc. Nghiệp này đã chín, được dùng không sót.

Nghiệp nhân hạ phẩm tương ưng Thức Vô Biên Nhập, sinh cõi trời Thức Vô Biên Nhập. Do nghiệp nhân trung phẩm tương ưng Thức Vô Biên Nhập, cũng sinh cõi trời này. Nhân nghiệp thượng phẩm tương ưng Thức Vô Biên Nhập, cũng sinh cõi trời này. Nhân nghiệp này nên được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của nghiệp, chỉ có lạc không bức não, không có thọ lạc. Nghiệp này đã chín, được dùng không sót.

Nghiệp nhân hạ phẩm tương ưng Vô Sở Hữu Nhập, sinh cõi trời Vô Sở Hữu Nhập. Nghiệp nhân trung phẩm tương ưng Vô Sở Hữu Nhập cũng sinh cõi trời này. Nghiệp nhân thượng phẩm tương ưng Vô Sở Hữu Nhập cũng sinh cõi trời này. Nhân vì nghiệp này,

nên được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của nghiệp, chỉ có lạc không bức não, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót.

Nghiệp nhân hạ phẩm tương ứng Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Nhập, sinh cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập. Nghiệp nhân trung phẩm tương ứng Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập cũng sinh cõi này. Nghiệp nhân thượng phẩm tương ứng Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập cũng sinh cõi này. Nhân nghiệp này, nên được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của nghiệp, chỉ có lạc không bức não, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót.

Do nghiệp trung phẩm tương ứng Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập, do tương nghiệp, sinh cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập. Nhân nghiệp này, nên được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của nghiệp, chỉ có lạc không bức não, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót.

Do nghiệp hạ phẩm tương ứng Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập, nghiệp tương ứng, sinh cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập. Nhân vì nghiệp này, nên được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của nghiệp, chỉ có lạc không bức não, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót.

Do nghiệp hạ phẩm tương ứng Vô Sở Hữu Nhập, nghiệp tương ứng, sinh cõi trời Vô Sở Hữu Nhập. Do nghiệp này nên được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của nghiệp, chỉ có lạc không bức não, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót.

Nghiệp nhân trung phẩm tương ứng Vô Sở Hữu Xứ Nhập, cũng sinh cõi trời này. Nhân nghiệp này nên được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của nghiệp, chỉ có lạc không bức não, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót.

Nghiệp nhân hạ phẩm tương ứng Vô Sở Hữu Xứ Nhập, nghiệp tương ứng, cũng sinh cõi này. Nhân vì nghiệp này nên được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của nghiệp, chỉ có lạc không bức não, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót.

Do nghiệp nhân thượng phẩm tương ứng Thức Vô Biên Xứ Nhập, nghiệp tương ứng, sinh cõi trời Thức Vô Biên Xứ Nhập. Nhân vì nghiệp này, nên được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của nghiệp, chỉ có lạc không bức não, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không dư.

Do nghiệp trung phẩm tương ứng Thức Vô Biên Nhập, nghiệp tương ứng, cũng sinh cõi trời này. Nhân vì nghiệp này, nên được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của nghiệp, chỉ có lạc không bức não, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không dư.

Do nghiệp nhân hạ phẩm tương ứng Thức Vô Biên Nhập, nghiệp tương ứng, cũng sinh cõi trời này. Nhân vì nghiệp này nên được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của nghiệp, chỉ có lạc không bức não, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không dư.

Do nghiệp thượng phẩm tương ứng Không Vô Biên Nhập, nghiệp tương ứng, sinh cõi trời Không Vô Biên Nhập. Nhân vì nghiệp này, nên được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của nghiệp, chỉ có lạc không bức não, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không dư.

Do nghiệp trung phẩm tương ứng Không Vô Biên Nhập, nghiệp tương ứng, sinh cõi trời Không Vô Biên Nhập. Nhân vì nghiệp này nên được thiên đạo, được thọ mạng trời,

được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của nghiệp, chỉ có lạc không bức não, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không dư.

Do nghiệp nhân hạ phẩm tương ứng Không Vô Biên Nhập, nghiệp tương ứng, cũng sinh cõi trời ấy. Nhân vì nghiệp này, được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của nghiệp, chỉ có lạc không bức não, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không dư.

Người phàm này, tùy theo nghiệp báo sau mà thọ sinh nơi khác.

Người phàm này tu tập Sơ thiên định, đã sinh, đã được. Từ đây, tất cả lại trở lại thối thất. Người này trụ trong hạ phẩm Sơ thiên. Người này do nghiệp hạ phẩm tương ứng Sơ thiên, sinh cõi trời Phạm Thiên Hành. Sinh ở đó rồi, thọ nghiệp báo của hạ phẩm Sơ thiên, được lạc không có bức não và thọ lạc.

Trung phẩm, thượng phẩm của Sơ thiên và Nhị thiên, quả báo của nghiệp, sinh ở trong đây, được thọ lạc không có bức não và thọ lạc.

Đệ Tam thiên và đệ Tứ thiên cũng sinh trong đây, thọ quả báo của nghiệp, chỉ có lạc không bức não, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót. Tùy nghiệp hậu báo mà thọ sinh nơi khác.

Trung phẩm, thượng phẩm Sơ thiên còn lại cũng như vậy.

Người phàm này tu tập bốn thiên định, đã sinh, đã được. Từ đây, tất cả lại trở lại thối thất, người này trụ trong hạ phẩm của Nhị thiên. Người này do nghiệp của hạ phẩm tương ứng Nhị thiên, sinh cõi trời Thiếu Quang. Sinh ở đó rồi, thọ báo của nghiệp hạ phẩm Nhị thiên, được lạc không bức não và thọ lạc.

Thọ báo của nghiệp trung phẩm, thượng phẩm Nhị thiên và Sơ thiên, sinh ở trong đây, được lạc không bức não và thọ lạc.

Đệ Tam thiên và đệ Tứ thiên sinh trong đây, thọ quả báo, chỉ có lạc không bức bách, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không dư. Tùy nghiệp báo sau mà thọ sinh nơi khác. Trung phẩm và thượng phẩm Nhị thiên còn lại cũng như vậy.

Người phàm này tu tập bốn thiên, đã sinh, đã được. Từ tất cả này, lại trở lại thối thất, người này trụ trong hạ phẩm Tam thiên. Do nghiệp hạ phẩm tương ứng Tam thiên, sinh cõi trời Thiếu Tịnh. Sinh ở đó rồi, thọ báo của nghiệp hạ phẩm Tam thiên, được lạc không bức não và thọ lạc.

Thọ nghiệp báo của trung phẩm và thượng phẩm Tam thiên, sinh trong đây, được lạc không bức não và thọ lạc.

Thọ báo của nghiệp Sơ thiên, đệ Nhị thiên và đệ Tứ thiên, thọ lạc không bức não, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không dư. Tùy nghiệp hậu báo mà thọ sinh nơi khác.

Trung phẩm và thượng phẩm Tam thiên còn lại cũng như vậy.

Người phàm này tu tập tứ thiên, đã sinh, đã được. Từ tất cả này lại trở lại thối thất, người này trụ trong hạ phẩm Tứ thiên. Do nghiệp của hạ phẩm tương ứng Tứ thiên, sinh cõi trời Vô Vân. Sinh ở đó rồi, thọ nghiệp báo của hạ phẩm Tứ thiên, được lạc không bức bách, không có thọ lạc.

Nghiệp báo của trung phẩm, thượng phẩm của đệ Tứ thiên và Tam thiên còn lại sinh ở trong đây, được lạc không bức bách, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không dư. Người phàm này tùy nghiệp hậu báo mà thọ sinh nơi khác. Trung phẩm, hạ phẩm của Tứ thiên còn lại cũng như vậy.

Người phàm này tu tập bốn thiên và bốn định vô sắc, đã sinh, đã được; từ tất cả này lại trở lại thối thất, người này trụ hạ phẩm của Không Vô Biên Nhập. Do nghiệp tương ứng của hạ phẩm Không Vô Biên Nhập, sinh cõi trời Không Vô Biên Nhập. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của hạ phẩm Không Vô Biên Nhập, được lạc không bức não, không có thọ lạc.

Quả báo của trung phẩm, thượng phẩm Không Vô Biên Nhập và ba Vô Sắc định trên, sinh ở trong đây, được thọ lạc không có bức bách, không có thọ lạc thọ. Nghiệp này đã chín, được dùng không dư. Người phạm này tùy nghiệp hậu báo mà thọ sinh nơi khác.

Trung phẩm, thượng phẩm của Không Vô Biên Nhập cũng như vậy.

Người phạm này tu tập bốn thiền và bốn định Vô Sắc, đã sinh, đã được; từ tất cả này lại trở lại thối thất, người phạm này trụ hạ phẩm Thức Vô Biên Nhập. Do nghiệp tương ứng của hạ phẩm Thức Vô Biên Nhập, sinh cõi trời Thức Vô Biên Nhập. Sinh ở đó rồi, thọ nghiệp báo của hạ phẩm Thức Vô Biên Nhập, được lạc không bức bách, không có thọ lạc thọ.

Trung phẩm, hạ phẩm của Thức Vô Biên Nhập và loại đầu và cuối của Tam Vô Sắc, sinh ở trong đây, được lạc không có bức bách, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không dư. Người phạm này tùy theo nghiệp hậu báo mà thọ sinh nơi khác.

Trung phẩm và thượng phẩm của Thức Vô Biên Nhập cũng như vậy.

Người phạm này tu tập bốn thiền và bốn Không định, đã sinh, đã được; từ tất cả này lại trở lại thối thất, người này trụ hạ phẩm Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập. Do nghiệp tương ứng của hạ phẩm Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập, sinh cõi trời Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập. Sinh ở đó rồi, thọ nghiệp báo của hạ phẩm Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập, được lạc không bức bách, không có thọ lạc.

Nghiệp báo của trung phẩm, hạ phẩm của Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập và loại trước và sau của ba Vô Sắc, sinh ở trong đó, được lạc không có bức bách, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót. Người phạm này tùy nghiệp hậu báo mà thọ sinh nơi khác.

Trung phẩm và thượng phẩm còn lại cũng như vậy.

Người phạm này tu tập bốn thiền và bốn định Vô Sắc đã sinh, đã được; từ tất cả này lại trở lại thối thất, người này trụ hạ phẩm Phi tướng phi phi tướng vô biên nhập. Do nghiệp tương ứng của hạ phẩm Phi tướng phi phi tướng vô biên nhập, sinh cõi trời Phi tướng phi phi tướng vô biên nhập. Sinh ở đó rồi, thọ nghiệp báo của hạ phẩm Phi tướng phi phi tướng vô biên nhập, được lạc không có bức bách, không có thọ lạc.

Thọ nghiệp báo của trung phẩm, thượng phẩm của Phi tướng phi phi tướng vô biên nhập và ba loại Vô Sắc trước, sinh ở trong đó, được lạc không có bức bách, không có thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót. Người phạm này tùy nghiệp báo sau mà thọ sinh nơi khác. Trung phẩm và thượng phẩm cũng lại như vậy.

Thánh đệ tử của Phật Thế Tôn tu tập bốn thiền- mỗi loại có ba phẩm: Hạ, trung, và thượng. Người này do nghiệp hạ phẩm tương ứng Sơ thiền, sinh cõi trời Phạm Thiên Hành. Nhân vì nghiệp này, được thiên đạo kia, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Đã sinh ở đó, thọ quả báo của nghiệp, có hai loại lạc: Một là Lạc không có bức bách, hai là Thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót.

Nghiệp tương ứng nhân trung phẩm Sơ thiền sinh cõi trời Phạm Chúng, nghiệp nhân thượng phẩm cũng sinh cõi trời này. Nhân nghiệp này mà được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Đã sinh ở đó, thọ quả báo của nghiệp, có hai loại lạc: Một là Lạc không bức bách, hai là Thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót.

Nhân nghiệp hạ phẩm tương ứng Nhị thiền, nhân nghiệp này nên sinh cõi trời Thiếu Quang. Nhân nghiệp trung phẩm tương ứng Nhị thiền, sinh cõi trời Vô lượng Quang. Nhân nghiệp thượng phẩm tương ứng Nhị thiền, sinh cõi trời Thắng Biến Quang. Nhân vì nghiệp này nên được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Đã sinh ở đó rồi, thọ quả báo nghiệp, có hai loại lạc: Một là Lạc không có bức bách, hai là Thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót.

Nhân nghiệp tương ứng hạ phẩm Tam thiền, sinh cõi trời Thiếu Tịnh. Nhân nghiệp tương ứng trung phẩm Tam thiền, sinh cõi trời Vô Lượng Tịnh. Nhân nghiệp thượng

phẩm tương ứng Tam thiên, sinh cõi trời Biến Tịnh. Nhân vì nghiệp này, được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Đã sinh ở đó, thọ quả báo của nghiệp, có hai loại lạc: Một là Lạc không bức bách, hai là Thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không dư.

Nhân nghiệp hạ phẩm tương ứng Tứ thiên, sinh cõi trời Vô Vân. Nhân nghiệp trung phẩm tương ứng Tứ thiên, sinh cõi trời Thọ Phúc. Nhân nghiệp thượng phẩm tương ứng Tứ thiên, sinh cõi trời Quảng Quả. Nhân nghiệp này nên được thiên đạo này, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Đã sinh ở đó, thọ quả báo của nghiệp, có Lạc không bức não, lại Thọ lạc. Sinh ở đó rồi, do nghiệp tối thượng phẩm tương ứng Tứ thiên, cung kính cần tu không trái, thường tu hành huân tu Tịch giác phần. Do nghiệp này nên sinh cõi trời Thiện Hiện. Hơn gấp mười lần nghiệp này thời sinh cõi trời Thiện Kiến. Tiếp theo gấp mười lần hơn thời sinh cõi trời Bất Phiền. Tiếp theo lại gấp mười lần hơn thời sinh cõi trời Bất Thiêu. Tiếp theo gấp mười lần hơn, thời sinh cõi trời A-Ca-Nê-Tra. Nhân vì nghiệp này, nên được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi thọ quả báo của nghiệp, có Lạc không bức não, lại có Thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót. Dẫn đến nghiệp của thượng giới, trong đó dùng hết tức là trong đó bát Niết-bàn.

Đệ tử của Phật Thế Tôn tu tập Tứ Vô lượng định, mỗi loại có ba phẩm: Hạ, trung và thượng.

Từ Vô lượng, tu tập như vậy, số hành như vậy, như bốn thiên định.

Hỷ Vô lượng, tu tập như vậy, số hành như vậy, như Sơ thiên, như Nhị thiên.

Bi Vô lượng, tu tập như vậy, số hành như vậy, như đệ Tứ thiên.

Xả Vô lượng, tu tập như vậy, số hành như vậy, như đệ Tam và đệ Tứ thiên.

Thánh đệ tử của Phật tu tập Bất Tịnh Tướng- mỗi loại có ba phẩm: Hạ, trung, thượng.

Vô tắng vi hành bất tịnh quán, tu tập như vậy, số hành như vậy, như bốn loại thiên định.

Hữu tắng vi hành bất tịnh quán, tu tập như vậy, số hành như vậy, như đệ Tứ thiên.

Thánh đệ tử của Phật tu tập A-na-ba-na niệm, mỗi loại có ba phẩm: Hạ, trung và thượng. Tu tập như vậy, số hành như vậy, như ba loại thiên định trước.

Thánh đệ tử của Phật tu tập Thập tướng, mỗi loại có ba phẩm: Hạ, trung và thượng. Những gì là mười? Một là Vô thường tướng, hai là Vô ngã tướng, ba là Diệt trừ tướng, bốn là Ly dục tướng, năm là Tịch diệt tướng, sáu là Bất tịnh tướng, bảy là Quá thất tướng, tám là Tử đạo tướng, chín là Yếm thực tướng, mười là Nhất thiết thế gian vô an tướng.

Năm loại tướng trước và Vô tắng vi bất tịnh tướng, tu tập như vậy, số hành như vậy, như bốn loại thiên định.

Bốn loại tướng sau và hữu tắng vi hành bất tịnh tướng, tu tập như vậy, số hành như vậy, như đệ Tứ thiên.

Thánh đệ tử Phật tu Bát biến nhập- mỗi loại có ba phẩm: Hạ, trung và thượng. Những gì là tám? Một là Nội hữu sắc tướng quán ngoại sắc thiếu; cái “thiếu” này hoặc vi diệu hoặc thô, ta biến tướng này được biết, được thấy, hữu tướng như vậy.

Hai là Nội hữu sắc tướng quán ngoại sắc vô lượng, hoặc vi diệu hoặc thô, ta khắp cả tướng này có thể biết, có thể thấy.

Ba là Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc thiếu, thô và vi tế như trước.

Bốn là Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc vô lượng loại, cũng như trước.

Năm, sáu, bảy, tám đều nơi Nội vô sắc tướng quán ngoại tứ sắc, là xanh, vàng, đỏ, trắng. Ta khắp tướng này có thể biết, có thể thấy, làm cái tướng như vậy. Trong tám tướng này, tướng thứ nhất và tướng thứ hai, tu tập như vậy, số hành như vậy, như bốn loại thiên định. Sáu loại tướng sau, tu tập như vậy, số hành như vậy, như đệ Tứ thiên.

Thánh đệ tử của Phật tu tập Bát giải thoát, mỗi loại có ba phẩm: Hạ, trung và thượng.

Thứ nhất, Nội hữu sắc tướng quán ngoại sắc giải thoát.

Thứ hai, Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc giải thoát.

Thứ ba, Tịnh giải thoát.

Thứ tư, Không vô biên nhập giải thoát.

Thứ năm, Thức vô biên nhập giải thoát.

Thứ sáu, Vô sở hữu vô biên nhập giải thoát.

Thứ bảy, Phi tướng phi phi tướng vô biên nhập giải thoát.

Thứ tám, Tướng thọ diệt giải thoát.

Giải thoát thứ nhất, tu tập như vậy, số hành như vậy, như bốn loại thiên định.

Giải thoát thứ hai, tu tập như vậy, số hành như vậy, như đệ Tứ thiên.

Giải thoát thứ ba, nếu Nội hữu sắc tướng quán ngoại sắc, tu tập như vậy, số hành như vậy, như bốn loại thiên. Nếu Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc, tu tập như vậy, số hành như vậy, như đệ Tứ thiên.

Bốn Vô sắc giải thoát sau mỗi loại như tự địa.

Giải thoát diệt thọ tướng thứ tám, chỉ do trụ nên quá Phi tướng phi phi tướng, không do lìa dục nên quá. Cho nên địa này cùng với phi phi tướng.

Thánh đệ tử Phật tu tập Thập nhất thiết nhập, mỗi loại có ba phẩm: Hạ, trung và thượng.

Tám Nhất thiết nhập đầu, tu tập như vậy, số hành như vậy, như đệ Tứ thiên.

Hai nhất thiết nhập sau, mỗi loại như tự địa.

Thánh đệ tử Phật tu tập Tứ vô sắc tam-ma-bạt-đề, mỗi loại có ba phẩm: Hạ, trung và thượng. Người này do nghiệp tương ứng của hạ phẩm Không vô biên nhập, sinh cõi trời Không Vô Biên Nhập. Do nghiệp tương ứng của trung phẩm Không vô biên nhập, cũng sinh ở đó. Do nghiệp tương ứng của thượng phẩm Không vô biên nhập, cũng sinh cõi trời này. Nhân vì nghiệp này nên được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của nghiệp, có Lạc không bức bách, không có Thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót.

Do tương ứng nghiệp của hạ phẩm Thức vô biên nhập, sinh cõi trời Thức Vô Biên Nhập. Do tương ứng nghiệp của trung phẩm Thức Vô biên nhập, cũng sinh cõi trời này. Do nghiệp này nên được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của nghiệp, chỉ có Lạc không bức bách, không có Thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót.

Nghiệp tương ứng của hạ phẩm Vô sở hữu nhập, sinh cõi trời Vô Sở Hữu Nhập. Nghiệp nhân tương ứng của trung phẩm Vô sở hữu nhập cũng sinh cõi trời này. Nhân nghiệp tương ứng của thượng phẩm Vô sở hữu nhập cũng sinh cõi trời này. Nhân nghiệp này, được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của nghiệp, chỉ có Lạc không bức bách, không có Thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không dư.

Nghiệp tương ứng của hạ phẩm Phi tướng phi phi tướng nhập, sinh cõi trời Phi Tướng phi Phi Tướng Nhập. Nhân nghiệp tương ứng của trung phẩm Phi tướng phi phi tướng cũng sinh cõi trời này. Nhân nghiệp tương ứng thượng phẩm Phi tướng phi phi tướng nhập cũng sinh cõi trời này. Nhân nghiệp này nên được thiên đạo, được thọ mạng trời, được thiên trụ, được thiên đồng loại. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của nghiệp, chỉ có Lạc không bức bách, không có Thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không dư, là bát Niết-bàn.

Thánh đệ tử Phật tu tập bốn thiên định, đã sinh, đã được. Từ tất cả này lại trở lại thối thất, người này trụ trong hạ phẩm Sơ thiên. Người này do nghiệp tương ứng của hạ phẩm Sơ thiên, sinh cõi trời Phạm Thiên Hành. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo nghiệp của hạ phẩm Sơ thiên, được Lạc không bức bách và Thọ lạc.

Quả báo của trung phẩm, thượng phẩm Sơ thiên và Nhị thiên, sinh ở trong đây, được Thọ Lạc không bức bách và Thọ lạc.

Đệ Tam và đệ Tứ thiên cũng sinh trong đây, được thọ quả báo, thọ Lạc không bức bách, không có Thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không dư. Thánh đệ tử của Phật nhập Niết-bàn trong đó. Trung phẩm Sơ thiên còn lại cũng như vậy.

Thánh đệ tử Phật tu tập tứ thiên, đã sinh, đã được. Từ tất cả này lại trở lại thối thất, người này trụ trong hạ phẩm Nhị thiên. Do nghiệp tương ứng của hạ phẩm Nhị thiên, sinh cõi trời Thiếu Quang. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của hạ phẩm Nhị thiên, được Lạc không bức não và Thọ lạc.

Nghiệp báo của trung phẩm, thượng phẩm đệ Nhị thiên và Sơ thiên, sinh ở trong đây, được thọ Lạc không bức não và Thọ lạc.

Đệ Tam và đệ Tứ thiên cũng sinh trong đây, thọ quả báo, thọ Lạc không bức não, không có Thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót. Thánh đệ tử của Phật ở trong đó bát Niết-bàn. Trung phẩm và thượng phẩm của Nhị thiên cũng như vậy.

Thánh đệ tử của Phật tu tập Tứ thiên, đã sinh, đã đắc; từ tất cả này lại trở lại thối thất, người này trụ hạ phẩm Tam thiên. Do nghiệp tương ứng của hạ phẩm Tam thiên, sinh cõi trời Thiếu Tịnh. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của hạ phẩm Tam thiên, thọ Lạc không bức não và Thọ lạc.

Nghiệp báo của trung phẩm, thượng phẩm Tam thiên sinh trong đây, được thọ lạc không bức não và thọ lạc thọ.

Nghiệp báo của Sơ thiên, Nhị thiên và Tứ thiên có Lạc không bức não, không có Thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không dư. Thánh đệ tử của Phật trong đây bát Niết-bàn. Trung phẩm và hạ phẩm Tam thiên cũng như vậy.

Thánh đệ tử của Phật tu tập bốn thiên định, đã sinh, đã đắc; từ tất cả này lại trở lại thối thất, người này trụ trong hạ phẩm Tứ thiên. Nghiệp tương ứng của hạ phẩm Tứ thiên sinh cõi trời Vô Vân. Sinh ở đó rồi, thọ nghiệp báo của hạ phẩm Tứ thiên, được Lạc không bức não, không có Thọ lạc. Nghiệp báo của trung phẩm, thượng phẩm Tứ thiên và Tam thiên còn lại, sinh ở trong đây, được thọ Lạc không bức não, không có Thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không dư. Thánh đệ tử của Phật trong đây bát Niết-bàn. Trung phẩm và thượng phẩm Tứ thiên còn lại cũng như vậy.

Thánh đệ tử của Phật tu tập bốn Thiên và bốn Vô sắc định, đã sinh, đã đắc; từ tất cả này lại trở lại thối thất, người này trụ hạ phẩm Không vô biên nhập. Do nghiệp tương ứng của hạ phẩm Không vô biên nhập, sinh cõi trời Không vô Biên Nhập. Ở đó sinh rồi, thọ quả báo của hạ phẩm Không vô biên nhập, được Lạc không bức não, không có thọ Thọ lạc. Quả báo trung phẩm, thượng phẩm của Không vô biên nhập và thượng phẩm của định Vô sắc sinh ở trong đây, thọ Lạc không bức não, không có Thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không dư. Thánh đệ tử của Phật trong đó bát Niết-bàn. Trung phẩm và thượng phẩm của Không vô biên nhập còn lại cũng như vậy.

Thánh đệ tử của Phật tu tập bốn thiên và bốn Vô sắc, đã sinh, đã đắc; từ tất cả này lại trở lại thối thất, người này trụ hạ phẩm Thức vô biên nhập. Do nghiệp tương ứng của hạ phẩm Thức vô biên nhập, sinh cõi trời Thức Vô Biên Nhập. Sinh ở đó rồi, thọ nghiệp báo của hạ phẩm Thức vô biên nhập, được Lạc không bức não, không có Thọ lạc.

Nghiệp báo của trung phẩm, thượng phẩm Thức vô biên nhập và tối cùng ba vô sắc, sinh trong đây, được Lạc không bức não, không có Thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót. Thánh đệ tử của Phật trong đây bát Niết-bàn.

Trung phẩm, thượng phẩm của Thức vô biên nhập còn lại cũng như vậy.

Thánh đệ tử của Phật tu tập bốn Thiên và bốn Vô sắc, đã sinh, đã đắc; từ tất cả này lại trở lại thối thất, người này trụ hạ phẩm Vô sở hữu vô biên nhập. Do nghiệp tương ứng của hạ phẩm Vô sở hữu vô biên nhập, sinh cõi trời Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập. Sinh ở đó rồi, thọ quả báo của hạ phẩm Vô sở hữu vô biên nhập, được Lạc không bức não, không có Thọ lạc.

Nghiệp báo của trung phẩm, thượng phẩm của Vô sở hữu vô biên nhập và trước sau ba Vô sắc sinh trong đây, được Lạc không bức não, không có Thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót. Thánh đệ tử của Phật trong đây bát Niết-bàn. Trung và thượng phẩm của Vô sở hữu vô biên nhập cũng lại như vậy.

Thánh đệ tử của Phật tu tập bốn Thiên và bốn Vô sắc, đã sinh, đã đắc; từ tất cả này lại trở lại thối thất, người này trụ Phi tướng phi phi tướng vô biên nhập. Do nghiệp tương ứng của hạ phẩm Phi tướng phi phi tướng vô biên nhập, sinh cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập. Ở đó sinh rồi, thọ nghiệp báo của hạ phẩm Phi tướng phi phi tướng vô biên nhập, được Lạc không bức não, không có Thọ lạc.

Nghiệp báo của trung phẩm, thượng phẩm Phi tướng phi phi tướng vô biên nhập và ba Vô sắc trước, sinh trong đây, được Lạc không bức não, không có Thọ lạc. Nghiệp này chín rồi, được dùng không sót. Thánh đệ tử của Phật trong đây bát Niết-bàn.

Trung phẩm và thượng phẩm còn lại của Phi tướng phi phi tướng vô biên nhập cũng như vậy.

Bậc thượng lưu sinh A-na-hàm, có ba loại: Một là, trước hết sinh cõi trời Phạm Thiên Hành, lần lượt như vậy sinh cho đến cõi trời Quảng quả, trong đó sinh rồi, được bát Niết-bàn. Hai là, đầu tiên sinh vào cõi trời Quảng Quả, lần lượt như thế sinh cho đến A-Ca-Nê-Tra, sinh ở đó rồi, được bát Niết-bàn. Thứ ba, đầu tiên sinh cõi trời Không Vô Biên Nhập, lần lượt như thế sinh cho đến cõi trời Phi tướng Phi Phi Tướng, trong đó sinh rồi, được bát Niết-bàn.

Lại nữa, bậc thượng lưu sinh làm A-na-hàm có hai loại: Một là, tại cõi Sắc, hai là tại cõi Vô sắc. Nếu tại cõi Sắc bát Niết-bàn thì từ Phạm Thiên Hành, lần lượt như thế sinh cho đến cõi trời A-ca-nê-tra, sinh ở đó rồi, được bát Niết-bàn. Tại cõi Vô sắc thì trước hết sinh cõi trời Không Vô Biên Nhập, lần lượt như vậy sinh cho đến cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng, sinh trong đó rồi, được bát Niết-bàn.

Lại nữa, có một loại thượng lưu sinh A-na-hàm. Từ cõi trời Phạm Thiên Hành lần lượt sinh cho đến Phi tướng Phi Phi tướng, sinh ở đó rồi, được bát Niết-bàn.

Nghĩa này Phật Thế Tôn nói. Tôi nghe như vậy.

PHẨM THỨ HAI MƯƠI HAI: THỌ LƯỢNG

Phật Thế Tôn nói: Trong cõi người hai vạn tuổi là một ngày một đêm của địa ngục A-tì-chỉ. Do ngày và đêm này, ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng là một năm. Do năm này, nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm nghìn năm. Trong địa ngục này, thọ quả báo nghiệp thành thực, trong đó thọ sinh lâu dài nhất là một kiếp.

Trong cõi người sáu nghìn năm là một ngày một đêm ở địa ngục Diêm-La. Do ngày và đêm, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Do năm, nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm. ở trong ngục này thọ quả báo thành thực.

Có đường súc sinh, chúng sinh có một ngày một đêm, qua sáu, bảy lần sinh và chết. Lại có các súc sinh thọ mạng một kiếp. Trong cõi người một tháng là một ngày đêm của đường ngạ quỷ.

Lại, trong cõi người một tháng là một ngày đêm trong cõi thần quỷ. Do ngày đêm này, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Do năm này, năm trăm năm là thọ mạng. Năm trăm tuổi tương đương cõi người mười lăm ngàn năm.

Người Diêm-Phù-Đề hoặc mười tuổi hoặc a-tăng-kỳ tuổi, thọ mạng trung gian tăng dần hoặc giảm dần; dài nhất là tám vạn tuổi, ngắn nhất là mười tuổi.

Tây Cù-Da-Ni hai trăm năm mươi năm là thọ mạng.

Người Đông Phất-Bà-Đề thọ năm trăm tuổi.

Người Bắc Uất-Đan Việt thọ một ngàn năm.

Trong cõi người năm nghìn năm là một ngày một đêm ở cõi trời Tứ Thiên Vương. Do ngày và đêm này, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Do năm này, năm trăm năm trời là thọ mạng, sẽ là chín trăm vạn năm trong cõi người.

Trong cõi người một nghìn năm là một ngày đêm trời Đao-Lợi. Do ngày đêm này, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Do năm này, thọ mạng nghìn năm, sẽ là ba nghìn sáu trăm vạn năm trong cõi người.

Trong cõi người hai trăm năm là một ngày đêm ở trời Dạ-Ma. Do ngày đêm này, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Do năm này, thọ mạng hai nghìn năm, tương đương cõi người mười bốn nghìn vạn, lại thêm bốn trăm vạn năm.

Trong cõi người bốn trăm năm là một ngày đêm ở cõi trời Đâu-Suất-Đà. Do ngày đêm này, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Do năm này, số thọ mạng là bốn nghìn năm, tương đương cõi người năm nghìn bảy trăm sáu mươi ức năm.

Trong cõi người tám trăm năm là một ngày đêm ở cõi trời Hóa Lạc. Do ngày đêm này, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Do năm này, số thọ mạng là tám nghìn năm, tương đương cõi người là hai vạn ba nghìn bốn mươi ức năm.

Trong cõi người một nghìn sáu trăm năm là một ngày đêm ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Do ngày đêm này, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Do năm này, số thọ mạng là một vạn sáu nghìn năm, tương đương cõi người là chín vạn hai nghìn một trăm sáu mươi ức năm.

Dưới đỉnh núi Do-Càn-Đà, thọ mạng của A-tu-la như cõi Tứ Thiên Vương.

Dưới đỉnh núi Tu-Di, thọ mạng của A-tu-la như của trời Đao-Lợi.

Một Tiểu kiếp gọi là một kiếp. Hai mươi Tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp. Bốn mươi Tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp. Sáu mươi Tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp. Tám mươi tiểu kiếp gọi là một Đại kiếp.

Tại sao một gọi là một Tiểu kiếp? Lúc ấy Tì-khuru Đề-Bà-Đạt-Đa ở trong địa ngục thọ nghiệp báo nhiệt. Phật Thế Tôn nói trụ thọ một kiếp. Một kiếp như thế gọi là một kiếp.

Tại sao hai mươi kiếp cũng gọi là một kiếp? Như cõi trời Phạm Thiên Hành, hai mươi tiểu kiếp là thọ mạng. Các Phạm Thiên này, Phật nói trụ thọ một kiếp. Như vậy, hai mươi kiếp cũng gọi là một kiếp.

Tại sao bốn mươi tiểu kiếp gọi là một kiếp? Như Phạm Chúng thiên thọ mạng bốn mươi tiểu kiếp, Phật nói trụ thọ một kiếp. Như vậy, bốn mươi kiếp cũng gọi là một kiếp.

Tại sao sáu mươi tiểu kiếp gọi là một kiếp? Như Đại Phạm thiên thọ lượng sáu mươi tiểu kiếp, Phật nói trụ thọ một kiếp. Như vậy, sáu mươi kiếp cũng gọi là một kiếp.

Tại sao tám mươi tiểu kiếp gọi là một kiếp? Như Thiếu Quang thiên thọ lượng một trăm hai mươi tiểu kiếp, Phật nói thọ lượng một kiếp rưỡi. Như vậy, tám mươi tiểu kiếp cũng là một kiếp.

Vô lượng Quang thiên thọ lượng một trăm bốn mươi tiểu kiếp. Thắng Phúc Quang thiên thọ lượng một trăm sáu mươi tiểu kiếp, là hai đại kiếp.

Thiếu Tịnh Thiên thọ lượng hai đại kiếp rưỡi.

Cõi trời Vô Lượng Tịnh ba đại kiếp rưỡi là thọ lượng.

Cõi trời Biến Tịnh thọ lượng bốn đại kiếp rưỡi.

Cõi trời Vô Vân thọ lượng ba trăm đại kiếp.

Cõi trời Thọ Phúc thọ lượng bốn trăm đại kiếp.

Cõi trời Quảng Quả thọ lượng năm trăm đại kiếp.

Cõi trời Vô Tướng thọ lượng một nghìn đại kiếp.

Cõi trời Thiện Kiến thọ lượng một nghìn năm trăm đại kiếp.

Cõi trời Thiện Hiện thọ lượng hai nghìn đại kiếp.

Cõi trời Bất Phiền thọ lượng bốn nghìn đại kiếp.

Cõi trời Bất Thiêu thọ lượng tám nghìn đại kiếp.
Cõi trời A-Ca-Nê-Tra thọ lượng một vạn sáu nghìn đại kiếp.
Cõi trời Không Vô Biên Nhập hạ phẩm thọ lượng một vạn bảy nghìn năm trăm đại kiếp.
Trung phẩm của Không Vô Biên Nhập là một vạn tám nghìn năm trăm đại kiếp. Thượng phẩm của Không Vô Biên Nhập là hai nghìn đại kiếp.
Cõi trời Thức Vô Biên Nhập hạ phẩm thọ lượng ba vạn đại kiếp. Trung phẩm của Thức Vô Biên Nhập thọ lượng ba vạn năm nghìn đại kiếp. Thượng phẩm của Thức Vô Biên Nhập thọ lượng bốn vạn đại kiếp.
Hạ phẩm của cõi trời Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập thọ lượng năm vạn đại kiếp.
Trung phẩm của cõi trời Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập thọ lượng năm vạn năm nghìn đại kiếp.
Thượng phẩm của cõi trời Vô Sở Hữu vô Biên Nhập thọ lượng sáu vạn đại kiếp.
Hạ phẩm cõi trời Phi Tướng thọ lượng bảy vạn đại kiếp.
Trung phẩm cõi trời Phi tướng thọ lượng bảy vạn năm nghìn đại kiếp.
Thượng phẩm cõi trời Phi Tướng thọ lượng tám vạn đại kiếp.
Nghĩa này Phật Thế Tôn nói. Tôi nghe như vậy.

HẾT QUYỂN BẢY

LẬP THẾ A-TÌ-ĐÀM LUẬN QUYỂN THỨ TÁM

PHẨM THỨ HAI MƯƠI BA: ĐỊA NGỤC

THỨ NHẤT: ĐỊA NGỤC CÁNH SINH

Thời quá, hiện, vị lai
Chúng sanh sinh tới lui,
Lên xuống và luân hồi
Phật Thế Tôn chứng kiến.
Các nghiệp chẳng tiêu đi
Có quả báo chẳng mất,
Tùy thời, nơi thành thực
Bậc Thánh Trí tự giác
Cù-Đàm nói như vậy
Tám loại địa ngục lớn
Thế Tôn trọn chứng kiến
Thành tất cả mắt pháp.
Cánh sinh và Hắc Thăng,
Sơn Khái nhị Khiếu Hoán
Lớn, nhỏ cùng thiêu đốt,
Và đại A-Tì-Chỉ.
Tám địa ngục như thế
Phật nói khó để độ,
Người ác luôn đầy dẫy
Mỗi mỗi mười sáu vách.
Bốn góc và bốn cửa,
Phần phần đều ngay ngắn,

Cao trên trăm do-tuần,
Thành sắt vây chung quanh,
Lưới sắt giăng bên trên,
Dưới đất toàn bằng sắt.
Đốt cháy đầy lửa dữ,
Thiêu kẻ ác đáng sợ,
Luôn như thế khó gần,
Thấy ắt rụng lông tóc
Quá khổ, chẳng thể nhìn.
Ta nay sẽ vì ông,
Như pháp, lần lượt nói,
Cung kính một lòng nghe
Như điều được Ta nói.

Có một địa ngục gọi là Cánh sinh, tất cả đều bằng sắt, ngày đêm thiêu đốt thường có lửa dữ. Dài nhiều do-tuần, rộng cũng như thế. Trong đó, tội nhân bị ngục tốt bắt giữ, chân trên đầu dưới. Y theo phân chia của dây đen mà dùng búa chặt. Bị dẫn rời, chỉ có xương được nối liền bởi gân, đau buồn tạm thời chết, khổ nặng cực lớn. Ngục tốt ném đi, lúc đó gió lạnh thổi bèn sống lại. Do gió này nên da thịt lại trở lại bình thường. Lúc ấy móng tay của tội nhân tự sinh ra cứng sắc như kiếm. Với đồng loại kia khởi tâm oán hận lẫn nhau, nghĩ như thế này : “Người này xưa kia từng làm việc ác hại cho ta, nên ta trước phải nhanh chóng làm hại nó”. Người kia khởi tâm hại cũng lại như vậy. Bèn chém lẫn nhau như cắt cỏ phạt rừng.

Người địa ngục này thọ sự tàn hại nhau như vậy, là khổ phẩm thượng thượng, khó có thể kham nhẫn, hết sức cứng cõi, cực kiên cường, rất là đau đớn. Cho đến nghiệp ác thọ dụng chưa hết thời cầu chết không được.

Vì hành nghiệp nào mà khởi lên quả báo này, khiến các chúng sanh sinh ở trong đó? Xưa tại nhân gian, nhiều người nữ cùng chung ở một chồng, sân khuể tật đổ với nhau. Nếu nhiều người nam cùng tranh một người nữ, khởi tâm oan gia.

Hoặc dâm với vợ người. Hoặc tranh vườn, ruộng và xe cộ. Hoặc vua hai nước tranh đất của nước bên kia. Hoặc trộm cướp tài vật của người, bị chủ tài vật ấy trị mà kết thành oan gia. Như người giao chiến, tàn hại lẫn nhau. Đã kết oan gia, chưa giải hòa được với nhau, nhớ nghĩ đến nó. Mạng chung, do nghiệp báo này thọ sinh trong đó.

Lại nữa, vì đủ loại nghiệp báo của các ác bất thiện nên sinh trong đó.

Lại nữa, hoặc có nghiệp tăng thượng nên sinh trong đó, tự thân thọ dụng đủ loại quả báo của nghiệp ác.

Nhân của nghiệp nào mà tội nhân lại chặt cắt lẫn nhau? Xưa trong cõi người, cầm búa và dao trượng...chém, cắt loại chúng sinh có mạng sống. Cho nên ở trong đó thọ quả báo chặt cắt lẫn nhau.

Lại nữa, vì nghiệp nào mà gió lạnh thổi khiến cho sống lại? Xưa trong cõi người chăn nuôi đủ loại trâu, hươu, dê, lợn để ăn uống; khi mập lớn, vì để được nhiều thịt, sẽ lại giết. Do quả báo nghiệp này nên cảm gió kia mà trở lại được tạm sống.

Vì nghiệp báo mà sinh được móng tay sắc nhọn như kiếm sắt? Xưa trong cõi người đưa cho người dao, gậy mà bảo thế này: Các ông có thể đến chỗ đó, chỗ đó...châu, quận, huyện, ấp, đến đó mà giết, hoặc người hoặc gia súc. Do báo của nghiệp này nên móng tay kiếm sinh ra.

Tại sao ngục này gọi là Cánh sinh? Trong đó tội nhân nghĩ như thế này: “Ta nay lại sinh thân thịt như cũ”, nên gọi là Cánh Sinh. Lại, địa ngục này vốn gọi là Cánh sinh. Lúc ấy, Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

Trong địa ngục Cánh Sinh

Đầu ở dưới, chân trên,
Cầm búa, dao...
Tùy dây mà chặt chém.
Lúc ấy bị róc thịt
Chỉ còn lại tỵ xương,
Máu, thịt và da, gân
Trở lại sống như cũ.
Móng tay như kiếm sắc
Do nghiệp tự nhiên sinh
Tùy tâm sân oán xưa
Lại chặt cắt lẫn nhau.
Thọ chặt hại nhau rồi
Gió lạnh lại thổi tới
Sinh tất cả thân phần
Gió tịnh là nghiệp hoặc .
Như Lai- Thầy Trời Người
Như thật thấy như vậy
Cho nên gọi Cánh Sinh.

THỨ HAI: ĐỊA NGỤC HẮC THĂNG

Lại nữa, có địa ngục gọi là Hắc Thằng, tất cả đều bằng sắt, ngày đêm thiêu đốt lửa hừng hực sáng, dài nhiều do-tuần, rộng cũng như vậy. Trong đó tội nhân bị ngục tốt tóm lấy, đánh ngã trên đất. Như cây sinh thọ, tùy mực của dây đen mà đẵn. Dùng búa hoặc tám góc hoặc lại sáu góc hoặc lại bốn cạnh. Có các tội nhân, từ gót chân cho đến cổ gáy, bị búa rìu phạt đẵn như róc mía dài. Lại có tội nhân, từ cổ đến chân bị búa rìu phạt đẵn như róc đốt mía.

Người trong địa ngục này bị phanh thây tàn khốc thượng thượng khổ này, khó có thể kham nhẫn. Hết sức kiên cố, hết sức cang cường, đau đớn khổ não nhất, cho đến ác nghiệp thọ dụng chưa hết, cầu chết không được.

Là hành nghiệp nào mà khởi quả báo này, khiến các chúng sanh sinh ở đó? Xưa trong cõi người làm nghiệp như vậy, tùy theo luật chế của thế gian và lượng quyết, tự mình giết người khác. Như thế này thì phạt nặng, lượng như vậy thì chặt cắt tay, lượng như vậy thì chặt cắt chân, mũi và tai cũng lại như vậy. Lượng nhiều như vậy thì chặt thịt lưng, hoặc cắt hai xương đùi, hoặc năm ngón, hoặc mười ngón. Do báo của nghiệp này, các chúng sanh này thọ sinh trong đó. Lại có quả báo đủ loại các nghiệp ác bất thiện, chúng sanh thọ sinh ở trong đó.

Lại nữa, có nghiệp tăng thượng chiêu cảm sinh ở đó. Sinh ở đó rồi thọ dụng đủ loại quả báo của các nghiệp ác bất thiện. Trong đó có lúc, ngục tốt mắng chửi người thọ tội sợ hãi, người ác, vừa khởi lên chưa xong thì vô lượng tội nhân tâm kinh hoảng lớn. Cùng lúc đứng dậy, giống như rừng phan phướn. Lúc ấy áo sắt và cà sa sắt đỏ, lửa hằng thiêu đốt, phóng ánh lửa hực, vô số nghìn vạn ca-sa bằng đồng đỏ và y bằng đồng đỏ từ trên không trung hạ xuống. Lúc ấy, các tội nhân kêu lên như vậy: “Y này lại, y này lại, y này đã đến”. Tùy mỗi một người, đều bị quấn chặt ở trong, da thịt gân xương trọn đều bị thiêu xém. Khi cháy rụi hết rồi, áo ca-sa tự bay đi.

Người địa ngục này bị thiêu đốt phẩm thượng thượng khổ, khó có thể kham nhẫn. Cực cứng, cực mạnh, là thống khổ nhất, cho đến khi chưa thọ hết quả báo của nghiệp ác thời cầu chết không được.

Hành nghiệp nào mà thọ quả báo này, khiến chúng sanh sinh trong đó?

Xưa trong cõi người, cầm roi gậy đánh đập chúng sanh có mạng sống. Hoặc dùng gậy kia, hoặc dùng dây gai, hoặc dùng xương cá cùm kẹp chúng sanh. Lại có người xuất gia phá giới, thọ dụng quốc độ, y phục, cùng với dây lưng. Do nghiệp báo này, thọ sinh trong đó. Lại có đủ loại quả báo của các ác bất thiện sinh ở trong đó. Lại nữa, có nghiệp tăng thượng chiêu cảm sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng đủ loại quả báo của nghiệp bất thiện.

Có các tội nhân, bị ngục tốt lột da từ gót chân cho đến cổ thì dùng chằng khiến lìa hẳn. Lại, ngục tốt từ cổ mà lột da cho đến gót chân mà dùng, khiến cho không lìa hẳn. Lại có tội nhân bị lột da từ cổ đến eo lưng thì dùng. Hoặc lại từ eo lưng mà lột da cho đến gót chân mà dùng. Khiến da trên thân của các tội nhân bị xé toạc ra đều lê đến đất, tự mình và người khác dẫm đạp lên thống khổ khó đương, ví như người thể gian mặc quần áo, ngang dọc dài ngắn không thể chỉnh tề, da tại thân cũng lại như vậy.

Người địa ngục này chịu sự bị lột da thượng thượng khổ, khó có thể kham nhẫn, cực kiên cố cực cang cường, là thống khổ nhất, cho đến chưa thọ hết quả báo của nghiệp thời muốn chết không được.

Hành nghiệp nào mà thọ quả báo này, khiến các chúng sanh sinh trong đó?

Xưa trong cõi người tạo nghiệp như vậy: chúng sanh có sinh mạng, còn sống mà lột da, khiến da không thoát hẳn, mặc vào người tựa như quần áo để làm trò vui chơi.

Lại nữa, xưa trong cõi người đánh đập chúng sanh, hoặc tự làm hoặc bảo người làm.

Lại nữa, xuất gia phá giới, thọ dụng cõi nước, quần áo, ngọc cụ. Do báo của nghiệp này thọ sinh ở đó.

Lại có đủ loại báo của nghiệp ác bất thiện sinh trong đó.

Lại nữa, nghiệp hoặc tăng thượng sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng báo của đủ loại nghiệp bất thiện.

Trong địa ngục này, khói đen lớn dày đặc đầy khắp, khí khói cay độc thấm khốc xé da phá thịt tán xương đến tủy, khói độc này ngấm vào khắp trong ngoài thân. Ngục tốt xua đuổi bức bách khiến vào trong khói, sau đó mới để các tội nhân này sợ hãi trốn chạy khắp nơi vô số do-tuần, dẫm đạp lên da của nhau, càng thêm khốn khổ.

Người địa ngục này thọ khói độc này thượng thượng phẩm khổ, khó có thể kham nhẫn, cực kiên cố, cực cang cường, là thống khổ nhất, cho đến khi chưa thọ hết báo của ác nghiệp, thời cầu chết không được.

Là hành nghiệp nào mà thọ nhận quả báo này, khiến các chúng sanh sinh trong đó?

Xưa trong cõi người, làm nhà kín cao, dùng khói giết người, hoặc làm ngục nhốt người, dùng khói làm cho đau khổ. Hoặc heo lợn, hoặc cua cá, hoặc rái cá, hoặc cáo, hoặc chồn, hoặc chuột, hoặc ong mật đều ở trong hang hốc, hun khói đen mà bắt, cho đến ruồi muỗi lấy khói đen xông đuổi. Do báo của nghiệp này thọ sinh trong đó.

Lại có báo của đủ loại nghiệp bất thiện sinh ở trong đó.

Lại nữa, có nghiệp tăng thượng chiêu cảm sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng quả báo của đủ loại nghiệp bất thiện.

Vì sao ngục này gọi là Hắc Thăng? Vì trong đó tội nhân bị tùy theo ranh giới của dây chằng đen mà bị chặt cắt khốn khổ nên gọi là Hắc Thăng. Lại còn có tự tính vốn gọi là Hắc Thăng. Muốn tuyên lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

Trong Hắc Thăng ngục tốt
Đẫn tội nhân như cây,
Tùy theo đường dây đen
Cầm dao búa chặt chém.
Lại nữa, áo đồng đỏ,
Ngày đêm hằng thiêu đốt,

Trói buộc các tội nhân,
Máu thịt chảy và khô,
Róc từ chân đến gáy,
Từ gáy, và eo lưng
Tội nhân trong Hắc Thăng
Đều không da, thịt đỏ.
Đáng sợ trong tối đen
Khói độc trợn sung mãn
Ngục tốt bức bách vào
Vào rồi mới bỏ mặc,
Rượt đuổi nhiều do-tuần,
Khói đen chẳng thể thấy,
Lại dày xéo da thân
Mình, người đều khốn khổ.
Trong đó nhân và quả,
Phật tự biết như thật.
Như vậy nói Hắc Thăng
Nơi ở của người ác.

ĐỊA NGỤC ĐẠI HẠNG

Giữa hai địa ngục Cánh Sinh và Hắc Thăng có địa ngục lớn tên là Đại Hạng, như khu chợ búa lớn. Trong đó tội nhân hoặc có lúc ngược mắt ngủ hoặc có lúc che mắt ngủ, hoặc để trong cối, dùng chày sắt mà đâm giã. Hoặc có tội nhân từ chân đến cổ từng phần chặt chém. Hoặc có tội nhân da bầy khắp đất, lại cắt thịt chất lên trên da. Lại có tội nhân khi kiểm chém xuống thì tay đứt, khi kiểm đỡ lên thì tay lại mọc, do nhân duyên này chất tay ấy tụ lại giống như núi cao. Chân, tai, mũi, đầu kiểm chém xuống liền đứt, đỡ kiểm lên lại sinh. Đầu, mũi...tụ lại cũng như núi cao. Cho đến khi thọ báo của nghiệp chưa hết thời cầu chết không được.

Hành nghiệp nào mà thọ quả báo này, khiến chúng sanh sinh ở trong đó? Xưa trong cõi người, đồ tể làm nghiệp giết dê, heo, trâu, hươu để sinh sống. Hoặc đánh cá, chim; hoặc kiện tụng khiến người lao ngục, hoặc tự làm trộm cướp, hoặc hành hình tội nhân. Do báo của nghiệp này nên thọ sinh trong đó. Lại có đủ loại các nghiệp báo ác thọ sinh trong đó.

Lại nữa, có nghiệp hoặc tăng thượng sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng đủ loại quả báo của các nghiệp ác bất thiện.

Người trong địa ngục này đầu như đầu voi, thân tựa như thân người. Lại có tội nhân đầu như đầu ngựa, thân như thân người. Lại có tội nhân đầu như đầu trâu, thân cũng như thân người. Như thế đủ loại chẳng giống nhau.

Trong đó ngục tốt nắm lấy tội nhân đóng vào xe sắt, ngày đêm thiêu đốt, hằng chiếu lửa hực, sắt đỏ làm ách, sắt đỏ làm thùng. Trong đó tất cả đường đi đều bằng sắt, dài nhiều do-tuần, rộng cũng như thế. Trong đó ngục tốt cầm trùy sắt đỏ đuổi chạy lui tới. Bị hại khổ thượng thượng như vậy, khó mà kham nhẫn. Hết sức cứng, hết sức mạnh, là thống khổ nhất. Cho đến khi chưa thọ hết quả báo của các nghiệp ác, thời muốn chết không được.

Hành nghiệp nào mà thọ quả báo này, khiến các chúng sanh sinh ở trong đó?

Xưa trong cõi người, hoặc làm thợ điêu tượng, hoặc làm thợ điêu ngựa, hoặc làm thợ điêu trâu, các loại thú cưỡi ...Do nghiệp báo này sinh ở trong đó. Lại nữa, đủ loại quả báo của các ác nghiệp bất thiện thọ sinh trong đó. Lại có nghiệp tăng thượng chiêu cảm sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng đủ loại quả báo của các ác nghiệp.

Trong đó lại có chúng sinh, đầu là đầu trâu, thân là thân người, cũng có đầu hươu thân người, lại có đầu heo thân người, có như thế đủ loại vô số ngục tốt tụ tập vây quanh, cầm nắm dao, gậy đủ loại khí giới. Tội nhân bị đâm, thọ sự tàn hại thương thượng khổ này, khó có thể kham nhẫn, hết sức cứng, hết sức mạnh, là thống khổ nhất. Cho đến khi chưa thọ dụng hết quả báo của các ác nghiệp, thời cầu chết không được.

Vì hành nghiệp nào mà thọ quả báo này, khiến chúng sanh sinh trong đó?

Xưa trong cõi người cầm nắm dao, gậy sẵn sẵn, đánh lưới chúng sinh có mạng sống. Nhiều người bao vây, hoặc chém hoặc đâm hoặc giết hoặc hại. Do các nghiệp này, thọ sinh ở trong đó. Lại có đủ loại quả báo của các nghiệp bất thiện sinh ở trong đó. Lại có báo nghiệp hoặc tăng thượng sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng đủ loại quả báo của các nghiệp bất thiện.

Lại có cây tên là Nghịch Thích Diêm Phù Lê, tất cả đều bằng sắt, ngày đêm thiêu đốt hằng phóng ánh lửa hực. Cây cao một do-tuần, gai dao dài mười sáu thốn. Trong đó ngục tốt nắm tay tội nhân ném lên gai dao của cây mà lại kéo xuống dưới. Nếu khi kéo lên trên thì đâm từ trên xuống dưới, nếu kéo xuống dưới thì đâm từ dưới lên trên. Kéo lên, xuống rồi, nếu bụng cọ vào thân cây thì da thịt tức hết sạch. Nếu lưng chạm cây thì da thịt cũng hết sạch. Da thịt ở bụng lại sinh trở lại, da thịt ở hông, lưng cũng sinh lại hết như vậy. Do sự này nên, tùy theo bụng, hông hay lưng mà kéo lên hay xuống. Tội nhân thọ sự tàn hại như thế, thương thượng phẩm khổ, khó có thể kham nhẫn. Hết sức cứng, hết sức mạnh, là thống khổ nhất. Cho đến khi chưa thọ dụng hết quả báo của nghiệp ác thời cầu chết không được.

Xưa hành nghiệp gì mà thọ quả báo này, khiến các chúng sanh sinh trong đó?

Xưa trong cõi người, tà dâm với vợ người khác, hoặc có người vợ khi đối chồng sau lưng. Do các nghiệp này mà sinh trong đó. Lại nữa, quả báo của đủ loại nghiệp bất thiện sinh ở trong đó. Lại có nghiệp báo tăng thượng sinh ở trong đó. Trong đó sinh rồi, thọ dụng đủ loại báo của các nghiệp ác bất thiện.

Trong ngục đó lại có nhiều núi tro sắt đỏ ngày đêm thiêu đốt, thường phóng ánh lửa hực. Trong đó ngục tốt tóm tay tội nhân kéo lên xuống, tùy theo nếu bụng chạm núi thì da thịt tiêu hết, nếu lưng chạm núi thì da thịt cũng tiêu hết, rồi lại sinh lại, da thịt ở lưng, hông sinh lại cũng như vậy. do sự này nên tùy bụng, hông hay lưng mà bị kéo lên xuống. Tội nhân bị tàn hại thương thượng khổ như vậy, khó có thể kham nhẫn, hết sức cứng, hết sức mạnh, là thống khổ nhất. Cho đến khi chưa thọ nhận hết quả báo của nghiệp ác, thời cầu chết cũng không được.

Xưa làm nghiệp gì mà thọ quả báo này, khiến các chúng sanh thọ sinh trong đó?

Xưa trong cõi người bắt chúng sinh có sinh mạng để vào trong lửa hoặc thiêu trong cát, hoặc nướng trong tro, hoặc ném trong chỗ bất tịnh. Lấy trâu, ngựa, thả vào trong xe cát nóng mà đi. Do nghiệp này mà thọ sinh trong đó. Lại nữa, báo của đủ loại ác nghiệp mà thọ sinh trong đó. Lại có báo của nghiệp tăng thượng cảm sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng báo của đủ loại nghiệp bất thiện.

THỨ BA: ĐỊA NGỤC TỤ KHÁI

Lại có địa ngục gọi là Tụ Khái, hình tướng giống như khoảng giữa hai núi. Trong đó ngục tốt cầm nắm đủ loại khí giới khủng bố tội nhân. Lúc ấy tội nhân trợn đều kinh sợ mà vào khoảng giữa hai núi. Vô số nghìn người vào trong giữa núi rồi, có tụ lửa lớn cắt ngang đường trước. Lúc ấy tội nhân thấy lửa hừng hực này liền muốn lui lại. Lại thấy phía sau có tụ lửa lớn xoay vòng khắp. Hai núi liền kẹp lại. Khi hai núi tiến lại, tất cả tội nhân phát ra tiếng kêu than, nói như thế này: “Núi này lại rồi, núi này lại rồi”. Núi kẹp

vào nhau như ép dầu Am-ma-la, núi ép tội nhân cũng lại như thế. Đã ép xong rồi, núi mở ra ở hướng trên. Tội nhân thấy núi vút lên trên bèn tranh nhau vào phần dưới, núi lại rơi xuống, lại đè ép thân, ví như chèn ép các tạp thú, máu chảy thành sông, chỉ còn gân xương, không còn da thịt. Thọ sự khổ tàn hại thượng thượng này, khó có thể kham nhẫn, hết sức cứng, hết sức mạnh, cực cứng cõi, là thống khổ nhất. Nếu cho đến khi chưa thọ dụng hết quả báo các nghiệp ác thời cầu chết không được.

Xưa làm nghiệp gì mà thọ quả báo này, khiến các chúng sanh thọ sinh trong đó?

Xưa trong cõi người, lấy chiếu trúc che đậy người, kéo dắt khiến voi đạp vào hoặc khi chiến tranh làm các xe ép để ép người, lại treo máy đá phóng xuống để giết người. Lại nơi các đường hiểm làm các cơ quan giam hãm và giết chúng sinh, hoặc lấy móng, răng kéo rút ong mật. Các nghiệp như thế thọ quả báo này mà thọ sinh trong đó. Lại có quả báo của đủ loại nghiệp ác bất thiện mà sinh trong đó. Lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm mà sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng đủ loại báo của nghiệp bất thiện. Trong đó tội nhân chỉ còn sót lại gân xương, không còn máu thịt. Lúc ấy ngục tốt nói với bạn hấn rằng: “Ta nay cùng ông trong khoảng khảy ngón tay đâm giã tội nhân”. Tức bắt lấy các tội nhân cho vào cối sắt nóng, dùng chùy sắt nóng mà đâm giã nát thân. Trong khoảng khảy ngón tay tương đương trong cõi người năm trăm năm tuổi thọ.

Thọ sự tàn hại thượng thượng phẩm khổ này, đủ như trước đã nói.

Xưa làm nghiệp gì mà chiêu cảm quả báo này, khiến các chúng sanh sinh trong đó?

Xưa trong cõi người, hoặc cầm mâu, thương và xoa, kích đâm hại chúng sinh, vò trấu mài gạo cùng với trùng đâm giã. Do các nghiệp này mà thọ sinh trong đó. Lại có đủ loại quả báo của các nghiệp bất thiện mà sinh trong đó. Lại có nghiệp tăng thượng chiêu cảm sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng đủ loại báo của nghiệp bất thiện.

Vì sao địa ngục này gọi là Tụ Khái? Trong đó tội nhân tụ tập một chỗ, hai núi kẹp lại cho nên gọi là Tụ Khái. Lại nữa, ngục này vốn gọi là Tụ Khái nên gọi là Tụ Khái. Trùng thuyết kệ rằng:

Trong địa ngục Tụ Khái
Vì báo của nghiệp xưa,
Vô số các tội nhân
Vào trong như bầy hươu,
Do báo của nghiệp xưa
Hai núi cùng kẹp lại
Nghiền ép nhiều chúng sinh,
Tụ lửa chặn trước sau.
Từ thân phần tội nhân
Máu chảy thành sông suối.
Thọ khổ khổ như thế
Khoảng giữa chẳng thể chết.
Ném trong cối sắt nóng
Cầm chùy mà đâm giã
Thọ báo của nghiệp trước
Đàn chỉ- năm trăm năm.
Như Lai- Thầy trời người
Như thật thấy đó rồi
Cho nên nói Tụ Khái
Chỗ ở của người ác.

THỨ TƯ: ĐỊA NGỤC KHIẾU HOÁN

Lại có địa ngục gọi là Khiếu Hoán, hình giống nhà hẹp, số vô lượng trăm nghìn. Trong đó tội nhân mỗi người một phòng. Thân lớn mà phòng thì nhỏ, bức bách khổ khổ, hoàn toàn không có bốn oai nghi. Thọ sự thiêu đốt tàn hại. Phía dưới của tội nhân này là lửa thiêu đốt. Nếu thể lửa mạnh thì tiếng kêu ắt khốc liệt, nếu thể lửa nhỏ thì tiếng kêu cũng thấp xuống. Thọ sự thiêu đốt khổ thượng thượng này, khó có thể kham nhẫn, hết sức cứng chắc, hết sức mãnh liệt, là thống khổ nhất, cho đến khi chưa thọ dụng hết báo của nghiệp bất thiện, thời cầu chết không được.

Xưa làm nghiệp gì mà thọ quả báo này, khiến các chúng sanh sinh trong đó?

Xưa trong cõi người, đối với chúng sinh không có sự cứu tế, với chúng sinh không có nơi y chỉ, tự mình làm hoặc bảo người làm hình phạt lớn, tự mình làm hoặc bảo người làm nổi lửa thiêu ruộng đồng, nơi hoang dã. Hoặc làm nhà kín rồi dùng lửa giết hại. Hoặc làm lao ngục rồi dùng lửa hành khổ. Hoặc với các loài heo, chồn, cáo, chuột...trong hang, đối với hang của chúng, dùng lửa thiêu đốt, cho đến muỗi mòng dùng lửa xông đuổi. Do báo của nghiệp này nên thọ sinh trong đó. Lại có đủ loại báo của các nghiệp bất thiện mà thọ sinh trong đó. Lại nữa, có duyên tăng thượng chiêu cảm sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng đủ loại quả báo của các nghiệp bất thiện.

THỨ NĂM: ĐỊA NGỤC ĐẠI KHIẾU HOÁN

Lại có địa ngục gọi là Đại Khiếu Hoán, hình giống hầm lớn, dài rộng vô số do-tuần, đều bằng sắt đỏ, như trên đã nói. Trong đó ngục tốt ta cầm phách sắt đánh tội nhân để khủng bố. Tội nhân thấy rồi sinh kinh sợ lớn hoặc chạy ngược lại hoặc không chạy ngược lại, hoặc chạy tán loạn khắp nơi, hoặc quay mặt vào vách, hoặc lại nhìn thẳng, hoặc gặp thì ngưỡng lên mà tán thán, hoặc từ tạ xin gia ân. Lúc ấy ngục tốt hỏi người gặp mà ngưỡng xin, rằng: “Các người sao dám lại gặp ta?” Liền lấy phách sắt đánh nát đầu, như phá bình sữa, đầu bị phá vỡ vỡ ra cũng lại như thế. Nói với người không ngưỡng lên rằng: “Người sao dám không lại?” Phá nát đầu người ấy cũng lại như trước. Dù chạy chậm hay chẳng chạy, quay mặt vào vách hay nhìn thẳng, chạy ngược lại hay không, người nào cũng đều hỏi và đánh cũng giống như vậy. Do nhân duyên này trọn đều nát đầu, chẳng ai được miễn. Bị sự phá nát tàn hại phẩm thượng thượng này, khó có thể kham nhẫn. Hết sức cứng, hết sức mạnh, là thống khổ kịch liệt nhất, cho đến khi chưa thọ dụng hết quả báo của nghiệp bất thiện thời cầu chết không được.

Xưa làm nghiệp gì mà thọ quả báo này, khiến các chúng sinh thọ sinh trong đó?

Xưa trong cõi người đào hầm làm ngục, nếu ai phạm tội thì nhốt giam trong đó, khiến họ chẳng thấy ánh sáng mặt trời mặt trăng. Do báo của nghiệp này mà thọ sinh trong đó. Lại có đủ loại quả báo các nghiệp bất thiện mà sinh trong đó. Lại nữa, các duyên tăng thượng chiêu cảm sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng đủ loại quả báo của các nghiệp bất thiện.

Lại, hành nghiệp gì mà thọ quả báo nát đầu? Xưa trong nhân gian, đập phá đầu của chúng sinh hữu sinh mạng, hoặc cá, rắn, rết, bọ cạp...đủ loại chúng sinh. Do các nghiệp như thế mà thọ quả báo nát đầu.

Ngục này thiêu đốt khổ khổ lại kịch liệt hơn trước, lâu dài bị các khổ như nát đầu...

Vì sao địa ngục này gọi là Đại Khiếu Hoán. Các tội nhân trong đó, do bị đánh đập và thiêu đốt kêu gào lớn, chỉ tiếng kêu gào lớn, không có nói năng, cho đến chẳng thể kêu mẹ gọi mẹ. Cho nên địa ngục này gọi là Đại Khiếu Hoán. Lại có tự tính gọi là Khiếu Hoán Lớn. Trùng thuyết kệ rằng:

Trong địa ngục Khiếu Hoán

Nhiều người bị bức bách
Lửa dưới nếu tăng mạnh
Tiếng kêu gào đáng sợ;
Nếu thể lửa nhỏ hơn
Tiếng kêu gào cũng giảm
Khổ không có oai nghi
Và bị thiêu đau đớn
Đại Khiếu Hoán thứ hai
Sâu tối khiến dựng tóc
Vách dựng không thể lên
Rộng dài vô số lượng
Ngục tốt ở trong đó
Cầm nắm phách sắt đỏ
Phá đầu như oán gia.
Vô lượng trăm nghìn năm.
Như Lai- Thầy trời người
Như thật đã thấy vậy
Nên nói hai Khiếu Hoán
Chỗ ở của người ác.

THỨ SÁU: ĐỊA NGỤC THIÊU CHÍNH

Lại có địa ngục gọi là Thiêu Chính, hình giống như một hầm bếp kín, tất cả đều bằng sắt, đêm ngày thiêu đốt, luôn phát ánh lửa rực, dài rộng vô số do-tuần. Trong đó tội nhân vô số nghìn vạn, đóng cửa mà đốt từ dưới nền, thiêu ròi trong ngoài khô queo khó bề thoát khỏi, giống như thịt khô. Lúc ấy cửa ngục tự nhiên mở, ở bên ngoài cửa có vô số chó hoặc chim hoặc lang thân cao dài to lớn, chực chờ cửa mở tranh nhau xông vào ngục cắn xé thân của tội nhân, kéo lôi tội nhân ra như cây đảo sinh, phóng tống ăn nuốt. Khi da thịt đã hết, chỉ còn tủy xương. Chỗ nạn khổ khổ, đang khi sầu đau tuyệt vọng, gió lạnh thổi đến, da thịt lại sinh trở lại. Lúc ấy ngục tốt lại dồn đuổi khiến vào, lại thọ khổ như trước. Thiêu đốt, cắn nuốt khổ thương thương, đủ như đã nói ở trước.

Xưa làm nghiệp gì mà thọ quả báo này, khiến các chúng sanh sinh ở trong đó?

Xưa trong cõi người làm các lao ngục không có cửa nẻo, lấy phân voi trát tường, lấy đất trộn với dầu cây cụ-đàm-bà để vẩy lên thân tội nhân, đem nhốt vào trong ngục. Mặt trời chiếu rọi, qua một đêm thì sinh lên, hôi thối. Hoặc hầm hoặc nướng mà sát hại tội nhân. Hoặc lại để trong lửa mà thiêu đốt giết người. Hoặc đun tằm hoặc nấu, rang chúng sinh có sinh mạng. Do quả báo của nghiệp này chiêu cảm sinh trong đó. Lại có đủ loại quả báo của các nghiệp bất thiện và nghiệp tăng thượng mà chiêu cảm sinh trong đó, đủ như trên đã nói. Lại do hành nghiệp gì mà bị chó nhai nuốt? Xưa trong cõi người hay nuôi các loài sư tử, cọp, báo, gấu, linh cẩu, khiến chúng cắn xé chúng sinh có mạng sống. Vì những nghiệp này thọ sinh trong đó, cũng như trên đã nói.

Xưa làm nghiệp gì mà bị gió lạnh thổi? Xưa trong cõi người, vì muốn nhiều thịt mà nuôi vỗ chúng sinh. Vì nghiệp này nên bị gió lạnh chạm xúc.

Vì sao địa ngục này gọi là Thiêu Chính? Vì trong đó thân và tâm của chúng sinh bị thiêu đốt nên gọi là Thiêu Chính. Lại có tự tính gọi là Thiêu Chính. Trùng thuyết kệ rằng:

Trong địa ngục Thiêu Chính
Nhà sắt lớn thiêu đốt,
Khí nóng cực đậm đặc

Giống như tụ lửa lớn,
Kín cửa mà bị thiêu
Như nghiệp xưa đã tạo,
Trong đó chịu báo khổ,
Khi ấy thân đã chín,
Bầy chó tranh nhai nuốt,
Chỉ xương là còn sót.
Gió lạnh bèn thổi đến
Da thịt sinh trở lại,
Ngực tốt lửa đuổi vào
Trở lại thọ khổ trước.
Như Lai- Thầy trời người
Như thật đã thấy vậy
Nên nói Thiêu Chính này
Chỗ của người tạo tội.

THỨ BẢY: ĐỊA NGỤC ĐẠI THIÊU CHÍNH

Lại có địa ngục gọi là Đại Thiêu Chính, hình giống như núi cao rộng, tất cả đều bằng sắt đỏ, ngày đêm thiêu đốt, luôn phát ánh lửa hực. Có vòng xích sắt nhọn thiêu đốt kịch liệt nhất, luôn phát ánh lửa hực tròn khắp, trên dưới đều quay tròn. Hoặc có tội nhân bị quấn một vòng xích sắt chính là như núi lửa thiêu. Hoặc hai, ba vòng, hoặc mười, hai mươi cho đến trăm, nghìn vòng dọc ngang xuyên quán, chính như núi lửa thiêu. Nếu một bên đã chín thì vòng kia tự chuyển, lại đốt một bên.

Lại có tội nhân, vòng sắt tự chọn mà xuyên qua chỗ chưa bị thương, lật lại mà thiêu. Lại có tội nhân do báo của nghiệp ác thượng thượng phẩm nên vô số các vòng đều tự lại, tỏa khắp mà đâm vào thân.

Trong đó tội nhân bị vòng sắt thiêu này khổ ở phẩm thượng thượng, khó có thể kham nhẫn, hết sức cứng, hết sức mạnh, là đau đớn kịch liệt nhất. Cho đến khi chưa thọ dụng hết quả báo của ác nghiệp thời cầu chết không được.

Xưa làm nghiệp gì mà thọ quả báo này? Xưa trong cõi người lấy vòng đeo bằng lửa đốt chúng sinh có mạng sống. Do báo của nghiệp này nên thọ sinh trong đó. Lại có đủ loại báo của các ác nghiệp mà sinh trong đó. Lại nữa, các nghiệp tăng thượng chiêu cảm sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng đủ loại báo của nghiệp bất thiện.

Vì sao ngục này gọi là Đại Thiêu Chính? Vì trong đó, tội nhân bị vòng sắt đâm như núi lửa thiêu đốt trong ngoài, sâu ưu khổ não nên gọi là Đại Thiêu Chính. Lại có tự tính vốn gọi là Thiêu Chính. Trùng thuyết kệ rằng:

Địa ngục Đại Thiêu Chính
Vòng sắc đều bằng sắt
vây quanh núi lửa sắt,
Ác nghiệp xưa chiêu cảm.
Trong đó người làm ác
Vô số bị xuyên sâu
Như cá bị xiên nướng,
Tùy nghiệp khiến cho mưa.
Như Lai- Thầy trời người
Như thật thấy thế rồi
Nên nói Đại Thiêu Chính

Chỗ ở của người ác.

THỨ TÁM: ĐỊA NGỤC A-TÌ-CHỈ

Lại có địa ngục gọi là A-Tì-Chỉ, hình giống như thành lớn, tất cả đều bằng sắt đỏ, ngày đêm thiêu đốt, thường phát ánh lửa hực. Tường phía Đông của địa ngục này tất cả đều bằng sắt đỏ, ngày đêm thiêu đốt, thường phóng ánh lửa hực. Tường phía Tây, Nam, Bắc trên dưới đều như thế. Tường phía Đông lửa hực phát tán sang tường phía Tây. Tường phía Tây lửa hực phát tán sang tường phía Đông. Nam tán lửa qua Bắc, Bắc tán lửa qua Nam. Phía trên lửa tán xuống dưới, phía dưới lửa tán lên trên. Bốn phương lửa hực, khắp đầy trong ngục.

Tội nhân vô lượng nghìn số chong chắt bị thiêu, giống như trong lò đúc. Có tội nhân, do ác nghiệp này thượng thượng phẩm nên thân thể to lớn suông đuốt mềm nhũn, đầu cổ cũng mềm nhũn như thế, không thể đi lại, chẳng hề có bốn oai nghi.

Có các tội nhân, do phẩm hạ, trung, thượng của nghiệp xưa này, luôn cầu được ra khỏi, chạy nháo khắp nơi.

Hoặc có lúc cửa phía Đông của địa ngục lớn này tự mở. Các tội nhân này hoặc xướng lên rằng: Cửa mở. Tranh nhau chạy mong ra khỏi, chưa đến bên cửa thì cửa lại tự đóng. Lúc ấy, cửa phía Tây lại mở, cửa Nam, cửa Bắc cũng lại tự mở ra. Các tội nhân này xướng lên: Cửa mở. Vội chạy về hướng cửa, chưa đến bên cửa thì cửa lại tự đóng.

Trong đó tội nhân thọ khổ lớn không gián đoạn của địa ngục này, khó có thể kham nhẫn hết sức cứng, hết sức mạnh, là thống khổ kịch liệt nhất. Cho đến khi chưa thọ dụng hết quả báo của nghiệp ác thời cầu chết không được.

Xưa làm nghiệp gì mà thọ quả báo này? Xưa trong cõi người, hoặc giết mẹ, giết cha, giết A-la-hán, khởi tâm giết hại khiến thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng. Hoặc lại, người mẹ kia đã là thánh nhân mà lại (tội nhân) sinh tâm dâm loạn. Giết người trong chánh định, hoặc giết chúng sinh Bồ-Tát, hoặc phá hoại bốn loại chi phần Bồ-đề của Như Lai. Hoặc nhân duyên cướp đoạt vật của bốn phương Tăng. Hoặc sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham ái, sân khuể, tà kiến...các thượng phẩm tối cực, tùy theo một, hai ...cho đến đầy đủ. Do ác hành này mà thọ sinh trong đó. Lại có quả báo đủ loại nghiệp ác mà sinh trong đó. Lại nữa, do các duyên tăng thượng mà chiêu cảm sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng đủ loại quả báo của các nghiệp bất thiện.

Vì sao địa ngục này gọi là A-tì-chỉ? Vì trong đó tội nhân luôn luôn chịu khổ không có lúc gián đoạn - là phẩm tối thượng thượng. Khổ của địa ngục khác không bằng địa ngục này, tại sao thế? Vì trong các địa ngục khác, ngục tốt có lúc đến hoặc có lúc không lại. Hoặc do gió lạnh mà khổ lớn tạm dừng. Trong địa ngục này ắt chẳng như vậy, từ đầu đến cuối, thọ các khổ thượng thượng phẩm, khó có thể kham nhẫn, hết sức cứng, hết sức mãnh liệt, là thống khổ kịch liệt nhất. Trong đó tội nhân thọ mạng một kiếp, cho đến một nửa kiếp, cho đến bất định. Ví như lò đúc trọn ngày thiêu sắt, lửa cháy phi thường, thiêu thân tội nhân cũng lại như vậy. Cho nên gọi là A-Tì-Chỉ. Lại có tự tính cũng gọi là A-Tì-Chỉ. Trùng thuyết kệ rằng:

Địa ngục A-Tì-Chỉ
Luôn khổ mãnh liệt nhất
Ngày đêm thiêu đốt lớn
Tụ lửa hực đầy khắp
Ví như một ngày thiêu
Vạc sắt phóng lửa sáng,
A-Tì-Chỉ như thế

Tất cả ánh lửa tán.
Trong đó thân tội nhân
Giống như tụ lửa lớn
Các ông xem nghiệp lực
Do đây không hóa tro
Có lúc thấy cửa mở
Tranh nhau chạy muốn thoát
Chưa tới cửa đã đóng
Nghiệp xưa chưa hết nên
Cầu chết chẳng cầu sống.
Như Lai- Thầy trời người
Như thật thấy đó rồi
Nên nói A-Tì-Chỉ
Chỗ ở người tạo ác.

THỨ CHÍN: ĐỊA NGỤC NGOẠI VIÊN CÁCH

Tám địa ngục bao quanh bốn hướng bên ngoài, mỗi hướng có bốn lớp địa ngục Viên Cách. Nhưng gì là bốn? Một là địa ngục Nhiệt Hôi, hai là địa ngục Phần Tiểu, ba là địa ngục Kiếm Diệp, bốn là địa ngục Liệt Hôi Chấp. Bốn lớp như thế lần lượt vây quanh.

Mỗi một địa ngục, như vậy phải biết, nếu lần lượt nói, có địa ngục gọi là Nhiệt Hôi. Các tội nhân này từ địa ngục lớn ra, thấy Nhiệt Hôi bên ngoài như chỗ đất trống bằng phẳng. Thấy tướng ấy rồi, khởi tâm như vậy: Ta nay quyết phải đến đó. Tội nhân này đến trong chỗ đó, chân dẫm lên tro nóng, da thịt liền cháy sém, ví như hòn sập rơi trong lửa lớn. Theo sự nhắc chân lên thời da thịt lại khôi phục. Hoặc có lúc đến gối, hoặc có lúc đến rốn hoặc có lúc đến cổ không hiện. Trong đó vô số do-tuần kinh hoàng chạy trốn. Thọ khổ thượng thượng, khó có thể kham nhẫn, hết sức cứng, hết sức mãnh liệt, là đau khổ kịch liệt. Cho đến khi chưa thọ dụng hết quả báo của ác nghiệp thời cầu chết không được.

Xưa làm nghiệp gì mà thọ quả báo này? Xưa trong cõi người lấy chúng sinh có mạng sống để vào trong lửa hoặc trong tro nóng hoặc trong cát nóng. Hoặc tà dâm với vợ người vượt quá pháp tắc thế gian vào cảnh giới khác. Hoặc xuất gia phá giới mà đi, đứng, nằm, ngồi trong già-lam, hoặc khởi tâm ác, hoặc dẫm đạp lên bốn chi đề cảnh giới và đạp lên chi đề ảnh. Do nghiệp báo này nên thọ sinh trong đó.

Lại có đủ loại quả báo các nghiệp ác mà thọ sinh trong đó. Lại nữa, các duyên tăng thượng chiêu cảm sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng quả báo của đủ loại nghiệp bất thiện.

Địa ngục thứ hai gọi là Phần Tiểu. Trong đó tội nhân, khi ra ngoài địa ngục Nhiệt Hôi, thấy Phần Tiểu như ao hoa mát mẻ. Thấy rồi bèn khởi niệm như vậy: Ta nay quyết định phải đến đó. Lúc ấy tội nhân đến vào trong đó. Khi vào đó rồi, có vô số trùng dò miệng cứng sắc đều như mũi kiếm cắn phá da thịt, cho đến gân xương, ăn nuốt tủy. Lại có các trùng từ lỗ mũi mà vào, ăn ngũ tạng. Từ tai vào hoặc từ mắt vào hoặc từ miệng vào hoặc từ hai đường đại tiểu tiện vào đều ăn ngũ tạng. Lại có trùng lớn ngậm nhắm tội nhân, máu thịt đã hết, mới nhổ xương ra, như rút hột gai. Thọ đủ khổ phẩm thượng thượng như vậy, khó có thể kham nhẫn, hết sức cứng, hết sức mạnh, là đau đớn kịch liệt. Cho đến khi chưa thọ hết quả báo các ác nghiệp thời cầu chết không được.

Xưa làm nghiệp gì mà thọ quả báo này? Xưa trong cõi người lấy chúng sinh có sinh mạng để trong hầm phân hoặc chỗ bất tịnh, cho đến nơi bắn thỉu. Vì quả báo nghiệp này nên thọ sinh trong đó. Lại có quả báo của đủ loại nghiệp ác mà thọ sinh trong đó. Lại nữa,

các duyên tăng thượng chiêu cảm sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng quả báo của đủ loại nghiệp bất thiện.

Xưa làm nghiệp gì mà quả báo khổ khổ bị trùng ăn? Xưa trong cõi người khiến các loài rắn, chó, rết cắn mổ chúng sinh có sinh mạng. Hoặc khởi tâm ác thọ dụng năm trần. Vì báo của nghiệp này mà sinh trong đó, bị cắn phá ăn nuốt những sự khổ như vậy. Mà nói kệ rằng:

Đã qua ngục Phần Thi
Thấy rừng cây đáng yêu
Đủ nhánh thân cành lá,
Đến đó muốn cầu vui.

Trong rừng như vậy có chim già cổ trắng, chim kên kên...Đất này còn có chồn, chó, dã can, hổ, báo, sư tử thân đều to lớn. Các cầm thú này cắn nhai tội nhân như cây đào sinh, ăn nuốt thịt, da, máu. Thịt hết chỉ còn lại xương tại đó.

Các tội nhân thọ sự mổ nhai khổ phẩm thượng thượng này, khó có thể kham nhẫn, hết sức cứng, hết sức mạnh, là đau đớn kịch liệt. Đang lúc sầu bi tuyệt vọng, gió lạnh lại thổi, da thịt lại sinh, lại bị nhai nuốt. Cho đến khi thọ dụng chưa hết quả báo của các ác nghiệp thời cầu chết không được.

Xưa làm nghiệp gì mà bị quả báo ăn nuốt này? Xưa trong cõi người, khiến hổ, báo, sư tử ăn nuốt chúng sinh có mạng sống. Hoặc phóng chim, chó đi săn bắt các cầm thú. Do các nghiệp này mà thọ sinh trong đó mà chịu báo bị ăn nuốt. Lại có quả báo của đủ loại ác nghiệp mà thọ sinh trong đó.

Xưa làm nghiệp gì mà bị gió lạnh thổi? Xưa trong cõi người, nuôi dưỡng chúng sinh khiến cho to béo, muốn được nhiều thịt. Vì báo của nghiệp này khiến gió lạnh thổi.

Địa ngục thứ ba gọi là Kiếm Diệp.

Các tội nhân này đã qua địa ngục Phần Thi, thấy địa ngục Kiếm Diệp, tâm khởi ái trước. Như thấy rừng Am-La. Đường đi của rừng Kiếm có các thứ kiếm đâm, chủ thủ, đồ đao, đao kiếm nhọn sắc bày khắp mặt đất. Khi các tội nhân đi vào đường rừng này bị đủ các khổ đâm cắt này mới vào được trong rừng. Khi vô số nghìn ức chúng sinh vào rừng này rồi, do nhân duyên của nghiệp ác, gió lớn chợt nổi lên, mưa xuống các khí giới: Mưa kiếm, mưa tên, mưa búa, tùy chỗ chạm đến mà các phần thân đứt sạch, đầu thân ly tan như gỗ bị cưa chặt văng vãi khắp nơi. Hoặc mưa mâu xuyên từ đỉnh đầu găm xuống, cử động chẳng được. Bị sự tàn hại khổ thượng thượng phẩm này, hết sức cứng, hết sức mạnh, là đau đớn kịch liệt nhất. Cho đến khi chưa thọ dụng hết quả báo của nghiệp ác, thời cầu chết chẳng được.

Xưa làm nghiệp gì mà bị quả báo này? Xưa trong cõi người làm sự chiến đấu, đưa cho người đao, gậy khiến chiến đấu, nói như thế này: Các người dùng vũ khí này chiếm lấy nước kia. Tụ tập nhiều người phóng ý giết hại. Do quả báo của nghiệp này thọ sinh trong đó. Lại có đủ loại quả báo của nghiệp mà thọ sinh trong đó. Lại có quả báo của nghiệp tăng thượng chiêu cảm sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng đủ loại quả báo của nghiệp bất thiện.

Địa ngục thứ tư gọi là Liệt Hôi Chấp. Các tội nhân này từ rừng cây Lá Kiếm ra, thấy Liệt Hôi Chấp, bèn nói là nước sông trong mát, khởi tâm ái trước, đến mà vào trong sông ấy. Các tội nhân này khi trong rừng kiếm đã bị nát bấy khắp thân, khi vào nước sông này thì thân thể tán nát, máu thịt đều tan hết, chỉ còn gân xương tương lênh bênh trên nước. Bị sự khổ tàn khốc phẩm thượng thượng này, hết sức cứng, hết sức mạnh, đau đớn kịch liệt nhất. Cho đến khi chưa thọ hết quả báo của nghiệp ác, thời cầu chết chẳng được.

Xưa làm nghiệp gì mà bị quả báo này? Xưa trong cõi người, bắt chúng sinh có mạng sống, lấy dầu nóng đun, tưới hoặc làm đường, hoặc làm kiềm, hoặc nấu tử thi để lấy tương dịch. Hoặc thân như uế bất tịnh vào vườn, ao giếng của người ta dùng mà rửa ráy. Vì quả báo của nghiệp này mà thọ sinh trong đó. Lại có quả báo của đủ loại nghiệp ác mà

sinh trong đó. Lại có quả báo của nghiệp tăng thượng chiêu cảm mà sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng nghiệp báo của đủ loại bất thiện.

Hai bên bờ sông Tro có các ngục tốt số nhiều vô lượng, thân đều dài lớn, cầm các xoa kích trông giữ tội nhân. Có lúc tội nhân nói với ngục tốt rằng: Thừa quan, tôi nay quá đói! Ngục tốt liền lấy xoa bắt lấy để lên trên bờ. Hoặc dùng kim móc kéo banh miệng ra, nhét hòn sắt nóng đỏ rục vào trong thiêu đốt. Yết hầu, tim, ngũ tạng, trường, vị đều cháy nát. Hòn sắt từ dưới mà ra.

Các tội nhân này bị khổ tàn khốc phẩm thượng thượng này, khó có thể kham nhẫn, hết sức cứng, hết sức mạnh, là đón đau kịch liệt nhất. Cho đến khi chưa thọ dụng hết quả báo của nghiệp ác thời cầu chết chẳng được.

Xưa làm nghiệp gì mà bị quả báo? Xưa trong cõi người lấy thức ăn độc mà cho người hoặc dùng chim độc giết người; hoặc xuất gia phá giới, ăn đồ cúng dường của cõi nước. Hoặc vọng ngữ, ác khẩu. Những nghiệp như thế thọ quả báo này, thọ sinh trong đó.

Lại có quả báo của đủ loại ác nghiệp mà thọ sinh trong đó. Lại nữa, các nghiệp tăng thượng chiêu cảm sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng đủ loại quả báo của các nghiệp bất thiện.

Có lúc, tội nhân nói với ngục tốt rằng: Thừa quan, tôi nay quá khát!

Ngục tốt liền lấy xoa bắt lấy tội nhân ấy, bỏ lên trên bờ. Hoặc dùng kim móc kéo banh miệng ra, nước sắt nóng hực đỏ rót vào trong miệng đốt, yết hầu, ngực, tim, bụng, ngũ tạng, dạ dày, ruột trơn đều chín nát. Nước đồng sôi từ dưới mà ra. Lúc ấy tội nhân bị sự khổ tàn bạo phẩm thượng thượng này, khó có thể kham nhẫn, cực cứng cực mạnh, là đón đau kịch liệt nhất. Cho đến khi chưa thọ dụng hết quả báo của nghiệp ác thời cầu chết chẳng được.

Xưa làm nghiệp gì mà bị tội khổ này?

Xưa trong cõi người, lấy phân voi, ngựa cho vào miệng vào mũi người. Hoặc dùng năm loại nhựa cay độc rót vào miệng, mũi người. Hoặc để độc trong thức ăn bức bách người ăn. Hoặc xui người uống đủ các loại rượu. Hoặc vì lợi mà bán rượu hoặc tự uống rượu. Hoặc xuất gia phá giới mà thọ dụng sự cúng dường của quốc độ, như tô, dầu, đường, mật...Hoặc lại uống những thứ của người khác mà chẳng phải là mình có thể uống. Vì báo của nghiệp này nên thọ sinh trong đó. Lại có quả báo của đủ loại ác nghiệp mà thọ sinh trong đó. Lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm thọ sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng quả báo của đủ loại nghiệp bất thiện. Trùng thuyết kệ rằng:

Tội nhân ra ngục lớn
Thấy trong Nhiệt Hôi này
Giống như đất bằng phẳng
Khởi ái liền đến đó.
Đến rồi cuống cuồng chạy
Vô số các do-tuần
Nhắc, hạ chân sinh, nát
Bị đủ khổ thượng thượng.
Đã ra ngục Nhiệt Hôi
Liền thấy hầm phân thỉ
Dài rộng, sâu trăm trượng,
Ái, đến tưởng ao hoa
Trong đó vô số trùng
Mềm cứng sắc như sắt
Xuyên da, ăn máu thịt
Phá gân xương, nuốt tủy.
Lại ra hầm phân rồi

Thấy Rừng Kiếm khởi ái,
Cho rằng đủ cảnh lá
Đến đó muốn cầu vui,
Trong rừng đủ loại chim
Mỏ nhọn đâm như kim
Mổ người như cây sinh,
Ăn nuốt sạch máu thịt.
Lúc ấy đã ăn rồi
Chỉ còn lại gân, xương,
Gió lạnh thổi một phen
Da thịt sinh trở lại.
Kinh sợ chạy cuống cuồng,
Chỗ khổ lại tưởng an.
Trong đường bị tàn hại
Mới vào được rừng Kiếm.
Lúc ấy thân tan nát
Đau đớn, máu thành sông.
Ra khỏi rừng này rồi,
Lại vào sông tro khác,
Như nước sôi nấu đậu,
Hoặc chìm hoặc nổi chuyển
Trong nước tro sục sôi
Tội nhân cũng như thế.
Hai bờ các ngục tốt
Cầm xoa đâm thân thể
Đem ra để trên bờ
Bắt nuốt hòn sắt bỏng.
Hoặc lại nước sắt sôi
Rót vào miệng người khát,
Cháy tan khắp trong thân,
Sau đó ra từ dưới.
Như thế người làm ác
Bị khổ địa ngục này.
Xưa chẳng tu nghiệp thiện,
Tu hành đường tà vạy.
Do khởi chính tư duy
Nên lìa được nghiệp ác,
Một hướng luôn làm thiện
Người này vượt đường ác.
Biết hai nghiệp thiện, ác
Quả báo khác hẳn nhau,
Người trí phải lìa ác,
Phải trồng các thiện căn.
Lại có tu hành khác:
Là tám phần thánh đạo,
Vì diệt tất cả khổ
Quán bốn pháp vô dư.
Như Lai- Thầy trời người
Như thật thấy thế rồi
Nên nói ngục Viên Cách

Chỗ ở của người ác.

THỨ MƯỜI: ĐỊA NGỤC DIÊM-LA

Như Phật Bà-Già-Bà và A-La-Hán nói. Tôi nghe như vậy.

Một thời, Phật Thế Tôn nói: Tì-khuru! Ta dùng thiên nhãn thanh tịnh vượt quá nhục nhãn, thấy các chúng sinh thối chìm, sinh khởi sắc thiện, sắc ác, hoặc vi diệu, hoặc thô lậu, hoặc ở đường lành, hoặc ở đường ác, tùy nghiệp mà thọ sinh, Ta biết như thật, mà nói kệ rằng:

Khởi tạo tâm tà ác
Hoặc nói lời tà vạy
Hoặc thân làm tà nghiệp
Do vì xưa phóng dật,
Ít nghe, không phúc đức,
Lúc mạng chung là ác,
Người này bỏ thân mạng
Liền đọa ngục Diêm-La.

Phật bảo Tì-khuru: Nếu ai kiếp xưa không cung kính cha mẹ và Sa-môn, Bà-la-môn, không cung kính thân hữu, tôn trưởng, không tu chính thiện và hành phúc đức; với cái ác hiện tại và tội vị lai không sinh sợ hãi. Không làm bố thí, không tu phúc đức, không thọ tám giới, không trì năm giới, bỏ thọ mạng rồi, sinh trong địa ngục. Ngục tốt tóm lấy đưa đến Diêm-La, thưa rằng: Người này xưa không cung kính cha mẹ và Sa-môn, Bà-la-môn, không cung kính thân hữu, tôn trưởng; không tu chính thiện và làm phúc đức. Với cái ác của thời hiện sống và tội ở tương lai không sinh sợ hãi. Không làm bố thí, chẳng tu phúc đức. Không thọ tám trai giới, chẳng trì năm giới. Nguyên Vua giáo giới người này, khiến biết nhân quả thiện, ác.

Lúc ấy Diêm-La y theo năm thiên sứ chính thiện giáo giới nói với chúng sinh rằng:

- Chúng sinh! Người trước không thấy thiên sứ thứ nhất đến trong cõi người chăng?
- Tâu Đại Vương! Tôi trước không thấy.

Vua bảo:

Xưa người trong cõi người, không thấy khi thiếu niên, đồng tử, trẻ con sơ sinh ngược mắt mà chẳng thể trốn ẩm ướt tìm khô ráo chăng?

- Tâu Đại Vương! Tôi xưa có thấy.

Vua bảo:

- Người đã thấy, hiểu biết thì sao không suy nghĩ tính toán, rằng: Ta nay phải sinh, chưa vượt được pháp sinh. Ta phải theo khả năng, y thân, khẩu, ý mà tu hành thiện pháp. Trong thời gian dài sẽ được chính đạo, lợi ích hỉ lạc.

Chúng sinh nói:

- Tâu Đại vương! Tôi xưa phóng dật, không thể hành thiện.

Vua bảo:

-Nghiệp tà ác của người là tự làm, tự lớn, không phải do cha mẹ làm, không phải quốc vương làm, không phải trời làm, không phải Sa-môn, Bà-la-môn đã mất làm. Tự làm, tự chịu. Tuy không nguyện cầu nhưng quả báo nhất định đến.

Lúc ấy Diêm-La vương nhân thiên sứ này, trách mắng giáo dục rồi, lại nhân thiên sứ thứ hai mà chính thiện giáo giới, rằng:

- Người trước không thấy thiên sứ thứ hai đến trong cõi người chăng?
- Đại Vương! Tôi trước không thấy.

Vua bảo:

Người xưa trong cõi người, không thấy, hoặc nam, hoặc nữ khi già nua, hoặc lại một lũ lưng cong giống như sừng, cong như cung, chống gậy dò trước bước đi, cử động thân như chiến đấu chẳng?

Chúng sinh thưa:

-Đại Vương! Tôi xưa đã thấy.

Vua bảo:

-Người đã hiểu biết, sao chẳng tư duy tính toán, rằng: Ta nay phải già, chưa thoát được pháp già. Ta phải tùy theo khả năng, y nơi thân, khẩu, ý mà tu hành thiện pháp, trong thời gian dài, được chính đạo, lợi ích hỉ lạc.

Chúng sinh thưa:

-Đại Vương! Tôi xưa phóng dật, không thể hành thiện.

Vua bảo:

-Nghiệp tà ác của người tự làm, tự lớn, không phải cha mẹ làm, không phải quốc vương làm, không phải trời làm, không phải Sa-môn, Bà-la-môn đã chết làm; tự làm, tự chịu, tuy không nguyện cầu nhưng quả báo nhất định đến.

Lúc ấy Diêm vương nhân thiên sứ thứ hai mà trách mắng giáo dục rồi, lại nhân thiên sứ thứ ba mà chính thiện giáo giới Nói với chúng sinh rằng:

-Người trước không thấy thiên sứ thứ ba đến trong cõi người chẳng?

-Đại Vương! Tôi trước không thấy.

Vua bảo:

-Người xưa trong cõi người không thấy, hoặc nam hoặc nữ bệnh tật khốn khổ cực khó khăn. Hoặc nằm trệ trên giường chiếu, hoặc nương cậy người giúp, hoặc ngủ trên đất. Thân này bị khổ tối kiên tối cường, khó kham khó nhẫn. Xâm tổn tuổi thọ, bị các kphố bức bách.

-Đại Vương! Tôi xưa có thấy.

Vua bảo:

-Người đã hiểu biết, sao chẳng tư duy tính toán, rằng: Ta nay sẽ phải bệnh, chưa thoát được pháp bệnh. Phải theo khả năng, y thân, khẩu, ý mà tu hành pháp thiện, trong thời gian dài sẽ được chính đạo, lợi ích hỉ lạc.

Chúng sinh thưa:

-Đại Vương! Tôi xưa phóng dật, không thể làm thiện.

Vua bảo:

-Nghiệp tà ác của người, tự làm, tự trưởng dưỡng, không phải cha mẹ làm, không phải quốc vương làm, không phải trời làm, không phải Samôn hay Bà-la-môn đã chết làm. Tự làm, tự chịu. Tuy không nguyện cầu, song quả báo của nghiệp nhất định đến.

Lúc ấy vua Diêm-La nhân thiên sứ này mà quở trách giáo hối rồi, lại nhân thiên sứ thứ tư mà chính thiện giáo giới, nói với chúng sinh rằng:

-Các người xưa trong cõi người không thấy thiên sứ thứ tư đến trong cõi người đó chẳng?

Chúng sinh thưa:

-Đại Vương! Tôi trước không thấy.

Vua bảo:

-Người xưa trong cõi người, không thấy hoặc nam hoặc nữ, hoặc chết một ngày chết, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày cho đến bảy ngày. Hoặc trương sinh lên, hoặc ám đen hoặc thối nát hoặc bị cầm thú nhai nuốt.

Chúng sinh thưa:

-Đại Vương! Tôi xưa đã thấy.

Vua bảo:

-Người đã hiểu biết, sao không tư duy tính toán, rằng: Ta nay sẽ phải chết, chưa thoát được pháp chết. Ta phải theo khả năng, y thân, khẩu, ý mà tu hành pháp thiện, trong thời gian dài, sẽ được chính đạo, lợi ích hỉ lạc.

Chúng sinh thưa:

-Đại vương! Tôi xưa phóng dật, không thể làm thiện.

Vua bảo:

-Nghiệp tà ác của người, tự làm tự trưởng dưỡng, không phải cha mẹ làm, không phải quốc vương làm, không phải trời làm, không phải Sa-môn, Bà-la-môn đã chết làm, tự làm tự chịu. Tuy không nguyện cầu nhưng quả báo nhất định đến.

Lúc ấy Diêm Vương nhân thiên sứ này mà quở trách giáo hối rồi, lại nhân thiên sứ thứ năm mà chính thiện giáo giới bảo chúng sinh rằng:

-Các người trước không thấy thiên sứ thứ năm đến trong cõi người chăng?

-Đại Vương! Tôi trước không thấy.

Vua bảo:

-Người xưa trong cõi người không thấy người thế gian, hoặc giết hại, hoặc trộm cướp hoặc lại tà dâm, cho đến vọng ngữ, ác khẩu, bị vua cõi người đánh phạt, đầu mặt bị trói đánh, nêu theo tội nhẹ hay nặng đủ loại trị phạt, hoặc gây hoặc roi hoặc chặt tay chân hoặc xẻo tai, mũi, cho đến tử hình.

Chúng sinh thưa:

-Đại Vương! Tôi xưa đã thấy.

Vua bảo:

-Người đã hiểu biết, sao chẳng suy nghĩ tính lường, rằng: Tất cả nghiệp ác có thể thấy hiện báo. Ta nay thuộc về nghiệp, tùy theo lực nghiệp mà hành, hoặc thiện hoặc ác, các nghiệp được làm trong thời tương lai sẽ biết nhân thọ sinh.

Chúng sinh thưa:

NNĐại Vương! Tôi xưa phóng dật, không thể làm thiện.

Vua bảo:

-Nghiệp tà ác của người tự làm tự tăng trưởng, không phải cha mẹ làm, chẳng phải quốc vương làm, không phải trời làm, chẳng phải sa-môn, Bà-la-môn đã chết làm, tự làm, tự chịu. Tuy không nguyện cầu, song quả báo nhất định sẽ đến.

Nói như thế rồi, xả tâm mà trụ.

Lúc đó ngục tốt bắt tội nhân này treo ngược hướng xuống dưới, vào địa ngục Cánh Sinh. Ngục này có bốn góc, bốn cửa, thành sắt vây quanh, trên dưới đều bằng sắt, ngày đêm thiêu đốt, thường phóng ánh lửa hực. Trong đó, tội nhân tùy theo ranh giới của dây đen mà bị búa bằm chém. Máu thịt đều hết, chỉ còn gân xương. Khốn khổ khó kham, sầu đau cùng cực mà tạm chết. Lúc ấy gió lạnh thổi, máu thịt lại phục hồi, lại bị cái khổ tàn khốc phẩm thượng thượng này. Cho đến khi chưa thọ dụng hết quả báo ác nghiệp thì cầu chết không được.

Xưa làm nghiệp gì mà chịu quả báo này, khiến các chúng sinh thọ sinh trong đó?

Xưa trong cõi người khinh lờn cha mẹ và sa-môn, bà-la-môn, không cung kính thân hữu và tôn trưởng, không tu nghiệp chính thiện và phúc đức. Với cái ác hiện tại và tội vị lai không sinh sợ hãi. Không hành bố thí, tu phúc đức. Không thọ tám trai, không trì năm giới. Do nghiệp này hạ phẩm nên sinh trong đó mà bị khổ tàn hại đủ loại. Tiếp theo, nếu phẩm tăng nặng, thì sinh vào địa ngục Hắc Thành thứ hai. Tiếp theo, nếu phẩm tăng nặng thêm thì sinh vào địa ngục Tụ Khái thứ ba. Tiếp theo, nếu phẩm tăng nặng thêm, thì sinh vào địa ngục Khiếu Hoán thứ tư. Tiếp theo, nếu phẩm tăng nặng thêm, thì sinh vào địa ngục Đại Khiếu Hoán. Tiếp theo, nếu phẩm tăng nặng thêm, thì sinh vào địa ngục Thiêu Nhiệt thứ sáu. Tiếp theo, nếu phẩm tăng nặng thêm, thì sinh vào địa ngục Đại Thiêu Nhiệt thứ bảy. Nếu phẩm nặng hơn, sinh địa ngục A-Tì-Chỉ thứ tám. Địa ngục A-Tì-Chỉ này bốn góc bốn cửa, thành sắt vây quanh, trên dưới toàn

bằng sắt, ngày đêm thiêu đốt, luôn phóng ánh lửa hực đầy khắp. Trong đó tội nhân số vô lượng trăm nghìn chông chất bị thiêu, giống như lò củi, giống như luyện sắt trọn một ngày đêm. Thân thể kia bị thiêu cũng lại như thế.

Phật nói: Tì-khuru! Địa ngục A-Tì-Chỉ này hoặc cửa phía Đông tự mở, thời tội nhân thấy thế bèn hướng chạy đến cửa, tìm chỗ nương náu, tìm chỗ cứu tế, tìm cách ra khỏi. Chưa đến được cửa thì cửa đã tự đóng lại. Cửa Tây, Nam, Bắc cũng lại như thế. Thấy sự này rồi hết sạch hy vọng, thân tâm khổ não, kêu gào bi thảm đờn đau. Vô lượng nghìn năm luôn bị khổ phẩm thượng thượng như vậy, khó có thể kham nhẫn, là đau đờn kịch liệt nhất. Cho đến khi chưa thọ dụng hết quả báo của ác nghiệp, thời cầu chết chẳng được.

Xưa làm nghiệp gì mà chịu quả báo này? Xưa trong cõi người, phỉ báng, sai sử các vị tiên nhân. Hoặc phụ bạc người ân nghĩa, hoặc là phản nghịch giết hại thân hữu thân thiện, là nhân phương tiện chính nghiệp của ngục A-Tì-Chỉ, nên thọ sinh trong đó.

Lại có quả báo của đủ loại nghiệp bất thiện mà thọ sinh trong đó. Lại nữa, có các nghiệp tăng thượng chiêu cảm thọ sinh trong đó. Sinh trong đó rồi, thọ dụng quả báo của đủ loại nghiệp bất thiện.

Thọ chính báo rồi, ra khỏi đại địa ngục, thời do nghiệp dư sót nên vào bốn ngục Viên Cách. Trước hết là vào Nhiệt Hôi. Tro sâu ngập gối, hạ gối xuống bèn chín bẩy như sáp rơi vào lửa. Nếu nhấc chân lên thời da thịt lại khô phục. Trong đó tội nhân tìm cầu chỗ nương, chỗ cứu tế, mong ra khỏi, kinh hoàng chạy trốn vô số do-tuần. Thấy hầm phần thí, đất đều là phân tiểu, tử khí đầy khắp. Trong đó có trùng gọi là Nhưong Cưu Đà, số nhiều vô lượng, hình tựa như rắn dài, thân trắng đầu đen, miệng như kiếm sắc, góc đầu há miệng chờ tội nhân đến. Khi tội nhân vào rồi, trùng này xuyên qua da vào thịt, phá xương ăn tủy. Bị khổ này vô số nghìn năm, luôn kêu gào lớn. Cho đến khi ác nghiệp chưa hết thời cầu chết chẳng được.

Ra khỏi ngục này rồi, thấy rừng Kiếm, tìm chỗ nương náu, cứu tế, ra khỏi nên hướng rừng mà chạy vội đến. Trên đường đủ loại vũ khí đâm, phá xé nát thân và chân. Tiếp theo là vào rừng Kiếm, thời có gió nóng thổi động các cây có kiếm. Gió chạm vào như lửa, cử động thân thể bị cháy sém, rừng kiếm lại mưa xuống đủ loại vũ khí đâm chém thân thể. Tùy theo chỗ chạm phải mà da thịt không còn sót. Chịu sự tàn hại này vô số nghìn năm, thường kêu gào lớn. Cho đến khi ác nghiệp chưa hết thời cầu chết chẳng được.

Lại có đủ loại cầm thú ăn thân thể, đều như trước đã nói.

Ra khỏi ngục này rồi, thấy Liệt Hôi Trấp, nước tro sôi sục đầy ắp. Cầu tìm chỗ nương, cứu tế, ra khỏi nên vội chạy vào sông, bị đun sục sôi chìm nổi giống như nấu đậu. Bên bờ có ngục tốt cầm lưới sắt, vớt tội nhân để lên bờ sắt đỏ.

Ngục tốt hỏi tội nhân rằng: Người muốn điều gì? Tội nhân thưa: Tôi nay đói không thể chịu được nữa. Lúc ấy ngục tốt liền lấy kim móc banh miệng ra, thả hòn sắt nóng vào. Theo chỗ hòn sắt đến, môi, lưỡi, tim, ngực, dạ dày, ruột, năm tạng đều trọn cháy tan. Hòn sắt thẳng xuống mà ra phía dưới. Khát uống nước đồng sôi cũng lại như thế. Vô số nghìn năm luôn luôn kêu gào lớn. Chịu khổ này cho đến khi ác nghiệp chưa hết thời cầu chết chẳng được.

Ra khỏi ngục này rồi, thấy trong khoảng địa ngục Đại Hạng giống như một chợ lớn. Trong đó có rừng cây gọi là Diễm-Phù-Lê, trong đó có ngục tốt nắm tay tội nhân mà kéo lên, kéo xuống, đều như đã nói ở trước.

Lại có vạc sắt đầy nước sôi, ngục tốt nắm bắt người để vào trong vạc, đủ số năm trăm năm trong cõi người mới được tạm ra. Lúc ấy vừa mới kêu được, chẳng kêu được tiếp thì mỗi người đã lại chìm chìm. Trong đó có tội nhân hoặc ngửa hoặc úp, bị đinh sắt đỏ đóng thân ghim xuống đất bằng sắt nóng. Hoặc kéo lưới tội nhân như da trâu lớn và thân bày khắp trên mặt đất, lấy vô số đinh sắt đỏ mà đóng. Lại có tội nhân toàn

thân bị chặt như chặt đốt mía. Lại có tội nhân, bị ngục tốt chặt đầu, khi đao hạ xuống thì đầu lìa, đao nhắc lên thì đầu sinh lại, do sự giết này mà đầu chất như núi. Chân và tay cũng như vậy. Lại có tội nhân da bị lột bày trên đất, thịt bị băm nhỏ chất đồng trên da. Lại có tội nhân đầy trong cổ sắt, ngục tốt cầm chày đâm giã khiến nát bấy. Lại có tội nhân đầu thú thân người, hoặc xe kéo....đủ như trước đã nói. Lại có vô số tội nhân bị ngục tốt cầm gậy vây chung quanh như săn bắt.

Các tội nhân này chịu sự khổ tàn hại phẩm thượng thượng này, khó có thể kham nhẫn, hết sức cứng, hết sức mạnh, là đau đớn kịch liệt nhất, cho đến khi ác nghiệp chưa hết thì cầu chết không được.

Xưa làm nghiệp gì mà bị tội báo này? Xưa trong cõi người tạo tác mười điều ác, vì phẩm nhẹ nên không chiêu cảm địa ngục lớn, sinh ở trong đó; hoặc đã chịu quả địa ngục lớn, do nghiệp sót lại nên thọ sinh trong đây. Sinh rồi chịu đủ quả báo của nghiệp sót lại.

Lúa bấy giờ Phật nói: Tì-khuru! Vua Diêm-La thường nguyện như thế này: Khi nào ta sẽ ra khỏi đây, được sinh trong cõi người, cùng loại với người, sinh trong nhà giàu có, nhiều tiền của châu báu, thân thể mềm mại, đủ các tướng an lạc. Cưỡi xe đi vui chơi, chân chẳng chạm đất. Do tuổi khôn lớn, sáu căn thành thực, đã bố thí và làm các công đức, cắt bỏ râu tóc, mặc pháp y. Vì trí chính tín, bỏ lìa nhà ở, thọ pháp không nhà. Đã xuất gia rồi, nguyện ta chứng đắc Phạm hạnh rốt ráo, giống như thời xưa các thiện nam tử xuất gia đắc đạo, rốt ráo Phạm hạnh.

Lúc ấy Thế Tôn nói kệ rằng:

Vì sao làm nghiệp này
Đời này sinh ưu hối,
Vị lai khốc, kêu gào,
Bị đủ loại quả báo.
Khi nghiệp ác chưa chín
Kẻ ngu tưởng ngon lành,
Khi nghiệp đã chín rồi
Mới biết là khổ nạn.
Khi mới tạo nghiệp ác,
Không như lửa cháy ngay,
Như tro che trên lửa
Tùy trục thiêu người tội,
Người tội nhiều quá
Tất cả bị tổn hại
Dần tổn mất thiện căn
Như cây chuối kết thật.
Trí ác làm tự tổn
Giống như trị oan gia
Khởi tạo các nghiệp ác
Sẽ bị khổ vị lai.
Nếu làm nghiệp tốt lành
Hiện tại không tâm hối,
Vị lai được quả báo
Hoan hỉ thường an lạc.
Như Lai- Thầy trời người
Như thật đã thấy rồi
Nên nói ngục Diêm-La
Chỗ của người tạo ác.

LẬP THẾ A-TÌ-ĐÀM HẾT QUYỂN TÁM

A-TÌ-ĐÀM LẬP THẾ

QUYỂN THỨ CHÍN

PHẨM THỨ HAI MƯƠI BỐN: TIỂU TAM TAI

THỨ NHẤT: BỊNH TẬT

Phật Thế Tôn nói: Một tiểu kiếp gọi là một kiếp. Hai mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp. Bốn mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp. Sáu mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp. Tám mươi tiểu kiếp gọi là một đại kiếp.

Tại sao một tiểu kiếp gọi là một kiếp? Lúc ấy Tì-khuru Đê-Bà Đạt-Đa ở trong địa ngục chịu quả báo thành thực, đức Phật nói trụ thọ một kiếp. Như thế một tiểu kiếp gọi là một kiếp.

Tại sao hai mươi tiểu kiếp gọi là một kiếp? Như cõi trời Phạm Tiên Hành, hai mươi tiểu kiếp là thọ lượng; Đức Phật nói trụ thọ một kiếp. Như thế hai mươi tiểu kiếp gọi là một kiếp.

Tại sao bốn mươi tiểu kiếp gọi là một kiếp? Như cõi trời Phạm Chúng thọ lượng bốn mươi tiểu kiếp, đức Phật nói trụ thọ một kiếp. Như vậy bốn mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp.

Tại sao sáu mươi tiểu kiếp gọi là một kiếp? Như trời Đại Phạm thọ lượng sáu mươi tiểu kiếp, đức Phật nói trụ thọ một kiếp. Như vậy, sáu mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp.

Tại sao tám mươi tiểu kiếp gọi là một đại kiếp? Phật nói: Trong kiếp thế giới tán hoại, trong kiếp thế giới tán hoại rồi trụ; Trong kiếp thế giới khởi thành, trong kiếp thế giới khởi thành rồi trụ. Số lượng của kiếp thế giới tán hoại...như thế nào?

Phật nói: Tì-khuru! Qua hai mươi tiểu kiếp thế giới tán hoại. Tiếp theo qua hai mươi tiểu kiếp thế giới đã tán hoại rồi, trụ.

Tiếp theo, qua hai mươi tiểu kiếp thế giới khởi thành. Tiếp theo, qua hai mươi tiểu kiếp thế giới đã thành rồi, trụ. Hai mươi tiểu kiếp thế giới khởi thành rồi trụ, thì một số đã qua, một chưa qua. Tám tiểu kiếp đã qua, mười hai tiểu kiếp chưa lại. Một kiếp thứ chín, hiện tại chưa hết. Một kiếp hiện tại này thì một số đã qua, một số chưa lại? Vị lai quyết định còn sáu trăm chín mươi năm tại.

Trong khoảng giữa của hai mươi tiểu kiếp này có ba tiểu tai lần lượt luân chuyển: Một là tai họa về tật bệnh lớn, hai là tai họa chiến tranh lớn, ba là tai họa đói khổ lớn.

Kiếp thứ chín hiện nay tức là tai họa thứ ba. Kiếp này do đói khát nên tận.

Phật nói: Tì-khuru! Trong mười hai tiểu kiếp này, thế giới khởi thành, được ở trong đó, kiếp thứ nhất, khi tiểu tai khởi, có bệnh dịch lớn, tất cả đủ loại bệnh đều khởi lên.

Trong Diêm-Phù-Đề, nhân dân của tất cả các nước gặp phải dịch bệnh này. Tất cả quỷ thần khởi lên tâm sân hận độc ác, tổn hại người thế gian. Lúc ấy, thọ mạng của tất cả người dân ngắn ngủi, chỉ sống được mười tuổi. Thân hình nhỏ bé hoặc hai hoặc ba xích tay. Nếu tự đo thì tám xích tay. Thức ăn có thể ăn được thì cỏ lúa đã là cao, tóc làm quần áo cho là nhất, chỉ có dao và gậy để tự trang nghiêm.

Lúc đó mọi người không làm chính pháp, phi pháp, luôn luôn ô nhiễm; bị sai khiến bức bách bởi tham ái phi lý, tà pháp khi đối mạnh mẽ khởi các lỗi ác, rất cứng ác khó giáo hóa. Không thể làm thiện, không biết làm phúc, chẳng cứu khổ nạn, có thể đi xa để giết hại và trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt, ý ngữ, tham ái, sân khuể, tà kiến. Không biết cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa-môn, Bà-la-môn và thân hữu, Tôn trưởng. Phóng tâm khởi đủ loại nghiệp ác. Nghiệp này có thể chiêu cảm thọ mạng ngắn ngủi, có thể chiêu cảm nhiều bệnh, có thể chiêu cảm hình sắc xấu xí, có thể chiêu cảm thân không có uy đức, có thể chiêu cảm sinh trong nhà thấp hèn, có thể chiêu cảm khốn khổ bần cùng, có thể chiêu cảm ngu si tà kiến. Những nghiệp như thế ngày đêm sinh trưởng. Người như thế tương ứng với đủ loại nghiệp phiền não.

Do vì làm nghiệp tà cực nặng này, gió trái mùa bắt đầu thổi, phương hướng thời tiết trái ngược thất thường. Do mạn phong này không thổi một cách bình đẳng nên trời đổ mưa không đều, đúng lúc, đúng thời để mưa. Tứ Thiên Vương và đại thần, do phần nộ người làm ác nên không dạo chơi nước, nên không trút mưa.

La-Hầu A-tu-la vương muốn làm khổ người Diêm-Phù-Đề, hoặc dùng ngón tay, hoặc dùng sóng lưng đón mưa rơi xuống mà để trong biển.

Lại có quỷ thần muốn làm khổ người Diêm-Phù-Đề, dùng thần lực nổi lửa để ngăn mưa trời khiến mưa khô khát. Hoặc chính lúc đang mưa bèn nổi gió lớn thổi mưa ra biển.

Vì nhân duyên này nên trời mưa không đều. Tất cả hạt mầm cây cối dây leo cây thuốc đều bị cháy khô, không lại kết thực quả, hoặc lại kết quả thì giảm màu sắc, hương vị, không lớn lên được, không có thể lực. Nếu người lấy dùng thời chẳng có năm loại nghiệp, là: Sắc, lực, an lạc, thọ mạng và thông biện.

Do sự tà ác nên nơi tự thân nổi lên các bệnh nặng, hoặc bệnh hủi, hoặc cam, hoặc điên, hoặc nhọt, hoặc trùng, hoặc độc, hoặc thổ huyết, hoặc bệnh lậu, hoặc thủy tràng, hoặc khu nghịch thương khí, hoặc gió chướng biến thể, hoặc ho lao sốt rét, hoặc ung nhọt ác tính, ăn uống không tiêu. Các bệnh nặng và bệnh nhẹ như thế lúc ấy cùng nổi lên.

Lúc bấy giờ mọi người mắc các bệnh khổ, lại bị xúc não bởi ác quỷ, muốn cầu sự tốt lành để bảo hộ thân mạng nên cúng tế trời, thần, đọc tụng chú thuật hoặc nung cây vào đủ loại ác hành được khởi lên bởi tà kiến, giết các chúng sinh vọng chú thần quỷ tìm cầu hết bệnh. Làm các cách như thế, tất cả lợi dưỡng cũng không khỏi bệnh. Một ngày một đêm có vô lượng chúng sinh chết trong tật bệnh.

Chúng sinh kiếp mạt, những tai họa lỗi lầm như thế tự nhiên mà sinh. Tại sao như thế? Vì nếu người hành pháp bất thiện, pháp không bình đẳng, thì nhân quả báo này, pháp hành trong thời gian đó mà hành bình đẳng, hành thiện không thể được, nên tất cả chúng sanh sinh trong đó thời kiếp trước tự nhiên mà khởi. Lúc ấy mọi người y chỉ vào cái thấy thô, nghiệp thô mà tạo tác đủ loại ác. Sau khi bỏ mạng, sinh vào chỗ ác, đường khổ, thổi đọa, không an lạc hạnh.

Lúc ấy chúng sinh phần nhiều sinh vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la. Lúc ấy dòng giống đại quốc vương trọn đều đã chết hết, cõi nước lần lượt hoang phế, chỉ còn quận huyện nhỏ- còn sót lại này cũng cách nhau xa lắc thị, mỗi quận huyện ở một nơi.

Lúc bấy giờ mọi người không hành chính pháp, tham trước phi pháp, luôn luôn ô nhiễm phi lý, bị tham ái bức bách khiến hành tà pháp, khi đối mạnh mẽ khởi các lỗi ác, rất cứng khó dạy. Không thể làm thiện, không biết làm phúc, không cứu khổ nạn, đêm ngày tương ứng với pháp tà ác. Hoặc thân, miệng, ý khởi ba tà hành, không thể lìa xa sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham ái, sân khuể, tà kiến. Không biết cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa-môn, Bà-la-môn và thân hữu, Tôn trưởng. Phóng tâm khởi đủ loại nghiệp ác.

Nghiệp này hay chiêu cảm thọ mạng ngắn ngủi, hay chiêu cảm nhiều bệnh, hay chiêu cảm hình sắc xấu xí, hay chiêu cảm thân không có uy đức, hay chiêu cảm sinh trong nhà thấp hèn, hay chiêu cảm bần cùng khốn khổ, hay chiêu cảm ngu si tà kiến. Các nghiệp

như thế ngày đêm sinh trưởng. Người như thế bị tật bệnh khốn khổ, chẳng ai bố thí thuốc thang, ăn uống. Do nhân duyên này nên thọ mạng chưa hết mà chết ngang vô số. Một ngày một đêm vô số chúng sinh chết trong bệnh tật.

Chúng sinh thời mạt, những lỗi lầm tai họa như thế tự nhiên mà sinh, tại sao như vậy? Do vì làm pháp ác, pháp không bình đẳng bị quả báo này, trong lúc này mà hành pháp bình đẳng, hành thiện pháp thời chẳng thể được, nên tất cả chúng sanh sinh ở trong đó, kiếp trước tự nhiên mà khởi. Lúc ấy mọi người y chỉ cái thấy thô lậu, nghiệp thô lậu, tạo tác đủ loại các ác. Sau khi bỏ mạng, sinh vào đường Tu-la, ngã quý, súc sinh, địa ngục.

Lúc bấy giờ các quận huyện nhỏ lần lượt hoang phế, chỉ còn ít nhà cách nhau xa xôi, mỗi nhà ở một chỗ.

Lúc ấy mọi người không hành chính pháp, khởi đủ loại nghiệp ác, có thể chiêu cảm thọ mạng ngắn ngủi cho đến ngu si, tà kiến. Các nghiệp như thế ngày đêm tăng trưởng.

Lúc bấy giờ mọi người chết vì bệnh tật thì không ai chôn cất và thiêu, đem bỏ. Khi ấy xương trắng phủ trên đất. Một ngày một đêm vô số chúng sinh chết trong bệnh tật cho đến nhà cửa lần lượt trống sạch.

Lúc này kiếp mạt, chỉ có bảy ngày. Trong bảy ngày này vô lượng chúng sinh chết trong tật bệnh hết, giả sử có còn thì mỗi người một chỗ riêng.

Khi ấy có một người tập hợp nam, nữ trong Diêm-Phù-Đề, chỉ còn sót lại một vạn người. Trong lúc này đều hành phi pháp, chỉ một vạn người này có thể giữ thiện hành. Các quỷ thần thiện muốn khiến nhân chúng không tuyệt mất nên ủng hộ. Người ấy lấy thức ăn ngon bổ khiến nhập vào lỗ chân lông, do vì nghiệp lực nên trong kiếp trung gian lưu lại chúng tử người tự nhiên không đoạn tuyệt.

Qua bảy ngày sau, bệnh dịch lớn này cùng lúc ngừng hết, tất cả ác quỷ trọn đều bỏ đi. Các chúng sinh đủ loại cần muốn ăn uống, quần áo, phải nghĩ điều mình cần thì trời liền mưa xuống. Âm dương điều hòa, vị ngon sinh ra, thân hình đáng yêu, tướng hảo phục hồi. Tất cả thiện pháp tự nhiên mà khởi. Mát mẻ tịch tĩnh, an lạc không bệnh, đại bi vào tâm. Do đại bi nên đại từ vào tâm. Do đại từ nên không có ý nào hại, cùng được gặp nhau sinh tâm hỉ lạc, sinh tâm nhẫn thọ, sinh tâm vô yếm, cùng nắm tay nhau, không lìa bỏ nhau. Ví như bạn hữu thân thiết ngày không gặp, bỗng nhiên được tụ họp, sinh tâm hoan hỉ, sinh tâm nhẫn thọ, tâm không chán lìa, cùng nắm tay nhau, không lìa bỏ nhau, khi người ta gặp nhau cũng lại như vậy. Nhân niệm yêu thích, nam nữ ở chung.

Người của kiếp trước thọ mạng mười tuổi, kiếp sau nhân dân từ đây mà sinh thọ mạng dài nhất, hình sắc kỳ đặc, uy đức tối thắng, thần lực tự tại, đồ dùng sinh sống đầy đủ, thọ mạng hai mươi nghìn năm.

Lúc đó chúng sinh công đức như vậy tự nhiên được thành. Tại sao như thế? Hành pháp, hành bình đẳng, hành thiện- do quả báo ấy, lúc ấy mọi người tương ứng với đủ loại thiện pháp, hành thân thiện, hành khẩu thiện, hành ý thiện, hành xả. Sau khi bỏ mạng, sinh đường lành và sinh cõi trời, bỏ thọ mạng rồi lại sinh làm người. Sinh làm người rồi, tự nhiên hiền thiện, tự tính thanh tịnh, tự tính đạo đức, tâm tính hòa nhã, giới phẩm đầy đủ, thường hành thắng thiện, lìa xa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu, ý ngữ, không tâm tham dục, không tâm sân khuể, bỏ pháp tà kiến, tu hành chính kiến. Cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, thân hữu, Tôn trưởng, tương ứng với đủ loại thiện pháp.

Nghiệp này hay chiêu cảm thọ mạng dài lâu, hay chiêu cảm không tật bệnh, hay chiêu cảm hình sắc đoan chính, hay chiêu cảm thân có uy đức, hay chiêu cảm sinh trong nhà giàu có, hay chiêu cảm có trí lớn. Thiện nghiệp như thế ngày đêm sinh trưởng.

Lúc bấy giờ mọi người nương vào phúc đức mà sinh vô lượng công đức. Sau khi bỏ thọ mạng lại sinh lên trời và đường lành. Trong thiện đạo ở rất lâu dài, thời tiết như vậy, trung gian của kiếp đầu do dịch bệnh lớn rất ráo chẳng cùng, lần lượt hai kiếp lại tiếp tục hai mươi nghìn năm là thọ mạng thứ nhất của kiếp trung gian đầu. Người này được sinh

bởi người hai mươi nghìn năm tuổi trước. Người này thọ mạng dài nhất, sắc hình kỳ đặc, uy nghi tối thắng, thần lực tự tại, tư sinh đầy đủ, thọ mạng bốn mươi nghìn tuổi.

Thời các chúng sinh công đức như vậy tự nhiên được thành. Tại sao như vậy? Hành pháp, hành bình đẳng, hành thiện là quả báo ấy, lúc ấy mọi người tương ứng với đủ loại pháp thiện, thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện. Bỏ thọ mạng rồi, sinh đường lành và sinh cõi trời, bỏ thọ mạng rồi lại sinh lại cõi người. Sinh trong loài người rồi, tự nhiên hiền thiện, tự tính thanh tịnh, tự tính đạo đức, tự tính hòa nhã, giới phẩm đầy đủ, thường hành thắng thiện, lìa xa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ. Không tâm tham dục, không tâm sân hận, bỏ tà kiến, tu hành chính kiến. Cung kính cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, thân hữu, tôn trưởng, tương ứng với đủ loại pháp thiện.

Nghiệp này hay chiêu cảm thọ lâu, hay chiêu cảm không bệnh, hay chiêu cảm sắc hình đoan chính, hay chiêu cảm thân có uy đức, hay chiêu cảm sinh trong nhà giàu có, hay chiêu cảm trí lớn. Nghiệp thiện như thế đêm ngày sinh trưởng.

Lúc ấy mọi người nương vào làm phúc đức mà sinh vô lượng công đức. Bỏ mạng rồi lại sinh cõi trời và đường lành, sinh trong đường lành lâu dài. Thời tiết như vậy gọi là thọ mạng thứ hai của kiếp trung gian thứ hai, bốn mươi nghìn tuổi.

Những người này được sinh từ người bốn mươi nghìn tuổi. Người này thọ mạng dài nhất, hình sắc kỳ đặc, uy đức tối thắng, thần lực tự tại, tư sinh đầy đủ, thọ mạng sáu mươi nghìn tuổi.

Lúc ấy mọi người tương ứng với đủ loại pháp thiện, thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện. Bỏ thọ mạng rồi sinh vào đường lành và cõi trời. Bỏ thiên mạng rồi lại sinh cõi người. Sinh trong cõi người rồi, tự nhiên hiền thiện, tự tính thanh tịnh, tự tính đạo đức, tự tính hòa nhã, giới phẩm đầy đủ, thường hành thắng thiện, lìa xa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ. Không tâm tham dục, không tâm sân khuể, bỏ tà kiến, tu hành chính kiến. Cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và thân hữu, Tôn trưởng. Tương ứng với đủ loại pháp thiện.

Nghiệp này hay chiêu cảm thọ lâu, hay chiêu cảm không bệnh, hay chiêu cảm sắc hình đoan chính, hay chiêu cảm thân có uy đức, hay chiêu cảm sinh trong nhà giàu có, hay chiêu cảm trí lớn. Thiện pháp như thế ngày đêm sinh trưởng.

Lúc ấy mọi người nương vào sự hành phúc đức mà sinh vô lượng công đức. Sau khi bỏ thọ mạng lại sinh cõi trời và đường lành, trụ trong đường lành rất dài. Thời tiết vậy gọi là thọ mạng thứ ba sáu mươi nghìn tuổi của kiếp trung gian thứ ba.

Người tiếp theo này được sinh từ người sáu mươi nghìn tuổi, người này thọ mạng dài nhất, hình sắc kỳ đặc, uy đức tối thắng, thần lực tự tại, tư sinh đầy đủ, thọ mạng tám mươi nghìn tuổi. Như vậy, chúng sinh được sinh trong kiếp trung gian của Diêm-Phù-Đề, thọ mạng dài lâu rất ráo nhất là tám mươi nghìn năm này.

Lúc bấy giờ, người nữ năm trăm tuổi mới làm vợ. Lúc ấy mọi người chỉ có bảy bệnh, nghĩa là: Đại tiểu tiện lợi, lạnh, nóng, tâm dâm dục, đói, già.

Trong thời như thế, tất cả cõi nước giàu có an lạc, không có oán tặc và trộm cắp. Châu, quận, huyện, ấp nhân dân thôn lạc cánh tương thứ tử, gà gáy cùng nghe. Trồng cấy tuy ít mà thu hoạch thật nhiều.

Con người lúc ấy thọ công dụng nghiệp ít, dùng quả của thiện nghiệp kiếp xưa nhiều. Nhà cửa, xe cộ, quần áo, tài bảo tiếp tục sinh ra tương xứng với ý mà đầy đủ, lại thọ dụng đến cuối đời chẳng hoại.

Lúc ấy mọi người ngồi an hưởng lạc, không có giống ruồi tìm cầu, thọ mạng tám mươi nghìn năm, trụ a-tăng-kỳ năm, cho đến khi chúng sinh chưa tạo mười ác.

Từ khi khởi lên mười nghiệp ác thì thọ mạng nhân điều này mà giảm. Qua một trăm năm ắt giảm mười tuổi, một trăm năm tiếp theo lại giảm đi mười tuổi. Lần lượt từ từ

giảm cho đến mười tuổi. Mười tuổi cuối cùng này thì trụ, không giảm nữa. Dài nhất là tám vạn, ngắn nhất là mười năm.

Nếu Phật không ra đời thì lần lượt như thế; nếu Phật ra đời, như chính pháp trụ, thọ mạng của chúng sinh tạm trụ không giảm. Tùy theo sự giảm của chính pháp mà thọ mạng cũng từ từ giảm.

Phật Thế Tôn nói, tôi nghe như vậy.

THỨ HAI: ĐAO BINH

Phật Thế Tôn nói: Một tiểu kiếp gọi là một kiếp, còn lại cũng như trước đã nói. Cho đến tám mươi tiểu kiếp gọi là một đại kiếp.

Tại sao tám mươi tiểu kiếp gọi là đại kiếp?

Phật nói trong kiếp thế giới tán hoại; trong kiếp thế giới tán hoại rồi trụ. Trong kiếp thế giới khởi thành; trong kiếp thế giới khởi thành rồi, trụ.

Kiếp thế giới tán hoại ...số lượng như thế nào?

Đức Phật nói: Tì-khuru! Trải hai mươi tiểu kiếp thế giới tán hoại, tiếp theo trải hai mươi tiểu kiếp thế giới tán hoại rồi trụ. Tiếp theo hai mươi tiểu kiếp thế giới khởi thành, tiếp theo hai mươi tiểu kiếp thế giới khởi thành rồi trụ.

Trong hai mươi tiểu kiếp thế giới khởi thành được trụ, kiếp thứ hai khi tiểu nạn binh đao khởi lên, do binh đao lớn là cuối cùng của kiếp này.

Lúc bấy giờ trong Diêm-Phù-Đề, tất cả nhân dân của các cõi nước gặp đao binh lớn, oán ghét tàn hại lẫn nhau. Lại nổi lên dịch bệnh. Tất cả quý thần khởi tâm sân ác tổn hại người đời.

Lúc ấy, tất cả nhân dân thọ mạng ngắn ngủi chỉ còn mười tuổi, thân hình xấu nhỏ, hoặc hai hoặc ba xích tay. Đồ ăn có thể ăn được thì cỏ lúa đã là cao. Tóc người làm y phục cho là đệ nhất, chỉ có dao gậy để tự trang nghiêm.

Lúc ấy mọi người không hành chính pháp, phi pháp, luôn luôn bị ô nhiễm bởi tham trước phi lý, bị tham ái bức bách sử tà pháp, khi đối khởi các lầm lỗi tai họa, rất cang cường khó dạy. Không thể hành thiện, không biết làm phúc, không cứu khổ nạn. Ngày đêm tương ưng với pháp tà ác. Hoặc thân, khẩu, ý khởi ba tà hành. Không thể li xa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham ái, sân khuể, tà kiến. Không biết cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa-môn, Bà-la-môn và thân hữu, Tôn trưởng. Phóng tâm khởi đủ loại nghiệp ác.

Nghiệp ác này hay chiêu cảm thọ mạng ngắn ngủi, hay chiêu cảm tật bệnh, hay chiêu cảm sắc hình xấu xí, hay chiêu cảm thân không có uy đức, hay chiêu cảm sinh trong nhà thấp hèn, hay chiêu cảm bần cùng khổ khổ, hay chiêu cảm ngu si, tà kiến. Các nghiệp như thế ngày đêm sinh trưởng. Người như thế luôn luôn tương ưng với đủ loại phiền não, ác nghiệp.

Do vì hành nghiệp rất nặng này, nên cha mẹ, con cái đấu tranh lẫn nhau; anh em, chị em, bạn bè, quyến thuộc tự tranh đấu nhau, hưởng gì người khác.

Lúc bấy giờ, mọi người khởi tranh đấu rồi, luôn đánh nhau bằng tay chân, hoặc dùng ngói đá hoặc lấy gậy gộc, tiếp đến đao trượng, gây sợ hãi lẫn nhau cho đến giết hại. Lúc ấy mọi người khởi sân khuể rất nặng, làm sự giết hại như để vui chơi.

Vua nước phương Đông đánh nước phía Tây, vua nước phía Tây đánh nước phía Đông, các vua phương Nam, Bắc cũng lại như thế. Lúc ấy các vua lấy sự mắng lẫn nhau như nói pháp, sự lầm lỗi của con người để làm pháp thức, tìm cầu ly gián hiềm khích để làm chính sự.

Tranh đấu rồi, khởi tương oan gia, cầm dao, gậy chu diệt nhau thêm. Trong một ngày đêm, số người bị giết hại vô lượng.

Những lỗi lầm tai họa như thế của chúng sinh kiếp mạng tự nhiên mà sinh. Tại sao như thế? Nếu ai hành pháp bất thiện, pháp bất bình đẳng thì được quả báo này. Trong thời gian này, pháp hành bình đẳng, hành pháp thiện là chẳng thể được, nên tất cả chúng sanh sinh ở trong đây, kiếp trước tự nhiên mà khởi. Lúc ấy mọi người y chỉ vào cái thấy thô lậu, nghiệp thô lậu, làm đủ loại các ác.

Sau khi bỏ mạng rồi, thọ sinh chỗ ác, đường khổ, thối đọa không an lạc hành. Khi ấy chúng sinh phần nhiều sinh vào đường địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la.

Lúc bấy giờ dòng giống đại quốc vương trọn đều chết hết, các cõi nước lần lượt hoang phế, chỉ còn quận, huyện nhỏ thị kỳ sở dư cái bất túc ngôn cách nhau xa lắc, mỗi vùng tại một chỗ.

Thời ấy mọi người không hành chính pháp, phi pháp, luôn luôn bị nhiễm ô tham trước, phi lý, bị bức bách bởi tham ái khiến hành tà pháp, khi dối mà khởi các nghiệp ác. Rất can cường khó dạy, không thể hành thiện, không biết làm phúc, chẳng cứu khổ nạn, đêm ngày tương ưng với pháp tà ác, hoặc thân hoặc khẩu hoặc ý khởi ba tà hành. Không thể xa lìa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tha ái, sân khuể, tà kiến. Không thể cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa-môn, Bà-la-môn và thân hữu Tôn trưởng. Phóng tâm khởi đủ loại nghiệp ác.

Nghiệp này hay chiêu cảm thọ mạng ngắn ngủi, hay chiêu cảm nhiều bệnh, hay chiêu cảm sắc hình thô xấu, hay chiêu cảm thân không có uy đức, hay chiêu cảm sinh trong nhà thấp hèn, hay chiêu cảm bần cùng khốn khổ, hay chiêu cảm ngu si tà kiến. Các nghiệp như thế ngày đêm sinh trưởng.

Người nước phương Đông lại đánh phương Tây, người phương Tây, Nam, Bắc cũng lại như vậy. Thời ấy mọi người lấy mạ lỵ nhau làm pháp, nói tội lỗi người như là pháp thức, tìm cầu sự ly gián, hiềm khích để làm chính sự. Làm sự chiến đấu rồi, khởi tướng oan gia, cầm dao gậy chu diệt nhau. Trong một ngày đêm số người bị giết hại vô số.

Lỗi lầm tai họa của chúng sinh kiếp mạng tự nhiên mà khởi. Tại sao như thế? Vì nếu người không hành pháp thiện, không hành pháp bình đẳng thì được quả báo này. Trong thời kỳ này, hành bình đẳng, hành thiện hạnh không thể được. Tất cả chúng sanh sinh ở trong đó, kiếp trước tự nhiên mà khởi. Lúc ấy mọi người y chỉ cái thấy thô lậu, nghiệp thô lậu mà tạo tác đủ loại các ác.

Sau khi bỏ mạng, lại sinh vào chỗ ác, đường khổ, thối đọa, không có an lạc hành. Khi ấy chúng sinh phần nhiều sinh vào đường địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la. Các quận, huyện nhỏ lần lượt chẳng còn, chỉ còn thôn gia cách nhau xa lắc, mỗi nhà một chỗ.

Lúc ấy nhà phía Đông lại giết nhà phía Tây, nhà phía Tây lại giết nhà phía Đông; Nam và Bắc cũng lại như vậy. Lúc ấy mọi người lấy sự mắng chửi nhau làm pháp, nói lầm lỗi của người để làm pháp thức, tìm cầu sự ly gián, hiềm khích để làm chính sự hành.

Đã đấu tranh rồi, khởi tướng oán gia, cầm dao gậy chu diệt nhau thêm. Trong một ngày đêm, số lượng bị giết hại vô số.

Những lỗi lầm tai họa như thế của chúng sinh kiếp mạng tự nhiên mà khởi. Tại sao như thế? Vì nếu người không hành pháp thiện, không hành chính pháp, hành bất bình đẳng thì được nghiệp quả này. Trong thời này, hành chính pháp, hành bình đẳng pháp là không thể được. Tất cả chúng sanh sinh trong đó, kiếp trước tự nhiên mà khởi. Lúc ấy mọi người y chỉ cái thấy thô lậu, nghiệp thô lậu mà tạo tác đủ loại các nghiệp ác.

Sau khi bỏ mạng, lại sinh vào chỗ ác, đường khổ, thối đọa, không có an lạc hành. Thời ấy chúng sinh phần nhiều sinh vào đường địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la.

Nhân gia một thời giết sạch, còn sót dư lại thì mỗi người phân tán. Những người phân tán này không hành chính pháp, khởi lên đủ loại nghiệp ác, hay chiêu cảm thọ mạng ngắn ngủi cho đến ngu si, tà kiến.

Lúc đó kiếp mạng dư bảy ngày tại. Trong bảy ngày này, tay cầm đến cỏ cây liền thành dao gậy. Do khí giới này lại tàn hại khủng bố lẫn nhau mà chết khốn khổ. Lúc này mọi

người kinh sợ dao gậy, chạy trốn vào rừng rú hoặc qua sông nước ẩn cư, có nơi hoặc vào hang hẻm để trốn tai nạn. Hoặc có lúc thấy nhau nhưng mỗi người hoảng kinh bỏ chạy, sợ hãi mất tâm. Hoặc có lúc ngã dưới đất, ví như hươu nai gặp phải thợ săn. Khi ấy mọi người thêm lo gặp nhau sợ hãi như thế. Trong bảy ngày này chết vì đao binh và hoạn tử số nhiều vô lượng. Giả như còn sót lại thì mỗi người tán mỗi nơi riêng.

Lúc ấy có một người tập hợp nam, nữ của Diêm-Phù-Đề, chỉ còn một vạn để lưu lại nhân chủng cho tương lai. Người trong thời này đều hành phi pháp, chỉ có một vạn người này có thể sửa trị hành thiện. Các quỷ thần thiện muốn khiến cho giống người không đoạn tuyệt nên ủng hộ. Người này lấy thức ăn ngon bổ khiến nhập vào lỗ chân lông, vì nghiệp lực nên ở kiếp trung gian, khiến nhân chủng không đoạn dứt.

Qua bảy ngày sau, đao binh lớn cùng lúc ngưng dứt. Tất cả ác quỷ trọn đều bỏ đi. Tùy theo các chúng sinh đủ loại cần muốn: Quần áo, uống ăn, ứng niệm mong cần ấy, trời liền mưa xuống. Âm dương điều hòa, vị ngon sinh ra. Thân hình đáng yêu, tướng tốt hồi phục trở lại.

Tất cả thiện pháp tự nhiên mà khởi. Mát mẻ, tịch tĩnh, an lạc, không bệnh. Đại bi vào tâm. Do đại bi nên đại từ vào tâm. Do đại từ nên không có ý nào hại. Được gặp nhau sinh tâm hỉ lạc, sinh tâm nhẫn thọ, sinh tâm không chán, cùng nắm tay nhau, không lìa bỏ nhau. Ví như thân hữu tương ái lâu chẳng gặp nhau, bỗng được tụ tập sinh tâm vui thích, sinh tâm nhẫn thọ, sinh tâm không chán, cùng nắm tay nhau, không lìa bỏ nhau, khi người ta gặp nhau cũng lại như thế. Nhân vì ái niệm nhau, nam nữ ở chung.

Người của kiếp trước thọ mạng mười tuổi. Người dân của kiếp sau này từ đó mà sinh, thọ mạng dài nhất, sắc hình kỳ đặc, uy đức tối thắng, thần lực tự tại, tư sinh đầy đủ, thọ mạng hai mươi nghìn tuổi.

Lúc ấy chúng sinh công đức như vậy tự nhiên được thành. Tại sao như thế? Vì hành pháp, hành bình đẳng, hành thiện là quả báo của kia. Lúc ấy mọi người tương ứng với đủ loại thiện pháp. Thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện. Sau khi bỏ thọ mạng, sinh đường lành và cõi trời, bỏ thọ mạng rồi lại sinh cõi người. Sinh cõi người rồi, tự nhiên hiền thiện, tự tính thanh tịnh, tự tính đạo đức, tâm tính hòa nhã, giới phẩm đầy đủ, thường hành thẳng thiện. Lìa xa sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ. Không tâm tham dục, không tâm sân khuể, bỏ tà kiến, tu hành chính kiến. Cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, thân hữu, tôn trưởng, tương ứng với đủ loại pháp thiện.

Nghiệp này hay chiêu cảm thọ lâu, hay chiêu cảm không bệnh, hay chiêu cảm sắc hình đoan chính, hay chiêu cảm thân có uy đức, hay chiêu cảm sinh trong nhà giàu có sang quý, hay chiêu cảm trí lớn. Thiện nghiệp như thế ngày đêm sinh trưởng.

Lúc đó mọi người nương hàng phúc đức nên sinh vô lượng công đức. Sau khi bỏ thọ mạng, lại sinh cõi trời và đường lành. Trong đường lành ở rất dài lâu.

Thời tiết như vậy trung gian kiếp đầu tiên do binh đao lớn rất ráo không cùng, lần lượt ba kiếp liên tục lại. Hai mươi nghìn tuổi là thọ lượng thứ nhất của kiếp trung gian này. Người này được sinh từ người hai mươi nghìn tuổi trước, nên thọ lượng của người này dài nhất, sắc hình kỳ đặc, uy đức tối thắng, thần lực tự tại, tư sinh đầy đủ, thọ mạng bốn mươi nghìn năm.

Thời ấy các chúng sinh công đức như vậy tự nhiên được thành tựu. Tại sao như thế? Vì hành pháp, hành bình đẳng, hành thiện là quả báo của kia. Lúc ấy mọi người tương ứng với đủ loại pháp thiện, thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện. Bỏ thọ mạng rồi sinh vào đường lành và cõi trời. Bỏ thọ mạng cõi trời lại sinh trong cõi người. Sinh cõi người rồi, tự nhiên hiền thiện, tự tính thanh tịnh, tự tính đạo đức, tâm tính hòa nhã, giới phẩm đầy đủ, thường hành thẳng thiện. Lìa xa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ. Không tâm tham dục, không tâm sân khuể, bỏ tà kiến, tu

hành chính kiến. Cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa-môn, Bà-la-môn, thân hữu, Tôn trưởng. Tương ưng với đủ loại pháp thiện.

Nghiệp này hay chiêu cảm thọ lâu, hay chiêu cảm không bệnh, hay chiêu cảm sắc hình đoan chính, hay chiêu cảm thân có uy đức, hay chiêu cảm sinh trong nhà giàu có sang quý, hay chiêu cảm trí lớn. Các thiện nghiệp như thế ngày đêm sinh trưởng.

Khi ấy mọi người nương vào làm phúc đức nên được vô lượng công đức. Bỏ thọ mạng rồi lại sinh cõi trời và đường thiện, trụ trong đường thiện rất lâu. Thời tiết như vậy gọi là kiếp trung gian thứ ba, thọ lượng thứ hai bốn mươi nghìn năm tuổi.

Lại nữa, những người được sinh từ người bốn mươi nghìn năm tuổi, người này thọ mạng dài nhất, thân hình kỳ đặc, uy đức tối thắng, thần lực tự tại. Tư sinh đầy đủ, thọ mạng sáu mươi nghìn năm tuổi.

Thời ấy mọi người tương ưng với đủ loại pháp thiện, thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện. Bỏ thọ mạng rồi, sinh đường lành và cõi trời. Bỏ mạng cõi trời rồi lại sinh trong cõi người. Sinh trong cõi người rồi, tự nhiên hiền thiện, tự tính thanh tịnh, tự tính đạo đức, tâm tính hòa nhã, giới phẩm đầy đủ, thường hành thắng thiện. Lìa xa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ. Không tâm tham dục, không tâm sân khuể. Bỏ tà kiến, tu hành chính kiến. Cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa-môn, Bà-la-môn, thân hữu, Tôn trưởng, tương ưng với đủ loại pháp thiện.

Nghiệp này hay chiêu cảm thọ lâu, hay chiêu cảm không bệnh, hay chiêu cảm sắc hình đoan chính, hay chiêu cảm thân có uy đức, hay chiêu cảm sinh trong nhà giàu có sang quý, hay chiêu cảm trí lớn. Các thiện nghiệp như thế đêm ngày sinh trưởng.

Thời ấy mọi người nương hành phúc đức nên được vô lượng công đức. Sau khi bỏ thọ mạng, lại sinh thiên đạo và đường thiện. Sinh và ở trong đường thiện rất lâu.

Thời tiết như vậy gọi là thọ lượng thứ ba của kiếp trung gian thứ ba, sáu mươi nghìn tuổi.

Tiếp theo là những người được sinh từ người sáu mươi nghìn năm tuổi, người này thọ mạng dài nhất sắc hình kỳ đặc, uy đức tối thắng, thần lực tự tại. Tư sinh đầy đủ, thọ mạng tám mươi nghìn năm tuổi.

Như thế người được sinh từ kiếp trung gian của Diêm-Phù-Đề thọ lượng lâu dài rất ráo nhất là tám mươi nghìn năm này. Thời ấy người nữ năm trăm tuổi mới làm vợ. Khi ấy mọi người chỉ có bảy bệnh, là: Đại, tiểu tiện lợi, lạnh, nóng, tâm dục, đói và già.

Trong thời như vậy, tất cả các nước giàu có an lạc, không có oán tặc và trộm cướp. Các châu, quận, huyện, ấp nhân dân thôn lạc đều lần lượt như vậy. Gà gáy cùng nghe, trồng cấy tuy ít mà thu hoạch thật dồi dào.

Thời ấy mọi người thọ quả của dụng công ít, dùng quả nghiệp thiện kiếp xưa nhiều. Nhà cửa, xe cộ, quần áo, tài bảo, các tư sinh cứ tương xứng với ý mà đầy đủ, tuy có thọ dụng nhưng suốt đời không hoại.

Thời ấy mọi người ngồi thọ vui, không giống ruồi tìm cầu, thọ mạng tám mươi nghìn năm trụ a-tăng-kỳ năm cho đến khi chúng sinh tạo mười ác. Từ khi khởi mười nghiệp ác đạo, thời tiết thọ mạng nhân đó mười năm giảm, qua một trăm năm ắt giảm mười tuổi. Tiếp theo một trăm năm lại giảm mười tuổi. Lần lượt từ từ giảm đến mười tuổi. Mười tuổi cuối cùng này thì trụ, không giảm nữa. Dài nhất là tám mươi nghìn năm, ngắn nhất là mười năm.

Nếu Phật không ra đời thì lần lượt như thế. Nếu Phật ra đời, như chính pháp trụ thời thọ mạng của chúng sinh tạm trụ không giảm. Tùy theo chính pháp giảm ít nhiều mà thọ mạng từ từ giảm.

Phật Thế Tôn đã nói. Tôi nghe như vậy.

THỨ BA: ĐỐI KHÁT

Phật Thế Tôn nói: Một tiểu kiếp gọi là một kiếp, còn lại như đã nói ở trước. Cho đến tám mươi tiểu kiếp gọi là một đại kiếp. Tại sao tám mươi tiểu kiếp gọi là một đại kiếp?

Đức Phật nói: Trong kiếp thế giới tán hoại, trong kiếp thế giới tán hoại rồi trụ. Trong kiếp thế giới khởi thành, trong kiếp thế giới khởi thành rồi trụ. Kiếp của thế giới tán hoại...đó, số lượng như thế nào?

Đức Phật nói: Tì-khuru! Trải qua hai mươi tiểu kiếp thế giới tán hoại, tiếp theo hai mươi tiểu kiếp thế giới tán hoại rồi trụ. Tiếp theo trải qua hai mươi tiểu kiếp thế giới khởi thành, tiếp theo hai mươi tiểu kiếp thế giới khởi thành rồi trụ. Trong hai mươi tiểu kiếp thế giới khởi thành đặc trụ, kiếp thứ ba khi tiểu tai khởi, do đói khát lớn nên kiếp này vô cùng.

Trong thời gian này, tai họa bắt đầu muốn nổi lên, do đói khát, do khổ, do trời quá khô hạn. Lúc đó trong Diêm-Phù-Đề tất cả nhân dân các nước đều gặp dịch bệnh lớn. Tất cả quý thần khởi tâm sân ác tổn hại người đời. Lúc đó tất cả nhân dân thọ mạng ngắn ngủi, chỉ trụ mười tuổi, thân hình xấu nhỏ hoặc hai hoặc ba xích tay. Thứ có thể ăn được thì cỏ lúa là cao. Tóc người làm áo cho là y phục tốt nhất. Chỉ có dao, gậy để tự trang nghiêm.

Lúc đó mọi người không hành chính pháp, luôn luôn bị ô nhiễm bởi phi pháp và tham trước. Bị bức bách và sai sử bởi tham ái phi lý khiến hành tà pháp. Khi đối khởi lên các lầm lỗi ác. Rất cương cứng khó dạy. Không thể hành thiện, không biết làm phúc, chẳng cứu khổ nạn. Không thể lìa xa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham ái, sân khuể, tà kiến. Không cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa-môn, Bà-la-môn và thân hữu, Tôn trưởng. Phóng tâm khởi đủ loại nghiệp ác.

Nghiệp ác này hay chiêu cảm thọ mạng ngắn ngủi, hay chiêu cảm bệnh tật, hay chiêu cảm sắc hình xấu ác, hay chiêu cảm thân không có uy đức, hay chiêu cảm sinh trong nhà bần tiện, hay chiêu cảm bần cùng khổ, hay chiêu cảm ngu si, tà kiến. Các nghiệp như thế ngày đêm sinh trưởng.

Con người như thế tương ứng với đủ loại phiền não, nghiệp ác. Do hành tà cực nặng nên trong hai, ba năm trời chẳng đổ mưa. Do hạn hán lớn nên ngũ cốc không có, đói khát xảy ra. Khi ấy người dân ít có thể lực, thấy người khác có chút lương thực, bèn đến cướp đoạt mà ăn, đều do bị bức bách bởi đói.

Tất cả các bệnh thì đói là thứ nhất. Do nhân duyên này, trong một ngày đêm, số người chết vì đói khát nhiều vô lượng.

Những lỗi lầm tai họa như thế của chúng sinh kiếp mạng tự nhiên mà sinh. Tại sao như vậy? Vì nếu con người hành bất thiện, hành phi pháp, hành bất bình đẳng thì bị quả báo, trong thời này, hành pháp, hành bình đẳng, hành thiện là không thể được.

Tất cả chúng sanh sinh trong đó, kiếp trước tự nhiên mà khởi. Lúc đó chúng sanh y chỉ cái thấy thô lậu, nghiệp thô lậu mà tạo tác đủ loại các ác. Sau khi bỏ mạng, lại sinh chỗ ác, đường khổ, thối đạo, không có an lạc hành. Lúc đó chúng sanh phần nhiều sinh vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la.

Lúc ấy, các quốc độ lớn lần lượt hoang phế, chỉ còn quận, huyện nhỏ- những gì sót lại không đủ để nói, cách nhau xa lắc, mỗi thứ ở một nơi.

Lúc ấy mọi người không hành chính pháp, luôn luôn bị ô nhiễm bởi tham trước phi pháp, bị bức sử bởi tham ái phi lý, tà pháp đối gạt khởi các lỗi ác. Rất cương cứng khó dạy. Không thể hành thiện, không biết làm phúc, chẳng cứu khổ nạn, ngày đêm tương ứng với pháp tà ác, hoặc thân, khẩu, ý hành ba nghiệp tà. Không thể xa lìa sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ. Tham ái, sân khuể, tà kiến. Không

cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa-môn, Bà-la-môn và thân hữu, Tôn trưởng. Phóng tâm khởi đủ các loại nghiệp ác.

Nghiệp này có thể chiêu cảm thọ mạng ngắn ngủi, có thể chiêu cảm nhiều bệnh, có thể chiêu cảm hình sắc xấu xí, có thể chiêu cảm thân không có uy đức, có thể chiêu cảm sinh trong nhà bần tiện, có thể chiêu cảm bần cùng khốn khổ, có thể chiêu cảm ngu si, tà kiến. Các nghiệp như thế đêm ngày tương ưng.

Trời không đổ mưa, trong bốn, năm năm. Do hạn hán lớn nên đất của Diêm-Phù-Đề chẳng sinh sôi, cho đến rau cỏ còn chẳng được hưởng gì lúa gạo. Kế đến là các chúng sinh, xưa nay con người chán ghét không thể ăn như chim, chó, dã can...các loài cầm thú, nay trọn bắt lấy mà ăn, cũng do đói bức bách vậy.

Tất cả chúng sinh, bệnh đói khát là hơn cả. Do nhân duyên này, một ngày một đêm số người chết vì đói khát số nhiều vô lượng.

Khi ấy, tiếp đến các quận huyện nhỏ cũng vắng sạch, chỉ còn từng nhà, cách nhau xa lắc, mỗi nhà mỗi nơi.

Lúc ấy mọi người không hành chính pháp, luôn luôn bị ô nhiễm bởi tham trước phi pháp, bị bức sử bởi tham ái phi lý, tà pháp khi đối mạnh mẽ, khởi các lỗi ác. Rất cương khó dạy. Không thể hành thiện, không biết làm phúc, chẳng cứu khổ nạn, ngày đêm tương ưng với đủ loại tà ác, hoặc thân, khẩu, ý khởi ba tà hành. Không thể xa lìa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham ái, sân khuể, tà kiến. Không thể cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa-môn, Bà-la-môn và thân hữu, Tôn trưởng. Phóng tâm khởi đủ loại nghiệp ác.

Nghiệp này có thể chiêu cảm thọ mạng ngắn ngủi, có thể chiêu cảm nhiều bệnh, có thể chiêu cảm hình sắc xấu xí, có thể chiêu cảm thân không có uy đức, có thể chiêu cảm sinh trong nhà bần tiện, có thể chiêu cảm bần cùng khốn khổ, có thể chiêu cảm ngu si, tà kiến. Các nghiệp như thế đêm ngày tương ưng.

Lúc bấy giờ, khoảng sáu, bảy năm trời không đổ mưa. Do hạn hán lớn nên người Diêm-Phù-Đề suy nghĩ mong muốn thấy nước còn chẳng được hưởng gì được uống. Chỉ có bốn sông lớn vì sâu và thông với biển là còn phải dùng thuyền để qua. Chỉ có nước này có thể dùng được, lìa khỏi sông này chẳng có nước nào khác. Dân còn sót lại nương vào nước này để sống, bắt các loại rùa, cá... để làm lương thực, chỉ vì đói khát vậy.

Bệnh của tất cả chúng sinh thì đói khát là hơn cả, do nhân duyên này, trong một ngày đêm, số người chết vì đói khát không thể kể hết.

Những tai họa như thế của chúng sinh kiếp mạng tự nhiên mà sinh. Tại sao như vậy? Vì nếu con người hành bất thiện, hành phi pháp, hành bất bình đẳng thì bị quả báo này; Trong thời gian này, hành pháp, hành bình đẳng, hành thiện là không thể được. Tất cả chúng sanh sinh trong đó, kiếp trước tự nhiên mà khởi. Lúc đó mọi người, y chỉ cái thấy thô lậu, nghiệp thô lậu, tạo đủ loại nghiệp ác. Sau khi bỏ thọ mạng rồi, lại sinh chỗ ác, đường khổ, thối đọa, không có an lạc hành. Lúc ấy chúng sanh phần nhiều sinh vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la.

Những nhà còn sót lại cũng lần lượt không còn. Chỉ còn sót lại một số người, mỗi người tự chia tán. Lúc ấy mọi người không hành chính pháp, luôn luôn bị ô nhiễm bởi tham trước phi pháp, bị bức sử bởi tham ái phi pháp, tà pháp mạnh mẽ khởi đủ loại các ác. Rất cương khó dạy. Không thể hành thiện, không biết làm phúc, chẳng cứu khổ nạn, đêm ngày tương ưng với pháp tà ác. Hoặc thân, khẩu, ý khởi ba tà hành. Không thể xa lìa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham ái, sân khuể, tà kiến. Không thể cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa-môn, Bà-la-môn và thân hữu, Tôn trưởng. Phóng tâm khởi đủ loại nghiệp ác.

Nghiệp này có thể chiêu cảm thọ mạng ngắn ngủi, có thể chiêu cảm nhiều bệnh, có thể chiêu cảm sắc hình xấu xí, có thể chiêu cảm thân không có uy đức, có thể chiêu cảm sinh

trong nhà bần tiện, có thể chiêu cảm bần cùng khổ khổ, có thể chiêu cảm ngu si, tà kiến. Ngày đêm tương ứng với các nghiệp như thế.

Kiếp trung gian này, chỉ bảy ngày. Trong bảy ngày này, mỗi một ngày đêm, số người chết vì đói khát nhiều vô lượng. Nếu còn lại thì mỗi người tán riêng một chỗ.

Lúc bấy giờ có một người tập hợp nam, nữ trong Diêm-Phù-Đề, cộng được một vạn người, lưu lại làm nhân chủng tương lai. Trong thời gian này, đa số đều hành phi pháp, chỉ một vạn người này có thể làm các thiện hành. Các quỷ thần thiện muốn khiến giống người không đoạn dứt nên ủng hộ. Người này lấy vị thức ăn ngon bỏ khiến nhập vào lỗ chân lông, vì nghiệp lực nên khiến cho trong kiếp trung gian, nhân chủng tự nhiên không đoạn dứt.

Qua bảy ngày sau, nạn đói khát lớn này cùng lúc ngừng dứt. Tất cả ác quỷ trọn đều bỏ đi. Lúc ấy các chúng sinh đủ loại cần muốn: Áo quần, ăn uống đều ứng với niệm cần muốn mà trời mưa xuống.

Âm dương điều hòa, vị ngon sinh ra, thân hình đáng yêu, tướng tốt trở lại. Tất cả pháp thiện tự nhiên mà sinh khởi. Thanh lương, tịch tĩnh, an lạc, không bệnh. Đại bi vào tâm. Do đại bi nên đại từ vào tâm. Do đại từ nên không có ý nào hại. Do không có ý nào hại nên được gặp nhau sinh tâm hỉ lạc, sinh tâm nhẫn thọ, sinh tâm không chán, cùng nhau nắm tay, không lìa bỏ nhau. Ví như thân hữu tương ái lâu không gặp nhau, bỗng được tụ tập sinh tâm hỉ lạc, sinh tâm nhẫn thọ, sinh tâm không chán, cùng nắm tay nhau, không lìa bỏ nhau, khi người ta gặp nhau cũng lại như vậy. Nhân vì ái niệm nhau, nam nữ ở chung.

Người của kiếp trước thọ mạng mười năm, nhân dân kiếp sau từ đó mà sinh thọ mạng dài nhất, hình sắc kỳ đặc, uy đức tối thắng, thần lực tự tại, tư sinh đầy đủ, thọ mạng hai mươi nghìn tuổi.

Lúc ấy công đức như thế của chúng sinh tự nhiên được thành. Tại sao như thế? Vì hành pháp, hành bình đẳng, hành thiện là quả báo kia. Lúc ấy mọi người tương ứng với đủ loại pháp thiện, thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện.

Sau khi bỏ thọ mạng sinh đường lành và cõi trời. Bỏ mạng trời rồi lại sinh cõi người. Sinh cõi người rồi, tự nhiên hiền thiện, tự tính thanh tịnh, tự tính đạo đức, tâm tính hòa nhã, giới phẩm đầy đủ, thường hành thắng thiện. Xa lìa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ. Không tâm tham dục, không tâm sân khuể. Bỏ tà kiến, tu hành chính kiến. Cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa-môn, Bà-la-môn, thân hữu, Tôn trưởng, tương ứng với đủ loại pháp thiện.

Nghiệp này có thể chiêu cảm thọ lâu, có thể chiêu cảm không bệnh, có thể chiêu cảm hình sắc đoan chính, có thể chiêu cảm thân có uy đức, có thể chiêu cảm sinh trong nhà phú quý, có thể chiêu cảm trí lớn. Các nghiệp như thế ngày đêm sinh trưởng.

Lúc ấy mọi người nương vào làm phúc đức nên được vô lượng công đức. Sau khi bỏ mạng lại sinh cõi trời và đường lành. Trụ trong đường lành rất lâu.

Thời tiết như vậy kiếp trung gian đầu, do đói khát lớn cứu cánh cùng tận. Kiếp tiếp theo đến cũng vậy. Hai mươi nghìn tuổi là thọ mạng thứ nhất của kiếp trung gian này.

Người này được sinh từ người hai mươi nghìn tuổi trước, người này thọ mạng dài nhất, hình sắc kỳ đặc, uy đức tối thắng, thần lực tự tại, tư sinh đầy đủ, thọ mạng bốn mươi nghìn năm tuổi.

Lúc ấy công đức như thế của các chúng sinh tự nhiên được thành. Tại sao như thế? Vì hành pháp, hành bình đẳng, hành thiện hạnh là quả báo, lúc này mọi người tương ứng với đủ loại pháp thiện, thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện.

Sau khi bỏ thọ mạng, sinh vào đường lành và cõi trời. Bỏ mạng cõi trời lại sinh trong cõi người. Sinh trong cõi người rồi, tự nhiên hiền thiện, tự tính thanh tịnh, tự tính đạo đức, tâm tính hòa nhã, giới phẩm đầy đủ, thường hành thắng thiện. Xa lìa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ. Không tâm tham dục, không tâm sân

khuyết. Bỏ tà kiến, tu hành chính kiến. Cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa-môn, Bà-la-môn, thân hữu, Tôn trưởng, tương ưng với đủ loại pháp thiện.

Nghiệp này có thể chiêu cảm thọ lâu, có thể chiêu cảm không bệnh, có thể chiêu cảm hình sắc đoan chính, có thể chiêu cảm thân có uy đức, có thể chiêu cảm sinh trong nhà giàu sang, có thể chiêu cảm trí lớn. Thiện pháp như thế ngày đêm sinh trưởng.

Lúc ấy mọi người nương hành phúc đức nên được vô lượng công đức. Sau khi bỏ thọ mạng, lại sinh cõi trời hoặc đường lành, trụ rất lâu trong đường lành.

Thời tiết như vậy gọi là kiếp trung gian thứ ba, thọ mạng thứ hai bốn mươi nghìn tuổi.

Lại nữa, những người được sinh từ người thọ bốn mươi nghìn tuổi, người này thọ mạng dài nhất, thân hình kỳ đặc, uy đức tối thắng, thần lực tự tại, tự sinh đầy đủ, thọ mạng sáu mươi nghìn tuổi.

Lúc ấy mọi người tương ưng với đủ loại pháp thiện, thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện. Sau khi bỏ mạng rồi, sinh vào đường lành và sinh cõi trời. Bỏ mạng trời rồi, lại sinh cõi người. Sinh trong cõi người rồi, tự nhiên hiền thiện, tự tính thanh tịnh, tự tính đạo đức, tâm tính hòa nhã, giới phẩm đầy đủ, thường hành thắng thiện. Lìa xa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ. Không tâm tham dục, không tâm sân khuể. Bỏ tà kiến, tu hành chính kiến. Cung kính cha mẹ, Sư tăng, Sa-môn, Bà-la-môn, thân hữu, Tôn trưởng, tương ưng với đủ loại pháp thiện.

Thiện này có thể chiêu cảm thọ lâu, có thể chiêu cảm không bệnh, có thể chiêu cảm hình sắc đoan chính, có thể chiêu cảm thân có uy đức, có thể chiêu cảm sinh trong nhà giàu sang, có thể chiêu cảm trí lớn. Nghiệp thiện như thế ngày đêm sinh trưởng.

Lúc ấy mọi người nương hành phúc đức nên được vô lượng công đức. Sau khi bỏ thọ mạng lại sinh cõi trời và đường lành. Trụ trong đường lành rất lâu.

Thời tiết như thế gọi là kiếp trung gian thứ ba, thọ mạng thứ ba sáu mươi nghìn tuổi.

Lại nữa, những người được sinh từ người thọ sáu mươi nghìn tuổi, người này thọ mạng dài nhất, hình sắc kỳ đặc, uy đức tối thắng, thần lực tự tại, tự sinh đầy đủ, thọ mạng tám mươi nghìn năm tuổi. Như thế thọ mạng dài nhất của chúng sanh được sinh ở Diêm-Phù-Đề, là tám mươi nghìn năm này. Lúc đó người nữ năm trăm tuổi mới làm vợ.

Lúc ấy, mọi người chỉ có bảy bệnh, là: Đại, tiểu tiện lợi, lạnh, nóng, tâm dục, đói, già.

Trong thời như thế, tất cả các nước đều giàu có an lạc, không có oán tặc và trộm cướp. Các châu, quận, huyện, ấp nhân dân làng xóm đều như thế cả, gà gáy cùng nghe. Trồng cấy tuy ít mà thu hoạch thật dồi dào. Lúc ấy mọi người thọ công dụng quả ít, dùng quả của thiện nghiệp kiếp xưa nhiều. Nhà cửa, xe cộ, quần áo, tiền của, các vật tư sinh đều tương xứng đầy đủ với ý muốn. Tuy có thọ dụng nhưng suốt đời chẳng hoại. Lúc ấy mọi người ngồi an hưởng lạc, không giống ruồi tìm cầu, thọ mạng tám mươi nghìn năm trụ a-tăng-kỳ năm, cho đến khi chúng sinh chưa tạo mười ác.

Từ khi khởi lên mười nghiệp ác, thời tiết thọ mạng nhân điều này mà giảm mười năm. Qua một trăm năm thì giảm mười tuổi. Lại một trăm năm, lại giảm mười tuổi, lần lượt từ từ giảm đến còn mười tuổi. Mười tuổi cuối cùng này thì dừng, không giảm thêm nữa. Dài nhất là tám vạn năm, ngắn nhất là mười năm.

Nếu Phật không ra đời thì lần lượt như thế. Nếu Phật ra đời, như chính pháp trụ thời thọ mạng của chúng sinh tạm trụ không giảm. Tùy chính pháp giảm ít nhiều mà thọ mạng giảm lần.

Phật Thế Tôn đã nói. Tôi nghe như vậy.

HẾT QUYỂN CHÍN

LẬP THẾ A-TÌ-ĐÀM LUẬN

QUYỂN THỨ MƯỜI

PHẨM THỨ HAI MƯƠI LĂM: ĐẠI TAM TAI

THỨ NHẤT: HỎA TAI

Phật Thế Tôn nói: Một tiểu kiếp gọi là một kiếp. Hai mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp. Bốn mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp. Sáu mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp. Tám mươi tiểu kiếp gọi là một đại kiếp.

Tại sao một tiểu kiếp gọi là một kiếp? Lúc ấy, Tì-khuru Đê-Bà Đạt-Đa ở trong địa ngục chịu quả báo thành thực, đức Phật nói trụ thọ một kiếp. Như vậy một tiểu kiếp gọi là một kiếp.

Tại sao hai mươi tiểu kiếp gọi là một kiếp? Như cõi trời Phạm Thiên Hành, hai mươi tiểu kiếp là thọ mạng của họ. Các Phạm Thiên này, đức Phật nói trụ thọ một kiếp. Như vậy, hai mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp.

Tại sao bốn mươi tiểu kiếp gọi là một kiếp? Như Phạm Chúng Thiên thọ lượng bốn mươi tiểu kiếp, đức Phật nói trụ thọ một kiếp. Như vậy, bốn mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp.

Tại sao sáu mươi tiểu kiếp gọi là một kiếp? Như thọ lượng của Đại Phạm Thiên là sáu mươi tiểu kiếp, đức Phật nói trụ thọ một kiếp. Như vậy, sáu mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp.

Tại sao tám mươi tiểu kiếp gọi là một đại kiếp? Đức Phật nói, trong kiếp thế giới tán hoại, trong kiếp thế giới tán hoại rồi trụ. Trong kiếp thế giới khởi thành, trong kiếp thế giới khởi thành rồi trụ, khi trụ a-tăng-kỳ, gọi là kiếp. Khi thế giới tán hoại a-tăng-kỳ, gọi là kiếp. Khi thế giới tán hoại rồi trụ, khi trụ a-tăng-kỳ, gọi là kiếp. Thế giới khởi thành a-tăng-kỳ thời gọi là kiếp. Thế giới khởi thành rồi trụ.

Tán hoại có ba nguyên nhân: Một là nhân lửa mà tán hoại, hai là nhân nước mà tán hoại, ba là nhân gió mà tán hoại.

Như vậy, Phật Thế Tôn nói: Tì-khuru! Nhân của tán hoại có ba loại: Một là lửa tán hoại, hai là nước tán hoại, ba là gió tán hoại.

Tì-khuru! Đánh tán hoại có ba: Một là Thắng Biển Quang thiên, hai là Biển Tịnh thiên, ba là Quảng Quả thiên.

Lại nữa, Phật Thế Tôn nói: Tì-khuru! Đánh của tán hoại có ba loại: Một là Thắng Biển Quang Thiên, hai là Biển Tịnh Thiên, ba là Quảng Quả thiên.

Tại sao Thắng Biển Quang thiên đến Biển Tịnh và Quảng Quả thiên là đánh của tán hoại? Tì-khuru! Khi hỏa tai tán hoại, tất cả chúng sanh hạ giới phải sinh lên Thắng Biển Quang thiên của đệ Nhị thiên. Khi thủy tai tán hoại, tất cả chúng sanh hạ giới phải sinh lên Biển Tịnh Thiên của đệ Tam thiên. Khi phong tai tán hoại, tất cả chúng sanh hạ giới phải sinh lên Quảng Quả thiên của đệ Tứ thiên.

Đức Phật nói: Hỏa tai tán hoại là do Thắng Biển Tịnh thiên tán hoại. Thủy tai tán hoại là do Biển Tịnh thiên tán hoại. Phong tai tán hoại là do Quảng Quả thiên tán hoại.

Lại nữa, Tì-khuru, tán hoại có hai: Một là thế giới chúng sanh tán hoại, hai là khí thế giới tán hoại. Trong mười tiểu kiếp chúng sanh thế giới tán hoại, tiếp theo mười tiểu kiếp khí thế giới tán hoại.

Phật bảo Tì-khuru: Khi kiếp tán hoại khởi, khi Thắng Biển Quang thiên tán hoại nhân đệ Nhị thiên. Thời này tất cả người Diêm-Phù-Đề thọ mạng tám mươi nghìn năm, lúc đó

người nữ năm trăm tuổi mới làm vợ. Lúc đó mọi người chỉ có bảy bệnh, là: Đại, tiểu tiện lợi, lạnh, nóng, tâm dâm dục, đói, già.

Trong thời như vậy, tất cả các quốc độ giàu có an lạc, không có oán tặc và trộm cướp. Các châu, quận, huyện, ấp nhân dân thôn lạc đều như thế cả, gà gáy cùng nghe. Trồng cấy tuy ít mà thu hoạch thật dồi dào. Lúc đó mọi người thọ công dụng quả ít, dùng quả của nghiệp kiếp xưa nhiều. Nhà cửa, xe cộ, quần áo, tiền của, các vật tự sinh xứng ý mà đầy đủ.

Lúc đó hai giới giảm: Một là sân khuể giới, hai là bức não ý giới. Lương giới khởi trưởng: Một là vô sân khuể giới, hai là vô bức não ý giới.

Lúc ấy mọi người giảm và lìa mười ác, tu hành mười thiện. Ngồi an thọ lạc, không giong ruồi tìm cầu. Hoặc tụ tập ở đình xá, hoặc nương nhà nghỉ, hoặc chỗ tập họp lớn, hoặc đi dưới cây, mỗi người tuyên nói, luận bàn thế này: Những người ngày xưa, sinh thời kiếp trước, nhân năm dục trần mà tăng trưởng tham dục. Cho nên, hoặc cha mẹ, con cái đấu tranh nhau; anh em, chị em, quyến thuộc tự tranh đấu nhau, hưởng gì người khác. Thời ấy mọi người, sau khi khởi đấu tranh rồi, dùng võ tay chân hoặc dùng gạch đá, hoặc gây gộc, tiếp đến là dao mà gây kinh sợ cho nhau, cho đến giết hại. Nhân năm trần này mà khởi đủ loại ác, cho nên phải xả bỏ năm trần.

Lúc ấy mọi người suy nghĩ lầm lỗi tai họa của năm trần và nhiều động của hạ giới, quán vô giác, quán công đức vi diệu của định, tu tập Nhị thiền. Sau khi bỏ mạng rồi, sinh cõi trời Thắng Biến Quang.

Lúc ấy chư Thiên cõi Dục biến thân mình tựa như tê giác, ngày đêm ba thời đi nơi thế giới, tuyên nói lời này: Thiện nam tử, thiện nữ nhân! Vô giác quán định là an lạc vi diệu nhất, cho nên các người hãy tu hành trong đó.

Lúc ấy mọi người, đầu đêm, cuối đêm, nghe lời này rồi hoan hỉ, dừng dục, bỏ các tạp sự, nhiếp tâm thiền quán lỗi lầm tai họa của dục trần, quá vô giác, quán định có công đức lớn, liền đắc Nhị thiền. Sau khi bỏ mạng, sinh lên cõi trời Thắng Biến Quang.

Khi ấy có người thường làm vui thích an lạc cho người khác như sự nghiệp, hoặc hát hoặc múa, hoặc nhào lộn ném vòng, hoặc múa dao gậy, hoặc đánh trống thổi kèn, hoặc ca hát tán tụng, hoặc trang sức cho thân người khác. Những người như thế làm thơ ca, truyền rằng: Thời xưa con người sinh thời kiếp trước, nhân vì năm dục trần mà tăng trưởng tham dục, nên hoặc cha mẹ, con cái tranh đấu lẫn nhau. Anh em, chị em, bạn hữu, quyến thuộc tự thanh đấu với nhau, hưởng gì người khác. Lúc ấy mọi người sau khi khởi đấu tranh rồi, dùng tay chân hoặc lấy gạch đá, hoặc dùng gây gộc, tiếp đến đao trượng gây cho nhau kinh sợ, cho đến giết hại. Nhân năm trần này mà khởi lên đủ loại ác, cho nên phải xả bỏ năm trần.

Khi ấy mọi người tư duy về lỗi họa của năm trần và sự thô động của hạ giới, quán vô giác, quán công đức vi diệu của định, tu tập Nhị thiền. Sau khi bỏ mạng, sinh lên cõi trời Thắng Biến Quang. Các vị trời Thắng Biến Quang này du hành xuống hạ giới, ẩn che thân hình, tuyên nói lời này: Thiện nam tử, thiện nữ nhân! Quán vô giác, quán định tịch tĩnh an lạc vi diệu, nên các người hãy tu hành trong đó.

Lúc đó mọi người đầu đêm, cuối đêm nghe âm thanh chư Thiên nói, hoan hỉ dừng dục, khởi tâm tin thích. Người của tất cả cư gia, thôn ấp, quận, châu, cho đến quốc độ khởi tâm tinh tiến, quán dục trần hạ giới lỗi họa, quán công đức nhị thiền, tu tập Nhị thiền. Sau khi bỏ mạng rồi, sinh cõi trời Biến Quang Thiên.

Lúc ấy có các nhà ngoại đạo giáo hóa người của tất cả cư gia, thôn ấp, quận, châu cho đến quốc độ trọn khiến xuất gia, vô số quyến thuộc vây quanh, lần lượt du hành khắp cả quốc độ. Những điều tuyên nói tương ưng với ở trên: Thời xưa mọi người sinh thời kiếp trước, nhân vì năm dục trần mà tăng thêm tham dục, hoặc cha mẹ, con cái tranh đấu với nhau, hoặc anh em, chị em, bạn hữu, quyến thuộc tranh đấu lẫn nhau, hưởng gì người khác. Sau khi khởi đấu tranh rồi, hoặc bằng tay, hoặc lấy gạch đá, hoặc dùng gây gộc cho

đến đao trượng mà khiến kinh sợ cho đến giết hại lẫn nhau. Năm dục trần này khởi đủ loại ác như thế, cho nên phải vứt bỏ. Chán ghét trách mắng, nói ra lỗi họa năm trần như thế.

Lúc ấy mọi người tư duy lỗi họa của năm trần và thô động của hạ giới, công đức vi diệu của quán vô giác, quán định, tu tập Nhị thiên. Sau khi bỏ mạng, sinh lên cõi trời Thắng Biển Quang.

Lúc bấy giờ các chúng sinh trong địa ngục suy nghĩ thế này: Chúng ta thời xưa làm đủ loại ác, do nghiệp ác bất thiện cho nên lại đây chịu khổ. Do ý này nên với ngục tốt không sinh tâm sân nộ.

Thời chúng sinh địa ngục không có giới sân khuể, không có giới ý bức nã. Do hậu báo của thiện nghiệp thời xưa, xả thọ mạng địa ngục mà sinh trong cõi người. Đã sinh vào cõi người rồi, tư duy về lỗi họa của dục trần, quán sát công đức của Nhị thiên, tu tập Nhị thiên. Sau khi bỏ thọ mạng, sinh lên cõi trời Thắng Biển Quang.

Khi ấy có chúng sinh đọa trong địa ngục, nhưng vì ngục tốt mà nghĩ như thế này: chúng ta nhân vì nghiệp ác của mình mà lại đây thọ sinh. Các tội nhân này cũng nhân vì nghiệp ác mà lại đây thọ khổ. Ta nay tại sao với chúng sinh khác mà khởi tàn hại! Liền sinh giới không sân khuể, giới không ý bức nã, tự nhiên tăng trưởng đủ tâm thiện. Do hậu báo của nghiệp thiện thời xưa, xả thọ mạng địa ngục, sinh trong cõi người. sinh trong cõi người rồi, tư duy về lỗi họa của năm trần, quán sát công đức của Nhị thiên, tu tập Nhị thiên. Sau khi xả thọ mạng, sinh lên cõi trời Thắng Biển Quang.

Lúc ấy có các chúng sanh sinh trong nước: Các loại ba ba, cá, rùa...đều sinh tâm từ, không ăn nuốt lẫn nhau, chỉ ăn rong rêu và cỏ trên đất. Nếu chết tự nhiên mới lấy mà ăn, chỉ để khỏi chết đói, không muốn hại đó. Không có giới sân khuể, không có giới ý bức nã, lúc ấy sinh trưởng; sinh các tâm thiện, sinh tâm ái niệm. Do hậu báo của thiện nghiệp kiếp xưa, sau khi bỏ thọ mạng, sinh trong cõi người. Sinh trong cõi người rồi, tư duy về lỗi họa của năm trần và thô động của hạ giới, công đức vi diệu của vô giác, quán định, tu tập Nhị thiên. Sau khi bỏ mạng, sinh lên cõi trời Thắng Biển Quang.

Lại có các chúng sinh đi trên đất: Các loài sư tử, hổ, báo, chồn, cáo...đều sinh tâm từ, không ăn nuốt nhau, đói thì ăn cỏ non, khát thì uống nước suối. Nếu tự chết thì mới ăn thịt, chỉ để khỏi chết đói, không muốn giết hại đó. Tự trai, không có giới sân, không có giới ý bức nã, lúc đó sinh các tâm thiện, sinh tâm ái niệm. Do hậu báo của nghiệp thiện kiếp xưa, sau khi bỏ thọ mạng, sinh trong cõi người. Sinh trong cõi người rồi, tư duy về lỗi họa của năm dục trần và sự thô động của hạ giới, công đức vi diệu của vô giác, quán định, tu tập Nhị thiên. Sau khi bỏ thọ mạng, sinh lên cõi trời Thắng Biển Quang.

Tất cả đường ngạ quỷ lại ái niệm nhau, trọn đều sinh thiện, đều như nói ở trên. Sau khi bỏ thọ mạng được sinh trong cõi người. Sinh trong cõi người rồi, tư duy về lỗi họa của năm dục trần, quán vô giác, quán định, tu tập Nhị thiên. Sau khi bỏ thọ mạng, sinh lên cõi trời Thắng Biển Quang.

Đường A-tu-la cũng lại như vậy.

Lúc ấy người Tây Cù-Da-Ni nếu ở quốc độ ấy tu tập Nhị thiên, nếu đắc Nhị thiên ở đó thì từ đó mà sinh lên cõi trời Thắng Biển Quang; nếu đến Diêm-Phù-Đề thọ sinh mà đắc được Nhị thiên thì cũng sinh lên cõi trời Thắng Biển Quang.

Người Đông Tì-Đề-Ha, hoặc ở đó tu tập Nhị thiên thì từ đó mà sinh lên chỗ cõi trời Nhị thiên. Nếu lại Diêm-Phù-Đề tu tập Nhị thiên thì cũng từ đây mà sinh lên chỗ cõi trời Nhị thiên.

Người Bắc Uất-Đan-Việt sau khi xả thọ mạng, sinh lên sáu cõi trời Dục, hoặc sẽ ở đó tu tập Nhị thiên, rồi sinh lên Nhị thiên; hoặc từ sáu cõi trời Dục sinh xuống Diêm-Phù-Đề, tu tập Nhị thiên rồi cũng sẽ sinh lên cõi trời Thắng Biển Quang.

Lúc bấy giờ các vị trời Tứ Đại Thiên Vương, Tam Thập Tam, Dạ-Ma, Đâu-Suất-Đà, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại, Thập Thiên Hành, Phạm Chúng, hoặc ở tại cõi trời đó tu tập Nhị

thiên, xả thọ mạng rồi sẽ sinh cõi trời Thắng Biển Quang. Hoặc từ các cõi trời ấy sinh lại Diêm-Phù-Đề tu tập Nhị thiên, rồi cũng sẽ sinh lên cõi trời Thắng Biển Quang.

Tì-khuru! Lúc đó tất cả địa ngục trọn đều trống rỗng, tất cả đường súc sinh cũng trọn trống rỗng, tất cả đường ngạ quỷ cũng trọn trống rỗng, tất cả đường A-tu-la cũng lại trống rỗng.

Tây Cù-Da-Ni, Nam Diêm-Phù-Đề, Đông Tì-Đề-Ha, Bắc Uất-Đan-Việt đều trống rỗng.

Tứ Thiên Vương thiên, Tam Thập Tam thiên, Dạ-Ma thiên, Đâu-Suất-Đà thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên, Phạm Tiên Hành thiên, Phạm Chúng thiên đều trống rỗng.

Lúc ấy tất cả chúng sinh trong trong một nghìn thế giới trọn đều trống rỗng, chỉ có Đại Phạm vương tồn tại.

Nhân duyên như vậy, lần lượt như vậy, tất cả chúng sinh thế giới trọn đều tán hết.

Trong thời gian như thế, mười tiểu kiếp đã qua. Tì-khuru! Lúc đó khí thế giới thứ hai tán hoại, theo trình tự bốn đại tán hoại, hỏa tai tán hoại.

Lúc đó trong một thời gian dài trời không đổ mưa, một giọt chẳng rơi. Không mưa đã lâu rồi, trong Diêm-Phù-Đề cỏ cây lá thuốc tất cả hạt mầm cùng lúc héo khô, tiếp đó cháy sạch, không sinh trở lại.

Tì-khuru! Tất cả pháp hữu vi như vậy, vô thường, chẳng hằng, không chỗ an tức, ngăn ngại biến khác và phá hoại, không thể cứu tế, không phải chỗ nương chân thật, không phải chỗ bóng mát để nương.

Tì-khuru! Do nghĩa này, nên pháp hữu vi rất đáng chán, là tai họa, nên phải lìa dục, nên phải vứt bỏ.

Tì-khuru! Qua một thời gian dài, có lúc như thế này, có hai mặt trời xuất hiện trong thế gian, tương tròn sáng nóng gấp bội mặt trời cũ. Do mặt trời này nên trong Diêm-Phù-Đề, tất cả ao chuôm và sông hồ nhỏ trọn đều cạn kiệt, không có trở lại.

Tì-khuru! Tất cả pháp hữu vi vô thường như vậy, đầy đủ như nói ở trên, cho đến nên phải vứt bỏ.

Lại nữa, Tì-khuru! Qua thời gian dài, có lúc như thế này: Có mặt trời thứ ba tiếp theo xuất hiện nơi thế gian, tương tròn nóng sáng gấp bội mặt trời thứ hai. Do mặt trời này nên trong Diêm-Phù-Đề, sông hồ lớn, sâu trọn đều cạn kiệt, không có lại nữa.

Tì-khuru! Tất cả pháp hữu vi vô thường như vậy, đầy đủ như trên nói, cho đến phải nên vứt bỏ.

Tì-khuru! Qua thời gian dài, mặt trời thứ tư tiếp theo xuất hiện nơi thế gian, tương tròn nóng sáng gấp bội mặt trời thứ ba. Do mặt trời này nên trong Diêm-Phù-Đề, ao A-Na-Bà-Đạt, ao Nan-Đà, sông Thất Lâm Giang và bốn sông lớn, những ao và sông lớn nhất, sâu nhất dòng chảy xiết và gập biển như thế, trọn đều cạn kiệt, không lại có nữa.

Tì-khuru! Tất cả pháp hữu vi vô thường như vậy, đầy đủ như trên nói, cho đến phải nên vứt bỏ.

Tì-khuru! Qua thời gian dài, mặt trời thứ năm tiếp theo xuất hiện, tương tròn sáng nóng gấp bội mặt trời thứ tư. Do mặt trời này nên nước biển trong ngoài giảm đi một trăm do-tuần, tiếp theo giảm hai trăm, ba trăm, bốn trăm cho đến một nghìn do-tuần, nước biển giảm sút. Tiếp theo giảm hai nghìn, ba nghìn, bốn nghìn cho đến một vạn. Tiếp theo giảm hai vạn cho đến sáu vạn do-tuần, thủy giới giảm trọn.

Tì-khuru! Có thời như thế này: Nước biển còn lại hoặc sáu đa-la, hoặc bảy đa-la, hoặc tám đa-la, hoặc năm đa-la, hoặc bốn, hoặc ba, hoặc hai, hoặc một đa-la. Tì-khuru, có lúc như thế này, nước biển còn lại hoặc sáu tầm, lần lượt như giảm như vậy cho đến một tầm.

Tì-khuru! Có thời như thế này: Nước biển còn lại chỉ đến ngang cổ người, hoặc nách, hoặc ngực, hoặc eo, hoặc rốn, hoặc đùi gối, hoặc cổ chân, mắt cá.

Tì-khuru! Có lúc như vậy: Nước biển còn lại không ngập lóng tay.

Tì-khuru! Tất cả pháp hữu vi vô thường như vậy, đầy đủ như trên nói, cho đến phải nên vứt bỏ.

Tì-khuru! Qua thời gian dài, lần lượt đến mặt trời thứ sáu xuất hiện nơi thế gian, tương tròn sáng nóng gấp bội mặt trời thứ năm. Do mặt trời này, nên đại địa của thế giới, trong ngoài biển lớn, núi chúa Tu-Di bắt đầu bốc khói. Khói phủ che khắp, ví như lò nung bắt đầu phun khói, khói tụ che khắp đại địa, đại hải và núi Tu-Di. Khói phủ do mặt trời thứ sáu che khắp cũng lại như thế.

Tì-khuru! Tất cả pháp hữu vi vô thường như vậy, đầy đủ như trên nói, cho đến phải nên vứt bỏ.

Tì-khuru! Qua thời gian dài, lần lượt lại xuất hiện mặt trời thứ bảy, tương tròn sáng nóng gấp bội mặt trời thứ sáu. Do mặt trời này nên đại địa trong ngoài biển lớn và núi chúa Tu-Di đều phát lửa rực, cùng một lúc đồng nhiên chung thành một biển lửa. Qua thời gian dài dừng trụ chẳng tắt.

Tì-khuru! Núi chúa Tu-Di này bị lửa lớn thiêu thông thành một lửa. Thiêu thời gian lâu, đỉnh núi mới một trăm do-tuần bị phá nát, hoặc hai trăm, ba trăm cho đến một nghìn do-tuần sụp đổ vỡ nát cũng lại như vậy.

Lúc ấy trong ngoài tứ đại, tất cả lửa tự nhiên mà phát. Thế giới, trời, đất thiêu nóng phát lửa hực thành một tính lửa, vì thế của lửa hút thủy luân bên dưới. Ví như cái mâm đồng bị lửa thiêu nóng để trong chỗ nước cạn, hút sạch hết nước, thế giới lửa lớn thành một tính lửa hút thủy luân cũng lại như vậy. Ví như tô dầu bị lửa đốt trọn đều cháy sạch, chẳng còn tàn tro. Như thế đại địa trong ngoài biển lớn và núi chúa Tu-Di đều bốc lửa hực, cùng lúc đồng nhiên thông thành một lửa, tất cả thiêu sạch, chẳng còn tro tàn cũng lại như thế.

Lúc ấy địa luân đều hết sạch, hai luân thủy và phong cũng đều bị đốt hết. Lửa bốc lên trên từ thủy luân mà khởi, cho đến chỗ của Đại Phạm vương. Lúc ấy Đại Phạm vương xả bỏ thọ mạng và nơi ở, sinh lên cõi trời Thắng Biển Quang. Khi ấy cung điện với chu vi rộng lớn, ánh sáng đáng yêu, xem không biết chán, thuần sắc trắng vi diệu tinh khiết một lúc cháy sạch, không lại có nữa. Nơi ở của Phạm Vương, xưa nay pháp như vậy, cho nên do lửa...mà bị diệt.

Thời gian lâu như vậy, tất cả khí thế giới bên ngoài đều tán hoại sạch. Thời gian lâu như vậy, đã trải qua hai mươi tiểu kiếp. Lại hai mươi tiểu kiếp nữa tiếp tục, trong đó nơi một nghìn thế giới trống rỗng, giống như hang tối mà không có che đậy bên trên, trụ hai mươi tiểu kiếp.

Phật nói: Tì-khuru, Lúc ấy thế giới lại muốn khởi thành, pháp thế gian như vậy, khi thế giới bắt đầu khởi, nếu có chúng sinh đã sinh trưởng nghiệp thì có thể chiêu cảm quả báo Đại Phạm. Xả báo trước rồi, lại nhập trung ấm.

Nhân bốn đại hòa hợp ở cõi Sắc, cung điện của Đại Phạm tự nhiên mà khởi, trắng sạch sáng trong, che khuất nơi khác, sắc tướng đầy đủ, xem không biết chán, là chỗ ở yêu thích, chưa có ai ở.

Các chúng sinh này, xưa đã tạo nghiệp, có thể chiêu cảm bốn đại ở sắc giới và sắc pháp được tạo bởi bốn đại. Nhân nghiệp xưa và bốn đại của cõi sắc, cung điện liền thành tự. Bốn đại của cõi Sắc với cung điện này cũng là nhân, cũng là duyên nghiệp được tạo kiếp xưa chỉ là tăng thượng duyên.

Phật nói: Tì-khuru! Chỗ ở của Đại Phạm Vương có nhân, có duyên như vậy mà khởi được, thành được. Pháp xưa nay như vậy, do nhân duyên khởi. Chỗ ở của Phạm Vương này lớn như một tứ thiên hạ.

Lúc ấy Phạm Vương trong trung ấm, thấy chỗ này, khởi tâm yêu thích mong muốn: Ta nay sẽ ngồi trong đây. Ngay khi ái khởi liền thọ sinh trong đó. Ở một mình trong đó đủ mười tiểu kiếp, hí lạc làm món ăn, ý sinh hóa thân, tự nhiên quang minh, tự tại mà trụ.

Qua mười kiếp rồi, Phạm Vương khởi tâm thích muốn, khởi tâm bất an, nghĩ như thế này: Chỉ nguyện các chúng sinh khác đến ở cùng ta.

Lúc đó Phạm Vương nguyện như vậy rồi, chúng sinh của Nhị thiên hết nghiệp, xả thọ rồi, lụi lại mà thọ sinh, đồng loại với Phạm Vương. Các chúng sinh này thấy Đại Phạm Vương ấy xưa nay ở một mình, bèn chấp như thế này: Ta xưa sinh lên đã thấy người này đoan nhiên ở một mình, nay từ trên xuống, cũng thấy ở một mình với xưa không khác. Lại khởi chấp này: Người này là Phạm, người làm, người sinh ra, là đấng tôn thỉ đệ nhất, chúng sinh được tạo ra là do người này mà thành. Thần lực tự tại. Là Cha thứ nhất, bậc đã sinh, sẽ sinh. Chúng ta hôm nay từ đó mà sinh. Tại sao như thế? Ta từ xưa đến nay thấy vị ấy ở đây, một mình sinh ra trước hết.

Lúc đó Phạm Vương nghĩ thế này: Ta thấy Đại Phạm tác giả, sinh giả, là tôn thỉ nhất, chúng sinh được tạo ra là do ta mà thành, thần lực tự tại. Đã sinh, sẽ sinh ta đều là cha của họ. Tất cả thế gian đều do ta hóa sinh ra. Tại sao như vậy? Do ta ngày trước khởi tâm như thế này: Nguyện các chúng sinh khác lại ở cùng ta. Ứng với nguyện tâm của ta, liền sinh lại. Ta trước ở đây, thấy họ sinh lại.

Đại Phạm Vương này thọ mạng rất dài hơn so với các chúng sinh khác, hình sắc tối thắng, có danh xưng lớn, có thần thông lớn và uy đức lớn. Các Phạm Chúng khác thọ mạng ngắn hơn, hình sắc, danh xưng, thần lực, uy đức đều không sánh bằng. Đất nơi ở của Đại Phạm, tất cả Phạm Chúng lần lượt đầy khắp

Bản tính pháp như vậy, khi thế giới ứng khởi, nhân tứ đại của cõi Sắc và sắc được tạo bởi tứ đại, độc trụ Phạm Thiên cung điện và đất tự nhiên hiện khởi, thuần sắc trắng, vi tế tịnh khiết, quang minh đáng yêu, người xem không chán, chưa có người ở.

Những chúng sinh xưa đã tạo nghiệp, có thể chiêu cảm được chỗ ở thắng diệu đáng yêu. Nhân nghiệp xưa nên chiêu cảm bốn đại và sắc được tạo bởi bốn đại của cõi Sắc. Nhân nghiệp xưa và bốn đại của cõi sắc, cung điện liền thành. Tứ đại của cõi Sắc với cung điện này vừa là nhân, vừa là duyên, nghiệp đã được tạo xưa chỉ là tăng thượng duyên.

Phật nói: Tì-khuru, chỗ ở của Phạm Tiên Hành này có nhân có duyên mà được khởi, được thành. Pháp xưa nay vốn như thế, do nhân duyên mà khởi, chỗ ở của trời Phạm Tiên Hành, lần lượt tất cả các Phạm Tiên Hành thiên đầy khắp.

Tính pháp vốn như thế, khi thế giới ứng khởi, nhân bốn đại và sắc được tạo bởi bốn đại của cõi Dục, cung điện và chỗ ở của cõi trời Tha Hóa Tự Tại tự nhiên khởi hiện, được làm thành bởi bốn báu: Vàng, bạc, lưu ly và pha lê kha, tỏa sáng đáng yêu, người xem không chán, chưa có người ở.

Các chúng sinh này, xưa đã tạo nghiệp có thể chiêu cảm chỗ ở thắng diệu đáng yêu. Nhân nghiệp xưa nên có thể chiêu cảm bốn đại và sắc được tạo bởi bốn đại của cõi Dục. Lại, nhân nghiệp xưa và bốn đại cõi Dục nên cung điện liền thành. Bốn đại cõi Dục với cung điện này cũng nhân cũng duyên, nghiệp được tạo xưa chỉ là tăng thượng duyên.

Phật nói: Tì-khuru! Cung điện Tha Hóa Tự Tại có nhân có duyên như vậy mà được thành. Xưa nay pháp vốn như vậy, do nhân duyên mà khởi. Chỗ của Tha Hóa Tự Tại Thiên này, tất cả chư Thiên lần lượt đầy khắp.

Tính pháp vốn như vậy, khi thế giới ứng khởi, nhân bốn đại và sắc được tạo bởi bốn đại, cung điện và đất của Hóa Lạc thiên tự nhiên khởi hiện. Được làm thành bởi bốn báu: Vàng, bạc, lưu ly và pha lê kha, ánh sáng đáng yêu, người xem không chán, chưa có người ở.

Các chúng sinh này, xưa đã tạo nghiệp có thể chiêu cảm chỗ ở thắng diệu đáng yêu. Nhân nghiệp xưa nên có thể chiêu cảm bốn đại và sắc được tạo bởi bốn đại của cõi Dục. Lại nhân nghiệp xưa và bốn đại cõi Dục, cung điện liền thành. Bốn đại cõi Dục với cung điện này cũng nhân cũng duyên, nghiệp được tạo xưa chỉ là tăng thượng duyên.

Phật nói: Tì-khuru! Chỗ Hóa Lạc thiên có nhân có duyên như vậy mà khởi được, thành được. Xưa nay pháp vốn như vậy, do nhân duyên khởi chỗ ở của Hóa lạc thiên này. Tất cả chư Thiên lần lượt biến mãn.

Tính pháp vốn như vậy, khi thế giới ứng khởi, nhân bốn đại và sắc được tạo bởi bốn đại, cung điện và chỗ ở của Đâu-Suất-Đà thiên tự nhiên khởi hiện; được làm thành bởi bốn báu: Vàng, bạc, lưu ly, pha lê kha; ánh sáng đáng yêu, xem không chán, chưa có người ở.

Các chúng sinh này, xưa đã tạo nghiệp có thể chiêu cảm chỗ ở thắng diệu đáng yêu. Nhân nghiệp xưa nên có thể chiêu cảm bốn đại và sắc được tạo bởi bốn đại; lại nhân nghiệp xưa và bốn đại cõi Dục, cung điện liền thành. Bốn đại của cõi Dục với cung điện này cũng nhân cũng duyên, nghiệp được tạo xưa chỉ là duyên tăng thượng.

Phật nói: Tì-khuru! Cung điện và đất của Đâu-Suất-Đà thiên có nhân có duyên mà khởi được, thành được như vậy. Xưa nay pháp vốn như vậy, do nhân duyên khởi, chỗ ở của Đâu-Suất-Đà thiên này. Tất cả chư Thiên lần lượt đầy khắp.

Tính của pháp vốn như vậy, khi thế giới ứng khởi, nhân bốn đại và sắc được tạo bởi bốn đại của cõi Dục, cung điện Dạ-Ma thiên và chỗ ở trời tự nhiên khởi hiện; được làm thành bởi bốn báu: Vàng, bạc, lưu ly, pha lê kha; ánh sáng đáng yêu, nhìn không chán, chưa có người ở.

Các chúng sinh này, xưa đã tạo nghiệp có thể chiêu cảm chỗ ở thắng diệu đáng yêu. Nhân nghiệp xưa nên có thể chiêu cảm bốn đại và sắc được tạo bởi bốn đại; lại nhân nghiệp xưa và bốn đại cõi Dục, cung điện liền thành. Bốn đại cõi Dục với cung điện này cũng nhân cũng duyên, nghiệp được tạo xưa chỉ là duyên tăng thượng.

Phật nói: Tì-khuru! Chỗ Dạ-Ma thiên có nhân, có duyên như vậy mà khởi được, thành được. Pháp xưa nay vốn như vậy, do nhân duyên khởi. Chỗ ở của trời Dạ-Ma này, tất cả chư Thiên lần lượt đầy khắp.

Lúc ấy Dạ-Ma thiên nhớ lại thế giới thời xưa, như người nhớ sự việc trong mộng, như đắc thần thông nhớ sự việc thời xưa, Dạ-Ma thiên này nhớ thế giới xưa cũng lại như thế.

Lúc ấy chư Thiên nghĩ thế này: Ta nay nên đến xem hạ giới kia. Nghĩ như thế rồi, cùng nói với nhau rằng: Chúng ta cùng đi xem xứ sở kia. Các vị trời khác đáp: Tôi nay cùng đi.

Lúc ấy mỗi người kết bạn lữ đầy khắp mà đi. Hoặc nói thế này: Ngày xưa chỗ này có núi chúa Tu-Di, trong chỗ này là thiên thành Thiện Kiến, chỗ này là ao báu Nan-Đà, chỗ này là vườn báu Nan-Đà, chỗ này là ao Chấ-Đa-La và vườn Chấ-Đa-La Chúng Xa, chỗ này là ao Ác Khẩu và vườn Ác Khẩu, chỗ này là ao Tạt Hoa và vườn Tạt Hoa, chỗ này là Ba-La cảnh giới Chấ-Đa-La sâu bốn ức tám vạn do-tuần, rộng mười hai ức ba nghìn bốn trăm năm mươi do-tuần, chu vi ba mươi sáu ức một vạn ba trăm năm mươi do-tuần, là lượng cùng cực, không lớn hơn.

Trên thủy luân này có địa giới gọi là Đại Vị. Kiếp sơ chiêu cảm mà khởi, ngày đêm thêm dày và cứng một chút, ví như khi nấu sữa mà ngưng lạnh, lớp váng phủ dày che bên trên. Địa giới Đại Vị lúc bắt đầu khởi cũng lại như vậy. Địa đại giới này luôn luôn tăng trưởng, cho đến mãi mãi đầy đủ, đều trọn rất ráo. Dày hai ức bốn vạn do-tuần, rộng mười hai ức ba nghìn do-tuần. Đây là lượng trụ cùng cực, không dài hơn.

Phía dưới của đất này một ức sáu vạn đều được làm thành bởi chân kim. Tám vạn còn lại phía trên được bảy giới: Vàng, bạc, đồng, thiếc...pha trộn làm thành.

Lúc ấy địa giới mềm mại tùy theo sự, ví như bùn ẩm, sinh tồ, bột mịn, mềm mại tùy sự cũng thế.

Chính giữa của địa luân này, vì nghiệp duyên tăng thượng của chúng sinh, nên bốn phía gió thổi đào thành biển ở trong, khởi núi Tu-Di. Có gió chuyển đất, có gió tụ thành, có gió phương chính làm hình núi Tu-Di. Có phong khởi bốn đỉnh núi Tu-Di, đào hào của thành Thiện Kiến, mở thành Thiện Kiến, đào thành ao Nan-Đà, làm vườn Nan-Đà, ao Chấ-Đa-La, vườn Chấ-Đa-La, vườn ao Chúng Xa, vườn Ác Khẩu, ao Ác Khẩu, ao Tạt Hoa, cây Ba-Lợi Chấ-Đa-La và vườn Câu-Tì-La, biển Do-Càn-Đà, núi Do-Càn-Đà, biển Y-Sa-Đà, núi biển Khư-La-Tì, núi biển Thiện Kiến, núi biển Mã nhĩ, núi biển Tì-Na-Đa, núi biển Ni-Dân-Đà và trung gian bốn châu thiên hạ. Đất đào thành châu, biển khởi Thiết Vi sơn. Cây

Như Thị và vườn Câu-Tì-La-La. Trong đây xưa có đá Bàn-Trụ-Kiểm-Bà-La-Bảo. Trong đây xưa có Thiện Pháp Đường. Trong đây thời xưa có nội đại hải. Trong đây có núi Du-Càn-Đà và biển Du-Càn-Đà. Trong đây có núi Y-Sa-Đà và biển Y-Sa-Đà. Trong đây có núi Khur-La-Đế và biển Khur-La-Đế. Trong đây có núi Thiện Kiến và biển Thiện Kiến, có núi Mã Nhĩ và biển Mã Nhĩ. Trong đây có núi Tì-Na-Đa và biển Tì-Na-Đa. Trong đây có núi Ni-Dân-Đà và biển Ni-Dân-Đà. Trong đây có bốn thiên hạ, các châu trung gian và biển lớn bên ngoài. Trong đó có núi Câu-Kha-Bà-La.

Dạ-Ma thiên này thân hình lớn nhất, phi hành nhanh chóng. Do vì phi hành nhanh chóng nên kích động phong luân khởi. Do phong luân này là căn bản của phong luân Na-La-Diên. Phong này luôn luôn khởi trưởng cho đến mãi mãi đầy đủ, tất cả cứu cánh, sâu chín ức sáu vạn do-tuần, rộng mười hai ức ba nghìn bốn trăm năm mươi do-tuần, chu vi ba mươi sáu ức một vạn ba trăm năm mươi do-tuần, lượng này là cuối cùng, trụ mà không lớn hơn.

Gió này cứng mạnh, vật chẳng thể lọt vào. Nếu ai có lực Na-La-Diên, cầm gậy kim cương ngăn phong luân này thì gậy trở lại tự gãy nát mà phong luân không tổn hại. Tiếp đó, không trung ở phía trên của phong luân mưa, giọt lớn như nhà lâu lớn, hoặc như trục xe hoặc như bánh xe, ngày đêm chẳng dứt giống như thác đổ vô số nghìn năm. Thủy giới này tụ chu viên. Có gió gọi là Nhiếp Trì, ngày đêm hằng khởi trưởng, khiến cho nước chẳng tán. Thủy giới luôn luôn nổi lên cho đến mãi mãi đầy đủ, đều được cứu cánh. Khởi thành thế giới là được chiêu cảm bởi nghiệp xưa, được làm thành bởi lực của gió. Lại có gió khác quay tròn mà khởi thành.

Tây Cù-Da-Ni và Đông Phất-Bà-Đề lại có gió khác, mà thành bốn phương bốn góc. Bắc Uất-Đan-Việt lại có gió khác, mà thành như bán tì-bà. Nam Diêm-Phù-Đề, nếu gió thành núi, lần lượt chính thượng thì núi ắt có đỉnh, nếu gió khi khởi hoặc chính giữa hoặc bên cạnh thì hình tướng núi được thành sẽ hoặc bằng phẳng hoặc cao vút. Lại có gió thổi mà một bên thì nhanh một bên chậm, hình tướng núi được thành sẽ một bên lõm một bên bằng phẳng. Nếu khi gió nổi âm thanh thâm nhập, lại trở ra thì thế núi được hình thành sẽ có cao ngút và có hang động. Nếu tướng của gió lùa sâu xuống dưới không có trở ra thì trong núi ắt rỗng.

Do gió này nên đất được khởi thành của bốn châu thiên hạ hoặc thấp hoặc cao, có chỗ hiển hiện cao tám vạn do-tuần, có chỗ rất thấp, sâu bốn vạn do-tuần. Lại có nơi khác cao bốn vạn do-tuần, sâu hai vạn do-tuần. Lại có nơi khác cao hai vạn do-tuần, sâu một vạn do-tuần. Lại có nơi khác cao một vạn do-tuần, sâu năm nghìn do-tuần. Lại có nơi khác cao năm nghìn do-tuần, sâu hai nghìn năm trăm do-tuần. Lại có nơi khác cao hai nghìn năm trăm do-tuần, sâu một nghìn hai trăm năm mươi do-tuần. Hoặc lại có nơi cao một nghìn hai trăm năm mươi do-tuần, sâu sáu trăm hai mươi lăm do-tuần. Hoặc lại cao sáu trăm hai mươi lăm do-tuần, sâu ba trăm mười hai do-tuần rưỡi. Do nhân duyên này tất cả khí thế giới khởi tác đã thành.

Lúc này hai loại giới nổi lên tăng trưởng, là địa và hỏa. Mưa và gió nổi lên thổi lửa bốc lên luyện địa giới. Phong giới luôn luôn khởi thổi tất cả vật khiến cho thành cứng thật. Đã cứng thật rồi thời các chủng loại báu xuất hiện. Khi đã hiển hiện rồi, trời đổ mưa ngọt, giọt lớn như lâu, dần dần nhỏ như bánh xe, cho đến như trục xe, hoặc như sợi vọt vô số nghìn năm, đầy khắp các hào của thành Thiện Kiến và ao Nan-Đà, ao Chúng Xa, ao Ác Khẩu, ao Tạp Hoa, Biển lớn bên trong, biển Do-Càn-Đà, biển Khur-Sa-Đà, biển Khur-La-Đế, biển Thiện Kiến, biển Mã Nhĩ, biển Tì-Na-Đa, biển Ni-Dân-Đà, đất các châu trung gian của bốn thiên hạ, biển lớn bên ngoài. Do nhân duyên này nước của tất cả thế giới đều đầy khắp.

Ở nơi cõi trời Đạo-Lợi và cõi trời Tứ Thiên Vương xả báo trên trời sẽ thọ sinh trong đây. Lại có chư Thiên thọ mạng và phúc đức hết, từ trên trời đọa xuống bốn thiên hạ, thọ sinh trong nhân đạo.

Lúc đó con người lấy hỉ lạc làm món ăn, nướng hỉ lạc mà trụ. Ý sinh hóa thân ánh sáng an lạc, chưa có ngày và đêm, chưa phân biệt năm tháng và bốn mùa tám tiết. Không có sự khác nhau của nam, nữ, cũng không có cha mẹ, anh em, chị em, chồng vợ, con cái, không người hầu, chẳng chủ, luôn luôn thọ dụng tự tại an lạc. Chưa có họ và tên chúng sinh.

Lúc ấy thủy giới giảm đi một chút, dòng chảy xuống chỗ thấp. Lúc ấy biển lớn làm tăng, làm giảm mở đường nguồn sông. Ở chỗ nước giảm có đất mỡ xuất hiện rất ngon rất ngọt sinh trưởng che phủ trên đất, sắc hương vị xúc đáng yêu đầy đủ, như mật ong tinh tế không đắng, chẳng chua cay, vị ngon của đất mỡ cũng lại như vậy.

Lúc ấy hương của vị ngon sung mãn, thời có một người ngửi mùi hương này, khởi tâm tham trước. Khởi tâm muốn rồi, lấy ngón tay quệt đại vị mà ngửi và thưởng thức. Biết ngon ngọt như mật ong tinh tế mà ăn. Người khác thấy người này ăn ngon không chán, cùng chuyền nhau ăn.

Lúc ấy mọi người ăn vị của đất rồi, thân cứng nặng thêm một chút. Từ đó trở đi không thể phi hành trong không trung như trước. Lúc ấy ánh sáng đáng yêu của thân bị mất, tối đen sinh trở lại.

Pháp xưa nay vốn như vậy. Khi bốn thiên hạ bị đen tối che phủ, hai vàng mặt trời, mặt trăng xuất hiện nơi thế gian. Mặt trời mặt trăng xuất hiện rồi, tiếp theo các sao hiện. Tinh tú. Tinh tú hiện rồi, có phân ngày đêm. Phân ngày đêm rồi, nửa tháng, một tháng làm thời gian hiển hiện. Nửa tháng, một tháng đã hiển hiện rồi, bốn mùa tám tiết và năm đều đầy đủ.

Nhiều thời gian như vậy thế gian khởi thành, nhiều thời gian như vậy -sáu mươi tiểu kiếp rồi đã qua. Lúc đó chúng sinh ăn vị của đất này, nướng vị của đất mà trụ rất lâu thời tiết. Trong đó những chúng sinh ăn nhiều vị đất hơn thì hình dung xấu xí hơn, ít uy đức và thần lực tự tại. Do nhân duyên này, tất cả chúng sinh sắc hình kém hơn. Do sự kém hơn này mà sinh tâm hơn kém. Do tâm hơn kém ấy mà nói thế này: Ta nay hơn người, người chẳng bằng ta. Lúc ấy pháp ác bắt đầu đi trong thế gian. Do vì tâm hơn kém nên sắc hương vị của đất bị mất đi. Lúc ấy mọi người hoà hợp tụ tập, ưu não khổ não, khóc than lớn tiếng: Than ôi! ác pháp đã xuất hiện nơi thế gian. Do sắc hình nên kiêu mạn hủy nhục người khác. Do ác pháp này mà mất đi sắc hương bất khả tư nghì của vị ngon thù thắng của chúng ta.

Khi ấy mọi người ăn vị ngon khác, nghĩ và nói thế này: Than ôi! Tợ như vị của đất mà ta ăn hồi trước. Tìm nhớ bi nào. Câu này đến nay đều đã quên mất, không ai còn nhớ nguồn gốc lời nói ấy.

Vị ấy mất rồi, lại có vị khác gọi là Bạch Địa Bì. Sắc, hương, xúc, vị trọn đều ngon đẹp như mật ong tinh khiết. Lúc ấy con người trọn đều lại mà ăn. Nướng vào ăn uống mà trụ được lâu dài. Trong đó những ai vì vị của món ăn nên ăn nhiều Địa Bì, thời hình dung thô xấu, uy đức mong manh và ít thần thông. Trong đó những chúng sinh nào ăn ít vị, thời hình sắc đáng yêu, thân có uy đức, lực thần thông tự tại. Do nhân duyên này nên tất cả chúng sinh có sắc hình hơn kém. Nhân vì sự hơn kém này mà sinh tâm hơn thua. Do tâm hơn thua này nên nói như thế này: Ta nay hơn người, người chẳng bằng ta. Do pháp ác này tiếp tục đi trong thế gian, vì so đo hơn thua nên sắc, hương của Địa Bì từ đó mà mất.

LẬP THẾ A-TÌ-ĐÀM HẾT QUYỂN MƯỜI. TRỌN

